

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**




ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ THEO TIẾP CẬN CDIO

Mã số ngành đào tạo: 8.31.01.10

Nghệ An - 2023

MỤC LỤC

1. TRIẾT HỌC.....	3
2. TIẾNG ANH	20
3. CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ HIỆN ĐẠI.....	35
4. KINH TẾ VĨ MÔ NÂNG CAO	46
5. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ XÃ HỘI.....	60
6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ	75
7. KINH TẾ QUỐC TẾ NÂNG CAO	87
8. KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÂNG CAO.....	101
9. KỸ NĂNG QUẢN LÝ	115
10.QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC	126
11.KINH TẾ CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	123
12.QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÔNG	133
13.THỐNG KÊ ỨNG DỤNG.....	144
14.QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	159
15.LÃNH ĐẠO.....	171
16.ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT.....	202
17.PHÁT TRIỂN VÙNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG.....	217
18.QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC.....	233
19.QUẢN LÝ TỔ CHỨC	246
20.QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TOÀN CẦU HÓA.....	261
21.PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI.....	278
22.THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP	279

	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH	ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC	Lần ban hành: 01
			Ngày ban hành:...../...../2023.
			Số trang: 3/19

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: GVCC, PGS, TS Nguyễn Thái Sơn²

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0916152529 Email: sonntgdct@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin; Lịch sử triết học; Logic học; Chính trị học

Giảng viên 2: GVCC, PGS, TS Trần Việt Quang

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 09126271109 Email: quangtv@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin; Lịch sử triết học; Phương pháp giảng dạy triết học

Giảng viên 3: GVC, TS Phạm Thị Bình

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0983551387 Email: binhpt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin; Văn hóa lãnh đạo và quản lý

Giảng viên 4: GVC, TS Nguyễn Văn Sang

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0984980988 Email: sangnv@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin; Lịch sử triết học; Logic học, Phương pháp giảng dạy triết học

Giảng viên 5: GV, TS Lê Thị Nam An

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0911215181 Email: anltn@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Triết học Mác - Lênin; Đạo đức học; Logic học

Giảng viên 6: GV, TS Trương Thị Phương Thảo

Địa chỉ liên hệ: 182 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 0912488444 Email: thaottp@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu: Triết học Mác - Lênin; Văn hóa và đạo đức công vụ; Phương pháp nghiên cứu khoa học.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): TRIẾT HỌC	(tiếng Anh): <i>(Philosophy)</i>
- Mã số học phần: PHS81001	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: <i>Học phần chung cho khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn</i>	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: 04	

+ Số tiết lí thuyết: 40 + Số tiết thảo luận: 20 + Số tiết tự học: 120 + Số tiết thực tế: 00 + Số tiết dạy học dự án: 00	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: {Không} Mã số HP: {Không} + Học phần học trước: {Không} Mã số HP: {Không} + Học phần song hành: {Không} Mã số HP: {Không}	
- Yêu cầu của học phần { <i>giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu</i>): + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%. + Người học phải nộp đầy đủ thảo luận, tiểu luận qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận. + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Bộ môn Triết học, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh Email: khoagdct@vinhuni.edu.vn	

2. Mô tả học phần

- Triết học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chung của các ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn. Học phần được kết cấu thành 8 chương, giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học, bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn, về xã hội và con người. Học phần trang bị kiến thức triết học, bồi dưỡng kỹ năng vận dụng được tư duy biện chứng trong nghiên cứu các học thuyết triết học, hình thành được phẩm chất chính trị, đạo đức trong học tập, nghiên cứu triết học.

- Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (theo QĐ số 1037 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL cần đạt {Mức NL}
1.1.1	Vận dụng được các lý thuyết về triết học, quản trị, quản lý trong nghiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp.	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Vận dụng được tư duy biện chứng, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp.	2,5 {Mức 3}
2.2.1	Tôn trọng và chấp hành đạo đức nghiên cứu và liêm chính học thuật.	2,5 {Mức 3}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.1.1	Giải thích được ảnh hưởng của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam.	1.1.1	5%	2,5 {Mức 3}

1.1.1.2	<i>Giải thích được</i> ảnh hưởng của triết học phương Tây đến đời sống xã hội và con người Việt Nam.		5%	2,5 {Mức 3}
1.1.1.3	<i>Vận dụng được</i> thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào nghiên cứu khoa học xã hội, nhân văn và thực tiễn xã hội.		10%	2,5 {Mức 3}
1.1.1.4	<i>Vận dụng được</i> thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử vào nghiên cứu khoa học xã hội, nhân văn và thực tiễn xã hội.		10%	2,5 {Mức 3}
2.1.1.1	<i>Vận dụng được</i> tư duy biện chứng trong nghiên cứu các học thuyết triết học.	2.1.1	15%	2,5 {Mức 3}
2.2.1.1	<i>Thể hiện được</i> phẩm chất chính trị, đạo đức trong học tập, nghiên cứu triết học.		15%	2,5 {Mức 3}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/ (%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số trong bài	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 40% điểm số học phần)				
A1.1	CLO.2.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	25%	LMS thống
A1.2	CLO.1.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5	75%	Tiểu luận
	CLO.1.1.1.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
	CLO.2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5		
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 60% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.1.1.1.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5	100%	Tự luận
	CLO.1.1.1.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5		

Công thức tính điểm số của học phần:

Điểm TX: $A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 75\%$

Điểm CK: $A2.1 = A2.1 \times 100\%$

Điểm số: $HP = A1 \times 40\% + A2 \times 60\%$

Trong đó, A: điểm học phần; A1.1: điểm đánh giá thái độ, ý thức học tập; A1.2: điểm đánh bài tiểu luận; A2.1: điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần.

4.3. Ma trận bài thi tự luận A2.1

Chuẩn đầu ra CLO	Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.1.3 (50%)	Mức 2 Câu 5 điểm	2		<i>Trình bày được</i> thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện

					chúng vào nghiên cứu khoa học xã hội, nhân văn và thực tiễn xã hội.
	Mức 3		3	1,5	<i>Vận dụng được</i> thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào nghiên cứu khoa học xã hội, nhân văn và thực tiễn xã hội.
1.1.1.4 (50%)	Mức 2	Câu 5 điểm	2		<i>Trình bày được</i> thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử vào nghiên cứu khoa học xã hội, nhân văn và thực tiễn xã hội
	Mức 3		3	1,5	<i>Vận dụng được</i> thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử vào nghiên cứu khoa học xã hội, nhân văn và thực tiễn xã hội
Tổng			10	3	

Bảng quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A.1.1

- Họ và tên học viên:; Ngày sinh: .../...../
- Mã học viên:; Lớp:.....
- Học phần: *Triết học (khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn)*
- Tiêu chí đánh giá:**

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Điểm số đánh giá
CLO.2.2.1.1. Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức trong học tập, nghiên cứu triết học			100%
Tiêu chí 1	Nghe bài giảng SCORM		
	Nghe từ 91% - 100% bài giảng SCORM,		
	Nghe từ 80- 90% bài SCORM		
	Nghe dưới 80% bài SCORM;		
Tiêu chí 2	Tham gia lớp học		
	Tham gia từ 91% - 100% tổng số giờ lên lớp theo quy định		
	Tham gia từ 80% - 90 % tổng số giờ lên lớp quy định		
	Tham gia dưới 80% tổng số giờ lên lớp quy định ...		
Tiêu chí 3	Bài thảo luận		
	Giải quyết tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận; lập luận logic chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục, phản bác được các ý kiến sai trái; rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề thảo luận.		
	Giải quyết khá tốt mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận; lập luận khá chặt chẽ, đưa ra được những minh chứng thuyết phục; rút ra được kết luận khá chính xác đối với vấn đề thảo luận.		
	Giải quyết được một số tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận; lập luận khá chặt chẽ, nhưng chưa đưa ra được minh chứng thuyết phục, chưa thể hiện được khả năng phản bác; một số kết luận chưa hoàn toàn chính xác.		
	Không giải quyết được mục tiêu, nhiệm vụ vấn đề thảo luận; lập luận không rõ ràng; không thể hiện được khả năng tranh luận, phản bác lại các ý kiến sai trái; không đưa ra quan điểm đúng đối với vấn đề thảo luận.		
Điểm tổng kết			.../10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO.2.2.1.1:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A.1.2

- Họ và tên học viên:; Ngày sinh: .../.../.....
- Mã học viên:; Lớp:.....
- Học phần: *Triết học (khối ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn)*
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số	Điểm trình độ năng lực
CLO.1.1.1.1 Giải thích được ảnh hưởng của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam [2.5]			
Tiêu chí 1	Nội dung triết học phương Đông		
	<i>Trình bày đúng, đầy đủ</i> nội dung triết học phương Đông		
	<i>Trình bày tương đối đúng, đầy đủ</i> nội dung triết học phương Đông		
	<i>Trình bày được một số</i> nội dung triết học phương Đông		
	<i>Trình bày chưa chính xác, chưa đầy đủ</i> nội dung cơ bản của triết học phương Đông		
Tiêu chí 2	<i>Giải thích được</i> tác động của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
	<i>Phân tích tốt</i> quá trình du nhập cũng như tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
	<i>Phân tích khá tốt</i> quá trình du nhập cũng như tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
	<i>Phân tích được</i> quá trình du nhập và một số tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
	<i>Phân tích không đầy đủ</i> quá trình du nhập cũng như tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
Tổng điểm CLO.1.1.1			
CLO.1.1.1.2 Giải thích được ảnh hưởng của triết học phương Tây đến đời sống xã hội và con người Việt Nam [2.5]			
Tiêu chí 1	Nội dung triết học phương Tây		
	<i>Trình bày đúng, đầy đủ</i> nội dung triết học phương Tây		
	<i>Trình bày tương đối đúng, đầy đủ</i> nội dung triết học phương Tây		
	<i>Trình bày được một số</i> nội dung triết học phương Tây		

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số	Điểm trình độ năng lực
	<i>Trình bày chưa chính xác, chưa đầy đủ</i> nội dung cơ bản của triết học phương Tây		
Tiêu chí 2	<i>Giải thích được</i> tác động của triết học phương Đông đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
	<i>Phân tích tốt</i> quá trình du nhập cũng như tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Tây đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
	<i>Phân tích khá tốt</i> quá trình du nhập cũng như tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Tây đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
	<i>Phân tích được</i> quá trình du nhập và một số tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Tây đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
	<i>Phân tích không đầy đủ</i> quá trình du nhập cũng như tác động tích cực, tiêu cực của triết học phương Tây đến đời sống xã hội và con người Việt Nam		
Tổng điểm CLO.1.1.1.2			
CLO.2.1.1.1. <i>Vận dụng được</i> tư duy biện chứng trong nghiên cứu các học thuyết triết học [2.5]			
Tiêu chí 1	Phương pháp nghiên cứu		
	<i>Phân tích, đánh giá</i> vấn đề một cách tổng quát, toàn diện, trong xu hướng biến đổi, gắn với điều kiện cụ thể; rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề.		
	<i>Phân tích, đánh giá</i> vấn đề khá toàn diện, trong xu hướng biến đổi, gắn với điều kiện cụ thể; rút ra được kết luận đúng đối với vấn đề.		
	<i>Biết phân tích, đánh giá</i> vấn đề một cách toàn diện, trong xu hướng biến đổi, gắn với điều kiện cụ thể. Rút ra được một số kết luận đúng đối với vấn đề.		
	<i>Chưa đáp ứng yêu cầu</i> , phân tích, đánh giá vấn đề còn phiến diện; rút ra kết luận chưa chính xác.		
Tiêu chí 2	Kết cấu, trình bày, diễn đạt		
	Kết cấu hợp lý, logic; trình bày, diễn đạt tốt.		
	Kết cấu đúng yêu cầu, khá hợp lý, logic; trình bày, diễn đạt tương đối tốt.		
	Kết cấu đúng yêu cầu, nhưng chưa hợp lý, logic; trình bày, diễn đạt khá.		

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số	Điểm trình độ năng lực
	Kết cấu chưa đúng yêu cầu, không hợp lý, logic; trình bày, diễn đạt không theo quy định, thiếu chuẩn xác.		
Tiêu chí 3	Trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo		
	Trích dẫn tài liệu tham khảo đúng quy định, sử dụng tài liệu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.		
	Biết trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo nhưng còn hạn chế.		
	Có trích dẫn, sử dụng một số tài liệu tham khảo nhưng chưa theo quy định, không có nguồn gốc.		
	Hầu như không có trích dẫn, sử dụng tài liệu tham khảo.		
Tổng điểm CLO.2.1.1.1			
Điểm tổng kết			.../10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

- CLO.1.1.1.1:

- CLO.1.1.1.2:

- CLO.2.2.1.1:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học* (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học), Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2014.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Triết học* (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không chuyên ngành Triết học), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2007.

[3] Trần Viết Quang, Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Văn Sang, *Lịch sử triết học*, Nxb Đại học Vinh, 2020.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ	Thời	Hoạt động dạy học	CLO	Bài
----	------------	------	-------------------	-----	-----

	dề/Bài	lượng (tiết)			đánh giá
1	Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC				
	Giai đoạn 1 {trước khi đến lớp}	5	Nghe bài giảng e-learning (LMS). Giới thiệu về triết học và lịch sử triết học: - Khái luận về triết học. - Triết học phương Đông. - Tư tưởng triết học Việt Nam. - Triết học phương Tây.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Đọc giáo trình Triết học, tr7 - tr.57.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung cơ bản của chương 1: I. Khái luận về triết học 1. Triết học và đối tượng của triết học. 2. Vấn đề cơ bản của triết học. 3. Chức năng cơ bản của triết học. II. Khái luận về lịch sử triết học 1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử. 2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông 3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây. 4. Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến. 5. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. 6. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.	CLO.1.1.1.1 CLO.1.1.1.2	A1.2
		1	HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung: - Ảnh hưởng của triết học Phật giáo đến đạo đức, lối sống của con người Việt Nam. - Ảnh hưởng của Nho giáo đến đời sống xã hội và con người Việt Nam. - Tại sao Triết học Tây Âu thế kỷ XVII - XVIII thường mang tính	CLO.1.1.1.1 CLO.1.1.1.2	A1.2

			chất siêu hình? - Thực chất của cuộc cách mạng trong lĩnh vực triết học do Các Mác và Ăngghen thực hiện?		
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập nội dung chương 1: Triết học Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo; triết học Hi Lạp cổ đại; triết học phương Tây thời Phục hưng và cận đại; triết học cổ điển Đức.	CLO.2.2.1.1	A1.1
2	Chương 2: BẢN THỂ LUẬN				
	Giai đoạn 1 { <i>trước khi đến lớp</i> }	5	Nghe bài giảng e-learning (LMS) về Chương 2. - Thế giới quan và thế giới quan khoa học. - Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Đọc giáo trình Triết học, tr.58 - tr.101.		
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung cơ bản của chương 1: 1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây. 2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác- Lênin. 3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	CLO.1.1.1.2 CLO.1.1.1.3	A1.2 A2.1
		1	HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung chương 2: - Nội dung và ý nghĩa định nghĩa vật chất của Lênin. - Mối quan hệ giữa nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội của ý thức? - Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu của nguyên tắc kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn.	CLO.1.1.1.2 CLO.1.1.1.3	A1.2 A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập Chương 2. Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và sự vận dụng nó vào	CLO.2.2.1.1	A1.1

			sự nghiệp đổi mới, phát triển ở Việt Nam hiện nay.		
3	Chương 3: PHÉP BIỆN CHỨNG				
	Giai đoạn 1 {trước khi đến lớp}	5	Nghe giảng e-learning (LMS) về Chương 3. - Khái niệm chung về phép biện chứng. - Nội dung cơ bản của phép biện chứng. - Phương pháp và phương pháp luận.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Đọc giáo trình Triết học tr.102 - tr.172	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung Chương 3. 1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử. 2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản, phạm trù của phép biện chứng duy vật. 3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn.	CLO.1.1.1.3	A1.1 A2.1
		2	HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung chương 3: - Nội dung những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn. - Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.	CLO.1.1.1.3	A1.1 A2.1
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập Chương 3: Phân tích nội dung, yêu cầu của các nguyên tắc toàn diện, lịch sử - cụ thể và phát triển của phép biện chứng duy vật.	CLO.2.2.1.1	A1.1
4	Chương 4: NHẬN THỨC LUẬN				
	Giai đoạn 1 {trước khi đến lớp}	5	Nghe giảng e-learning (LMS) về Chương 4: - Một số vấn đề cơ bản của nhận thức luận. - Các giai đoạn cơ bản của quá	CLO.2.2.1.1	A1.1

			trình nhận thức. - Mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn.		
		5	Đọc giáo trình Triết học tr.173 - tr.231.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung Chương 4. 1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức. 2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng. 3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội. 4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	CLO.1.1.1.3	A2.1
		1	HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung chương 4: - Lý luận là gì? Phân tích đặc điểm cơ bản của lý luận. - Phân tích bệnh kinh nghiệm, giáo điều và biện pháp khắc phục. - Phân tích việc vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.	CLO.1.1.1.3	A2.1
	Giai đoạn 3 {Cũng có kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập Chương 4. - Mối quan hệ biện chứng giữa thực tiễn đổi mới và lý luận đổi mới. Liên hệ với lĩnh vực khoa học XH&NV đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. - Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn; giữa lý thuyết với thực hành; giữa lý thuyết, lý luận với thực tế.	CLO.2.2.1.1	A1.1
5	Chương 5: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI				
	Giai đoạn 1 {trước khi đến lớp}	5	Nghe giảng Elearning (LMS) nội dung Chương 5. - Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội. - Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. - Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. - Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội	CLO.2.2.1.1	A1.1

			và sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên.		
		5	Đọc giáo trình Triết học tr.232 - tr.268	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung Chương 5. 1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại. 2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. 3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	CLO.1.1.1.4	A2.1
		1	HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung chương 5. - Con người có thể lựa chọn quan hệ sản xuất theo ý muốn của mình được không? Vì sao? Liên hệ với công cuộc đổi mới ở nước ta. - Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 3 {Cũng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập Chương 5. - Vai trò phương pháp luận của lý luận hình thái kinh tế - xã hội. - Vận dụng lý luận hình thái kinh tế - xã hội để phân tích con đường đi lên CNXH ở Việt Nam hiện nay.	CLO.1.1.1.4	A2.1
6	Chương 6: TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ				
	Giai đoạn 1 {trước khi đến lớp}	5	Nghe giảng e-learning (LMS) về Chương 6. - Quan điểm của Triết học Mác - Lênin về quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại. - Vấn đề nhà nước và Nhà nước pháp quyền.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Đọc giáo trình Triết học tr.269 - tr.336.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung Chương 6. 1. Các quan niệm về chính trị trong	CLO.1.1.1.4	A2.1

			<p>lịch sử triết học.</p> <p>2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội.</p> <p>3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay.</p>		
		2	<p>HV tham gia thảo luận nhóm dưới sự hướng dẫn của GV về các nội dung Chương 6.</p> <p>- Đấu tranh giai cấp và các hình thức cơ bản của đấu tranh giai cấp.</p> <p>- Tính tất yếu của đấu tranh giai cấp. Liên hệ với thực tiễn Việt Nam hiện nay.</p> <p>- Nguồn gốc, bản chất chức năng của Nhà nước theo quan điểm của Triết học Mác - Lênin.</p>	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 3 { <i>Cũng có kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	<p>Ôn tập Chương 6.</p> <p>- Quan hệ biện chứng giữa lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại.</p> <p>- Những đặc điểm cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.</p> <p>- Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân.</p>	CLO.2.2.1.1	A1.1
7	Chương 7: Ý THỨC XÃ HỘI				
	Giai đoạn 1 { <i>trước khi đến lớp</i> }	5	<p>Nghe giảng e-learning (LMS) về Chương 7:</p> <p>- Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội.</p> <p>- Các hình thái ý thức xã hội.</p>	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	<p>Đọc Giáo trình Triết học tr.337-tr.367</p>	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	<p>Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.</p>	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	<p>GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung chương 7:</p> <p>1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội.</p> <p>2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.</p> <p>3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.</p>	CLO.1.1.1.4	A2.1
		1	<p>HV tham gia thảo luận nhóm dưới</p>	CLO.2.2.1.1	A1.1

			<p>sự hướng dẫn của GV về các nội dung chương 7.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự tác động trở lại của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội? - Tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay? 		
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	<p>Ôn tập Chương 7.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy lý giải, chứng minh ý thức xã hội lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội. - Làm rõ tính vượt trước của ý thức xã hội so với tồn tại xã hội? 	CLO.2.2.1.1	A1.1
8	Chương 8: TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI				
	Giai đoạn 1 { <i>trước khi đến lớp</i> }	5	<p>Nghe giảng e-learning (LMS) về Chương 8:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử. - Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người: <ul style="list-style-type: none"> + Con người là một thực thể sinh vật - xã hội. + Con người là chủ thể của lịch sử. 	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Đọc giáo trình Triết học tr.368 - tr.391.	CLO.2.2.1.1	A1.1
		5	Trao đổi trên diễn đàn qua LMS.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	<p>GV sử dụng các phương pháp dạy học để giới thiệu, luận giải những nội dung Chương 8.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội. + Vấn đề tha hóa lao động và giải phóng con người. 2. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. 3. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. 	CLO.1.1.1.4	A2.1
		2	<p>Thảo luận nhóm, trao đổi trực tiếp về Chương 8:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư tưởng Triết học Phật giáo và Nho giáo về con người. - Quan điểm của Triết học Mác-Lênin về nguồn gốc, bản chất con người. - Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam hiện nay. 	CLO.2.2.1.1	A1.1

			Quan điểm của Đảng về xây dựng con người và nguồn nhân lực cho sự nghiệp CNH - HĐH.		
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập Chương 8. - Một số quan điểm cơ bản triết học về con người trong lịch sử. - Quan điểm triết học Mác - Lênin về vấn đề giải phóng con người. - Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	CLO.2.2.1.1	A1.1
	Bài tiểu luận		Học viên chọn các chủ đề tiểu luận do bộ môn cung cấp	CLO.2.1.1.1	A1.2
	Bài thi kết thúc HP		Tự luận theo ma trận bài A2.1		A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	ĐK để xem KQ thi	

Trưởng đơn vị cấp 2

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 3

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN:
NGOẠI NGỮ**

Lần ban hành: **01**

Ngày ban hành: .../.../2023.

Số trang: **1/8**

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm Ngoại ngữ

Điện thoại:

Email: khoaspnn@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

Giảng viên 2:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Email:

Các hướng nghiên cứu chính:

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): TIẾNG ANH (tiếng Anh): ENGLISH	
- Mã số học phần:	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: <i>Học phần chung cho nhiều ngành</i>	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lí thuyết: 30 + Số tiết thực hành: 15 + Số tiết thực tế: + Số tiết dạy học dự án:	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Mã số HP: + Học phần học trước: Mã số HP: + Học phần song hành: Mã số HP:	
- Yêu cầu của học phần + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%. + Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	

2. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong Chương

trình đào tạo trình độ Thạc sĩ. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (Ngữ pháp, Từ vựng, Ngữ âm) và rèn luyện kỹ năng thực hành Tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) theo các chủ đề. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa, xã hội và sử dụng tiếng Anh làm công cụ nghiên cứu cũng như cải tiến các hoạt động chuyên môn liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL cần đạt
3.2.2	Sử dụng Tiếng Anh ở trình độ trung cấp (cuối bậc 3 - đầu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) để nghiên cứu, thực hiện và cải tiến hoạt động chuyên môn, phục vụ thực tiễn nghề nghiệp.	2,5 (Mức 3)

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
3.2.2.1	Nghe hiểu ý chính, thông tin của bài nói về các chủ đề phức tạp (nội dung và ngôn ngữ) về các vấn đề cụ thể hay trừu tượng liên quan tới cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng chuẩn	3.2.2	25%	2,5 {Mức 3}
3.2.2.2	Đọc hiểu ý chính và nội dung chi tiết các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.		25%	2,5 {Mức 3}
3.2.2.3	Giao tiếp độc lập (Trình bày về ý nghĩa của một sự kiện hay trải nghiệm cá nhân, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng v.v..) về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác;		25%	2,5 {Mức 3}
3.2.2.4	Viết bài chi tiết, rõ ràng, có tính liên kết về các chủ đề quan tâm khác nhau, đưa ra những thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau		25%	2,5 {Mức 3}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực	Trọng số	Hình thức đánh giá
------------------	-------------------------------------	---------------	----------	--------------------

		cần đạt			
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)					
A1.1	CLO.3.2.2.1 (Nghe)	2,5	10%	20%	TNKQ (Thống kê trên LMS)
	CLO.3.2.2.2 (Đọc)	2,5	10%		
A1.2	CLO.3.2.2.3 (Nói)	2,5	15%	30%	Tự luận (Tiêu chí đánh giá)
	CLO.3.2.2.4 (Viết)	2,5	15%		
A1.3	CLO.3.2.2.1 (Nghe)	2,5	25%	50%	TNKQ (Thi trên máy tính)
	CLO.3.2.2.2 (Đọc)	2,5	25%		
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần) (Điểm số, điểm năng lực)					
A2.1	CLO.3.2.2.1 (Nghe)	2,5	15%	65%	Tự luận (Bài thi Viết)
	CLO.3.2.2.2 (Đọc)	2,5	15%		
	CLO.3.2.2.4 (Viết)	2,5	35%		
A2.2	CLO.3.2.2.3 (Nói)	2,5	35%	35%	Vấn đáp

4.2. Ma trận bài thi trắc nghiệm khách quan A1.3

Bảng 1. Ma trận đề thi trắc nghiệm A1.3

CLO		Số câu	Số câu cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu
CLO.3.2.2.1 (50%)	Mức 1	5	3	Nhận biết được nội dung chi tiết trong bài hội thoại về một chủ đề quen thuộc
	Mức 2	5	3	Hiểu được nội dung chính trong bài hội thoại, bài thuyết trình về một chủ đề quen thuộc
	Mức 3	15	7	Suy luận để hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết trong bài hội thoại, bài thuyết trình về một chủ đề quen thuộc, hoặc liên quan đến nghề nghiệp
CLO.3.2.2.2 (50%)	Mức 1	5	3	Nhận biết được nội dung chi tiết trong bài hội thoại về một chủ đề quen thuộc
	Mức 2	5	3	Hiểu được nội dung chính trong bài đọc, nội dung chi tiết (nghĩa của từ trong ngữ cảnh, quy chiếu, v.v..) về một chủ đề quen thuộc
	Mức 3	15	7	Suy luận để hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết (nghĩa hàm ẩn, quy chiếu phức tạp, v.v..) trong bài đọc về một chủ đề quen thuộc, hoặc liên quan đến nghề nghiệp
Tổng		50	26	

4.3. Ma trận bài thi tự luận A2.1

Bảng 4. Ma trận đề thi tự luận A2.1

Chuẩn đầu ra CLO	Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản

3.2.2.1 (15%)	Mức 2 (20%)	MCQ (5 câu)	0,3		Hiểu được nội dung chính trong bài hội thoại, bài thuyết trình về một chủ đề quen thuộc
	Mức 3 (80%)	Gap-fill (10 câu)	1,2	0,6	Suy luận để hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết trong bài hội thoại, bài thuyết trình về một chủ đề quen thuộc, hoặc liên quan đến nghề nghiệp
3.2.2.2 (15%)	Mức 2 (20%)	Cloze test (5 câu)	0,3		Hiểu được nội dung chính trong bài đọc, nội dung chi tiết (nghĩa của từ trong ngữ cảnh, quy chiếu, v.v..) về một chủ đề quen thuộc
	Mức 3 (80%)	MCQ (10 câu)	1,2	0,6	Suy luận để hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết (nghĩa hàm ẩn, quy chiếu phức tạp, v.v..) trong bài đọc về một chủ đề quen thuộc, hoặc liên quan đến nghề nghiệp
3.2.2.3 (35%)	Mức 2 (20%)	Letter/ Email	1,5		Phân biệt được các cấu trúc ngữ pháp, từ vựng và diễn ngôn phù hợp để viết một bức thư/email
	Mức 3 (80%)	Essay	2,0	1,0	Sử dụng được các cách diễn đạt khác nhau để viết một bài luận chi tiết, rõ ràng, có tính liên kết về các chủ đề quan tâm khác nhau, đưa ra những thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau
3.2.2.4 (35%)	Mức 2	Situations	1,5		Phân tích được tình huống và sử dụng ngôn ngữ phù hợp để trình bày về quan điểm/ cách lựa chọn của mình
	Mức 3	Topic discussion	2,0	1,0	Giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng v.v.. về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn ngữ trôi chảy, chính xác
Tổng			10	3,3	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A.1.2a/ A2.2 (Kỹ năng NÓI)

- Họ và tên học viên:; Ngày sinh: .../...../.....
- Mã học viên:; Lớp:
- Học phần: **Tiếng Anh**
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm	Điểm số đánh giá
CLO 3.2.2.3 (Mức năng lực: 2.5)			A%
Ngữ pháp	Phạm vi ngữ pháp và độ chính xác		20%
	Sử dụng linh hoạt và chính xác nhiều cấu trúc câu đa dạng và hầu như không mắc lỗi.	10	
	Sử dụng linh hoạt và chính xác nhiều cấu trúc câu đa dạng, tuy đôi khi còn mắc lỗi nhưng khó phát hiện.	9	
	Sử dụng linh hoạt và chính xác câu đơn và khá nhiều câu phức, tuy còn mắc một số lỗi sai nhưng có thể tự sửa được ngay.	8	
	Sử dụng linh hoạt và chính xác câu đơn và khá nhiều câu phức, tuy còn mắc một số lỗi sai trong diễn đạt một cách không hệ thống.	7	
	Sử dụng linh hoạt và chính xác câu đơn và một số câu phức, tuy còn mắc một số lỗi sai nhưng không dẫn đến hiểu nhầm.	6	
	Sử dụng một cách chính xác các dạng câu đơn thường dùng trong những tình huống quen thuộc, tuy có thể còn mắc một số lỗi nhưng người sử dụng vẫn thể hiện được ý một cách rõ ràng. Có nỗ lực sử dụng những mẫu câu phức tuy còn mắc nhiều lỗi.	5	
	Sử dụng một cách chính xác các dạng câu đơn thường dùng trong những tình huống quen thuộc, tuy có thể còn mắc một số lỗi nhưng người sử dụng vẫn thể hiện được ý một cách rõ ràng.	4	
	Sử dụng một cách khá chính xác các dạng câu đơn thường dùng trong những tình huống quen thuộc, tuy có thể còn mắc nhiều lỗi nhưng người sử dụng vẫn thể hiện được ý một cách rõ ràng.	3	
	Sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản nhưng vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống; tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được ý mình muốn truyền đạt.	2	
	Chỉ sử dụng được một cách hạn chế một số cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đơn giản đã học.	1	
Từ vựng	Phạm vi từ vựng và kiểm soát từ vựng		20%
	Có lượng từ vựng lớn, gồm cả các từ không quen thuộc, các cách diễn đạt kiểu thành ngữ và lối nói thông tục. Chủ động tìm những cách diễn đạt khác và/hoặc các cách nói tránh mà hầu như không ngập ngừng. Hầu như không lỡ lời và không mắc những lỗi từ vựng nhỏ.	10	
	Có lượng từ vựng lớn, gồm cả các từ không quen thuộc, các cách diễn đạt kiểu thành ngữ và lối nói thông tục. Chủ động tìm những cách diễn đạt khác và/hoặc các cách nói tránh tuy đôi lúc còn ngập ngừng.	9	

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm	Điểm số đánh giá
	Đôi khi vẫn lơ lửng và vẫn mắc một vài lỗi từ vựng nhỏ.		
	Sử dụng được các từ vựng thuộc về hầu hết các chủ đề quen thuộc và rất nỗ lực tránh lặp từ khi sử dụng các từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc. Có nỗ lực trong việc sử dụng những từ ít quen thuộc và những cách diễn đạt kiểu thành ngữ. Có độ chính xác từ vựng khá cao mặc dù vẫn lúng túng khi chọn từ và đôi lúc dùng từ còn sai.	8	
	Sử dụng được các từ vựng thuộc về hầu hết các chủ đề quen thuộc và có nỗ lực tránh lặp từ với khi sử dụng các từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc. Có độ chính xác từ vựng khá cao mặc dù vẫn lúng túng khi chọn từ và đôi lúc dùng từ còn sai.	7	
	Sử dụng được các từ vựng thuộc về hầu hết các chủ đề quen thuộc và đôi lúc có nỗ lực tránh lặp từ khi sử dụng các từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc. Có độ chính xác từ vựng tương đối cao tuy vẫn còn lỗi về dùng từ và dạng thức từ.	6	
	Sử dụng được các từ vựng thuộc các chủ đề quen thuộc và đôi lúc còn dùng lặp các từ vựng này. Có nỗ lực sử dụng từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc nhưng còn mắc một số lỗi về dùng từ.	5	
	Sử dụng được các từ vựng thuộc các chủ đề quen thuộc và đôi lúc còn dùng lặp các từ vựng này. Có nỗ lực sử dụng từ vựng thuộc các chủ đề không quen thuộc nhưng còn mắc nhiều lỗi về dùng từ.	4	
	Sử dụng được các từ vựng thuộc các chủ đề quen thuộc mặc dù thường xuyên lặp từ.	3	
	Sử dụng được nhiều từ, cụm từ đơn giản về các chủ đề rất quen thuộc. Chọn đúng từ và dạng thức của từ thuộc phạm vi từ nêu trên.	2	
	Chỉ sử dụng được một số từ, cụm từ riêng lẻ về một số chủ đề rất quen thuộc.	1	
Trọng âm	Âm đơn lẻ, trọng âm, ngữ điệu		20%
	Phát âm, đặt trọng âm từ và câu chính xác. Có ngữ điệu câu phù hợp. Có thể thay đổi trọng âm câu và ngữ điệu để thể hiện các sắc thái ý nghĩa khác nhau và các chức năng khác nhau của ngôn ngữ.	10	
	Phát âm, đặt trọng âm từ và câu chính xác. Có ngữ điệu câu phù hợp.	9	

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm	Điểm số đánh giá
	Có thể thay đổi trọng âm câu để thể hiện các sắc thái ý nghĩa khác nhau.		
	Phát âm rõ ràng, tự nhiên, và dễ hiểu. Phát âm đơn lẻ rõ ràng, chính xác. Nhấn trọng âm từ và trọng âm câu tương đối chính xác. Rất nỗ lực trong việc thể hiện ngữ điệu câu.	8	
	Phát âm rõ ràng, tự nhiên, và dễ hiểu. Phát âm đơn lẻ rõ ràng, chính xác. Nhấn trọng âm từ và trọng âm câu tương đối chính xác. Có nỗ lực trong việc thể hiện ngữ điệu câu.	7	
	Phát âm rõ ràng, tự nhiên, và dễ hiểu. Phát âm đơn lẻ hầu như rõ ràng, chính xác. Nhấn trọng âm từ tương đối chính xác Thể hiện sự nỗ lực trong việc nhấn trọng âm câu và ngữ điệu câu.	6	
	Phát âm rõ ràng và dễ hiểu những từ và cụm từ, tuy đôi khi còn mắc một số lỗi về các âm đơn lẻ. Có cố gắng nhấn trọng âm từ tuy còn chưa chính xác	5	
	Phát âm rõ ràng và dễ hiểu những từ và cụm từ, tuy đôi khi còn mắc lỗi về các âm đơn lẻ. Có cố gắng nhấn trọng âm từ tuy còn sai nhiều.	4	
	Phát âm rõ ràng và dễ hiểu những từ và cụm từ, tuy còn mắc khá nhiều lỗi về các âm đơn lẻ và các lỗi về âm khác.	3	
	Phát âm tương đối rõ ràng những từ và cụm từ đơn giản nhưng do đôi khi khó nghe nên người đối thoại vẫn phải yêu cầu nhắc lại.	2	
	Phát âm được những từ và cụm từ rất đơn giản nhưng độ chính xác thấp, gây khó hiểu cho người nghe.	1	
Độ lưu loát	Độ trôi chảy, độ dài của bài nói		20%
	Thường xuyên nói các đoạn dài và có thể diễn đạt ý một cách dễ dàng, lưu loát, tự nhiên, và hiếm khi có hiện tượng lặp từ hay sửa lỗi. Không có dấu hiệu về việc ngập ngừng để tìm từ và cấu trúc, chỉ ngập ngừng khi tìm ý để diễn đạt về một số chủ đề khó về mặt khái niệm.	10	
	Thường xuyên nói các đoạn dài và có thể diễn đạt ý một cách dễ dàng, lưu loát, tự nhiên, nhưng đôi khi còn hiện tượng lặp từ hay sửa lỗi. Hầu như không có dấu hiệu về việc ngập ngừng để tìm từ và cấu trúc, chỉ ngập ngừng khi tìm ý để diễn đạt về một số chủ đề khó về mặt khái niệm.	9	

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm	Điểm số đánh giá
	Có thể giao tiếp dễ dàng, khá lưu loát, đều đặn những ý đơn giản và phức tạp, đôi lúc còn ngập ngừng, nhưng không phải mất thời gian để tìm cấu trúc và từ vựng. Có thể nói các đoạn dài tuy còn mắc một số lỗi nhỏ.	8	
	Có thể giao tiếp dễ dàng và tương đối lưu loát, đều đặn những ý đơn giản và phức tạp, đôi lúc còn ngập ngừng nhưng không phải quá lâu để tìm cấu trúc và từ vựng. Có thể nói các đoạn dài nhưng đôi khi còn lặp từ và còn cần sửa lỗi.	7	
	Có thể giao tiếp dễ dàng và tương đối lưu loát những ý đơn giản và phức tạp, có thể ngập ngừng nhưng không phải quá lâu để tìm cấu trúc và từ vựng. Có thể nói các đoạn dài nhưng còn mắc một số lỗi không hệ thống và có dấu hiệu của sửa lỗi.	6	
	Có thể diễn đạt trôi chảy những ý đơn giản và diễn đạt được những ý phức tạp nhưng còn chậm do phải tìm cấu trúc và từ vựng. Có thể nói các đoạn dài nhưng còn mắc lỗi sai và có dấu hiệu của sửa lỗi.	5	
	Có thể diễn đạt trôi chảy những ý đơn giản, và có cố gắng diễn đạt một số ý phức tạp nhưng còn chậm do phải tìm cấu trúc và từ vựng. Biết sử dụng các cụm từ và câu đơn giản để kéo dài câu trả lời.	4	
	Có thể diễn đạt một cách khá trôi chảy những ý đơn giản, và hầu như không diễn đạt được ý phức tạp.	3	
	Có thể nói những cụm từ và câu ngắn một cách rất chậm chạp, thường xuyên bị lỡ lời và phải nhắc lại.	2	
	Chỉ có thể nói một cách rời rạc, ngập ngừng những từ và cụm từ rất ngắn, phần lớn là những câu đã học thuộc.	1	
Bó cục nội dung	Phát triển chủ đề; Tính mạch lạc và liên kết		20%
	Có thể dễ dàng phát triển ý một cách tường tận với các chi tiết và ví dụ minh họa phù hợp, và đưa ra kết luận phù hợp. Có thể trình bày ý rõ ràng, mạch lạc với cấu trúc chặt chẽ, thể hiện khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện kết nối và các hình thức tổ chức ý.	10	
	Có thể dễ dàng phát triển ý một cách khá tường tận với các chi tiết và ví dụ minh họa phù hợp, và đưa ra kết luận phù hợp. Có thể trình bày ý rõ ràng, mạch lạc với cấu trúc chặt chẽ, thể hiện khả năng sử dụng khá thành thạo các phương tiện kết	9	

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]	Điểm	Điểm số đánh giá
nội và các hình thức tổ chức ý.		
Có thể phát triển ý một cách dễ dàng, mở rộng ý bằng những chi tiết và ví dụ minh họa phù hợp. Có thể sử dụng nhiều loại phương tiện kết nối để thể hiện rõ ràng mối quan hệ giữa các ý.	8	
Có thể phát triển ý một cách khá dễ dàng, mở rộng ý bằng những chi tiết và ví dụ minh họa phù hợp. Có thể sử dụng nhiều loại phương tiện kết nối để thể hiện khá rõ ràng mối quan hệ giữa các ý.	7	
Có thể phát triển ý một cách tương đối dễ dàng, mở rộng ý bằng một số chi tiết và ví dụ minh họa phù hợp. Có thể sử dụng các phương tiện kết nối phức tạp hơn nhưng chưa thể hiện được rõ ràng mối quan hệ giữa các ý.	6	
Trả lời phù hợp được các câu hỏi và có thể phát triển ý dưới dạng liệt kê, tuy có dấu hiệu cố gắng mở rộng ý nhưng các ý mở rộng thường chưa rõ ràng hoặc bị lặp. Có thể liên kết ý một cách khá đa dạng khi sử dụng các phương tiện kết nối đơn giản.	5	
Trả lời phù hợp được các câu hỏi và thể hiện cố gắng phát triển ý nhưng chỉ dưới dạng liệt kê. Có thể liên kết ý bằng một số các phương tiện kết nối đơn giản nhưng đôi khi bị lặp.	4	
Trả lời tương đối phù hợp được các câu hỏi và có thể phát triển ý nhưng mới chỉ dưới dạng liệt kê. Có thể liên kết ý bằng một số các phương tiện kết nối đơn giản nhưng hay bị lặp.	3	
Trả lời được câu hỏi nhưng nội dung trả lời chưa phù hợp và không phát triển được ý ngoài những từ khóa được gợi ý. Có thể sử dụng một số phương tiện kết nối đơn giản như “và”, “nhưng”, “bởi vì	2	
Hầu như không diễn đạt hoặc phát triển được ý. Chỉ có thể liên kết từ và cụm từ bằng các từ kết nối như “và” hoặc “thì”.	1	
Tổng điểm CLO 3.2.2.4		
Điểm tổng kết	/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO: (Giảng viên có thể thiết kế theo bảng nếu bài đánh giá có

nhều CLO được tính điểm năng lực).

GIẢNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1] Stephenson, H., Hughes, J. & Dummett, P. (2019). *Life- Intermediate*, Student book (2nd Edition), National Geographic.

[2] Stephenson, H., Hughes, J. & Dummett, P. (2019). *Life- Intermediate*, Workbook (2nd Edition), National Geographic.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1] <http://www.ngllife.com/student-zone>

[2] <https://eltngl.com/sites/Life2eBreApp/intermediate>

[3] <https://www.ngllife.com/>

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
0	Orientation				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	0	Xem bài giảng E-Learning (LMS) và DCCT học phần (về mục tiêu học phần, nội dung học phần, yêu cầu học phần (kiểm tra, đánh giá, thực hiện tương tác, v.v..))		
		0	Thảo luận về các nội dung quan tâm đến học phần trên mục Thảo luận môn học		
1	Bài 1: RELATIONSHIP				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Present Simple and Present Continuous</i>), Từ vựng (<i>Relationship</i>), Ngữ âm	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần Thảo luận	3.2.2.4	A1.2
		2	Thảo luận về <i>Describing a person</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về Relationship	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp	3.2.2.3	A1.2

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
			<i>Relationship</i>		
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
2	Bài 2: LIFE STORIES				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Past tenses</i>), Từ vựng (<i>Life stories</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần Thảo luận	3.2.2.4	A1.2
		2	Thảo luận về <i>Writing an informal letter to exchange information</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	Nghe giảng về <i>Life stories</i>	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Life stories</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành Giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
3	Bài 3: CULTURAL IDENTITY				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Present Perfect and Present Perfect Continuous; Modal verbs expressing advice and suggestions</i>), Từ vựng (<i>Cultural identity</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần thảo luận	3.2.2.4	A1.2
		2	Thảo luận về <i>Describing an event</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
	Giai đoạn 2	5	Nghe giảng về <i>Cultural identity</i>	3.2.2.3	A1.2

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá	
	{Ồ lớp}	5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Cultural identity</i>	3.2.2.3	A1.2	
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2	
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1	
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1	A.1.3	
				3.2.2.2	A.2.1	
4	Bài 4: JOBS AND WORK					
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Future tenses</i>), Từ vựng (<i>Jobs and Work</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1	
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1	
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần Thảo luận	3.2.2.4	A1.2	
		2	Thảo luận về <i>Advantage and Disadvantage essays</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1	
	Giai đoạn 2 {Ồ lớp}	5	Nghe giảng về <i>Jobs and Work</i>	3.2.2.3	A1.2	
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Jobs and Work</i>	3.2.2.3	A1.2	
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2	
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1	
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1	
	5	Bài 5: MASS MEDIA				
		Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>The conditionals</i>), Từ vựng (<i>Mass media</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
3			Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1	
5			Chuẩn bị nội dung cho phần thảo luận	3.2.2.4	A1.2	
2			Thảo luận về <i>Writing about advantages and disadvantages of Mass Media</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1	

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
	Giai đoạn 2 {Ồ lớp}	5	Nghe giảng về <i>Mass media</i>	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Mass media</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
6	Bài 6: OUR WORLD HERITAGE SITES				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Relative clauses; ing and ed-clauses</i>), Từ vựng (<i>Our world heritage sites</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần thảo luận	3.2.2.4	A1.2
		2	Thảo luận về <i>Describing places</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
	Giai đoạn 2 {Ồ lớp}	5	Nghe giảng về <i>Our world heritage sites</i>	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Our world heritage sites</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
	7	Bài 7: CLIMATE CHANGE			
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Clauses of concession, reason and purpose</i>), Từ vựng (<i>climate change</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần thảo luận	3.2.2.4	A1.2
		2	Thảo luận về <i>Writing a cause-and-effect</i>	3.2.2.4	A1.2

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
			<i>essay</i>		A.2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về <i>Climate change</i>	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Causes and effects of global warming</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
8	Bài 8: ARTIFICIAL INTELLIGENCE				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các hiện tượng Ngữ pháp (<i>Active and Passive causative</i>), Từ vựng (<i>Artificial Intelligence</i>), Ngữ âm ()	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: - Listening - Reading	3.2.2.1 3.2.2.2	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho phần thảo luận	3.2.2.4	A1.2
		2	Thảo luận về <i>Writing about benefits and drawbacks of AI</i>	3.2.2.4	A1.2 A.2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về <i>Artificial Intelligence</i>	3.2.2.3	A1.2
		5	Thực hành Giao tiếp trên lớp <i>Artificial Intelligence</i>	3.2.2.3	A1.2
		3	Bài tập thực hành giao tiếp	3.2.2.3	A1.2 A.2.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập (Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu)	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
		2	Làm bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Đọc hiểu, Nghe hiểu	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3 A.2.1
9	Bài thi đánh giá quá trình		Trắc nghiệm theo ma trận đề thi	3.2.2.1 3.2.2.2	A.1.3
10	Bài thi kết thúc HP		Tự luận theo ma trận bài thi (Đọc, Nghe, Viết)	3.2.2.1	A.2.1
				3.2.2.2	
				3.2.2.3	
				3.2.2.4	A.2.2
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi	Đăng ký để xem kết quả thi	

Hướng dẫn học tập để đạt các chuẩn đầu ra:

- Trước mỗi buổi học, học viên phải chuẩn bị nội dung học tập theo yêu cầu (xem các bài giảng Scorm trên hệ thống LMS, tham gia thảo luận, trao đổi trên diễn đàn, chuẩn bị các nội dung theo hướng dẫn của giáo viên, hoàn thành các bài tập trên hệ thống LMS, v.v..). Quá trình học tập của học viên đều được hệ thống LMS ghi nhận và giáo viên đánh giá, phản hồi.

- Trong mỗi buổi học, học viên tham gia tích cực vào các buổi thảo luận (về các nội dung liên quan đến bài học, các nhiệm vụ cần thực hiện của mỗi bài học, các kỹ năng ngôn ngữ cần phát triển, v.v..). Học viên được đánh giá dựa trên các nhiệm vụ liên quan của môn học ở mỗi bài học cụ thể, trong đó, chú trọng đến phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng Nói và Viết.

- Sau mỗi buổi học, học viên phải hệ thống hoá, mở rộng, nâng cao kiến thức, thực hành các kỹ năng ngôn ngữ liên quan đến bài học.

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN:
CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ HIỆN ĐẠI**

Lần ban hành:

01

Ngày ban hành:....../.../2023.

Số trang:

16/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS.GVC Nguyễn Thị Hải Yến

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0981171858

Email: nthyen@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế

Giảng viên 2: PGS.TS.GVCC Đinh Trung Thành

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0904252425

Email: thanhdt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử kinh tế và chính sách kinh tế; Tác phẩm kinh điển KTCT của V.I.Lênin, Hội nhập kinh tế quốc tế; Chính sách công, ...

Giảng viên 3: TS.GVC. Nguyễn Thị Hải Yến

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0962662626

Email: yennth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử tư tưởng kinh tế; Kinh tế thị trường định hướng XHCN; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức; Quản lý kinh tế.

Giảng viên 4: TS. Nguyễn Đăng Đức

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh Tế, Trường Kinh Tế, Trường Đại học Vinh.

Điện thoại: 0989224491

Email: nguyenduckt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, kinh tế phát triển, Các học thuyết kinh tế, Quản lý nhà nước về kinh tế.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): **CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ HIỆN ĐẠI**

- Tên (tiếng Anh): The modern economic theory

- Mã số học phần: ECO82003

- Thuộc ngành/nhóm ngành: { <i>Học phần chung cho nhiều ngành: Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế</i> }
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung <input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lý thuyết: {30} + Số tiết thực hành: {15} + Số tiết thực tế: { <i>ghi số tiết</i> } + Số tiết dạy học dự án: { <i>ghi số tiết</i> }
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: { <i>ghi tên HP nếu có</i> } Mã số HP: { <i>ghi MS HP</i> } + Học phần học trước: { <i>ghi tên HP nếu có</i> } Mã số HP: { <i>ghi MS HP</i> } + Học phần song hành: { <i>ghi tên HP nếu có</i> } Mã số HP: { <i>ghi MS HP</i> }
- Yêu cầu của học phần { <i>giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu</i>): + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%. + Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế

2. Mô tả học phần

Học phần Các học thuyết kinh tế hiện đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT ngành Quản lý kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu, nâng cao về các học thuyết kinh tế hiện đại. Giúp người học biết vận dụng các quan điểm và tư tưởng kinh tế vào phân tích và đánh giá các vấn đề Quản lý kinh tế thực tiễn trong bối cảnh kinh tế hiện nay.

- Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (*theo QĐ số.... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh*).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}

2.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin và sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế chính trị.	2,5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích được bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế	3,5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Hiểu rõ được kiến thức nâng cao của các lý thuyết kinh tế hiện đại về kinh tế thị trường, thể chế kinh tế, vai trò kinh tế của nhà nước, tiền tệ, lạm phát, tăng trưởng và phát triển kinh tế	1.1.1	5%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.2	Áp dụng được kiến thức nâng cao của các lý thuyết kinh tế hiện đại về kinh tế thị trường, thể chế kinh tế, vai trò kinh tế của nhà nước vào phân tích các vấn đề kinh tế chính trị		5%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.3	Áp dụng được kiến thức nâng cao của các lý thuyết kinh tế hiện đại về tiền tệ, lạm phát, tăng trưởng và phát triển kinh tế vào phân tích các vấn đề kinh tế chính trị		5%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.4	Phân tích và đánh giá các vấn đề kinh tế chính trị thực tiễn trong bối cảnh kinh tế hiện nay.		5%	2,5 {Mức 3}
2.1.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin và sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế chính trị.	2.1.1	10%	2,5 {Mức 3}
4.1.1.1	Phân tích được bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế	4.1.1.1	10%	3,5 {Mức 4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO.1.1.2.1 {2.5};	2,5	30%	Bài thảo luận
	CLO.4.1.1.1 {3.5};	2,5	10%	

A1.2	CLO.1.1.2.2 {2.5}	2,5	30%	Bài tập tự luận 1 (LMS)
A1.3	CLO.1.1.2.3 {2.5};	2,5	30%	Bài tập tự luận 1 (LMS)
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO.1.1.2.4 {2.5}	2,5	60%	Đánh giá cuối kỳ
	CLO.2.1.1.1 {3.5}	3,5	40%	

Ghi chú: Trong các giá trị minh họa trên các giá trị 40%; 30%; 30% lần lượt là trọng số đóng góp của các bài đánh giá A1.1, A1.2, A1.3 cho đánh giá thường xuyên.

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 40\% + A1.2 \times 30\% + A1.3 \times 30\%$$

Các giá trị 100% là trọng số đóng góp của bài đánh giá A2.1 cho kết quả đánh giá cuối kỳ.

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

4.2. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng: Ma trận bài thảo luận theo chủ đề trên hệ thống LMS (A1.1)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1	Mức 3	1	6,0	3,0	Hiểu rõ được được kiến thức nâng cao của các lý thuyết kinh tế hiện đại về kinh tế thị trường, thể chế kinh tế, vai trò kinh tế của nhà nước, tiền tệ, lạm phát, tăng trưởng và phát triển kinh tế
4.1.1.1	Mức 4	1	4,0	2,0	Phân tích được bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế
Tổng			10	5,0	

Bảng: Ma trận bài tập tự luận trên hệ thống LMS (A1.2)

Chuẩn đầu ra CLO	Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
Bài tập tự luận 1				

1.1.2.2	Mức 2	1	10	5.0	Áp dụng được kiến thức nâng cao của các lý thuyết kinh tế hiện đại về kinh tế thị trường, thể chế kinh tế, vai trò kinh tế của nhà nước vào phân tích các vấn đề kinh tế chính trị
Tổng			10	5,0	

Bảng: Ma trận bài tập tự luận trên hệ thống LMS (A1.3)

Chuẩn đầu ra CLO	Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản	
Bài tập tự luận 2					
1.1.2.3	Mức 2	1	10	5.0	Áp dụng được kiến thức nâng cao của các lý thuyết kinh tế hiện đại về tiền tệ, lạm phát, tăng trưởng và phát triển kinh tế vào phân tích các vấn đề kinh tế chính trị
Tổng			10	5,0	

4.3. Ma trận bài cuối kỳ (A2.1)

Chuẩn đầu ra CLO	Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản	
1.1.2.4	Mức 3	1	5,0	2,5	Áp dụng được lý thuyết đo lường, lý thuyết lập quy về xác định các mô hình định giá và cách thức tiếp cận lập quy
2.1.1.1	Mức 3	1	5,0	2,5	Vận dụng được các thông tin cần thiết và mức độ cung cấp thông tin để giải quyết vấn đề về xác định nội dung khuôn mẫu lý thuyết kế toán
Tổng			10	5,0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Nhóm:

2. Lớp:

3. Học phần:

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Trọng số/ Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO2.1.1.1. (Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết các vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay) [Mức năng lực: 2,5]		10/10	
Tiêu chí 1	Áp dụng được tư duy phản biện	5/5	2,5
	Chỉ báo 1: Áp dụng tư duy phản biện để đưa ra các đánh giá về vấn đề kinh tế chính trị của đơn vị/địa phương/nền kinh tế.	5/5	
	Kỹ năng giải quyết vấn đề	5/5	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Đề xuất được giải pháp về các vấn đề kinh tế chính trị của đơn vị/địa phương/nền kinh tế	5/5	
Điểm số của CLO2.1.1.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
CLO4.1.1.1. (Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề về kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay) [Mức năng lực: 3,5]		10/10	
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Phân tích được bối cảnh vấn đề kinh tế chính trị của đơn vị/địa phương/nền kinh tế	5/10	3,5
	Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan/bối cảnh	5/10	
Điểm số của CLO4.1.1.1: Điểm TC*100%			
Điểm bài đánh giá kỹ năng: Điểm CLO2.1.1.1*50% + Điểm CLO4.1.1.1*50%		/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1] T Mai Ngọc Cường, Trần Việt Tiến, Bùi Văn Dũng, Đinh Trung Thành, Nguyễn Thị Mỹ Hương, Nguyễn Thị Hải Yến, Lịch sử các học thuyết kinh tế, Nxb Đại học Vinh, 2014.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Đăng Bằng, Nguyễn Thị Trâm, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Văn Quỳnh, Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, Nxb Đại học Vinh, 2015.

[3] Bùi Văn Dũng, Nguyễn Hoài Nam, Nguyễn Thị Minh Phượng, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Văn Quỳnh,... Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam góc độ vận dụng các lý thuyết kinh tế học hiện đại, Nxb Đại học Vinh, 2019.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1: Các lý thuyết hiện đại về kinh tế thị trường				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về: 1.1. Cơ chế tự điều chỉnh thị trường của Walras, Marshall 1.1.1. Lý thuyết cung cầu, giá cả của Alfred Marshall 1.1.2. Lý thuyết cân bằng thị trường của Leon Walras và Marshall 1.2. Trường phái tự do mới và kinh tế thị trường xã hội 1.2.1. Chủ nghĩa tự do mới 1.2.2. Kinh tế thị trường xã hội	CLO.1.1.2.1	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Kinh tế thị trường và sự vận dụng ở Việt Nam	CLO.1.1.2.2	A1.2
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 1.3. Trường phái chính hiện đại và kinh tế thị trường	CLO.1.1.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về: 1.3. Trường phái chính hiện đại và kinh tế thị trường 1.3.1. Kinh tế thị trường	CLO.1.1.2.1	A1.1

			1.3.2. Cơ chế thị trường		
		3	Bài tập Kinh tế thị trường và sự vận dụng ở Việt Nam	CLO.1.1.2.4	A2.1
		2	Thảo luận nhóm về cơ sở lý luận, thực tiễn của KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam.	CLO.1.1.2.1	A1.1
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập các lý thuyết kinh tế hiện đại về kinh tế thị trường	CLO.1.1.2.1	A1.1
		2	Bài thực hành: nghiên cứu bối cảnh và xu hướng vận động của KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam	CLO.4.1.1.1	A1.1
2	Chương 2. Các lý thuyết hiện đại về thể chế kinh tế và vai trò kinh tế của nhà nước				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về: 2.1. Lý thuyết hiện đại về thể chế và thể chế kinh tế 2.1.1. Lý luận thể chế và thể chế kinh tế 2.1.2. Kinh tế học thể chế cũ 2.1.3. Kinh tế học thể chế mới	CLO.1.1.2.1	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: vai trò của thể chế kinh tế với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam	CLO.1.1.2.2	A1.2
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 2.2. Lý thuyết vai trò kinh tế của nhà nước	CLO.1.1.2.1	A1.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về: 2.2. Lý thuyết vai trò kinh tế của nhà nước 2.2.1. Quan niệm về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở một số học thuyết kinh tế hiện đại * Quan niệm của Keynes và trường phái Keynes * Quan điểm của Chủ nghĩa tự do mới * Quan điểm trường phái chính hiện đại	CLO 1.1.2.1	A1.1

			2.2.2. Vai trò nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa		
		3	Bài tập: vai trò nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	CLO.1.1.2.4	A2.1
		2	Thảo luận nhóm: Vận dụng học thuyết Keynes về vai trò của nhà nước trong giải quyết các vấn đề kinh tế thực tiễn	CLO.1.1.2.1	A1.1
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập các lý thuyết kinh tế hiện đại về thể chế kinh tế và vai trò kinh tế của nhà nước	CLO.1.1.2.1	A1.1
		2	Bài thực hành: Đánh giá quan niệm của các trường phái kinh tế trong lịch sử về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường	CLO.2.1.1.1	A2.1
3	Chương 3. Các lý thuyết hiện đại về tiền tệ và lạm phát				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về: 3.1. Các lý thuyết hiện đại về tiền tệ 3.1.1. Thuyết số lượng tiền tệ của Fisher 3.1.2. Lý thuyết về sự ưa thích tiền mặt của Keynes 3.1.3. Lý thuyết số lượng tiền hiện đại của Friedman	CLO.1.1.2.1	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Vận dụng các lý thuyết tiền tệ hiện đại vào thực tiễn	CLO.1.1.2.3	A1.3
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 3.2. Lý luận về chu kỳ kinh tế và lạm phát	CLO.2.2.1.1	A2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về: 3.2. Lý luận về chu kỳ kinh tế và lạm phát 3.2.1. Lý luận chu kỳ kinh tế 3.2.2. Bản chất và tác động của lạm phát	CLO.1.1.2.1	A1.1

		3	Bài tập: mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với lạm phát? Liên hệ thực tiễn ở Việt Nam	CLO.1.1.2.3	A1.3
		2	Thảo luận nhóm: tác động của các chính sách tiền tệ đến lạm phát và GDP	CLO1.1.2.1	A1.1
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập các lý thuyết kinh tế hiện đại về tiền tệ và lạm phát	CLO.1.1.2.1	A1.1
		2	Bài thực hành: Phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với lạm phát? Liên hệ thực tiễn ở Việt Nam	CLO.1.1.2.3	A1.3
5	Chương 4. Các lý thuyết hiện đại về tăng trưởng và phát triển kinh tế				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về: 4.1. Các lý thuyết hiện đại về tăng trưởng kinh tế 4.1.1. Mô hình tăng trưởng Harrod – Domar 4.1.2. Mô hình tăng trưởng của P.A. Samuelson và W.D. Nordhaus 4.2. Các lý thuyết hiện đại về phát triển kinh tế 4.2.1. Lý thuyết phân kỳ của Rostow 4.2.2. Các lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế	CLO.1.1.2.1	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Vận dụng các lý thuyết hiện đại về tăng trưởng kinh tế trong thực tiễn	CLO.1.1.2.3	A1.3
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 4.2. Các lý thuyết hiện đại về phát triển kinh tế	CLO.1.1.2.3	A1.2
		2	Thảo luận về tăng trưởng kinh tế và lạm phát	CLO.1.1.2.3	A1.2
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về: 4.2. Các lý thuyết hiện đại về phát triển kinh tế	CLO.1.1.2.3	A1.2

		4.2.1. Lý thuyết phân kỳ của Rostow 4.2.2. Các lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế		
		3	Bài tập Vận dụng các lý thuyết hiện đại về phát triển kinh tế trong thực tiễn	CLO.1.1.2.3 A1.3
		2	Thảo luận nhóm: tác động của các chính sách tiền tệ đến lạm phát và GDP	CLO.1.1.2.3 A1.3
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập các lý thuyết kinh tế hiện đại về tăng trưởng và phát triển kinh tế	CLO.1.1.2.3 A1.3
		2	Bài kiểm tra	CLO.1.1.2.3 A1.3
	Bài thi kết thúc HP		Bài thi/Tiểu luận theo ma trận bài thi A2.1	CLO.1.1.2.3 {2,5}; CLO.2.1.1.1 {2,5} A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi/ tiểu luận A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3




PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: KINH TẾ VĨ MÔ NÂNG CAO

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: .../.../202..

Số trang: 28/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Minh Phượng

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0942.726.777; Email: phuongntm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế phát triển

Giảng viên 2: TS.GVC. Nguyễn Thị Bích Liên

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0914.151.057 Email: lienntb@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển

Giảng viên 3: TS.GVC. Nguyễn Thị Thúy Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0916.605.469 Email: vinhntt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, kinh tế phát triển

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): KINH TẾ VĨ MÔ NÂNG CAO	(tiếng Anh):
Advanced macroeconomics	
- Mã số học phần: M.ECO102	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: { <i>Học phần chung cho nhiều ngành: Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh</i> }	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung <input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: {03} + Số tiết lí thuyết: {30} + Số tiết thực hành: {15} + Số tiết thực tế: {ghi số tiết} + Số tiết dạy học dự án: {ghi số tiết}	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Không	

+ Học phần học trước: Không
+ Học phần song hành: Không
- Yêu cầu của học phần:
+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%.
+ Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS.
+ Tham gia đầy đủ các bài thực hành.
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Kinh tế

2. Mô tả học phần

Học phần Kinh tế vĩ mô nâng cao là một học phần cơ sở ngành thuộc khối ngành Kinh tế và quản lý. Học phần này sẽ trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế học vĩ mô, các công cụ Nhà nước sử dụng để điều hành nền kinh tế. Đồng thời, người học có thể vận dụng các kiến thức để đề xuất giải pháp, hình thành những kỹ năng cần thiết để tham gia vào quá trình quản lý và đưa ra quyết định hiệu quả trong thực tiễn.

- Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các PLO sau của CTĐT (*theo QĐ số... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh*).

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.1	Vận dụng được kiến thức nâng cao về quản lý nhà nước vào đánh giá thực tiễn quản lý kinh tế	2,5 {Mức 3}
1.2.2	Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về phân tích chính sách để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý kinh tế	2,5 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia, có chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong lĩnh vực quản lý kinh tế	3,5 {Mức 4}
4.1.1	Phân tích bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế	3,5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt

1.1.1.1	Vận dụng được kiến thức nâng cao về Kinh tế học vào đánh giá thực tiễn quản lý kinh tế	1.1.1	4%	2,5 {Mức 3}
1.1.1.2	Vận dụng được kiến thức về mô hình IS - LM để phân tích biến động GDP thực tế		4%	
1.1.1.3	Vận dụng các lý thuyết vào phân tích tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và thế giới		4%	
1.1.1.4	Vận dụng các lý thuyết về chu kỳ kinh doanh để hiểu những biến động thực tế của nền kinh tế Việt Nam		4%	
1.1.1.5	Vận dụng lý thuyết để đánh giá nợ chính phủ của Việt Nam hiện nay		4%	
1.2.2.1	Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về phân tích chính sách để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý kinh tế	1.2.2	10%	2,5 {Mức 3}
2.2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia, có chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong lĩnh vực quản lý kinh tế	2.2.2	20%	3,5 {Mức 3}
4.1.1.1	Phân tích bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế	4.1.1	10%	3,5 {Mức 4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO. 1.1.1.1; CLO. 1.1.1.2; CLO. 1.1.1.3; CLO. 1.1.1.4; CLO. 1.1.1.5	2,5	10%	LMS thống kê

A1.2	CLO. 1.2.2.1	2,5	10%	Bài thảo luận
A1.3	CLO. 1.2.2.1			Bài tập 1
	CLO. 2.2.2.2	2,5	25%	Bài tập 2
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO. 1.1.1.1	2,5	50%	Bài đánh giá kết thúc học phần
	CLO. 1.2.2.1	2,5		
	CLO. 2.2.2.2	3,5		
	CLO. 4.1.1.1	3,5		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 45\% + A2.2 \times 55\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.2 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.2.1	Mức 3	1 câu	10	5	Phân tích được các chính sách kinh tế vĩ mô (chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ,...)
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.3.1 (01 bài tập luyện tập)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.2.1 (100%)	Mức 3	1 câu	5,0	2,5	Áp dụng được kiến thức chuyên sâu về phân tích chính sách để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề về kinh tế vĩ mô
Tổng		10	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3.2 (01 bài tập luyện tập)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
2.2.2.2 (100%)	Mức 3	1 câu	5,0	2,5	Đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực các chính sách kinh tế vĩ mô trong lĩnh vực quản lý kinh tế
Tổng		10	10	5,0	

4.3. Ma trận bài thi tự luận A2.1

Hướng dẫn: {Phần hướng dẫn này được xóa sau khi đề cương hoàn thành}

- Đề thi tự luận có thể thiết kế theo bộ các câu hỏi 5-5; 5-3-2; 2-2-2-2-2; hoặc 10 câu loại 1 điểm,... Việc thiết kế số câu hỏi do giảng viên quyết định và phải được công bố công khai theo ma trận đề thi ở đề cương này.

- CLO cần đạt đến mức năng lực nào thì từng câu hỏi trong bài thi tự luận được thiết kế đến mức năng lực đó.

- Phần nội dung ứng với mức năng lực cần đạt trong từng câu hỏi chiếm trọng số tối thiểu 60%.

- *Khuyến nghị mỗi câu hỏi chỉ nên giới hạn cho một CLO, có thể mỗi CLO được phân nhiệm cho một hoặc nhiều câu hỏi. Số câu hỏi nên căn cứ vào số CLO và trọng số của các CLO trong bài đánh giá. Nếu bài có nhiều CLO thì có thể thiết kế đề thi theo 5 câu 2 điểm; hoặc theo tổ hợp các câu 1 điểm và các câu 2, 3, 4, 5 điểm.*

Ví dụ: Đề thi tự luận đánh giá 3 chuẩn đầu ra CLO.1.2.1.2, CLO.1.2.2.1 và CLO.1.2.2.2 với các mức năng lực tương ứng là Mức 3, Mức 3 và Mức 4. Trọng số của các CLO tương ứng lần lượt là 20%; 30% và 50%. Với trọng số này nên thiết kế Đề thi theo bộ 3 câu hỏi 2-3-5 điểm. Câu 2 điểm đánh giá **CLO.1.2.1.2**; Câu 3 điểm đánh giá **CLO.1.2.2.1** và câu 5 điểm đánh giá **CLO.1.2.2.2**. Lúc đó, phần nội dung (các ý của từng câu hỏi) tương ứng với mức năng lực cần đạt của từng CLO chiếm trọng số tối thiểu 60%. Ở đây, các mức năng lực cần đạt của các CLO được chọn lần lượt là 60%, 80% và 60%, tương ứng với số điểm là:

+ Câu 2 điểm: có $2 \times 60\% = 1,2$ điểm ứng với Mức 3;

+ Câu 3 điểm: có $3 \times 80\% = 2,4$ điểm ứng với Mức 3;

+ Câu 5 điểm: có $5 \times 60\% = 3,0$ điểm ứng với Mức 4.

Khi đó, phân bố ma trận đề thi tự luận như bảng sau:

Bảng 4. Ma trận đề thi tự luận A2.1 {Ma trận này công bố trong Đề cương}

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.1.1	Mức 1	Câu 2 điểm	0,5	1,2	Nhớ những vấn đề tổng quan về Kinh tế vĩ mô nâng cao
	Mức 2		1,5		Hiểu được những vấn đề trọng tâm của Kinh tế vĩ mô nâng cao
1.1.1.2	Mức 1	Câu 2 điểm	0,5	1,2	Nhớ được kiến thức về mô hình IS – LM
	Mức 2		1,5		Hiểu được kiến thức về mô hình IS – LM
1.1.1.3	Mức 1	Câu 2 điểm	0,5	1,2	Nhớ những các lý thuyết tăng trưởng kinh tế
	Mức 2		1,5		Hiểu được các lý thuyết tăng trưởng kinh tế

1.1.1.4	Mức 1	Câu 2 điểm	0,5	1,2	Nhớ những các lý thuyết về chu kỳ kinh doanh và những biến động thực tế của nền kinh tế
	Mức 2		1,5		Hiểu được những các lý thuyết về chu kỳ kinh doanh và những biến động thực tế của nền kinh tế
1.1.1.5	Mức 1	Câu 2 điểm	0,5	1,2	Nhớ những lý thuyết về nợ nước ngoài
	Mức 2		1,5		Hiểu những lý thuyết về nợ nước ngoài
1.2.2.1	Mức 1	Câu 2 điểm	0,5	1,2	Hiểu và phân tích được kiến thức chuyên sâu về Kinh tế vĩ mô để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý kinh tế
	Mức 2		1,5		Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về Kinh tế vĩ mô để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý kinh tế
2.2.2.2 (30%)	Mức 3	Câu 3 điểm	3	2,4	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những kiến nghị, giải pháp giúp phát triển kinh tế
4.1.1.1 (50%)	Mức 3	Câu 5 điểm	5	3,0	Phân tích bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế
Tổng			10	6,6	

{Lưu ý: Cách tính điểm số bài đánh giá và điểm năng lực của từng CLO cũng được tính tương tự như bài đánh giá trắc nghiệm trên đây}.

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ
Khoa Kinh tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../.....
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
- Học phần:
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Khoảng điểm	Trọng số/ Điểm số đánh giá
CLO 2.1.2.1 (Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số và ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để hoàn thành các nhiệm vụ học tập) [mức năng lực: 2,5]			A%
Tiêu chí 1	Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số		50 %
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành đúng hạn và có chất lượng từ 80-100% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	8-10	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành đúng hạn và có chất lượng từ 60-80% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	6-7,9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành đúng hạn và có chất lượng từ 50-70% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	5-6,9	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	0-4,0	
Tiêu chí 2	Vận dụng được kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản		50 %
	Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành có chất lượng từ 80-100% các nhiệm vụ học tập và đảm bảo chất lượng	8-10	
	Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành có chất lượng từ 60-80% các nhiệm vụ học tập	6-7,9	

Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành có chất lượng từ 50-70% các nhiệm vụ học tập và đảm bảo chất lượng	5-6,9	
Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập	0-4,0	
Điểm số của CLO2.1.2.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%		
Điểm bài đánh giá: Điểm TC1*50% + TC2*50%	/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- Tỷ lệ % hoàn thành MNL cần đạt của CLO2.1.2.1 = $\frac{\text{Điểm số của CLO2.1.2.1}}{10} \times 100\%$;

- Điểm năng lực của CLO2.1.2.1 được quy đổi từ tỷ lệ % hoàn thành MNL cần đạt theo Bảng 1 ứng với Mức 3.

5. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình

[1] Nguyễn Thị Minh Phượng, Nguyễn Thị Thuý Vinh, Nguyễn Thị Hải Yên, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Văn Quỳnh, Trần Thị Hồng Lam, Nguyễn Mai Hương, *Giáo trình Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Vinh, 2024

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Abel, A., Bernanke, B., & Croushore, D. (2008). *Macroeconomics*. Addison-Wesley Publishers.
2. Begg, D., Fischer, S., & Dornbusch, R. (2007). *Kinh tế học*. Nhà xuất bản Thống kê.
3. Charles, H. (2005). *International Business - Competing in the Global Marketplace*. McGraw Hill.
4. Froyen, R. (1993). *Macroeconomics Theories and Policies*. MacMillan Publishing Company.
5. Gregory, M. (2008). *Macroeconomics*. Worth Publishers.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
----	-------------------	-------------------	-------------------	-----	--------------

1	Chương/chủ đề/Bài 1: CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ					
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS): 1.1. Những vấn đề chung về kinh tế vĩ mô 1.2. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong hệ thống SNA	CLO.1.1.1.1	A1.1	
		3	Làm bài thảo luận trên LMS liên quan đến mười nguyên lý kinh tế	CLO.1.2.2.1	A1.1	
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 1.3. Mục tiêu và công cụ Kinh tế vĩ mô 1.3.1. Mục tiêu Kinh tế vĩ mô 1.3.2. Các công cụ Kinh tế vĩ mô	CLO.1.2.2.1	A1.2	
		2	Tìm tài liệu và đọc về các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô của Việt Nam	CLO.2.2.2.2	A1.2	
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	Nghe giảng về 1.3. Mục tiêu và công cụ Kinh tế vĩ mô 1.3.1. Mục tiêu Kinh tế vĩ mô 1.3.2. Các công cụ Kinh tế vĩ mô	CLO.1.1.1.1	A1.2	
		5	Thực hành phân tích các công cụ Kinh tế vĩ mô của Việt Nam	CLO.1.2.2.1	A1.2	
		2	Thảo luận nhóm về Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô của Việt Nam	CLO.2.2.2.2	A1.2	
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập tổng quan về kinh tế vĩ mô	CLO.4.1.1.1	A1.2	
	2	Chương/chủ đề/Bài 2: CHƯƠNG 2. MÔ HÌNH IS – LM				
		Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS): 2.1.1. Thị trường hàng hoá và đường IS 2.1.2. Thị trường tiền tệ và đường LM 2.1.3. Cân bằng đồng thời trên thị trường hàng hoá và tiền tệ	CLO.1.1.1.2	A1.1
3			Làm bài tập trên LMS: Ứng dụng lý thuyết đường IS-LM để làm bài tập xác định sản lượng và lãi suất cân bằng	CLO.1.2.2.1	A1.1	

		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 2.2.1. Biến động từ thị trường hàng hoá 2.2.2. Biến động từ thị trường tiền tệ 2.2.3. Biến động từ phía cung	CLO.1.2.2.1	A1.2	
		2	Tìm tài liệu và chuẩn bị nội dung các nhân tố dịch chuyển đường IS-LM	CLO.2.2.2.2	A1.2	
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về 2.2.1. Biến động từ thị trường hàng hoá 2.2.2. Biến động từ thị trường tiền tệ 2.2.3. Biến động từ phía cung	CLO.1.1.1.2	A1.2	
		5	Thực hành phân tích biến động kinh tế bằng mô hình IS-LM	CLO.1.2.2.1	A1.2	
		2	Thảo luận nhóm về phân tích chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ ảnh hưởng đến đường IS-LM	CLO.2.2.2.2	A1.2	
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập phân tích biến động kinh tế bằng mô hình IS-LM	CLO.4.1.1.1	A1.2	
		2	Làm bài tập/Thực hành phân tích biến động kinh tế bằng mô hình IS-LM	CLO.1.2.2.1	A1.2	
	3	Chương/chủ đề/Bài 3: CHƯƠNG 3. LÝ THUYẾT TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ				
		Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS): 3.1. Tổng quan về tăng trưởng kinh tế 3.2. Một số lý thuyết tăng trưởng kinh tế 3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế	CLO.1.1.1.3	A1.1
			3	Làm bài tập trên LMS: Các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam	CLO.1.2.2.1	A1.1
5			Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 3.4. Chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 3.5. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	CLO.1.2.2.1	A1.2	
2			Tìm tài liệu và chuẩn bị nội dung thảo luận về các mô hình tăng	CLO.2.2.2.2	A1.2	

			trường kinh tế ở một số quốc gia và bài học cho Việt Nam		
Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về 3.4. Chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 3. 5. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	CLO.1.1.1.3	A1.2	
	5	Thực hành phân tích các mô hình tăng trưởng kinh tế ở một số quốc gia và bài học cho Việt Nam	CLO.1.2.2.1	A1.2	
	2	Thảo luận nhóm về mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	CLO.2.2.2.2	A1.2	
Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập các lý thuyết tăng trưởng kinh tế	CLO.4.1.1.1	A1.2	
	2	Làm bài tập/Thực hành các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và chính sách khuyến khích tăng trưởng kinh tế của Việt Nam	CLO.1.2.2.1	A1.2	
4	Chương/chủ đề/Bài 4: CHƯƠNG 4. LÝ THUYẾT CHU KỶ KINH DOANH				
Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 4.1. Những vấn đề chung về chu kỳ kinh doanh 4.2. Lý thuyết lạm phát, thất nghiệp	CLO.1.1.1.4	A1.1	
	3	Làm bài tập trên LMS: Lý thuyết chu kỳ kinh doanh	CLO.1.2.2.1	A1.1	
	5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 4.2. Lý thuyết lạm phát, thất nghiệp	CLO.2.2.2.2	A1.2	
	2	Tìm tài liệu và chuẩn bị nội dung thảo luận về lạm phát, thất nghiệp	CLO.1.2.2.1	A1.2	
Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về 4.2. Lý thuyết lạm phát, thất nghiệp	CLO.1.1.1.4	A1.2	
	5	Thực hành phân tích thực trạng vấn đề lạm phát, thất nghiệp của Việt Nam	CLO.1.2.2.1	A1.3	
	2	Thảo luận nhóm về những giải pháp kiểm soát lạm phát và giảm thất nghiệp ở Việt Nam	CLO.2.2.2.2	A1.3	

	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	1	Ôn tập lý thuyết chu kỳ kinh doanh	CLO.4.1.1.1	A1.3
		2	Làm bài tập/thực hành phương pháp phân tích	CLO.2.2.2.2	A1.3
5	Chương/chủ đề/Bài 5: CHƯƠNG 5: NỢ CHÍNH PHỦ				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS): 5.1. Ngân sách của chính phủ 5.2. Một số quan điểm về nợ chính phủ 5.3. Một số vấn đề khi tính toán thâm hụt ngân sách và nợ chính phủ 5.4. Mối quan hệ giữa nợ chính phủ và các biến số vĩ mô khác	CLO.1.1.1.5	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Bài thu chi ngân sách của chính phủ	CLO 1.2.2.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 5.5. Nợ chính phủ của Việt Nam hiện nay 5.5.1. Các hình thức vay nợ của chính phủ 5.5.2. Tác động của nợ chính phủ 5.5.3. Một số giải pháp để cân bằng ngân sách	CLO 2.2.2.2	A1.2
		2	Tìm tài liệu và chuẩn bị nội dung thảo luận về thực trạng nợ nước ngoài của Việt Nam hiện nay.	CLO.2.2.2.2	A1.3
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	Nghe giảng về 5.5. Nợ chính phủ của Việt Nam hiện nay 5.5.1. Các hình thức vay nợ của chính phủ 5.5.2. Tác động của nợ chính phủ 5.5.3. Một số giải pháp để cân bằng ngân sách	CLO.1.1.1.5	A1.2
		5	Thực hành thảo luận về vấn đề nợ nước ngoài của Việt Nam hiện nay	CLO.1.2.2.1	A1.3
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập vấn đề nợ chính phủ	CLO.4.1.1.1	A1.2

	{ <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	2	Làm bài tập/thực hành phân tích vấn đề nợ nước ngoài của Việt Nam hiện nay và đề xuất giải pháp	CLO.2.2.2.2	A1.3
		2	Bài Thảo luận và Bài tập	CLO.1.1.1.1 CLO.1.2.2.1 CLO.2.2.2.2	A1.3
	Bài đánh giá kết thúc HP		Bài đánh giá kết thúc HP	CLO.1.1.1.1 CLO.1.2.2.1 CLO.2.2.2.2 CLO.4.1.1.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3




PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../.../2023
		Số trang: 42/18

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS.TS. GVC. Trần Thị Hoàng Mai

Địa chỉ liên hệ: Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0917118846 Email:maitth@vinhuni.edu.vn;

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Kinh tế quốc tế

Giảng viên 2: TS. GVC. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh

Địa chỉ liên hệ: Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912923433 Email:quynhntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Kinh tế quốc tế

Giảng viên 3: TS.GVC. Đào Quang Thắng

Địa chỉ liên hệ: Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912002646 Email: thangdq@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế

1.2. Thông tin về học phần

Tên học phần (tiếng Việt): QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ XÃ HỘI	
(tiếng Anh): Scocio - Economics State Management	
- Mã số học phần: ECM82013	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản lý kinh tế	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	+ Số tiết thực tế:
+ Số tiết lý thuyết: 45	+ Số tiết dạy học dự án:
+ Số tiết bài tập, thảo luận:	+ Số tiết tự học: 90
+ Số tiết thực hành:	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: không	
+ Học phần học trước: không	

+ Học phân song hành: không
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80% + Học viên phải thực hiện nhiệm vụ học qua bài giảng E-Learning (LMS) tối thiểu 80% và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên Elearning + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên + Học viên phải hoàn thành Tiểu luận học phần
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

2. Mô tả học phần

Học phần *Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội* là một học phần cơ sở ngành thuộc khối ngành Kinh tế. Học viên được trang bị kiến thức chuyên sâu về vai trò của nhà nước trong quản lý kinh tế - xã hội, cách thức nhà nước sử dụng các công cụ quản lý để điều chỉnh các hoạt động kinh tế - xã hội. Đồng thời, giúp người học phân tích được các nội dung về bộ máy tổ chức hành chính nhà nước và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, hình thành những kỹ năng cần thiết để tham gia vào quá trình quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội trong thực tiễn.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2.	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {K3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
2.2.1.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {A4}
2.2.2.	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân	3,5 {A4}
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.2.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Quản lý kinh tế.	3,5 {S4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Áp dụng được kiến thức về vai trò quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội vào thực tiễn hoạt động quản lý	1.1.2.	5%	2,5 {K3}
1.1.2.2	Vận dụng được chức năng và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội trong thực tiễn	1.1.2.	5%	2,5 {K3}
1.1.2.3	Vận dụng được các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội trong thực tiễn hoạt động quản lý	1.1.2.	5%	2,5 {K3}
1.1.2.4	Áp dụng được các kiến thức về quản lý nhà nước nhằm tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	1.1.2.	5%	2,5 {K3}
2.1.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	2.1.1.	5%	2,5 {S3}
2.2.1.1.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	2.2.1.	30%	3,5 {A4}
2.2.2.1.	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	2.2.2.	35%	3,5 {A4}
3.1.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	3.1.1.	5%	3,5 {S4}
3.2.1.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong các hoạt động liên quan đến quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	3.2.1.	5%	3,5 {S4}
4.2.1.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	4.2.1.	5%	3,5 {S4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1.	CLO1.1.2.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	LMS Elearning
	CLO1.1.2.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}		
A1.2.	CLO2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	25%	Quan sát, thảo luận tại lớp
	CLO2.2.1.1. điểm số và điểm năng lực}	3,5 {K4}		
	CLO2.2.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {K4}		

	CLO3.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}		
	CLO3.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}		
	CLO4.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}		
A1.3.	CLO1.1.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	30%	Bài thảo luận
	CLO1.1.2.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	Bài tập luyện tập số 1
	CLO1.1.2.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	Bài tập luyện tập số 2
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO1.1.2.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	100%	Kết thúc học phần
	CLO1.1.2.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}		

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0

11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0
----	------	-----	------	-----	------	-----	------	-----	------	-----

4.2. Ma trận bài Tiểu luận

Bảng 2. Ma trận đề thi kết thúc học phần A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.2. (50%)	Mức 3	1	3,0	1,5	Vận dụng được chức năng và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội trong thực tiễn
1.1.2.4. (50%)	Mức 3	1	5,0	2,5	Áp dụng được các kiến thức về quản lý nhà nước nhằm tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội
	Mức 3	1	2,0	1,0	Áp dụng được các kiến thức về quản lý nhà nước nhằm tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội
Tổng		3	10	5.0	

4.3. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.3 (Bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1. (100%)	Mức 3	1	10	5,0	Áp dụng được kiến thức về vai trò quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội vào thực tiễn hoạt động quản lý
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3 (Bài tập luyện tập số 1)

Chuẩn đầu ra CLO	Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản

1.1.2.3. (100%)	Mức 3	1	10	5,0	Vận dụng được các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội trong thực tiễn hoạt động quản lý
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.4. Ma trận bài đánh giá A1.3 (Bài tập luyện tập số 2)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.3. (100%)	Mức 3	1 câu	5,0	2,5	Vận dụng được các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội trong thực tiễn hoạt động quản lý
Tổng		1	10	5,0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng trong bài đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

A2.1.

1. Nhóm:
2. Lớp.....
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Tỷ trọng/ Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO2.1.1.1. (Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 2,5, trọng số: 10%]	/10	
Tiêu chí 1	Áp dụng được tư duy phản biện/5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích các thách thức và cơ hội của quản lý phát triển kinh tế trong môi trường toàn cầu hoá	1,0	
	Chỉ báo 2: Áp dụng các nguyên lý kinh tế để phân tích và đưa ra giải pháp cho các vấn đề trong quản lý phát triển kinh tế	2,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng tư duy logic và phản biện để đưa ra các luận điểm và giải pháp hợp lý.	2,0	
	Kỹ năng giải quyết vấn đề/5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Đề xuất các chiến lược và biện pháp cụ thể để thúc đẩy phát triển kinh tế	2,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá các ảnh hưởng của các chính sách kinh tế toàn cầu đối với quản lý phát triển kinh tế	3,0	
Điểm số của CLO2.1.1.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
CLO2.2.1.1. (Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 3,5, tỷ trọng: 30%]	/10	
Tiêu chí 1	Có nhận thức đạo đức, trách nhiệm, công bằng/5,0	
	Chỉ báo 1: Nhận thức đúng và phản ánh một cách khách quan, trung thực trong đánh giá vấn đề phát triển kinh tế	3,0	
	Chỉ báo 2: Đề xuất một số giải pháp sáng tạo, khả thi giúp tăng cường phát triển kinh tế	2,0	
Tiêu chí 2	Hành xử chuyên nghiệp/5,0	
	Chỉ báo 1: Tham gia phản biện và xây dựng chính sách kinh tế nhằm thực hiện chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	3,0	

	Chỉ báo 2: Ủng hộ tư tưởng gắn tăng trưởng kinh tế với tiên bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển.	2,0	
Điểm số của CLO2.1.1.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
CLO 2.2.2.1. (Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 3,5, tỷ trọng: 35%]	/10	
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Khả năng phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội phức tạp và đưa ra các giải pháp hợp lý.	3,0	
	Chỉ báo 2: Kỹ năng ra quyết định dựa trên dữ liệu và thông tin chính xác.	3,0	
	Chỉ báo 3: Khả năng sáng tạo và đề xuất các giải pháp mới mẻ, hiệu quả.	4,0	
Điểm số của CLO2.2.2.1: Điểm TC1*100%			
CLO3.1.1.1. (Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 3,5, tỷ trọng: 5%]	/10	
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích các vấn đề kinh tế toàn cầu	1,0	
	Chỉ báo 2: Xây dựng mối quan hệ hợp tác và giao tiếp hiệu quả với các thành viên trong nhóm để giải quyết các thách thức liên quan đến quản lý phát triển kinh tế	1,0	
	Chỉ báo 3: Đóng vai trò tích cực trong việc phân chia công việc và quản lý thời gian để đạt được các mục tiêu chung của nhóm	2,0	
	Chỉ báo 4: Thể hiện kỹ năng lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong quá trình giải quyết vấn đề	2,0	
	Chỉ báo 5: Giải quyết các mâu thuẫn và khó khăn nội bộ trong nhóm một cách xây dựng và hiệu quả	2,0	
	Chỉ báo 6: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích các vấn đề kinh tế toàn cầu và đề xuất giải pháp	2,0	
Điểm số của CLO3.1.1.1: Điểm TC*100%			
CLO3.2.1.1. (Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong các hoạt động liên quan đến quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 5%]	/10	
Tiêu chí 1	Trình bày được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức/4,0	

	Chỉ báo 1: Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc logic	2,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày rõ ý tưởng dự án, lối viết cô đọng, văn phong khoa học	1,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh, các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	
Tiêu chí 2	Thiết kế được slide/video đảm bảo tính dễ nhìn, logic, cân đối/3,0	
	Chỉ báo 1: Slide phải trình bày tóm tắt, ngắn gọn tầm nhìn của dự án, vấn đề mà dự án đang giải quyết, thị trường/khách hàng mục tiêu của dự án, giải pháp sáng tạo; chiến lược/kế hoạch dự án và đội ngũ của dự án	1,0	
	Chỉ báo 2: Mỗi slide không quá 5 dòng, mỗi dòng không quá 10 chữ, font chữ từ 30 trở lên	1,0	
	Chỉ báo 3: Các hình ảnh, con số, biểu đồ sử dụng để minh họa các luận điểm của dự án được trình bày nổi bật, đơn giản, có tính đại diện cao	1,0	
Tiêu chí 3	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi/3,0	
	Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ thông tin trong thời gian cho phép	1,0	
	Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, giọng điệu, ngôn ngữ phù hợp, thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
	Chỉ báo 3: Trả lời đầy đủ câu hỏi đặt ra bởi người nghe, số lượng câu trả lời sai hoặc không đúng trọng tâm không quá 20%	1,0	
Điểm số của CLO3.2.1.1: Điểm TC1*40% + TC2*30%+ TC3*30%			
CLO4.2.1.1. (Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 5%]	/10	
Tiêu chí	Hình thành ý tưởng về dự án/10	
	Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết khoa học hoặc yêu cầu thực tiễn về dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4,0	
	Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án	3,0	
Điểm số của CLO4.2.1.1: Điểm TC*100%			
Điểm bài đánh giá kỹ năng: Điểm CLO2.1.1.1*20% + Điểm CLO2.2.1.1*20% + Điểm CLO2.2.2.1*20% + Điểm CLO3.1.1.1*20% + Điểm CLO3.2.1.1*10% + Điểm CLO4.2.1.1*10%			

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình

[1] Trần Thị Hoàng Mai (chủ biên), *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Đại học Vinh, 2019.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Đỗ Hoàng Toàn, *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2008.

[2] Phan Huy Đường, *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/ chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÁC QUỐC GIA (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 4 tiết; tự học: 18 tiết; khảo sát thực tế: 1 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học qua bài giảng E-Learning (LMS) về các kiến thức về nhà nước và vai trò của nhà nước trong quá trình phát triển Hoàn thành 01 Bài thảo luận trên hệ thống Elearning (LMS)	CLO1.1.2.1.	A1.3.
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.3 (trang 30-40), mục 1.4 (trang 4-5), mục 1.5 (trang 5-7).	CLO1.1.2.1.	
	Giai đoạn 2	1	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 1.2. Quản lý nhà nước về kinh tế 1.2.1. Khái niệm và đặc điểm quản lý nhà nước về kinh tế 1.2.2. Vai trò QLNN về kinh tế 1.2.3. QLNN về kinh tế - nhân tố của ổn định và tăng trưởng kinh tế - xã hội quốc gia 1.3. Quản lý nhà nước về xã hội	CLO1.1.2.1.	

			<p>1.3.1. Khái niệm</p> <p>1.3.2. Chủ thể và khách thể quản lý nhà nước về xã hội</p> <p>1.3.3. Đặc điểm quản lý nhà nước về xã hội</p> <p>1.3.4. Nguyên tắc quản lý nhà nước về xã hội</p> <p><i>Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề</i></p>		
		1	Câu hỏi phát vấn: Vì sao nhà nước phải quản lý nền kinh tế?	CLO1.1.2.1.	
		1	Thảo luận nhóm: Thảo luận nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về xã hội.	CLO1.1.2.1.	
		1	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy.	CLO1.1.2.1.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.1.	
	Giai đoạn 3	8	Làm bài tập chương 1 (trang 10 - 15) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO1.1.2.1.	
2	Chương 2. CHỨC NĂNG VÀ NỘI DUNG CỦA QLNN VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 5 tiết; tự học: 18 tiết; khảo sát thực tế: 1 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về chức năng quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	CLO1.1.2.2.	A1.1.
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 2.2 (trang 70-80) và mục 2.3 (trang 39-56)	CLO1.1.2.2.	
	Giai đoạn 2	2	<p><i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i></p> <p>2.2. Nội dung chủ yếu quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội trong điều kiện thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa</p> <p>2.2.1. Khái quát những nội dung chủ yếu của QLNN về kinh tế</p> <p>2.2.2. Đổi mới QLNN về kinh tế ở Việt Nam</p> <p>2.3. Chức năng và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội</p> <p>2.3.1. Chức năng quản lý nhà nước về xã hội</p> <p>2.3.2. Đổi mới nội dung quản lý nhà nước về xã hội</p> <p><i>Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề</i></p>	CLO1.1.2.2.	A1.3.
		1	Câu hỏi phát vấn: Nội dung chủ yếu của quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội theo các cách tiếp cận khác nhau?	CLO1.1.2.2.	

		1	Thảo luận nhóm: Thảo luận nội dung liên quan đến đổi mới QLNN về kinh tế ở Việt Nam	CLO1.1.2.2.	
		1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy.	CLO1.1.2.2.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.2.	
	Giai đoạn 3	8	Làm bài tập chương 2 (trang 53-54) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [3]	CLO1.1.2.2.	
3	Chương 3. HỆ THỐNG CÔNG CỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 5 tiết; tự học: 18 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về tổng quan hệ thống công cụ quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	CLO1.1.2.3.	A1.1.
Hoàn thành bài tập luyện tập số 1 trên hệ thống Elearning (LMS)			CLO1.1.2.3.	A1.3	
Hoàn thành bài tập luyện tập số 2 trên hệ thống Elearning (LMS)			CLO1.1.2.3	A1.3	
10		Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 3.3 (trang 60-83), mục 3.4 (trang 68-88), mục 3.5 (trang 80-88).	CLO1.1.2.3.		
	Giai đoạn 2	2	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 3.2. Vận dụng các công cụ trong quản lý nhà nước về kinh tế xã hội ở việt nam 3.2.1. Thực trạng sử dụng các công cụ trong QLNN về kinh tế - xã hội ở Việt Nam 3.2.2. Phương hướng và giải pháp chủ yếu tăng cường vận dụng các công cụ quản lý <i>Phương pháp dạy học: Trực quan, thuyết giảng, giải quyết vấn đề</i>	CLO1.1.2.3.	
1			Câu hỏi phát vấn: Hãy phân tích các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế. Minh họa bằng các ví dụ thực tiễn.	CLO1.1.2.3.	
1			Thảo luận nhóm: Thực trạng sử dụng các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay? Giải pháp tăng cường sử dụng các công cụ này.	CLO1.1.2.3.	
1			Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy.	CLO1.1.2.3.	
2			Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.3.	

	Giai đoạn 3	10	Làm bài tập chương 3 (trang 102) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO1.1.2.3.	
5	Chương 4. TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 5 tiết; tự học: 18 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về những vấn đề chung của bộ máy hành chính nhà nước	CLO1.1.2.4.	A1.1.
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 4.2 (trang 123-134)	CLO1.1.2.4.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 4.2. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở trung ương 4.2.1. Vai trò của hành chính nhà nước ở trung ương 4.2.2. Các mô hình tổ chức bộ máy của hành chính nhà nước ở trung ương 4.2.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của hành chính nhà nước ở trung ương 4.3. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương 4.3.1. Vai trò của hành chính nhà nước ở địa phương 4.3.2. Các mô hình tổ chức bộ máy của hành chính nhà nước ở địa phương 4.3.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của hành chính nhà nước ở địa phương 4.4. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước của nước cộng hòa xhcn việt nam 4.4.1. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở trung ương 4.4.2. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương 4.4.3 Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước <i>Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề</i>	CLO1.1.2.4.	A2.1.
		1	Thảo luận nhóm: Phân tích ngắn gọn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở trung ương và tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương? Các giải pháp	CLO1.1.2.4.	

			cải cách tổ chức bộ máy hành chính của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.		
		1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4 bằng sơ đồ tư duy.	CLO1.1.2.4.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.4.	
	Giai đoạn 3	8	Làm câu hỏi Chương 4 (trang 130 - 165) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO1.1.2.4.	

Chương 5. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI
(Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 5 tiết; tự học: 18 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết)

	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về khái niệm và phân loại cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	CLO1.1.2.4.	A1.1.
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 5.2 (trang 223-234)	CLO1.1.2.4.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 5.2. Vai trò và yêu cầu đối với cán bộ qlnn về kinh tế - xã hội 5.2.1. Vai trò 5.2.2. Yêu cầu 5.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ qlnn về kinh tế - xã hội ở Việt Nam phù hợp với vận hành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN 5.3.1. Thực trạng đội ngũ cán bộ QLNN về kinh tế - xã hội ở Việt Nam 5.3.2. Phương hướng xây dựng đội ngũ cán bộ QLNN về kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ mới 5.3.3. Giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ QLNN về kinh tế - xã hội phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN <i>Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề</i>	CLO1.1.2.4.	A2.1.
		1	Thảo luận nhóm: Thảo luận nội dung liên quan đến thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam? Các giải pháp nhằm nâng cao chất	CLO1.1.2.4.	

			lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.		
		1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4 bằng sơ đồ tư duy.	CLO1.1.2.4.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.4.	
	Giai đoạn 3	8	Làm câu hỏi Chương 5 (trang 130 - 165) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO1.1.2.4.	
5	Đánh giá cuối kỳ		Đánh giá kết thúc học phần theo ma trận A2.1	CLO1.1.2.2. CLO1.1.2.4.	A2.1
6	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi thi kết thúc học phần A2.1	Đăng ký xem kết quả thi kết thúc học phần	

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../...../2023
		Số trang: 57/18

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Minh Phượng

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0942.726.777; Email: phuongntm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế phát triển

Giảng viên 2: TS.GVC. Nguyễn Thị Thúy Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0916.605.469 Email: vinhntt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, kinh tế phát triển

Giảng viên 3: TS. Trần Thị Thanh Tâm

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0982.177.287 Email: tamttt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, kinh tế phát triển

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ (tiếng Anh): Scientific Economic Research Methods	
- Mã số học phần: ECO82006	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: { <i>Học phần chung cho nhiều ngành: Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán</i> }	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	
+ Số tiết học Elearning: 13	
+ Số tiết thực tế: 32	
+ Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: { <i>ghi tên HP nếu có</i> }	Mã số HP: { <i>ghi MS HP</i> }
+ Học phần học trước: { <i>ghi tên HP nếu có</i> }	Mã số HP: { <i>ghi MS HP</i> }

+ Học phân song hành: {ghi tên HP nếu có}	Mã số HP: {ghi MS HP}
- Yêu cầu của học phần {giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu}: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%. + Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Kinh tế	

2. Mô tả học phần

Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế sẽ giúp học viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề nghiên cứu, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề, chuyển vấn đề nghiên cứu thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Học viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu và sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Do đó kết quả nghiên cứu không thể giải thích toàn bộ, nó chỉ mang giá trị giải thích một phần hiện thực. Thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế là cách tốt nhất để học môn học này.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.1	Áp dụng được các kiến thức chung về triết học, phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Thực hiện tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {Mức 3}
2.1.2	Sử dụng kỹ năng chuyên đổi số và các công nghệ số trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {Mức 3}
3.1.1	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực chuyên môn	2,5 {Mức 3}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế một cách khoa học	3,5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.1.1	Áp dụng được các kiến thức chung về triết học trong hoạt động Quản lý kinh tế	1.1.1	15%	2,5 {Mức 3}
1.1.1.2	Áp dụng được các kiến thức chung về phương pháp nghiên cứu khoa học trong hoạt động Quản lý kinh tế	1.1.1	15%	2,5 {Mức 3}

1.1.1.3	Áp dụng được các kiến thức chung về phương pháp nghiên cứu khoa học để xác định tầm nhìn, chiến lược doanh nghiệp	1.1.1	20%	2,5 {Mức 3}
1.1.1.4	Áp dụng được các kiến thức chung về phương pháp nghiên cứu khoa học để đạt được mục tiêu quản lý của doanh nghiệp	1.1.1	20%	2,5 {Mức 3}
2.1.1.1	Thực hiện được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2.1.1	10%	2,5 {Mức 3}
2.1.2.1	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và các công nghệ số trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2.1.2	40%	2,5 {Mức 3}
3.1.1.1	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực chuyên môn	3.1.1	10%	2,5 {Mức 3}
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế một cách khoa học	4.2.2	5%	3,5 {Mức 4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO1.1.1.1	1.5	20%	Thông kê LMS
A1.2	CLO1.1.1.2	1.5	10%	Thảo luận LMS
	CLO2.1.1.1	2,5	10%	
A1.3	CLO1.1.1.3	2,5	10%	Bài tập 1 (LMS)
	CLO3.1.1.1	2,5	20%	
	CLO1.1.1.4	1.5	10%	Bài tập 2 (LMS)
CLO2.1.2.1	2,5	15%		
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO1.1.1.4	2,5	50%	Đánh giá kết thúc học phần
	CLO4.2.2.1	2,5	50%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

4.2. Ma trận bài Thảo luận theo chủ đề trên hệ thống LMS (A1.2)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.1.2	Mức 3	1	4,0	2,0	Áp dụng được các kiến thức chung về phương pháp nghiên cứu khoa học trong hoạt động Quản lý kinh tế
2.1.1.1	Mức 3	1	6,0	3,0	Thực hiện tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong lĩnh vực Quản lý kinh tế .
Tổng			10	5,0	

4.3. Ma trận bài tập tự luận trên hệ thống LMS (A1.3)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
Bài tập tự luận số 1					
1.1.1.3	Mức 3	1	4,0	2,0	Áp dụng được các kiến thức chung về phương pháp nghiên cứu khoa học để xác định tầm nhìn, chiến lược doanh nghiệp
3.1.1.1	Mức 4	1	6,0	3,0	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực chuyên môn
Tổng			10	5,0	
Bài tập tự luận số 2					
1.1.1.4	Mức 3	1	4,0	2,0	Áp dụng được các kiến thức chung về phương pháp nghiên cứu khoa học để đạt được mục tiêu quản lý của doanh nghiệp
2.1.2.1	Mức 4	1	6,0	3,0	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và các công nghệ số trong lĩnh vực Quản lý kinh tế
Tổng			10	5,0	

4.3. Ma trận bài thi tự luận cuối kỳ (A2.1)

Chuẩn đầu ra	Số câu hỏi	Điểm số	Số điểm cần	Mô tả yêu cầu cơ bản
--------------	------------	---------	-------------	----------------------

CLO			theo MNL	đạt (50%)	
1.1.1.4	Mức 2	1	2,0		Đưa ra một số phương pháp phân tích về định tính để phân tích đề tài
	Mức 3	1	3,0	1,5	Đưa ra một số phương pháp phân tích về định lượng để phân tích đề tài
4.2.2.1	Mức 2	1	2,0		Đặt tên đề tài có chủ đề về quản trị kinh doanh
	Mức 3	1	3,0	1,5	Thiết kế một đề cương của một đề tài
Tổng			10	3,0	

4.3. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
 ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO CẤP 2
 Khoa Kế toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ A2.1

- Nhóm:
- Lớp:
- Học phần:
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số đánh giá	Điểm chấm của GV
CLO 1.1.1.4 (Áp dụng được các kiến thức chung về phương pháp nghiên cứu khoa học để đạt được mục tiêu quản lý của doanh nghiệp) [Mức năng lực: 2,5]	/10	
Tiêu chí 1	Sử dụng được kiến thức chung về phương pháp nghiên cứu định lượng	4,0	
	Chỉ báo 1: Xây dựng thuyết minh nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc logic	2,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày rõ ý tưởng nghiên cứu khoa học lối viết cô đọng, văn phong khoa học	1,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh, các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	
Tiêu chí 2	Sử dụng được kiến thức chung về phương pháp nghiên cứu định tính	3,0	
	Chỉ báo 1: Chỉ rõ sử dụng hình thức nào để thu thập tài liệu	1,0	
	Chỉ báo 2: Chỉ rõ áp dụng tổng hợp tài liệu ra sao	1,0	
	Chỉ báo 3: Các hình ảnh, con số, biểu đồ sử dụng để minh họa các luận điểm của nghiên cứu khoa học được trình bày nổi bật, đơn giản, có tính đại diện cao	1,0	
Tiêu chí 3	Trình bày phương pháp nghiên cứu cho đề tài	3,0	

	Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ thông tin trong thời gian cho phép	1,0	
	Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, giọng điệu, ngôn ngữ phù hợp, thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
	Chỉ báo 3: Trả lời đầy đủ câu hỏi đặt ra bởi người nghe, số lượng câu trả lời sai hoặc không đúng trọng tâm không quá 20%	1,0	
Điểm số của CLO2.1.2.1: Điểm TC1*10% + TC2*10%+ TC3*10%			
CLO 4.2.2.1. (Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực kế toán một cách khoa học) [MNL: 3.5]	/10	
Tiêu chí 1	Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	5	
	Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện phù hợp với từng mục tiêu của nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	3,0	
	Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	2,0	
Tiêu chí 2	Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	5	
	Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung	3,0	
	Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch hiệu quả	2,0	
Điểm số của CLO 4.2.2.1: Điểm TC1*15% + TC2*15%			

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình

[1] Vũ Cao Đàm, *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2024.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1] Mark Saunders, Philip Lewis, Adirian Thornhill, *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, Nhà xuất bản tài chính, 2010.

[3] Nguyễn Văn Thắng, *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2015.

[4] Đinh Phi Hồ, *Phương pháp định lượng trong nghiên cứu quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế*, NXB Tài chính, 2020.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương/chủ đề/Bài 1: CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KINH TẾ (Học qua bài giảng E-learning: 1 tiết; học trên lớp: 3 tiết, thảo luận: 2 tiết; tự học: 15 tiết)				

Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 1.1. Các khái niệm về khoa học và nghiên cứu 1.2. Đặc điểm của nghiên cứu khoa học 1.3. Các loại nghiên cứu 1.4. Phạm vi và vai trò của nghiên cứu kinh tế	CLO. 1.1.1.1	A1.1 A1.3
	3	Làm bài tập trên LMS: Bài phân loại nghiên cứu khoa học, Các mô hình nghiên cứu khoa học, Khái niệm và vai trò của nghiên cứu khoa học kinh tế, quản trị kinh doanh	CLO. 1.1.1.2	A1.1 A1.3
	7	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 1.5. Các bước tiến hành quá trình nghiên cứu 1.5.1. Vai trò vị trí, ý nghĩa của nghiên cứu khoa học 1.5.2. Các bước tiến hành nghiên cứu	CLO. 2.1.1.1	A1.1 A1.3
	2	Thảo luận về Ý nghĩa, vai trò của nghiên cứu khoa học, Phân biệt các loại nghiên cứu,	CLO. 2.1.2.1	A1.1 A1.3
Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	3	Nghe giảng về 1.5. Các bước tiến hành quá trình nghiên cứu 1.5.1. Vai trò vị trí, ý nghĩa của nghiên cứu khoa học 1.5.2. Các bước tiến hành nghiên cứu	CLO.3.1.1.1	A1.2
	1	Thực hành Các bước tiến hành nghiên cứu	CLO.2.2.1.1	A1.1 A1.3
	1	Thảo luận nhóm về Xu hướng nghiên cứu khoa học hiện nay, Nguyên tắc, quy trình nghiên cứu khoa học;	CLO.3.1.1.1	A1.1 A1.3
Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	8	Ôn tập tổng quan về nghiên cứu kinh tế	CLO.4.2.2.1	A1.1 A1.3
2	Chương/chủ đề/Bài 2: CHƯƠNG 2. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 3 tiết, thảo luận: 2 tiết; tự học: 15 tiết)			

	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 2.1. Các cách thức và kỹ năng xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu 2.1.1. Tầm quan trọng của việc xác định đúng vấn đề 2.1.2. Những xem xét khi lựa chọn vấn đề nghiên cứu	CLO. 1.1.1.2	A1.1 A1.2
		2	Làm bài tập trên LMS: Các cách thức và kỹ năng xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu	CLO. 1.1.1.2	A1.1 A1.2
		8	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 1.5. Các bước tiến hành quá trình nghiên cứu 1.5.1. Vai trò vị trí, ý nghĩa của nghiên cứu khoa học 1.5.2. Các bước tiến hành nghiên cứu	CLO. 2.1.1.1	A1.1 A1.2
		2	Thảo luận về Các bước tiến hành nghiên cứu	CLO. 2.1.2.1	A1.2
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	3	Nghe giảng về 2.2. Cách thiết lập câu hỏi và giả thiết nghiên cứu tương ứng với các chủ đề nghiên cứu trong khoa học kinh tế 2.3. Các bước xác lập đề tài nghiên cứu 2.4. Đặt tên đề tài	CLO.3.1.1.1	A1.1 A1.2
		1	Thực hành Các bước tiến hành nghiên cứu	CLO.2.2.1.1	A1.1 A1.2
		1	Thảo luận nhóm về Cách thiết lập câu hỏi và giả thiết nghiên cứu tương ứng với các chủ đề nghiên cứu trong khoa học kinh tế	CLO.3.1.1.1	A1.1 A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	5	Ôn tập xác lập đề tài nghiên cứu, đặt tên đề tài	CLO.4.2.2.1	A1.1 A1.2
		3	Làm bài tập/ thực hành xác lập đề tài nghiên cứu, đặt tên đề tài	CLO. 1.1.1.2	A1.1 A1.2
	3	Chương/chủ đề/Bài 3: CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU (Học qua bài giảng E-learning: 5 tiết; học trên lớp: 9 tiết, thảo luận: 2 tiết; tự học: 3 tiết)			

Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 3.1. Các phương pháp thu thập dữ liệu 3.2.1. Xác định dữ liệu cần thu thập 3.2.2. Phân loại dữ liệu 3.2.3. Các phương pháp thu thập	CLO. 1.1.1.3	A1.1 A2.1
	1	Làm bài tập trên LMS: Các phương pháp thu thập dữ liệu	CLO. 1.1.1.3	A1.1 A2.1
	13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 3.2. Các phương pháp trình bày dữ liệu 3.3.1. Phương pháp phân tổ 3.3.2. Phương pháp bảng thống kê 3.3.3. Phương pháp đồ thị 3.3.4. Hoạt động nhóm chuyên gia	CLO. 2.1.1.1	A1.1 A2.1
	1	Thảo luận về Các phương pháp trình bày dữ liệu	CLO. 2.1.2.1	A1.1 A2.1
Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	9	Nghe giảng về 3.2. Các phương pháp trình bày dữ liệu 3.3.1. Phương pháp phân tổ 3.3.2. Phương pháp bảng thống kê 3.3.3. Phương pháp đồ thị 3.3.4. Hoạt động nhóm chuyên gia	CLO.3.1.1.1	A1.1 A2.1
	2	Thực hành Các phương pháp trình bày dữ liệu	CLO.2.1.1.1	A1.1 A2.1
	2	Thảo luận nhóm về Các phương pháp thu thập dữ liệu và trình bày dữ liệu	CLO.3.1.1.1	A1.1 A2.1
Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	4	Ôn tập Các phương pháp thu thập dữ liệu và trình bày dữ liệu	CLO.4.2.2.1	A1.1 A2.1
	11	Làm bài tập/Thực hành các phương pháp thu thập dữ liệu và trình bày dữ liệu	CLO. 1.1.1.2	A1.1 A2.1
4	Chương/chủ đề/Bài 4: CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH DỮ LIỆU (Học qua bài giảng E-learning: 5 tiết; học trên lớp: 9 tiết, thảo luận: 2 tiết; tự học: 3 tiết)			
Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 4.1. Những yêu cầu có tính nguyên tắc cần được tuân thủ trong phân tích 4.2.Các đại lượng đo lường	CLO. 1.1.1.4	A1.1 A1.3
	2	Làm bài tập trên LMS: Các đại lượng đo lường	CLO. 1.1.1.4	A1.1 A1.3

		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 4.3. Các phương pháp phân tích 4.3.1. Phương pháp so sánh 4.3.2. Phương pháp dãy số 4.3.3. Phương pháp thay thế liên hoàn 4.3.4. Phương pháp tính số chênh lệch 4.3.5. Phương pháp chỉ số	CLO. 2.1.1.1	A1.1 A1.3
		3	Thảo luận về Các phương pháp phân tích	CLO. 2.1.2.1	A1.1 A1.3
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	5	Nghe giảng về 4.3. Các phương pháp phân tích 4.3.1. Phương pháp so sánh 4.3.2. Phương pháp dãy số 4.3.3. Phương pháp thay thế liên hoàn 4.3.4. Phương pháp tính số chênh lệch 4.3.5. Phương pháp chỉ số	CLO.3.1.1.1	A1.1 A1.3
		2	Thực hành Các phương pháp phân tích	CLO.2.1.1.1	A1.1 A1.3
		2	Thảo luận nhóm về phương pháp phân tích	CLO.3.1.1.1	A1.1 A1.3
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	3	Ôn tập các phương pháp phân tích	CLO.2.1.1.1	A1.1 A1.3
		4	Làm bài tập/Thực hành phương pháp phân tích	CLO. 1.1.1.4	A1.1 A1.3
5	Chương/chủ đề/Bài 5: CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP VIẾT LUẬN VĂN THẠC SỸ (Học qua bài giảng E-learning: 5 tiết; học trên lớp: 3 tiết, thảo luận: 2 tiết; tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1	5	Học bài giảng E-Learning (LMS) về	CLO. 1.1.1.3	A1.1 A1.3


{Trước khi đến lớp}		<p>5.1. Quá trình viết báo cáo nghiên cứu</p> <p>5.1.1. Lên kế hoạch viết báo cáo nghiên cứu</p> <p>5.1.2. Thiết kế báo cáo</p> <p>5.1.3. Cơ cấu bài viết</p> <p>5.1.4. Lựa chọn phong cách viết</p> <p>5.1.5. Lên thời gian biểu viết báo cáo</p> <p>5.2. Nội dung của báo cáo nghiên cứu</p> <p>5.2.1. Lời giới thiệu</p> <p>5.2.2. Những vấn đề chung có liên quan đến vấn đề nghiên cứu</p> <p>5.2.3. Phương pháp nghiên cứu</p> <p>5.2.4. Kết quả nghiên cứu</p> <p>5.2.5. Kết luận</p> <p>5.2.6. Tài liệu tham khảo và phụ lục</p>		
	3	Làm bài tập trên LMS: Bài Quá trình viết báo cáo nghiên cứu	CLO. 1.1.1.3	A1.1 A1.3
	5	<p>Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2:</p> <p>5.3. Trình bày báo cáo nghiên cứu</p> <p>5.3.1. Xét duyệt đề cương và hướng dẫn chỉnh sửa phiếu phỏng vấn nghiên cứu</p> <p>5.3.2. Học viên trình bày đề cương và bảng câu hỏi</p> <p>5.3.3. Trình bày các dữ liệu định tính</p> <p>5.3.4. Trình bày các dữ liệu định lượng</p> <p>5.4. Trình bày kết quả nghiên cứu</p> <p>5.4.1. Phân tích môi trường</p> <p>5.4.2. Xem xét các lựa chọn</p> <p>5.4.3. Xây dựng bài trình bày</p> <p>5.4.4. Truyền đạt thông điệp</p> <p>5.4.5. Đánh giá sự phản hồi</p>	CLO. 2.1.1.1	A1.1 A1.3
	2	Thảo luận về Quá trình viết báo cáo nghiên cứu	CLO. 2.1.1.1	A1.1 A1.3

Giai đoạn 2 {Ở lớp}	3	Nghe giảng về 5.3. Trình bày báo cáo nghiên cứu 5.3.1. Xét duyệt đề cương và hướng dẫn chỉnh sửa phiếu phỏng vấn nghiên cứu 5.3.2. Học viên trình bày đề cương và bảng câu hỏi 5.3.3. Trình bày các dữ liệu định tính 5.3.4. Trình bày các dữ liệu định lượng 5.4. Trình bày kết quả nghiên cứu 5.4.1. Phân tích môi trường 5.4.2. Xem xét các lựa chọn 5.4.3. Xây dựng bài trình bày 5.4.4. Truyền đạt thông điệp 5.4.5. Đánh giá sự phản hồi	CLO.3.1.1.1	A1.1 A1.3
	5	Thực hành/ thực tế Quá trình viết báo cáo nghiên cứu	CLO.2.1.2.1	A1.1 A1.3
	3	Bài tập viết đề cương nghiên cứu	CLO.3.1.1.1	A1.1 A1.3
Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	4	Ôn tập đề cương nghiên cứu	CLO.2.1.2.1	A1.1 A1.3
	7	Làm bài tập/ thực hành đề cương nghiên cứu	CLO. 1.1.1.2	A1.1 A1.3
Bài thi kết thúc HP		Tự luận theo ma trận bài thi A2.1	CLO. 1.1.1.4 CLO.4.2.2.1	A2.1
Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3




PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'P' and 'V' followed by a horizontal line.

PGS.TS. Nguyễn Văn Phú



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KINH TẾ QUỐC TẾ NÂNG CAO**

Lần ban hành: **01**

Ngày ban hành:...../..../**202.....**

Số trang: **70/2**

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS.GVC. Nguyễn Thị Bích Liên

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0914.151.057 Email: lienntb@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển

Giảng viên 3: TS. Trần Thị Thanh Tâm

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0982.177.287 Email: tamttt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, kinh tế quốc tế

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): KINH TẾ QUỐC TẾ NÂNG CAO	(tiếng Anh):
Advanced international economics	
- Mã số học phần: ECM82007	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: { <i>Học phần tự chọn ngành Quản lý kinh tế</i> }	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung <input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 03 + Số tiết lí thuyết: 45 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết thực tế: 0 + Số tiết dạy học dự án: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: không + Học phần song hành: không	
- Yêu cầu của học phần:	

+ Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%.
+ Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS
+ Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm
+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Kinh tế

2. Mô tả học phần

Học phần Kinh tế quốc tế nâng cao thuộc phân kiến thức tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các quan hệ kinh tế quốc tế; những lý luận về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế kinh tế quốc tế. Vận dụng các kiến thức đó vào giải quyết có hiệu quả các vấn đề thực tiễn kinh tế quốc tế.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {K3}
2.1.1	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
2.2.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {A3}
3.1.1	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.2.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.1.1	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Vận dụng được kiến thức nâng cao về Kinh tế quốc tế vào đánh giá thực tiễn quản lý kinh tế	1.1.2	3%	2,5 {K3}

1.1.2.2	Vận dụng được kiến thức về thương mại quốc tế vào đánh giá thực tiễn thương mại quốc tế ở Việt Nam			3%	
1.1.2.3	Vận dụng được kiến thức về đầu tư quốc tế vào đánh giá thực tiễn đầu tư quốc tế ở Việt Nam			2%	
1.1.2.4	Vận dụng các lý thuyết về tỷ giá hối đoái để đánh giá tác động của tỷ giá hối đoái đến các quan hệ kinh tế quốc tế			2%	
2.1.1.1	Áp dụng được tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong việc ra quyết định giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý kinh tế	2.1.1		10%	3,5 {S4}
2.2.1.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh tế quốc tế	2.2.1		30%	3,5 {S4}
3.1.1.1	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến các quan hệ kinh tế quốc tế	3.1.1		10%	3,5 {S4}
3.2.1.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực kinh tế quốc tế	3.2.1		10%	2,5 {K3}
4.1.1.1	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	4.1.1		10%	2,5 {S3}
4.2.1.1	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	4.2.1		5%	2,5 {A3}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO. 1.1.2.1; CLO. 1.1.2.2; CLO. 1.1.2.3; CLO. 1.1.2.4	2,5	15%	LMS thống kê

A1.2	CLO. 2.1.1.1; CLO. 2.2.1.1; CLO. 3.1.1.1; CLO. 3.2.1.1	2,5	25%	Bài thảo luận
A1.3	CLO. 4.1.1.1	2,5	30%	Bài tập tự luận số 1
	CLO. 4.2.1.1	2,5	30%	Bài tập tự luận số 2
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO. 1.1.2.1	2,5	30%	Tiểu luận
	CLO. 4.1.1.1	3,5	30%	
	CLO. 4.2.1.1	3,5	40%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 45\% + A2.2 \times 55\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài thi tự luận (tiểu luận)

Bảng 2. Ma trận đề tiểu luận A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Chủ đề Tiểu luận	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.2. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5	Đánh giá được các quan hệ kinh tế quốc tế
Tổng		1	10	5.0	

4.3. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.2 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
2.1.1.1 2.2.1.1 3.1.1.1 3.2.1.1	Mức 3	1 câu	10	5	Phân tích được các quan hệ quốc tế về di chuyển nguồn lực
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.3.1 (01 bài tập luyện tập)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
4.1.1.1. (100%)	Mức 3	1 câu	5,0	2,5	Phân tích được quan hệ kinh tế quốc tế
Tổng		10	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3.2 (01 bài tập luyện tập)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
4.2.1.1 (100%)	Mức 3	1 câu	5,0	2,5	Đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại

Tổng	10	10	5,0	
-------------	-----------	-----------	------------	--

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A1

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../.....
2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
3. Học phần:
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số	Điểm năng lực
CLO 2.1.2.1 (Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số và ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để hoàn thành các nhiệm vụ học tập) [mức năng lực: 2,5]	/10	
<i>Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số</i>			
Tiêu chí 1	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành đúng hạn và có chất lượng từ 80-100% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	2,0	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành đúng hạn và có chất lượng từ 60-80% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	1,0	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành đúng hạn và có chất lượng từ 50-70% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	1,0	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	1,0	
<i>Vận dụng được kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản</i>			
Tiêu chí 2	Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành có chất lượng từ 80-100% các nhiệm vụ học tập và đảm bảo chất lượng	2,0	
	Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành có chất lượng từ 60-80% các nhiệm vụ học tập	2,0	
	Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành có chất lượng từ 50-70% các nhiệm vụ học tập và đảm bảo chất lượng	3,0	
	Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập	3,0	
Điểm số của CLO2.1.2.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
Điểm bài đánh giá: Điểm TC1*50% + TC2*50%			

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bảng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- Tỷ lệ % hoàn thành MNL cần đạt của CLO2.1.2.1 = $\frac{\text{Điểm số của CLO2.1.2.1}}{10} \times 100\%$;

- Điểm năng lực của CLO2.1.2.1 được quy đổi từ tỷ lệ % hoàn thành MNL cần đạt theo Bảng 1 ứng với Mức 3.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Bài đánh giá A2

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../.../.....

2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:

3. Học phần:

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO2.1.1.1. (Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về kinh tế quốc tế) [Mức năng lực: 2,5]	/10	
Tiêu chí 1	Áp dụng được tư duy phản biện/5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích các điểm mạnh điểm yếu của Việt Nam khi tham gia vào nền kinh tế thế giới	1,0	
	Chỉ báo 2: Áp dụng các nguyên lý kinh tế để phân tích và đưa ra giải pháp cho các vấn đề về phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế	2,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng tư duy logic và phản biện để đưa ra các luận điểm và giải pháp hợp lý.	2,0	
Kỹ năng giải quyết vấn đề	/5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Đề xuất các biện pháp cụ thể để thúc đẩy phát triển kinh tế	2,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá các ảnh hưởng của các chính sách kinh tế đối với các quan hệ kinh tế quốc tế	3,0	
Điểm số của CLO2.1.1.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
CLO4.2.1.1. (Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến kinh tế quốc tế) [Mức năng lực: 3,5]	/10	
Xây dựng ý tưởng dự án có tính sáng tạo	/3,0	

Tiêu chí 1	Chỉ báo 1: Ý tưởng dự án cải tiến sản phẩm/dịch vụ hiện có trên thị trường	0,5
	Chỉ báo 2: Ý tưởng dự án cải tiến cách thức kinh doanh sản phẩm/dịch vụ hiện có trên thị trường	0,5
	Chỉ báo 3: Ý tưởng dự án cải tiến sản phẩm/dịch vụ hiện có và cách thức kinh doanh sản phẩm/dịch vụ hiện có trên thị trường	0,5
	Chỉ báo 4: Ý tưởng dự án cho phép sản xuất ra sản phẩm/dịch vụ mới chưa có trên thị trường	0,5
	Chỉ báo 5: Ý tưởng dự án cho phép tạo ra cách thức kinh doanh mới chưa có trên thị trường	0,5
	Chỉ báo 6: Ý tưởng dự án cho phép tạo ra sản phẩm/dịch vụ hoàn toàn mới và/hoặc mô hình kinh doanh hoàn toàn mới trên thị trường	0,5
Tiêu chí 2	Xây dựng ý tưởng dự án có tính khả thi	.../4,0
	Chỉ báo 1: Ý tưởng dự án phục vụ lợi ích cho số đông người tiêu dùng trong xã hội	0,5
	Chỉ báo 2: Ý tưởng dự án cung cấp giải pháp hoàn chỉnh giải quyết nhu cầu của khách hàng dựa trên công nghệ hiện tại	0,5
	Chỉ báo 3: Nhóm dự án có đủ năng lực chuyên môn để triển khai ý tưởng tại thời điểm hiện tại	0,5
	Chỉ báo 4: Nhóm dự án đã phân tích toàn diện các thuận lợi, khó khăn nếu thực hiện dự án trên thực tế	0,5
	Chỉ báo 5: Nhóm dự án đã phân tích được các rủi ro và đề xuất giải pháp khắc phục nếu thực hiện dự án trên thực tế	0,5
	Chỉ báo 6: Nhóm dự án chứng minh được khả năng tăng trưởng/tác động của dự án trong tương lai	0,5
	Chỉ báo 7: Nhóm dự án chứng minh được khả năng hoàn vốn và thu lợi nhuận của dự án trong tương lai	1,0
Tiêu chí 3	Xây dựng kế hoạch triển khai ý tưởng dự án	.../4,0
	Chỉ báo 1: Xác định trình tự các bước thực hiện ý tưởng dự án	0,5
	Chỉ báo 2: Xác định rõ mục tiêu của từng bước triển khai ý tưởng dự án	0,5
	Chỉ báo 3: Xác định các nguồn lực cần thiết để triển khai ý tưởng dự án ở từng bước của kế hoạch	1,0

Chỉ báo 4: Xây dựng phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm cụ thể, rõ ràng ở từng bước của kế hoạch	1,0	
Chỉ báo 5: Xây dựng kế hoạch sản xuất sản phẩm/dịch vụ rõ ràng, chi tiết, hợp lý	1,0	
Điểm số của CLO4.2.1.1: Điểm TC1*30% + TC2*40%+TC3*30%		
Điểm bài đánh giá kỹ năng: Điểm CLO2.1.1.1*70% + Điểm CLO4.2.1.1*30%		

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

Tỷ lệ % hoàn thành MNL cần đạt của CLO3.1.1.1 = $\frac{\text{Điểm số của CLO3.1.1.1}}{10} \times 100\%$;

-Điểm năng lực của CLO3.1.1.1 được quy đổi từ tỷ lệ % hoàn thành MNL cần đạt theo

Bảng 1 ứng với Mức 3.

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu tham khảo chính

1. Trần Thị Hoàng Mai, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Thuý Quỳnh, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013.

2. Kim Văn Chính, Nguyễn Thanh Tâm, *Giáo trình quan hệ kinh tế quốc tế*, Nxb Công an nhân dân, 2007.

3. Nguyễn Thị Quy, *Giáo trình tài trợ thương mại quốc tế*, NXB Thống kê, 2012.

4. Đinh Văn Thành, *Rào cản trong thương mại quốc tế*, NXB Thống kê, 2005.

5.2. Tài liệu tham khảo

[5] Trần Thị Hoà Bình, Trần Văn Nam, *Giáo trình luật thương mại quốc tế*, Nxb Lao động - Xã hội, 2005.

[6] Nguyễn Thị Hiền, *Hội nhập kinh tế khu vực của một số nước Asean: Sách tham khảo*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2003.

[7] Nguyễn Thị Hương, Tạ Lợi, *Giáo trình Nghiệp vụ ngoại thương: Lý thuyết và thực hành (tập II)*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2009.

[4] Võ Thanh Thu, *Quan hệ kinh tế quốc tế*, Nxb Thống kê, 2008.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
----	-------------------	-------------------	-------------------	-----	--------------

1	Chương/chủ đề/Bài 1: CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ QUỐC TẾ NÂNG CAO					
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	2	Học bài giảng E-Learning (LMS): 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đối tượng nghiên cứu 1.1.3. Nội dung và phương pháp nghiên cứu	CLO. 1.1.2.1	A1.1	
		3	Làm bài thảo luận trên LMS liên quan đến các quan hệ kinh tế quốc tế	CLO. 2.1.1.1	A1.1	
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 1.2.1. Khái niệm và cơ cấu 1.2.2. Các giai đoạn phát triển của nền kinh tế thế giới 1.2.3. Những thay đổi của nền kinh tế thế giới hiện đại	CLO. 1.1.2.1	A1.2	
		2	Tìm tài liệu và đọc về các thay đổi của nền kinh tế thế giới hiện đại	CLO. 2.2.1.1	A1.2	
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	2	Nghe giảng về 1.3.1. Khái niệm 1.3.2. Các quan hệ kinh tế quốc tế	CLO.1.1.1.1	A1.2	
		1	Thực hành phân tích các quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam	CLO.1.2.2.1	A1.2	
		1	Thảo luận nhóm về thực trạng phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam	CLO.2.2.1.1	A1.2	
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	8	Ôn tập về các quan hệ kinh tế quốc tế	CLO.4.1.1.1	A1.2	
	2	Chương/chủ đề/Bài 2: CHƯƠNG 2. THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ				
		Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	3	Học bài giảng E-Learning (LMS): 2.1. Những vấn đề chung về thương mại quốc tế 2.2. Một số lý thuyết về thương mại quốc tế 2.3. Chính sách thương mại quốc tế	CLO.1.1.2.2	A1.1
3			Làm bài tập trên LMS: Đặc điểm của thương mại quốc tế hiện nay tác động như thế nào đến thương mại quốc tế của Việt Nam	CLO.1.1.2.2	A1.1	
5			Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 2.2.1. Lý thuyết cổ điển về thương	CLO. 2.2.1.1	A1.2	

			mại quốc tế 2.2.2. Lý thuyết mới về thương mại quốc tế		
		2	Tìm tài liệu và chuẩn bị nội dung các nhân tố dịch chuyển đường IS-LM	CLO. 2.2.1.1	A1.2
	Giai đoạn 2 <i>{Ở lớp}</i>	3	Nghe giảng về 2.3.1. Khái niệm và vai trò của chính sách thương mại quốc tế 2.3.2. Những xu hướng cơ bản trong chính sách thương mại quốc tế	CLO.1.1.1.2	A1.2
		1	Thực hành phân tích chính sách thương mại của Việt Nam	CLO. 1.2.2.1	A1.2
		1	Thảo luận nhóm về các rào cản trong thương mại quốc tế mà Việt Nam thường gặp phải khi xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài.	CLO. 2.2.2.2	A1.2
	Giai đoạn 3 <i>{Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}</i>	3	Ôn tập thương mại quốc tế	CLO.3.1.1.1	A1.2
		5	Làm bài tập/Thực hành phân tích kinh nghiệm sử dụng và đối phó với các rào cản trong thương mại một số nước. Rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	CLO. 4.1.1.1	A1.2
3	Chương/chủ đề/Bài 3: CHƯƠNG 3. ĐẦU TƯ QUỐC TẾ				
	Giai đoạn 1 <i>{Trước khi đến lớp}</i>	3	Học bài giảng E-Learning (LMS): 3.1.1. Khái niệm, nguyên nhân và tác động của đầu tư quốc tế 3.1.2. Một số lý thuyết về đầu tư quốc tế 3.2.1. Lý thuyết về lợi nhuận cận biên 3.2.2. Lý thuyết về chu kỳ sống quốc tế của sản phẩm 3.2.3. Lý thuyết đàn nhạn bay 3.2.4. Mô hình OLI	CLO.1.1.1.3	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Phân tích thực trạng thu hút FDI của Việt Nam	CLO. 1.1.2.3	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 3.3. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ QUỐC TẾ 3.3.1. Môi trường của nước đi đầu tư 3.3.2. Môi trường của nước tiếp nhận	CLO. 1.1.2.3	A1.2

			đầu tư 3.3.3. Môi trường toàn cầu		
		2	Tìm tài liệu và chuẩn bị nội dung thảo luận về Môi trường đầu tư của Việt Nam	CLO. 3.1.1.1	A1.2
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	3	Nghe giảng về 3.4. CÁC HÌNH THỨC ĐẦU TƯ QUỐC TẾ 3.4.1. Đầu tư trực tiếp 3.4.2. Đầu tư gián tiếp	CLO.1.1.2.3	A1.2
		1	Thực hành phân tích Môi trường đầu tư của Việt Nam	CLO. 4.1.1.1	A1.2
		1	Thảo luận nhóm về phân tích tác động của đầu tư quốc tế đối với Việt Nam	CLO. 4.2.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	3	Ôn tập các lý thuyết đầu tư quốc tế	CLO.4.1.1.1	A1.2
		5	Làm bài tập/Thực hành phân tích SWOT môi trường đầu tư Việt Nam	CLO. 4.2.1.1	A1.2
4	Chương/chủ đề/Bài 4: CHƯƠNG 4. TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI TÁC ĐỘNG ĐẾN CÁC QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 4.1.1. Khái niệm tỷ giá hối đoái 4.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái 4.1.3. Các biện pháp điều chỉnh tỷ giá hối đoái	CLO.1.1.2.4	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Tác động của tỷ giá hối đoái đến TMQT của Việt Nam	CLO. 1.2.2.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: 4.2. Tác động của TGHD đến TMQT 4.3. Tác động của TGHD đến ĐTQT	CLO. 3.1.1.1	A1.2
		2	Tìm tài liệu và chuẩn bị nội dung thảo luận về tỷ giá	CLO. 2.2.1.1	A1.2
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	3	Nghe giảng về 4.2.1. Tác động của tỷ giá hối đoái đến xuất khẩu 4.2.2. Tác động của tỷ giá hối đoái đến nhập khẩu 4.3.1. Tác động của tỷ giá hối đoái đến thu hút đầu tư nước ngoài	CLO.1.1.2.4	A1.2

			4.3.2. Tác động của tỷ giá hối đoái đến đầu tư ra nước ngoài		
		1	Thực hành phân tích thực trạng tỷ giá hối đoái của Việt Nam	CLO. 4.2.1.1	A1.3
		1	Thảo luận nhóm về tác động của TGHĐ đến các quan hệ kinh tế quốc tế ở Việt Nam	CLO. 2.2.2.2	A1.3
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập lý thuyết về tỷ giá	CLO.4.1.1.1	A1.3
		5	Làm bài tập/Thực hành về tác động của tỷ giá	CLO.4.2.1.1	A1.3
5	Chương/chủ đề/Bài 5: CHƯƠNG 5: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	3	Học bài giảng E-Learning (LMS): 5.1.1. Khái quát vị thế của Việt Nam 5.1.2. Các nguồn lực phát triển kinh tế quốc tế của Việt Nam 5.1.3. Những thuận lợi, khó khăn của Việt Nam trong tiến trình hội nhập	CLO.1.1.2.1	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Phân tích những nguồn lực của Việt Nam trong quá trình hội nhập.	CLO. 1.2.2.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	CLO.2.1.1.1	A1.2
		2	Tìm tài liệu và chuẩn bị nội dung thảo luận về thực trạng mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay.	CLO. 2.2.1.1	A1.3
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	3	Nghe giảng về 5.2.1. Khái quát quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 5.2.2. Một số liên kết và tổ chức kinh tế quốc tế mà Việt Nam tham gia	CLO. 1.2.2.1	A1.2
		2	Thực hành thảo luận về vấn đề hội nhập của Việt Nam hiện nay	CLO. 2.2.2.1	A1.3
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }		Ôn tập vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế	CLO. 1.2.2.1	A1.2
		5	Làm bài tập/Thực hành phân tích Các FTA thế hệ mới và những tác động đến kinh tế Việt Nam	CLO. 2.2.2.2	A1.3
		8	Khảo sát và nghiên cứu thực tế		

		Bài Thảo luận và Bài tập	CLO.2.1.1.1; CLO. 2.2.1.1	A1.3
	Bài đánh giá kết thúc HP	Bài đánh giá kết thúc HP	CLO.1.1.2.1; CLO.4.1.1.1; CLO. 4.2.1.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi	Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3




PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÂNG CAO	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../.../2023
		Số trang: 84/18

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Minh Phượng

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0942.726.777; Email: phuongntm@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế phát triển

Giảng viên 2: TS.GVC. Nguyễn Thị Thúy Vinh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, trường Kinh tế, Đại học Vinh

Điện thoại: 0916.605.469 Email: vinhntt@vinhuni.edu.vn

Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, kinh tế phát triển

Giảng viên 3: TS.GVC. Trần Thị Thanh Thủy

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0983676459 Email: thuyttt@gmail.com; thuyttt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển, Kinh tế đầu tư, Kinh tế chính trị

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế phát triển nâng cao (tiếng Anh): Advanced development Economics	
- Mã số học phần: ECM82008	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: <i>Quản lý kinh tế, Kinh tế chính trị</i>	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	+ Số tiết thực tế:
+ Số tiết lý thuyết: 45	+ Số tiết dạy học dự án:
+ Số tiết bài tập, thảo luận:	+ Số tiết tự học: 90
+ Số tiết thực hành:	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: không	
+ Học phần học trước: không	
+ Học phần song hành: không	

- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80% + Học viên phải thực hiện nhiệm vụ học qua bài giảng E-Learning (LMS) tối thiểu 80% và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên Elearning + Học viên phải hoàn thành Tiểu luận học phần
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

2. Mô tả học phần

Học phần *Kinh tế phát triển nâng cao* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức khái quát về phát triển kinh tế và hình thành cho người học một số kỹ năng cần thiết; nhận diện về sự phát triển kinh tế của địa phương/quốc gia. Học viên được khảo sát thực tế của địa phương, nhận thức đúng về sự phát triển và có kế hoạch để góp phần xây dựng phát triển địa phương đáp ứng với bối cảnh xu hướng nền kinh tế toàn cầu.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực kinh tế	2,5 {K3}
2.1.1	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
2.2.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế	2,5 {A3}
3.1.1	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.2.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực kinh tế.	3,5 {S4}
4.1.1	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế	3,5 {S4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế	3,5 {S4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Khái quát được kiến thức nguyên lý tăng trưởng, phát triển kinh tế vào nghiên cứu phát triển kinh tế địa phương/quốc gia và các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế	1.1.2	3%	2,5 {K3}
1.1.2.2	Vận dụng các thước đo tăng trưởng, phát triển kinh tế và phát triển bền vững để đánh giá thực trạng phát triển kinh tế ở quốc gia, địa phương (ngành, lĩnh vực công tác).	1.1.2	3%	2,5 {K3}
1.1.2.3	Đánh giá mô hình lý thuyết và thực trạng mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế cũng như đánh giá kết quả đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	1.1.2	2%	2,5 {K3}
1.1.2.4	Vận dụng lý thuyết để đánh giá thực trạng phát triển các ngành kinh tế của địa phương/quốc gia	1.1.2	2%	2,5 {K3}
2.1.1.1	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về xây dựng và hoạch định chính sách hay đề xuất các giải pháp phát triển nền kinh tế	2.1.1	10%	2,5 {S3}
2.2.1.1	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	2.2.1	30%	2,5 {A3}
3.1.1.1	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế	3.1.1	10%	3,5 {S4}
3.2.1.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong quản lý phát triển kinh tế	3.2.1	10%	3,5 {S4}
4.1.1.1	Phân tích được các lĩnh vực phát triển kinh tế, đưa ra được xu hướng và giải pháp cho sự phát triển kinh tế trong tương lai	4.1.1	10%	3,5 {S4}
4.2.1.1	Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến việc xây dựng giải pháp phát triển kinh tế	4.2.1	5%	3,5 {S4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				

A1.1	CLO1.1.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	LMS Elearning
	CLO1.1.2.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}		
A1.2	CLO 1.1.2.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	25%	Thảo luận tại lớp
A1.3	CLO 1.1.2.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	10%	01 bài thảo luận
	CLO 1.1.2.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	10%	02 bài tập luyện tập
	CLO 2.1.1.1 (điểm số và điểm năng lực)	2,5 (K3)	20%	
	CLO 2.2.1.1 (điểm số và điểm năng lực)	2,5 (K3)	20%	

A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)

	CLO 2.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {S3}	10%	Tiểu luận
	CLO 2.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {A3}	10%	
	CLO 3.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	20%	
	CLO 3.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	20%	
	CLO 4.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	20%	
	CLO 4.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	20%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7

5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.2. (Quan sát tại lớp)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.2. (100%)	Mức 3	1 câu	5,0	2,5	Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế ở quốc gia, địa phương (ngành, lĩnh vực công tác).
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.3 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.3. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Phân tích được đặc trưng cơ bản của các nước đang phát triển
Tổng		10	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3 (bài tập luyện tập 1)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.4. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Đánh giá thực trạng các mô hình tăng trưởng kinh tế

Tổng	1	10	5,0	
-------------	----------	-----------	------------	--

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3 (bài luyện tập 2)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
2.1.1.1(50%) 2.2.1.1 (50%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Đánh giá kết quả đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam
Tổng		1	10	5,0	

4.3. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng trong bài đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Tiểu luận A2.1.

1. Nhóm:
2. Lớp:
.....
3. Học phần:
.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO 2.1.1.1. (Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về xây dựng và hoạch định chính sách phát triển nền kinh tế) [Mức năng lực: 2,5, tỷ trọng: 10%]	/10	
Tiêu chí 1	Áp dụng được tư duy phản biện	.../5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích thực trạng phát triển nền kinh tế	1,0	
	Chỉ báo 2: Áp dụng các nguyên lý kinh tế phát triển để phân tích và đề xuất tham mưu cho các vấn đề về xây dựng và hoạch định chính sách phát triển kinh tế	2,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng tư duy logic và phản biện để đưa ra các luận điểm và giải pháp hợp lý.	2,0	

	Kỹ năng giải quyết vấn đề/5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Đề xuất các chiến lược và biện pháp cụ thể để thúc đẩy phát triển kinh tế	2,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá các ảnh hưởng của các chính sách phát triển kinh tế đối với quản lý phát triển kinh tế	3,0	
Điểm số của CLO2.1.1.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
CLO 2.2.1.1. (Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội) [Mức năng lực: 2,5, tỷ trọng: 10%]	/10	
Tiêu chí 1	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp/5,0	
	Chỉ báo 1: Nhận thức đúng và phản ánh một cách khách quan, trung thực trong đánh giá vấn đề phát triển kinh tế	3,0	
	Chỉ báo 2: Đề xuất một số giải pháp sáng tạo, khả thi giúp tăng cường phát triển kinh tế	2,0	
	Có trách nhiệm xã hội/5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Tham gia phân biện và xây dựng chính sách kinh tế nhằm thực hiện chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	3,0	
	Chỉ báo 2: Ủng hộ tư tưởng gắn tăng trưởng kinh tế với tiên bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển.	3,0	
Điểm số của CLO2.1.1.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
CLO3.1.1.1. (Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế quốc gia) [Mức năng lực: 3,5, tỷ trọng: 20%]	/10	
Tiêu chí 1	Chỉ báo 1: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích các vấn đề phát triển kinh tế quốc gia	1,0	
	Chỉ báo 2: Xây dựng mối quan hệ hợp tác và giao tiếp hiệu quả với các thành viên trong nhóm để giải quyết các thách thức liên quan đến quản lý phát triển kinh tế	1,0	
	Chỉ báo 3: Đóng vai trò tích cực trong việc phân chia công việc và quản lý thời gian để đạt được các mục tiêu chung của nhóm	2,0	
	Chỉ báo 4: Thể hiện kỹ năng lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong quá trình giải quyết vấn đề	2,0	

	Chỉ báo 5: Giải quyết các mâu thuẫn và khó khăn nội bộ trong nhóm một cách xây dựng và hiệu quả	2,0	
	Chỉ báo 6: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích các vấn đề kinh tế toàn cầu và đề xuất giải pháp	2,0	
Điểm số của CLO 3.1.1.1: Điểm TC1*100%			
CLO 3.2.1.1. (Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong quản lý phát triển kinh tế) [Mức năng lực: 3,5, tỷ trọng: 20%]	/10	
Tiêu chí 1	Kỹ thuật trình bày văn bản	.../3,0	
	Chỉ báo 1: Chuẩn hóa hình thức trình bày của dự án về cỡ chữ, font chữ, số trang, hình ảnh, bảng biểu, số liệu	1,0	
	Chỉ báo 2: Cấu trúc dự án trình bày đầy đủ, hoàn chỉnh các phần nội dung theo quy định	1,0	
	Chỉ báo 3: Đảm bảo tính tin cậy của nguồn tham khảo	0,5	
	Chỉ báo 4: Đảm bảo tính đại diện của các số liệu, mô hình, hình ảnh dẫn chứng trong thuyết minh dự án	0,5	
Tiêu chí 2	Thiết kế slide	.../3,0	
	Chỉ báo 1: Slide phải trình bày tóm tắt, ngắn gọn tầm nhìn của dự án, vấn đề mà dự án đang giải quyết, thị trường/khách hàng mục tiêu của dự án, giải pháp sáng tạo; chiến lược/kế hoạch dự án và đội ngũ của dự án	1,0	
	Chỉ báo 2: Mỗi slide không quá 5 dòng, mỗi dòng không quá 10 chữ, font chữ từ 30 trở lên	1,0	
	Chỉ báo 3: Các hình ảnh, con số, biểu đồ sử dụng để minh họa các luận điểm của dự án được trình bày nổi bật, đơn giản, có tính đại diện cao	0,5	
	Chỉ báo 4: Mỗi slide trong bài trình bày chỉ nêu không quá 3 điểm chính	0,5	
Tiêu chí 3	Thực hiện kỹ năng thuyết trình và trả lời câu hỏi/4,0	
	Chỉ báo 1: Phong cách thuyết trình tự tin, năng động, nhiệt tình	1,0	
	Chỉ báo 2: Người thuyết trình sử dụng ngôn ngữ cơ thể và giọng điệu phù hợp, bài thuyết trình thu hút, thuyết phục người nghe	1,0	
	Chỉ báo 3: Nhóm dự án thể hiện sự am hiểu đối với dự án và ngành nghề liên quan thông qua nội dung thuyết trình và phần trả lời câu hỏi	2,0	

Điểm số của CLO3.2.1.1: Điểm TC1*30% + TC2*30%+ TC3*40%		
CLO4.1.1.1. (Phân tích được các lĩnh vực phát triển kinh tế, đưa ra được xu hướng và giải pháp cho sự phát triển kinh tế trong tương lai) [Mức năng lực: 3,5, tỷ trọng: 20%]	/10
Tiêu chí 1	Phân tích xu hướng vận động của lĩnh vực phát triển nền kinh tế/5,0
	Chỉ báo 1: Phân tích hoàn chỉnh xu hướng phát triển của nền kinh tế tác động đến dự án	1,0
	Chỉ báo 2: Thuyết minh dự án chỉ ra được khoảng trống trong thỏa mãn nhu cầu của thị trường mục tiêu	2,0
	Chỉ báo 3: Giải thích tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài dự án một cách ấn tượng, thuyết phục	2,0
Tiêu chí 2	Phân tích khó khăn và hạn chế trong lĩnh vực phát triển nền kinh tế/5,0
	Chỉ báo 1: Thuyết minh khó khăn, hạn chế trong lĩnh vực phát triển đối với nền kinh tế một cách rõ ràng, logic, đầy đủ	2,0
	Chỉ báo 2: Phân tích, đánh giá khó khăn, hạn chế trong lĩnh vực phát triển đối với nền kinh tế cần giải quyết vấn đề mà dự án đang hướng tới	3,0
Điểm số của CLO4.1.1.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%		
CLO 4.2.1.1. (Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến việc xây dựng giải pháp phát triển kinh tế) [Mức năng lực: 3,5, tỷ trọng: 20%]	/10
Tiêu chí 1	Xây dựng ý tưởng dự án có tính sáng tạo/3,0
	Chỉ báo 1: Ý tưởng dự án cải tiến sản phẩm/dịch vụ hiện có trên thị trường	0,5
	Chỉ báo 2: Ý tưởng dự án cải tiến cách thức kinh doanh sản phẩm/dịch vụ hiện có trên thị trường	0,5
	Chỉ báo 3: Ý tưởng dự án cải tiến sản phẩm/dịch vụ hiện có và cách thức kinh doanh sản phẩm/dịch vụ hiện có trên thị trường	0,5
	Chỉ báo 4: Ý tưởng dự án cho phép sản xuất ra sản phẩm/dịch vụ mới chưa có trên thị trường	0,5
	Chỉ báo 5: Ý tưởng dự án cho phép tạo ra cách thức kinh doanh mới chưa có trên thị trường	0,5
	Chỉ báo 6: Ý tưởng dự án cho phép tạo ra sản phẩm/dịch vụ hoàn toàn mới và/hoặc mô hình kinh doanh hoàn toàn mới trên thị trường	0,5
	Xây dựng ý tưởng dự án có tính khả thi/3,5

Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Ý tưởng dự án phục vụ lợi ích cho số đông người tiêu dùng trong xã hội	0,5
	Chỉ báo 2: Ý tưởng dự án cung cấp giải pháp hoàn chỉnh giải quyết nhu cầu của khách hàng dựa trên công nghệ hiện tại	0,5
	Chỉ báo 3: Nhóm dự án có đủ năng lực chuyên môn để triển khai ý tưởng tại thời điểm hiện tại	0,5
	Chỉ báo 4: Nhóm dự án đã phân tích toàn diện các thuận lợi, khó khăn nếu thực hiện dự án trên thực tế	0,5
	Chỉ báo 5: Nhóm dự án đã phân tích được các rủi ro và đề xuất giải pháp khắc phục nếu thực hiện dự án trên thực tế	0,5
	Chỉ báo 6: Nhóm dự án chứng minh được khả năng tăng trưởng/tác động của dự án trong tương lai	0,5
	Chỉ báo 7: Nhóm dự án chứng minh được khả năng hoàn vốn và thu lợi nhuận của dự án trong tương lai	0,5
Tiêu chí 3	Xây dựng kế hoạch triển khai ý tưởng dự án/3,5
	Chỉ báo 1: Xác định trình tự các bước thực hiện ý tưởng dự án	0,5
	Chỉ báo 2: Xác định rõ mục tiêu của từng bước triển khai ý tưởng dự án	0,5
	Chỉ báo 3: Xác định các nguồn lực cần thiết để triển khai ý tưởng dự án ở từng bước của kế hoạch	0,5
	Chỉ báo 4: Xây dựng phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm cụ thể, rõ ràng ở từng bước của kế hoạch	1,0
	Chỉ báo 5: Xây dựng kế hoạch sản xuất sản phẩm/dịch vụ rõ ràng, chi tiết, hợp lý	1,0
Điểm số của CLO 4.2.1.1: Điểm TC1*30% + TC2*40%+TC3*30%		
Điểm bài đánh giá kỹ năng: Điểm CLO 2.1.1.1*10% + Điểm CLO 2.2.1.1*10% + Điểm CLO 3.1.1.1*20% + Điểm CLO 3.2.1.1*20% + Điểm CLO 4.1.1.1*20% + Điểm CLO 4.2.1.1*20%		

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1]. Trần Mạnh Dũng (2020), *Giáo trình Kinh tế Phát triển nâng cao*, NXB Trường Đại học Vinh.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Ngô Thắng Lợi (2012), *Giáo trình Kinh tế Phát triển*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

[2]. Trần Thọ Đạt (2005), *Các mô hình tăng trưởng kinh tế*, NXB Thống kê

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/ chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Tổng quan về phát triển kinh tế (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 5 tiết; khảo sát thực tế: 1 tiết; tự học: 18 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học qua bài giảng E-Learning (LMS) về tổng quan phát triển kinh tế.	CLO 1.1.2.1	A1.1.
		7	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: Chương 1 (trang 11 - 61)	CLO1.1.2.3.	
	Giai đoạn 2	2	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 1.4. Sự lựa chọn các mô hình phát triển kinh tế 1.4.1. Mô hình nhấn mạnh tăng trưởng nhanh 1.4.2. Mô hình nhấn mạnh vào công bằng xã hội 1.4.3. Mô hình phát triển toàn diện	CLO1.1.2.3	
		1	Câu hỏi phát vấn: Đánh giá giai đoạn phát triển kinh tế của Việt Nam.	CLO1.1.2.2	A1.2
		1	Thảo luận nhóm: Thảo luận về mô hình phát triển kinh tế của một số nước và Việt Nam	CLO1.2.1.3. CLO 3.1.1.1	
		1	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.1. CLO1.1.2.2	
		1	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.1. CLO1.1.2.2	
	Giai đoạn 3	11	Làm câu hỏi chương 1 (trang 62-63) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [1]; [3]; [4]; [5]; [6]	CLO 1.1.2.1 CLO 1.1.2.2	
2	Chương 2. Một số lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế				

(Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 5 tiết; khảo sát thực tế: 1 tiết; tự học: 18 tiết)					
Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về mô hình kinh tế và một số mô hình lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế	CLO1.1.2.1.	A1.1.	
		Hoàn thành 01 Bài thảo luận trên hệ thống Elearning (LMS)	CLO 1.1.2.3	A1.3	
	7	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: chương 2. (trang 65-87)	CLO1.1.2.1. CLO 1.1.2.3		
Giai đoạn 2	2	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 2.2. Mô hình tăng trưởng Rostow 2.3. Mô hình tăng trưởng kinh tế hiện đại P.A.Samuelson 2.4. Mô hình hai khu vực của Athur Lewis 2.5. Mô hình hai khu vực của Harry T.Oshima	CLO1.1.2.1.		
	1	Thảo luận nhóm: Nghiên cứu các mô hình lý thuyết hãy đưa ra nhận xét và nêu ý nghĩa các mô hình này.	CLO1.1.2.1. CLO 1.1.2.3		
	1	Câu hỏi phát vấn: Phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam? Đánh giá xu hướng chuyển dịch?	CLO 1.1.2.3		
	1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.1.		
	1	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.1.		
Giai đoạn 3	11	Làm câu hỏi chương 2 (trang 88-89) tài liệu [1]. Đọc thêm: tài liệu [2];	CLO1.1.2.1. CLO 1.1.2.3		
3	Chương 3. Nông nghiệp và nông thôn với phát triển kinh tế (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 5 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 18 tiết)				
Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về nội dung hoạch định phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá.	CLO 1.1.2.4	A 1.1	
		Hoàn thành 01 Bài tập trên hệ thống Elearning (LMS)	CLO 1.1.2.4 CLO 2.1.1.1 CLO 2.2.1.1	A1.3	
	7	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: Chương 4. (trang 161-184).	CLO 1.1.2.4		
Giai đoạn 2	2	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 3.4. Phát triển nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam 3.4.1. Chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam qua các giai đoạn 3.4.2. Những thành tựu đạt được của nông nghiệp Việt Nam 3.4.3. Những hạn chế trong phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam	CLO 1.1.2.4 CLO 4.1.1.1 CLO 4.2.1.1 CLO 2.2.1.1		

			3.4.4. Định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong thời gian tới		
		1	Thảo luận nhóm: 1. Những thách thức đối với nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hiện nay 2. Bất cập trong quá trình xây dựng nông thôn ở Việt Nam.	CLO 1.1.2.4 CLO 3.1.1.1 CLO 3.2.1.1	
		1	Câu hỏi phát vấn: 1. Vai trò của người nông dân Việt Nam trong xây dựng nông thôn mới. 2. Những kết quả đạt được trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam	CLO 1.1.2.4 CLO 2.2.1.1	
		1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.4	
		2	Khảo sát thực tế		
	Giai đoạn 3	11	Làm câu hỏi chương 4 (trang 185) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [1]; [3]; [4]; [5]; [6]	CLO1.2.1.4	
4	Chương 4. Công nghiệp và công nghiệp hóa với phát triển kinh tế (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 5 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 18 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về tổ chức/triển khai thực hiện hoạt động phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá	CLO1.1.2.4.	A1.1.
Hoàn thành 01 bài tập luyện tập trên hệ thống Elearning (LMS)			CLO 1.1.2.4 CLO 2.1.1.1 CLO 2.2.1.1	A1.3	
7		Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: Chương 5 (trang 187 - 230)	CLO1.1.2.4.		
	Giai đoạn 2	3	Học lý thuyết các nội dung sau: 4.2. Công nghiệp hóa với phát triển kinh tế 4.3. Chính sách phát triển công nghiệp và công nghiệp hóa Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO 1.1.2.4 CLO 4.1.1.1 CLO 4.2.1.1 CLO 2.2.1.1	
		1	Thảo luận nhóm: - MH phát triển công nghiệp chủ lực tại địa phương? - Chính sách phát triển công nghiệp tại địa phương? - Vai trò của quản lý nhà nước đối với sự phát triển công nghiệp tại địa phương? - Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động đến sự phát triển công nghiệp tại địa phương như thế nào?	CLO 1.1.2.4 CLO 3.1.1.1 CLO 3.2.1.1	

			- Một số tồn tại trong quá trình phát triển công nghiệp tại địa phương?		
		1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.4	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.4	
	Giai đoạn 3	11	Làm câu hỏi Chương 5 (trang 231) tài liệu [1]	CLO1.2.1.4	
5	Chương 5. Ngoại thương với phát triển kinh tế (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 4 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 18 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về tổ chức/triển khai thực hiện hoạt động phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá	CLO1.1.2.4.	A1.1.
		7	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: Chương 6 (trang 233 - 255)	CLO 4.1.1.1	
	Giai đoạn 2	2	Học lý thuyết các nội dung sau: 5.2. Các chiến lược ngoại thương của các nước đang phát triển (LDCs) 5.3. Ngoại thương với phát triển kinh tế ở Việt Nam Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO 1.1.2.4 CLO 4.1.1.1 CLO 4.2.1.1 CLO 2.2.1.1	
		1	Thảo luận nhóm: - Hoạt động ngoại thương tại địa phương? - Chính sách kinh tế đối ngoại của địa phương trong việc phát triển kinh tế địa phương?	CLO 1.1.2.4 CLO 3.1.1.1 CLO 3.2.1.1	
		1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 5 bằng sơ đồ tư duy	CLO 1.1.2.4 CLO 4.1.1.1	
		2	Khảo sát thực tế		
	Giai đoạn 3	11	Làm câu hỏi Chương 6 (trang 256) tài liệu [1]	CLO 1.1.2.4 CLO 4.1.1.1	

	Đánh giá cuối kỳ		Thực hiện tiểu luận theo ma trận A2.1	CLO 1.1.2.1 CLO 1.1.2.4 CLO 2.1.1.1 CLO 2.2.1.1 CLO 3.1.1.1 CLO 3.2.1.1 CLO 4.1.1.1 CLO 4.2.1.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi đánh giá tiểu luận theo ma trận A2.1	Đăng ký xem kết quả đánh giá	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3




PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN:
KỸ NĂNG QUẢN LÝ**

Lần ban hành:

01

Ngày ban hành:...../.../202..

Số trang:

99/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS. TS. Trần Thị Hoàng Mai

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0917.118.846

Email: hoangmaikkt@gmail.com; maitth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế, Quản lý tổ chức, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội.

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.923.433

Email: ntquynh83@gmail.com; quynhntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế, Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng quản lý	(tiếng Anh):
- Mã số học phần: ECM82009	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản lý kinh tế	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần:	Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: 3	
+ Số tiết lí thuyết: 45	
+ Số tiết thực hành: 0	
+ Số tiết thực tế: 45	
+ Số tiết dạy học dự án: 0	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP: {ghi MS HP}
+ Học phần học trước: {ghi tên HP nếu có}	Mã số HP: {ghi MS HP}
+ Học phần song hành: {ghi tên HP nếu có}	Mã số HP: {ghi MS HP}
- Yêu cầu của học phần {giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu}:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80%	
+ Học viên phải thực hiện nhiệm vụ học qua bài giảng E-Learning (LMS) tối thiểu 80% và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên Elearning	

+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế

2. Mô tả học phần

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị những kiến thức nâng cao về các kỹ năng quản lý như: tự nhận thức, quản trị căng thẳng cá nhân, giải quyết vấn đề theo kiểu phân tích và sáng tạo, kỹ năng huấn luyện, tư vấn và truyền thông hỗ trợ; hiểu rõ tầm quan trọng và sự cần thiết phải tạo dựng quyền lực và ảnh hưởng; vai trò của động cơ thúc đẩy, cách thức quản lý xung đột, xây dựng và làm việc nhóm hiệu quả. Môn học giúp người học nhận diện kỹ năng thông qua các trải nghiệm, hiểu biết và định hướng thay đổi hành vi thông qua việc học tập, rèn luyện các kỹ năng quản lý có tác dụng hữu ích trong phạm vi đa dạng các tổ chức, từ đó giúp người học có khả năng thể hiện hành vi hiệu quả trong thực tiễn cuộc sống, hoạt động kinh doanh và phát triển nghề nghiệp.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 K3 {Mức 3}
2.1.2	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ số trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 S3 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân	2,5 S3 {Mức 3}
3.1.2	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn	3,5 S4 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Vận dụng được các kiến thức về tự nhận thức và quản lý sự căng thẳng trong lĩnh vực quản lý kinh tế.	1.1.2	3%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.2	Vận dụng được các kiến thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo để giải quyết vấn đề quản lý kinh tế trong thực tiễn.		3%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.3	Vận dụng được các kiến thức về huấn luyện, tư vấn và truyền thông hiệu quả trong lĩnh vực quản lý kinh tế.	1.1.2	2%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.4	Vận dụng được các kiến thức về quyền lực và ảnh hưởng để phát triển môi trường làm việc		2%	2,5 {Mức 3}

2.1.2.1	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ số trong lĩnh vực quản lý kinh tế	2.1.2	30%	2,5 {Mức 3}
2.2.2.1	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong lĩnh vực quản lý kinh tế	2.2.2	30%	3,5 {Mức 4}
3.1.2.1	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để phát triển nhóm làm việc hiệu quả trong lĩnh vực quản lý kinh tế	3.1.2	20%	3,5 {Mức 4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.1.2.1	2.5	12.5%	LMS thống kê
A1.2	CLO.3.1.2.1	2.5	12.5%	Quan sát tại lớp/Thảo luận nhóm
A1.3	CLO.1.1.2.1	2.5	12.5%	Bài tập tự luận 1
A1.4	CLO.1.1.2.2	2.5	12.5%	Bài tập tự luận 2
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO 1.1.2.3	2.5	15%	Tiểu luận
	CLO 1.1.2.4	2.5	15%	
	CLO 2.2.2.1	2.5	20%	

4.2. Ma trận bài thi tự luận

Ma trận đề bài tập tự luận A1.3; A1.4

Chuẩn đầu ra CLO	Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1	Mức 3	Tự luận		Vận dụng được các kiến thức về tự nhận thức và quản lý sự căng thẳng trong lĩnh vực quản lý kinh tế.
1.1.2.2	Mức 3	Tự luận		Vận dụng được các kiến thức giải quyết vấn đề một cách sáng tạo để giải quyết vấn đề quản lý kinh tế trong thực tiễn.
Tổng		10		

4.3. Phiếu đánh giá kỹ năng trong bài đánh giá kỹ năng lãnh đạo nhóm

TRƯỜNG KINH TẾ
Khoa Kinh tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Nhóm:
2. Lớp:
3. Học phần:
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO3.1.2.1. (Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để phát triển nhóm làm việc hiệu quả trong lĩnh vực quản lý kinh tế) [Mức năng lực: 3,5]	/10.0	
Tiêu chí 1	Chỉ báo 1: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích các vấn đề quản lý kinh tế	1,0	
	Chỉ báo 2: Xây dựng mối quan hệ hợp tác và giao tiếp hiệu quả với các thành viên trong nhóm để giải quyết các thách thức liên quan đến phân tích vấn đề quản lý kinh tế	1,0	
	Chỉ báo 3: Đóng vai trò tích cực trong việc phân chia công việc và quản lý thời gian để đạt được các mục tiêu chung của nhóm	2,0	
	Chỉ báo 4: Thể hiện kỹ năng lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong quá trình giải quyết vấn đề	2,0	
	Chỉ báo 5: Giải quyết các mâu thuẫn và khó khăn nội bộ trong nhóm một cách xây dựng và hiệu quả	2,0	
	Chỉ báo 6: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích vấn đề quản lý kinh tế	2,0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá tiểu luận

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN

- Họ và tên học viên:; Ngày sinh: .../.../...
- Mã học viên:; Lớp:.....
- Học phần: Kỹ năng quản lý
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt] {Trọng số %}		Điểm số	Điểm năng lực
CLO 1.1.2.3 ([MNL: 3] {Trọng số 30%}		.../10	2,5-3,4
Tiêu chí 1	Phân tích được tầm quan trọng của huấn luyện, tư vấn và truyền thông hiệu quả	.../5,0	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích được tầm quan trọng của truyền thông hiệu quả</i>	2,0	
	<i>Chỉ báo 2: Phân tích được các vấn đề về huấn luyện và tư vấn</i>	3,0	
Tiêu chí 2	Phân tích được các nguyên tắc về truyền thông hỗ trợ	.../5,0	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích được nguyên tắc truyền thông hỗ trợ hướng đến vấn đề, không hướng đến con người</i>	2,0	
	<i>Chỉ báo 2: Phân tích được nguyên tắc truyền thông hỗ trợ dựa vào sự phù hợp, công nhận giá trị.</i>	3,0	
Điểm số của CLO 1.1.2.3: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
CLO 1.1.2.4 [MNL: 3] {Trọng số 30%}		.../10	2,5-3,4
Tiêu chí 1	Phân tích được ý nghĩa của quyền lực và ảnh hưởng	.../5,0	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích được kỹ năng xây dựng nền tảng quyền lực và sự dụng sức ảnh hưởng khéo léo</i>	2,0	
	<i>Chỉ báo 2: : Phân tích được tình huống thiếu quyền lực hoặc tác động của lạm dụng quyền lực</i>	3,0	
Tiêu chí 2	Phân tích được chiến lược xây dựng quyền lực trong tổ chức để phát triển môi trường làm việc	.../5,0	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích được các chiến lược để có quyền lực trong tổ chức</i>	2,0	
	<i>Chỉ báo 2: Phân tích được các công cụ khuyến khích thúc đẩy khả năng của các cá nhân hoặc nuôi dưỡng một môi trường làm việc thúc đẩy</i>	3,0	
Điểm số của CLO 1.1.2.4: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
CLO 2.2.2.1 [MNL: 3] {Trọng số 40%}		.../10	2,5-3,4
Tiêu chí 1	Tự đánh giá năng lực và xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân	.../5,0	
	<i>Chỉ báo 1: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu và nhu cầu phát triển năng lực bản thân trong lĩnh vực quản lý kinh tế</i>	2,0	
	<i>Chỉ báo 2: Xây dựng được mục tiêu và kế hoạch phát triển năng lực rõ ràng, phù hợp với vị trí công tác hoặc định hướng nghề nghiệp</i>	3,0	

Tiêu chí 2	Thể hiện cam kết học tập và phát triển nghề nghiệp lâu dài	.../5,0
	Chỉ báo 1: Nêu được động cơ học tập và cam kết nâng cao năng lực cá nhân một cách bền vững.	2,0
	Chỉ báo 2: Liên hệ được với yêu cầu đổi mới, chuyển đổi số và hội nhập trong phát triển kỹ năng quản lý.	3,0
Điểm số của CLO 2.2.2.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%		
Điểm bài đánh giá: Điểm CLO1.1.2.3*30% + Điểm CLO1.1.2.4*30% + Điểm CLO 2.2.2.1*40%		.../10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số: Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực của CLO:

CLO	1.1.2.3	1.1.2.4	2.2.2.1
Điểm NL	.../2.5	.../2.5	.../2.5

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

Giáo trình:

[1] Strohmer, Biên dịch: Chiến Kiệt, Những kỹ năng quản lý, NXB Tri thức, 2023.

Tài liệu tham khảo:

[2] John C. Maxwell; Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Oanh, *Phát triển kỹ năng lãnh đạo*, NXB Lao động Xã hội, 2007.

[3] Jake Knapp, John Zeratsky, Biên dịch: Nguyễn Thu Hiền, *Kỹ năng quản lý thời gian*, NXB Lao động, 2022.

[4] Harvard Business Review, *Cẩm nang quản lý*, NXB Công Thương 2025

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1: Kỹ năng tự nhận thức và quản lý sự căng thẳng				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 1.1. Giới thiệu chung về kỹ năng quản lý 1.2. Tầm quan trọng của sự tự nhận thức	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
		3	Làm bài tập trên LMS: Câu hỏi thảo luận về kinh nghiệm quản lý nguồn nhân lực của tổ chức công	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4

		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn Đọc nội dung Giới thiệu chung về Quản trị nguồn nhân lực	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
		1	Thảo luận nhóm về kinh nghiệm quản lý nguồn nhân lực tổ chức công của các quốc gia		A1.1 A.1.3 A1.4
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	3	Nghe giảng về: 1.3. Các yếu tố cốt lõi của tự nhận thức 1.4. Tăng cường hiệu quả cá nhân thông qua quản lý sự căng thẳng 1.5. Quản lý và hạn chế stress	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
		1	Thảo luận nhóm về các yếu tố cốt lõi của tự nhận thức, các kỹ năng quản lý sự căng thẳng	CLO1.2.1.1 CLO3.1.2.1	A1.1 A.1.2
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	3	Ôn tập về kỹ năng tự nhận thức và quản lý sự căng thẳng	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
		1	Thảo luận về kinh nghiệm quản lý stress trong tổ chức	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
2	Chương 2: Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo				
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}.	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) 2.1. Tầm quan trọng của giải quyết vấn đề một cách sáng tạo 2.2. Khái niệm và vai trò của giải quyết vấn đề một cách sáng tạo 2.3. Quá trình giải quyết vấn đề thông thường	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1
		3	Thảo luận nhóm về tầm quan trọng của giải quyết vấn đề một cách sáng tạo	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.1.2.1	A1.2 A2.1
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn Tìm hiểu các công cụ về phân tích công việc	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1
		1	Thảo luận về: quá trình giải quyết vấn đề thông thường	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.1.2.1	A1.2 A2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	3	Nghe giảng về: 2.2. Hạn chế của mô hình giải quyết vấn đề thông thường	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1	A1.3 A1.4 A2.1

			2.3. Các giai đoạn trong tư duy sáng tạo 2.4. Các phương pháp cải thiện việc xác định vấn đề 2.5. Những nguyên lý quản lý để tạo sự đổi mới		
		1	Thảo luận về các kết quả của phương pháp cải thiện việc xác định vấn đề	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.1.2.1	A1.2 A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập về kỹ năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1	A1.2 A2.1
		1	Làm bài tập nhóm về giải quyết vấn đề một cách sáng tạo gắn với một tình huống thực tiễn	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.1.2.1	A1.2 A2.1
Chương 3: Huấn luyện, tư vấn và truyền thông hiệu quả					
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) 3.1. Tầm quan trọng của truyền thông hiệu quả 3.2. Các vấn đề về huấn luyện và tư vấn 3.3. Sự phòng thủ và phản đối	CLO1.2.1.2 CLO.2.1.2.1	A2.1
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Tìm hiểu các nguyên tắc về truyền thông hỗ trợ	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1
		3	Thảo luận về tầm quan trọng của truyền thông hiệu quả	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1	A2.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	3	Nghe giảng về Chương 3 3.1. Các nguyên tắc về truyền thông hỗ trợ 3.2. Áp dụng các nguyên tắc về truyền thông hỗ trợ	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1	A2.1
		1	Bài tập tình huống nhóm đánh giá về việc áp dụng các nguyên tắc về truyền thông hỗ trợ trong tổ chức	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập kỹ năng huấn luyện, tư vấn và truyền thông hiệu quả	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1	A2.1

	<i>{Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}</i>	3	Bài tập tình huống về kỹ năng huấn luyện, tư vấn và truyền thông hiệu quả	CLO.3.2.1.1 CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.1.2.1	A2.1
	Chương 4	Quyền lực, ảnh hưởng và xây dựng nhóm làm việc hiệu quả			
...	Giai đoạn 1 <i>{Trước khi đến lớp}</i>	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Quyền lực, ảnh hưởng và xây dựng nhóm làm việc hiệu quả 4.1. Xây dựng nền tảng quyền lực và sự dụng sức ảnh hưởng khéo léo 4.2. Các chiến lược để có quyền lực trong tổ chức	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		3	Nghiên cứu các nội dung về thúc đẩy khả năng của các cá nhân và nuôi dưỡng một môi trường làm việc thúc đẩy.	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		3	Thảo luận thực trạng thiếu quyền lực và lạm dụng quyền lực trong tổ chức	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 2 <i>{Ở lớp}</i>	3	Nghe giảng 4.1. Thúc đẩy khả năng của các cá nhân 4.2. Nuôi dưỡng một môi trường làm việc thúc đẩy 4.4. Lãnh đạo nhóm 4.5. Phát triển nhóm và làm việc nhóm hiệu quả	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		1	Bài tập tình huống về nuôi dưỡng môi trường làm việc thúc đẩy trong thực tiễn quản lý kinh tế	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 3 <i>{Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}</i>	3	Ôn tập kiến thức về quyền lực, ảnh hưởng và xây dựng nhóm làm việc hiệu quả	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		3	Bài tập đánh giá về vấn đề quyền lực, ảnh hưởng và xây dựng nhóm làm việc hiệu quả trong thực tiễn	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1

	Tiểu luận kết thúc HP			CLO.1.2.1.2 CLO.1.2.1.3 CLO.1.2.1.4 CLO 2.2.2.1 CLO 2.1.2.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3




PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN:
QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC**

Lần ban hành:

01

Ngày ban hành:...../.../202..

Số trang:

109/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Hồ Thị Diệu Ánh

Địa chỉ liên hệ: Khoa QTKD, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0948983777

Email: anhhtd@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị nhân lực, Quản trị doanh nghiệp

Giảng viên 2: Trần Quang Bách

Địa chỉ liên hệ: Khoa QTKD, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0985287077

Email: bachqt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị nhân lực, Quản trị doanh nghiệp

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý nguồn nhân lực (tiếng Anh): Human capital management
- Mã số học phần: ECM82010
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản lý kinh tế
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung <input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lí thuyết: 45 + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết thực tế: 45 + Số tiết dạy học dự án: 0
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: Mã số HP: {ghi MS HP} + Học phần học trước: {ghi tên HP nếu có} Mã số HP: {ghi MS HP} + Học phần song hành: {ghi tên HP nếu có} Mã số HP: {ghi MS HP}
- Yêu cầu của học phần {giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu}: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%. + Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành. + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Quản trị kinh doanh

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản được thiết kế nhằm nâng cao việc nhận thức về tầm quan trọng của yếu tố con người và việc quản lý hiệu quả nguồn nhân lực của một tổ chức. Nội dung của học phần giúp học viên hiểu biết về tổng quan về quản lý nguồn nhân lực, phân tích công việc và hoạch định nguồn nhân lực; tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân nguồn nhân lực, đánh giá nguồn nhân lực và tạo động lực làm việc trong tổ chức công. Đồng thời, có quan điểm đúng đắn về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công để nhà quản lý các cấp phát huy hiệu quả nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực có hiệu quả.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	2,5 K3 {Mức 3}
2.1.2	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ số trong lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	2,5 S3 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	2,5 S3 {Mức 3}
3.1.2	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	3,5 S4 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Vận dụng được mô hình quản trị nhân lực trong hoạt động tổ chức công	1.1.2	20%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.2	Vận dụng được chức năng thu hút nhân lực trong hoạt động quản lý nguồn nhân lực		20%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.3	Vận dụng được chức năng duy trì nhân lực trong hoạt động quản lý nguồn nhân lực		10%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.4	Vận dụng được chức năng phát triển nhân lực trong hoạt động quản lý nguồn nhân lực		10%	2,5 {Mức 3}

2.1.2.1	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ số trong lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực	2.1.2		10%	2,5 {Mức 3}
2.2.2.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý nhân lực	2.2.2		20%	2,5 {Mức 3}
3.1.2.1	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn quản lý nhân lực	3.1.2		10%	3,5 {Mức 4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.1.2.1	2.5	10%	LMS thống kê
A1.2	CLO.3.1.2.1	2.5	10%	Thảo luận tại lớp
A1.3	CLO.1.2.1.1	2.5	10%	Bài tập tự luận 1
A1.4	CLO.1.2.1.1	2.5	10%	Bài tập tự luận 2
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO 1.1.2.2	2.5	10%	Tiểu luận
	CLO 1.1.2.3	2.5	10%	
	CLO 1.1.2.4	2.5	10%	
	CLO 2.2.1.1	2.5	10%	

4.2. Ma trận bài thi tự luận

Ma trận đề bài tập tự luận A1.3; A1.4

Chuẩn đầu ra CLO	Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1	Mức 3	Tự luận		Vận dụng được mô hình quản trị nhân lực trong hoạt động tổ chức công
1.2.1.1	Mức 3	Tự luận		Vận dụng được mô hình quản trị nhân lực trong hoạt động tổ chức công
Tổng		10		

4.3. Phiếu đánh giá kỹ năng trong bài đánh giá kỹ năng lãnh đạo nhóm

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

- Nhóm:
- Lớp:
- Học phần:
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO3.1.2.1. (Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn quản lý nhân lực) [Mức năng lực: 3,5]	/10	
Tiêu chí 1	Chỉ báo 1: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích các vấn đề phân tích công việc, kế hoạch nhân lực và đánh giá nhân lực	1,0	
	Chỉ báo 2: Xây dựng mối quan hệ hợp tác và giao tiếp hiệu quả với các thành viên trong nhóm để giải quyết các thách thức liên quan đến phân tích công việc, kế hoạch nhân lực và đánh giá nhân lực	1,0	
	Chỉ báo 3: Đóng vai trò tích cực trong việc phân chia công việc và quản lý thời gian để đạt được các mục tiêu chung của nhóm	2,0	
	Chỉ báo 4: Thể hiện kỹ năng lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong quá trình giải quyết vấn đề	2,0	
	Chỉ báo 5: Giải quyết các mâu thuẫn và khó khăn nội bộ trong nhóm một cách xây dựng và hiệu quả	2,0	
	Chỉ báo 6: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích các phân tích công việc, kế hoạch nhân lực và đánh giá nhân lực	2,0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá tiểu luận

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ
Khoa Kinh tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: **Quản lý nguồn nhân lực**

- Họ và tên học viên:; MHV:
- Học phần: Mã học phần:
- Kì: Năm học:
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt] {Trọng số %}	Điểm số	Điểm năng lực
CLO 1.1.2.2. [MNL: 3] {Trọng số 10 %}	.../10.0	

	Phân tích được hoạt động đánh giá nhân lực trong khu vực công	.../5.00	
Tiêu chí 1	<i>Chỉ báo 1: Phân tích được tổng quan về tình hình nhân lực của đơn vị/ tổ chức</i>	1.00	
	<i>Chỉ báo 2: : Phân tích được hoạt động đánh giá nhân lực của đơn vị/ tổ chức</i>	1.00	
	<i>Chỉ báo 3: : Phân tích được công cụ đánh giá nhân lực của đơn vị/ tổ chức</i>	1.00	
	<i>Chỉ báo 3: : Phân tích được phương pháp đánh giá nhân lực đơn vị/ tổ chức</i>	1.00	
	Phân tích được chính sách thù lao lao động khu vực công	.../2.00	
Tiêu chí 2	<i>Chỉ báo 1: Phân tích được tổng quan về công tác thù lao lao động của đơn vị/ tổ chức</i>	0.50	
	<i>Chỉ báo 2: Phân tích được các công cụ thù lao tài chính của đơn vị/ tổ chức</i>	0.50	
	<i>Chỉ báo 2: Phân tích được các công cụ thù lao phi tài chính của đơn vị/ tổ chức</i>	0.50	
	<i>Chỉ báo 3: Phân tích được phúc lợi của đơn vị/ tổ chức</i>	2.00	
CLO 1.1.2.3. ([MNL: 3] {Trọng số 10%}		.../10.0	
	Phân tích được hoạt động đào tạo nhân lực	.../5.00	
Tiêu chí 1	<i>Chỉ báo 1: Phân tích được tổng quan về tình hình nhân lực của đơn vị/ tổ chức</i>	1.50	
	<i>Chỉ báo 2: : Phân tích được hoạt động đào tạo nhân lực của đơn vị/ tổ chức</i>	1.50	
	<i>Chỉ báo 3: : Phân tích được phương pháp đào tạo nhân lực của đơn vị/ tổ chức</i>	2.00	
		Phân tích được hoạt động phát triển nhân lực	.../5.00
Tiêu chí 2	<i>Chỉ báo 1: Phân tích được tổng quan về tình hình nhân lực của đơn vị/ tổ chức</i>	2.00	
	<i>Chỉ báo 2: : Phân tích được hoạt động phát triển nhân lực của đơn vị/ tổ chức</i>	2.00	
	<i>Chỉ báo 3: Phân tích được phương pháp phát triển nhân lực của đơn vị/ tổ chức</i>	1.00	
	CLO 1.1.2.4. [MNL: 3] {Trọng số ■ %}		.../10.0
	Phân tích được công cụ tạo động lực vật chất	.../4.00	
Tiêu chí 1	<i>Chỉ báo 1: Phân tích được tổng quan về công cụ tạo động lực vật chất của đơn vị/ tổ chức</i>	2.00	
	<i>Chỉ báo 2: : Phân tích được các công cụ khuyến khích tài chính của đơn vị/ tổ chức</i>	1.50	
	<i>Chỉ báo 3: : Phân tích được công cụ khuyến khích tài chính của đơn vị/ tổ chức</i>	0.50	
		Phân tích được công cụ tạo động lực phi vật chất	.../3.00
Tiêu chí 2	<i>Chỉ báo 1: Phân tích được tổng quan về công cụ tạo động lực phi vật chất của đơn vị/ tổ chức</i>	1.00	

	Chỉ báo 2: : Phân tích được các công cụ khuyến khích phi tài chính của đơn vị/ tổ chức	0.50	
	Chỉ báo 3: : Phân tích được công cụ khuyến khích phi tài chính của đơn vị/ tổ chức	0.50	
CLO 2.1.1.1. [MNL: 3] {Trọng số 10%}		.../10.0	
Tiêu chí 1	Kỹ năng làm việc độc lập	.../6.00	
	Chỉ báo 1: Chủ động trong việc lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao	3.00	
	Chỉ báo 2: Lập được kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao theo yêu cầu	3.00	
Tiêu chí 2	Kỹ năng hợp tác	.../6.00	
	Chỉ báo 1: Thể hiện sự tôn trọng, chuẩn mực trong ứng xử; chủ động tạo ra sự tương tác tích cực; trao đổi và ủng hộ các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ; phối hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	3.00	
	Chỉ báo 2: Thể hiện sự tôn trọng trong ứng xử; tích cực kết nối các thành viên; trao đổi và chấp nhận các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ; phối hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ.	3.00	
		0.50	
CLO 3.1.2.1 [MNL: 3] {Trọng số 10%}		.../10.0	
Tiêu chí 1	Viết được báo cáo hoàn chỉnh về nội dung và hình thức trình bày	.../10.0	
	Chỉ báo 1: Sử dụng lối viết cô đọng, tập trung, lối cuốn; ý tưởng và nội dung của báo cáo thể hiện rõ ràng	4.00	
	Chỉ báo 2: Xây dựng báo cáo dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc hợp lý	4.00	
	Chỉ báo 3: Sử dụng ngôn ngữ viết trong sáng, phù hợp với văn phong khoa học.	2.00	
	Chỉ báo 4: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh được thu thập từ các nguồn tham khảo thứ cấp và sơ cấp đáng tin cậy.		
	Chỉ báo 5: Chỉ ra được sự liên kết chặt chẽ giữa các phần của báo cáo, giữa phần lập luận và công thức, bảng biểu, hình ảnh, cùng hướng vào chủ đề của dự án		
Điểm bài đánh giá	/10.0	0

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO: (Giảng viên có thể thiết kế theo bảng nếu bài đánh giá có nhiều CLO được tính điểm năng lực).

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

Giáo trình:

[1] Hồ Thị Diệu Ánh, *Quản trị nhân lực*, NXB Đại học Vinh, 2022.

Tài liệu tham khảo:

[2] Lê Công Hoa, Nguyễn Ngọc Huyền (2011), *Quản trị kinh doanh đương đại*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

[3] Lê Trung Thành, Vũ Hoàng Ngân (2018), *Các học thuyết tạo động lực dành cho Nhà quản lý*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

[4] Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2010), *Giáo trình quản trị nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1					
Chương 1: Tổng quan về Quản lý nguồn nhân lực					
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 1.1. Giới thiệu chung về Quản lý nguồn nhân lực 1.2. Đặc điểm nguồn nhân lực trong tổ chức công	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
		3	Làm bài tập trên LMS: Câu hỏi thảo luận về kinh nghiệm quản lý nguồn nhân lực của tổ chức công	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn Đọc nội dung Giới thiệu chung về Quản trị nguồn nhân lực	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
		1	Thảo luận nhóm về kinh nghiệm quản lý nguồn nhân lực tổ chức công của các quốc gia		A1.1 A.1.3 A1.4
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	3	Nghe giảng về: 1.3. Các mô hình quản lý nguồn nhân lực tổ chức công 1.4. Sự cần thiết quản lý nguồn nhân lực tổ chức công 1.5. Các cấp độ hoạt động của quản lý nguồn nhân lực	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
		1	Thảo luận nhóm về các mô hình	CLO1.2.1.1	A1.1

			quản lý nguồn nhân lực hiện đại		A.1.3 A1.4
Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập Chức năng quản lý nguồn nhân lực	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4	
	1	Thảo luận về kinh nghiệm quản lý nguồn nhân lực tổ chức công của các quốc gia	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4	
Chương 2: Phân tích công việc trong khu vực công					
Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) 2.1. Tầm quan trọng của phân tích công việc khu vực công 2.2. Khái niệm và vai trò của phân tích công việc 2.3 Các kết quả của phân tích công việc 2.4. Phương pháp phổ biến phân tích công việc 2.5. Tiến trình phân tích công việc	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1	
	3	Thảo luận nhóm về đề án vị trí việc làm	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1	
	3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn Tìm hiểu các công cụ về phân tích công việc	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1	
	1	Thảo luận về: các kết quả của phân tích công việc	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1	
Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	3	Nghe giảng về: 2.2. Khái niệm và vai trò của phân tích công việc 2.3. Các kết quả của phân tích công việc 2.4. Phương pháp phổ biến phân tích công việc 2.5. Tiến trình phân tích công việc	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1	
	1	Thảo luận về các kết quả của phân tích công việc	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1	
Giai đoạn 3	3	2.2. Khái niệm và vai trò của phân tích công việc	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1	

	<i>{Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}</i>		2.3 Các kết quả của phân tích công việc 2.4. Phương pháp phổ biến phân tích công việc 2.5. Tiến trình phân tích công việc		
		1	Làm bài tập nhóm về đề án vị trí việc làm của tổ chức công	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1
Chương 3: Lập kế hoạch nhân lực trong khu vực công					
	<i>Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}</i>	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) 3.1. Bản chất và đặc điểm lập kế hoạch nguồn nhân lực tổ chức công 3.2. Tầm quan trọng của lập kế hoạch nguồn nhân lực tổ chức công 3.3. Tiến trình lập kế hoạch nguồn nhân lực tổ chức công	CLO1.2.1.2 CLO.2.1.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Tìm hiểu thực trạng lập kế hoạch nhân lực tổ chức công	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1
		3	Thảo luận về kế hoạch nhân lực trong tổ chức công	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1
	<i>Giai đoạn 2 {Ở lớp}</i>	3	Nghe giảng về Chương 3 3.1. Bản chất và đặc điểm lập kế hoạch nguồn nhân lực tổ chức công 3.2. Tầm quan trọng của lập kế hoạch nguồn nhân lực tổ chức công 3.3. Tiến trình lập kế hoạch nguồn nhân lực tổ chức công	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1
		1	Bài tập tình huống nhóm đánh giá về kế hoạch nhân lực của tổ chức công	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1
	<i>Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}</i>	3	Ôn tập Tiến trình lập kế hoạch nguồn nhân lực tổ chức công	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1
3		Bài tập tình huống về kế hoạch nhân lực tổ chức công	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1	

Chương 4: Tuyển dụng nguồn nhân lực trong khu vực công

...	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Tuyển dụng nguồn nhân lực trong khu vực công 4.1. Tổng quan về tuyển dụng nhân lực trong khu vực công 4.2. Quá trình tuyển dụng	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		3	Nghiên cứu các nội dung thực trạng tuyển dụng nhân lực cho khu vực công LMS	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		3	Thảo luận thực trạng tuyển dụng nhân lực cho khu vực công	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	3	Nghe giảng 4.1. Tổng quan về tuyển dụng nhân lực trong khu vực công 4.2. Quá trình tuyển dụng	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		1	Bài tập tình huống chính sách thu hút nhân lực cho khu vực công	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập Tuyển dụng nguồn nhân lực trong khu vực công	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		3	Bài tập đánh giá về tuyển dụng tại đơn vị/ tổ chức đề xuất giải pháp cải tiến	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
Chương: 5		Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực			
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	1	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 5.1. Tổng quan về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 5.2. Tiến trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 5.3. Phương pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Thực trạng đào tạo nhân lực trong tổ chức công	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1	A2.1

				CLO.2.1.2.1	
		3	Thảo luận về đào tạo nhân lực trong tổ chức công hiện nay	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	3	Nghe giảng về Chương 5 5.1. Tổng quan về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 5.2. Tiến trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 5.3. Phương pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		1	Bài tập tình huống Đào tạo nhân lực tổ chức	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	3	Ôn tập Đào tạo và phát triển nhân nguồn nhân lực	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		2	Làm bài tập đánh giá đào tạo nhân lực tổ chức công đề xuất giải pháp cải tiến	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
	Chương 6	Chính sách thù lao của tổ chức công			
	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 6.1. Tổng quan về chính sách thù lao của tổ chức công 6.2. Chính sách lương 6.3. Chính sách khuyến khích tài chính 6.4. Các phúc lợi	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Tìm hiểu về chính sách thù lao tổ chức công	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		3	Thảo luận về chính sách thù lao tổ chức công	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	3	Nghe giảng về Chương 6	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1	A2.1

			6.1. Tổng quan về chính sách thù lao của tổ chức công 6.2. Chính sách lương 6.3. Chính sách khuyến khích tài chính 6.4. Các phúc lợi	CLO.2.1.2.1	
		2	Bài tập tình huống Chính sách thù lao tổ chức công	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập Chính sách thù lao của tổ chức công	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		2	Làm bài tập đánh giá Chính sách thù lao của tổ chức công đề xuất giải pháp cải tiến	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
Chương 7: Đánh giá nguồn nhân lực trong khu vực công					
		2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 7.1. Tổng quan về đánh giá nguồn nhân lực trong khu vực công 7.2. Hệ thống đánh giá nguồn nhân lực trong khu vực công 7.3. Phương pháp đánh giá nguồn nhân lực trong khu vực công	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1 CLO3.1.2.1	A2.1
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Thực trạng đánh giá nguồn nhân lực trong khu vực công	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1 CLO3.1.2.1	A2.1
		3	Thảo luận về đánh giá nguồn nhân lực trong khu vực công hiện nay	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1 CLO3.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	3	Nghe giảng về Chương 7 7.1. Tổng quan về đánh giá nguồn nhân lực trong khu vực công 7.2. Hệ thống đánh giá nguồn nhân lực trong khu vực công	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1 CLO3.1.2.1	A2.1

			7. 3. Phương pháp đánh giá nguồn nhân lực trong khu vực công		
		1	Bài tập tình huống đánh giá nguồn nhân lực trong khu vực công	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1 CLO3.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập đánh giá nguồn nhân lực trong khu vực công	CLO.1.2.1.3 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1 CLO 3.1.2.1	A2.1
		2	Làm bài tập phân tích thực trạng đánh giá nguồn nhân lực trong khu vực công đề xuất giải pháp cải tiến	CLO 1.2.1.3 CLO 2.2.2.1 CLO 2.1.2.1 CLO 3.1.2.1	A2.1
Chương 8: Tạo động lực trong lao động					
		1	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 8.1. Tổng quan tạo động lực và các lý thuyết tạo động lực 8.2. Nội dung tạo động lực trong lao động 8. 3. Các công cụ tạo động lực trong lao động	CLO 1.2.1.3 CLO 2.2.2.1 CLO 2.1.2.1 CLO 3.1.2.1	A2.1
		3	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Thực trạng tạo động lực trong lao động khu vực công	CLO 1.2.1.3 CLO 2.2.2.1 CLO 2.1.2.1 CLO 3.1.2.1	A2.1
		3	Thảo luận về tạo động lực trong lao động khu vực công hiện nay	CLO 1.2.1.3 CLO 2.2.2.1 CLO 2.1.2.1 CLO 3.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	3	Nghe giảng về Chương 7 8.1. Tổng quan tạo động lực và các lý thuyết tạo động lực 8.2. Nội dung tạo động lực trong lao động 8. 3. Các công cụ tạo động lực trong lao động	CLO 1.2.1.3 CLO 2.2.2.1 CLO 2.1.2.1 CLO 3.1.2.1	A2.1

		1	Bài tập tình huống đánh giá tạo động lực trong lao động khu vực công	CLO 1.2.1.3 CLO 2.2.2.1 CLO 2.1.2.1 CLO 3.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập tạo động lực trong lao động khu vực công	CLO 1.2.1.3 CLO 2.2.2.1 CLO 2.1.2.1 CLO 3.1.2.1	A2.1
		2	Làm bài tập phân tích thực trạng tạo động lực trong lao động khu vực công đề xuất giải pháp cải tiến	CLO 1.2.1.3 CLO 2.2.2.1 CLO 2.1.2.1 CLO 3.1.2.1	A2.1
	Tiểu luận kết thúc HP			CLO.1.2.1.2 CLO.1.2.1.3 CLO.1.2.1.4 CLO 2.2.2.1 CLO 2.1.2.1	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc Tiểu luận A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:....../.../2023
		Số trang: 123/18

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Hải Yến

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0981.171.858 Email: haiyenkk@gmail.com; nthyen@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Hải Yến

Địa chỉ liên hệ: Khoa Giáo dục chính trị, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0962662626 Email: yenth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Lịch sử tư tưởng kinh tế; Kinh tế thị trường định hướng XHCN; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức; Quản lý kinh tế.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay (tiếng Anh): Political Economy in Vietnam	
- Mã số học phần: ECM82011	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Kinh tế chính trị	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	+ Số tiết thực tế: 8
+ Số tiết lý thuyết: 24	+ Số tiết dạy học dự án:
+ Số tiết bài tập, thảo luận: 13	+ Số tiết tự học: 90
+ Số tiết thực hành:	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: không	
+ Học phần học trước: không	
+ Học phần song hành: không	
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80%	
+ Học viên phải thực hiện nhiệm vụ học qua bài giảng E-Learning (LMS) tối thiểu 80% và hoàn thành các nhiệm vụ học tập khác.	
+ Học viên phải hoàn thành đồ án cá nhân (bài thu hoạch thực tế)	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế	

2. Mô tả học phần

Học phần *Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về Kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, học phần còn giúp học viên phát triển các kỹ năng tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề, thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Quản lý kinh tế. Trên cơ sở đó, áp dụng các kiến thức và kỹ năng cần thiết để phân tích, đánh giá tầm quan trọng và tư duy kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2.	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {K3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
2.2.1.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay để phân tích sở hữu và các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN	1.2.1.	3%	2,5 {K3}
1.1.2.2.	Đánh giá được vấn đề CNH, HĐH trong thực tiễn.		3%	2,5 {K3}
1.1.2.3.	Phân tích được quá trình đổi mới tư duy lý luận và thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế của Việt Nam ở Việt Nam.		2%	2,5 {K3}
1.1.2.4	Phân tích được tình hình xây dựng và phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thực tiễn.		2%	2,5 {K3}
2.1.1.1	Áp dụng được tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về quá trình CNH, HĐH trong thực tiễn	2.1.1	10%	2,5 {S3}

2.2.1.1	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội	2.2.1	20%	3,5 {S3}
---------	--	-------	-----	----------

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO1.1.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	20%	01 bài thảo luận
A1.2	CLO1.1.2.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	01 bài tập
A1.3	CLO1.1.2.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	01 bài tập
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
	CLO 1.1.2.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	25%	
A2.1	CLO 2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	10%	Tiểu luận
	CLO 2.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	15%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 30\% + A1.2 \times 35\% + A1.3 \times 35\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8

7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài tiểu luận

Bảng 2. Ma trận bài tiểu luận A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Chủ đề Tiểu luận	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.2. (5%)	Mức 3	10 câu	10	5	Đánh giá được một vấn đề CNH, HĐH ở đơn vị/địa phương trong thực tiễn
Tổng		10	10	5,0	

4.3. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.1 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay để phân tích sở hữu và các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.2 (01 bài tập)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.3. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Phân tích được quá trình đổi mới tư duy lý luận và thực tiễn phát triển nền

					kinh tế thị trường định hướng XHCN, toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế của Việt Nam ở Việt Nam.
Tổng	1	10	5,0		

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3 (01 bài tập)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.4. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Phân tích được tình hình xây dựng và phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thực tiễn.
Tổng	1	10	5,0		

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng trong bài đánh giá A2.1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

- Họ và tên:
- Lớp:
- Học phần:
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO 2.1.1.1. (Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về quá trình CNH, HĐH trong thực tiễn) [Mức năng lực: 2,5]		.../10	
Tiêu chí 1	Áp dụng được tư duy phản biện	.../5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích thực trạng quá trình CNH, HĐH của đơn vị/địa phương/nền kinh tế	3,0	
	Chỉ báo 2: Sử dụng tư duy logic và phản biện để đưa ra các đánh giá về trạng quá trình CNH, HĐH của đơn vị/địa phương/nền kinh tế.	2,0	
	Kỹ năng giải quyết vấn đề	.../5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Đề xuất được phương hướng để thúc đẩy quá trình CNH, HĐH của đơn vị/địa phương/nền kinh tế	2,0	

	Chỉ báo 2: Đề xuất được giải pháp để thúc đẩy quá trình CNH, HĐH của đơn vị/địa phương/nền kinh tế	3,0	
Điểm số của CLO2.1.1.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
CLO 2.2.1.1. (Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội) [Mức năng lực: 3,5]		.../10	
Tiêu chí 1	Có nhận thức đạo đức nghề nghiệp	.../5,0	
	Chỉ báo 1: Nhận thức đúng và phản ánh một cách khách quan, trung thực trong đánh giá vấn đề về kinh tế chính trị ở Việt Nam	3,0	
	Chỉ báo 2: Đề xuất một số giải pháp có tính khả thi trong giải quyết các vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam	2,0	
	Có trách nhiệm xã hội	.../5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Tham gia phản biện và đề xuất giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu của các vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam	3,0	
	Chỉ báo 2: Ủng hộ tư tưởng gắn tăng trưởng kinh tế với tiên bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. phân tích, đánh giá tầm quan trọng và tư duy kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam	3,0	
Điểm số của CLO2.2.1.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
Điểm bài đánh giá A2.1: Điểm CLO2.1.1.1*50% Điểm CLO2.2.1.1*50%	/10	

5. Kết quả:s

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình

[1] TS. Đinh Trung Thành, chủ biên (2016), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong thời đại ngày nay, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bùi Văn Dũng (chủ biên), Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam góc độ vận dụng các lý thuyết kinh tế học hiện đại, Nxb Đại học Vinh, 2019.

[3] TS. Đinh Trung Thành, chủ biên (2016), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong thời đại ngày nay*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội..

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/ chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá	
1	Chương 1. Tổng quan về phân tích chính sách kinh tế - xã hội (Học qua bài giảng E-learning 2,25 tiết: 3 tiết; học trên lớp: 6,75 tiết, tự học: 21 tiết)					
	Giai đoạn 1	2,25	Học qua bài giảng E-Learning (LMS) về nhà nước với các công cụ quản lý kinh tế - xã hội (KT-XH), khái quát về chính sách KT-XH.	CLO1.1.2.1		
		11	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2 (trang 10 - 15) và mục 1.3 (trang 15-25).	CLO1.1.2.1.		
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 2.3. Tổng quan về phân tích chính sách (PTCS) KT-XH 2.3.1. Khái niệm PTCS KT-XH 2.3.2. Nhiệm vụ của PTCS KT-XH 2.3.3. Những yêu cầu đối với nhà PTCS KT-XH 2.3.4. Quan điểm PTCS KT-XH 2.3.5. Cơ sở thông tin của PTCS KT-XH 4. Một số mô hình phân tích chính sách 2.4.1. Mô hình PTCS theo quan điểm hợp lý 2.4.2. Mô hình PTCS theo quan điểm vĩ mô 2.4.3. PTCS theo quan điểm vi mô hương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.1.2.1.		
			1	Câu hỏi phát vấn: Đánh giá quan điểm PTCS KT-XH ở Việt Nam hiện nay.	CLO1.1.2.1.	
			1	Thảo luận nhóm: Thảo luận về các vấn đề chính sách trong thực tiễn phát triển kinh tế các quốc gia.	CLO1.1.2.1.	
			1,75	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.1.	
	Giai đoạn 3	10	Làm bài tập chương 1 (trang 26) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.1.2.1.		
2			Chương 2. Phân tích hoạch định chính sách kinh tế - xã hội (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 9 tiết, tự học: 23 tiết)			
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về vị trí và mục đích phân tích hoạch định chính sách KT-XH, nguyên tắc phân tích hoạch định chính sách KT-XH.	CLO1.1.2.2.	A1.2.	

		13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2.1. (trang 30-42) và mục 1.2.2. (trang 42-52)	CLO1.1.2.2.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 2.3. Phân tích quá trình hoạch định chính sách kinh tế - xã hội 2.3.1. Phân tích vấn đề chính sách 2.3.2. Phân tích mục tiêu chính sách 2.3.3. Phân tích hành động chính sách Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.1.2.2.	
		2	Thảo luận nhóm: Phân tích quy trình và kết quả hoạch định chính sách gắn với một chính sách cụ thể trong thực tiễn.	CLO1.1.2.2.	A1.2.
		2	Câu hỏi phát vấn: Việc xác định vấn đề chính sách có ý nghĩa như thế nào đối với quá trình hoạch định chính sách?.	CLO1.1.2.2.	
	Giai đoạn 3	2	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.2.	
		10	Làm bài tập chương 2 (trang 53-54) tài liệu [1]	CLO1.1.2.2.	
3	Chương 3. Phân tích tổ chức thực thi chính sách kinh tế - xã hội (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 9 tiết, tự học: 23 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về nội dung tổng quan về tổ chức thực hiện chính sách kinh tế - xã hội.	CLO1.1.2.3.	
		13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 3.2. (trang 74-93).	CLO1.1.2.3.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 3.2. Quá trình tổ chức thực thi chính sách kinh tế - xã hội 3.2.1. Chuẩn bị triển khai chính sách 3.2. 2. Chỉ đạo thực hiện chính sách 3.2.3. Kiểm tra việc thực hiện chính sách 3.3. Nội dung phân tích quá trình thực hiện chính sách kinh tế - xã hội 3.3.1. Phân tích bộ máy 3.3.2. Phân tích các văn bản 3.3.3. Phân tích hệ thống truyền thông 3.3.4. Phân tích hệ thống phối hợp 3.3.5. Phân tích hệ thống dịch vụ hỗ trợ 3.3.6. Phân tích hệ thống thông tin phản hồi	CLO1.1.2.3.	


			<p>3.4. Phân tích lựa chọn các hình thức và phương pháp thực hiện chính sách kinh tế - xã hội</p> <p>3.4.1. Phân tích các hình thức thực hiện chính sách</p> <p>3.4.2. Phân tích các phương pháp thực hiện chính sách</p> <p>Phương pháp dạy học: Trực quan, thuyết giảng, giải quyết vấn đề</p>		
		3	Bài tập cá nhân: Phân tích quá trình tổ chức thực hiện một chính sách cụ thể trong thực tiễn tại địa phương.	CLO1.1.2.3.	A1.3
		2	Câu hỏi phát vấn: Đánh giá ưu, nhược điểm của các hình thức và phương pháp thực hiện chính sách kinh tế - xã hội.	CLO1.1.2.3.	
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.3.	
		10	Làm bài tập chương 3 (trang 102) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.1.2.3.	
4	Chương 4. Đánh giá chính sách kinh tế - xã hội (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 9 tiết; tự học: 23 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về bản chất, nguyên tắc và mục đích của đánh giá chính sách kinh tế - xã hội.	CLO1.1.2.4.	
		13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 4.2 (trang 110 - 130)	CLO1.1.2.4.	
	Giai đoạn 2	3	<p><i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i></p> <p>4.3. Đối tượng và chủ thể của đánh giá chính sách kinh tế - xã hội</p> <p>4.3.1. Đối tượng nghiên cứu đánh giá chính sách kinh tế</p> <p>4.3.2. Các chủ thể tham gia đánh giá chính sách kinh tế</p> <p>4.4. Phương pháp đánh giá chính sách kinh tế - xã hội</p> <p>4.4.1. Cách tiếp cận đánh giá chính sách kinh tế</p> <p>4.4.2. Phương pháp đánh giá chính sách kinh tế</p> <p>4.4.3. Các tiêu chí đánh giá chính sách</p> <p>4.4.4. Sử dụng kết quả đánh giá chính sách kinh tế</p> <p>4.5. Điều chỉnh chính sách</p> <p>4.5.1. Lý do điều chỉnh</p> <p>4.5. 2. Nguyên tắc điều chỉnh chính sách</p>	CLO1.1.2.4.	

			4.5.3. Các loại điều chỉnh Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề		
		3	Bài tập cá nhân: Áp dụng các phương pháp để đánh giá một chính sách cụ thể trong thực tiễn theo tiêu chí..	CLO1.1.2.4.	A1.4
	Giai đoạn 3	3	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.4.	
		10	Làm câu hỏi Chương 4 (trang 130 - 165) tài liệu [1]	CLO1.1.2.4.	
	Đánh giá cuối kỳ		Thực hiện tiểu luận theo ma trận A2.1	CLO2.1.1.1. CLO4.1.1.1.	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi nộp tiểu luận theo ma trận A2.1	Đăng ký xem kết quả chấm tiểu luận	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3





PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú

	<i>Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án</i> ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÔNG	Ngày ban hành:....../.../2023 Số trang: 133/18

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Lê Vũ Sao Mai

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0981218666, levusaomai@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh tế đầu tư

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Hải Yến

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0981171858, yennth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh tế chính trị

Giảng viên 3: TS. Trần Thị Thanh Thủy

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại, email: 0983676450, thuyttt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh tế chính trị

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÔNG (tiếng Anh): State investment management	
- Mã số học phần: ECM82012	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản lý kinh tế	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	+ Số tiết thực tế:
+ Số tiết lý thuyết: 45	+ Số tiết dạy học dự án:
+ Số tiết bài tập, thảo luận:	+ Số tiết tự học: 90
+ Số tiết thực hành:	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: không	
+ Học phần học trước: không	
+ Học phần song hành: không	
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80%	
+ Học viên phải thực hiện nhiệm vụ học qua bài giảng E-Learning (LMS) tối thiểu 80% và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên Elearning	
+ Học viên phải hoàn thành đồ án học phần theo nhóm	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế	

2. Mô tả học phần

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiêu luận/đồ án

Học phần *Quản lý đầu tư công* là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về quản lý đầu tư công. Học phần cụ thể hóa quá trình quản lý hoạt động đầu tư công tại Việt Nam, nhằm vận dụng hoạt động quản lý đầu tư công trên thực tiễn.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2.	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {K3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
2.2.1.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1.	Vận dụng được kiến thức tổng quan về quản lý đầu tư công vào thực tiễn nền kinh tế	1.2.1.	3%	2,5 {K3}
1.1.2.2.	Ứng dụng được cách thức hoạch định các hoạt động hoạt động quản lý đầu tư công	1.2.1.	3%	2,5 {K3}
1.1.2.3.	Ứng dụng được cách thức triển khai các hoạt động hoạt động quản lý đầu tư công	1.2.1.	2%	2,5 {K3}
1.1.2.4.	Thiết lập được các biện pháp kiểm tra giám sát hoạt động đầu tư công	1.2.1.	2%	2,5 {K3}
2.1.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về quản lý đầu tư công	2.1.1.	10%	2,5 {S3}
2.2.1.1.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong hoạt động quản lý đầu tư công	3.1.1.	20%	3,5 {S4}
4.2.1.1.	Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến hoạt động quản lý đầu tư công	4.2.1.	5%	3,5 {S4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 1.1.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	LMS Elearning
	CLO 1.1.2.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}		
A1.2	CLO 1.1.2.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	25%	Quan sát tại lớp
A1.3	CLO 1.1.2.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	30%	01 bài thảo luận
	CLO 1.1.2.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	30%	02 bài tập luyện tập
A2. Đánh giá cuối kì - tiểu luận cá nhân (chiếm 50% điểm số học phần)				
	CLO 2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {S3}	10%	
	CLO 2.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO 4.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận tiêu luận

Bảng 2. Ma trận tiêu luận cá nhân A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Chủ đề Đồ án	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.4. (100%)	Mức 4	1 câu	10	10	Thiết lập được các biện pháp quản lý đầu tư công
Tổng		10	10	5,0	

4.3. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.2. (Quan sát tại lớp)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.3. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Vận dụng được hoạch định quản lý đầu tư công
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.3 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.3. (100%)	Mức 4	1 câu	10	5,0	Đánh giá được hoạch định quản lý đầu tư công
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3.1 (bài tập luyện tập 1)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL mỗi câu	Số điểm cần đạt (50%) mỗi câu	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.4. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Vận dụng được các căn cứ đề xuất giải pháp quản lý đầu tư công
Tổng		1	10	5,0	

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

Bảng 3.4. Ma trận bài đánh giá A1.3.2 (bài tập luyện tập 2)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL mỗi câu	Số điểm cần đạt (50%) mỗi câu	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.4. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Vận dụng được các căn cứ thực hiện giải pháp quản lý đầu tư công
Tổng		1	10	5,0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN
Học phần QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÔNG
(Dành cho CTĐT thạc sỹ Quản lý kinh tế)

- Họ và tên học viên:; Ngày sinh: .../.../...
- Mã học viên:; Lớp:.....
- Học phần: Quản lý đầu tư công
- Tiêu chí đánh giá:

Chuẩn đầu ra đánh giá [MNL: ...(Điểm năng lực cần đạt)] {Trọng số %}		Điểm số	Điểm năng lực
CLO 2.1.1.1. (Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về quản lý đầu tư công) [MNL: 3 (2,5-3,4)]{trọng số 30%}		.../10	
Tiêu chí 1	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và các công nghệ số trong quản lý đầu tư công	5,0	
	Chỉ báo 1: Tìm kiếm các dữ liệu số hoá trong quản lý đầu tư công	1,0	
	Chỉ báo 2: Sử dụng các công cụ số để phân tích dữ liệu trong quản lý đầu tư công	2,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công nghệ số để đưa ra giải pháp trong quản lý đầu tư công	2,0	
Tiêu chí 2	Áp dụng kỹ năng giải quyết vấn đề trong quản lý đầu tư công	5,0	
	Chỉ báo 1: Đề xuất các chiến lược và biện pháp cụ thể để quản lý đầu tư công	2,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá các ảnh hưởng của chiến lược và biện pháp đối với quản lý đầu tư công	3,0	

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

CLO 2.2.1.1. (Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong hoạt động quản lý đầu tư công) [MNL: 4 (3,5-4,4)] {trọng số 30%}		.../10	
Tiêu chí 1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong hoạt động quản lý đầu tư công	.../10	
	Chỉ báo 1: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng trong hoạt động quản lý đầu tư công	5,0	
	Chỉ báo 2: Hành xử chuyên nghiệp trong các hoạt động quản lý đầu tư công	5,0	
CLO 4.2.1.1. (Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến quản lý đầu tư công) [MNL: 4 (3,5-4,4)] {trọng số 40%}		.../10	
Tiêu chí 1	Hình thành ý tưởng về đề tài tiểu luận	.../10	
	Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết khoa học hoặc yêu cầu thực tiễn về đề tài tiểu luận	3,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng đề tài tiểu luận là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	3,0	
	Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu đề tài tiểu luận	4,0	
Điểm bài đánh giá		.../10	

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực của CLO:

CLO	2.1.2.1	2.2.1.1	4.2.1.1
Điểm NL	.../2,5	.../3,5	.../3,5

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình

[1] Lê Vũ Sao Mai, Nguyễn Thị Hải Yến (Chủ biên), Giáo trình Quản lý đầu tư công, NXB Đại học Vinh, 2025.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Bạch Nguyệt, Từ Quang Phương, *Kinh tế đầu tư*, Nxb Thống Kê, Hà Nội, 2003.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/ chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Tổng quan về đầu tư công (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 4 tiết; nghiên cứu thực tế: 2 tiết; tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về các khái niệm cơ bản, các hình thức đầu tư công	CLO 1.1.2.1	A1.1.
		5	Tự học: Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Tìm hiểu về vai trò của đầu tư công, vốn đầu tư công	CLO 1.1.2.1	
	Giai đoạn 2	4	Học trên lớp: 1.2. Đặc điểm và các loại đầu tư công 1.3. Vai trò của đầu tư công 1.4. Nguồn vốn đầu tư công Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO 1.1.2.1	A1.2
		1	Nghiên cứu thực tế: nguồn vốn để đầu tư công gồm những nguồn nào.	CLO 1.1.2.1	
		1	Nghiên cứu thực tế: Vai trò của đầu tư công đối với Việt Nam.	CLO 1.1.2.1	
	Giai đoạn 3	2	Tự học: Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1	CLO 1.1.2.1	
		8	Tự học: Tìm hiểu đầu tư công ở một số quốc gia trên thế giới	CLO 1.1.2.1	
2	Chương 2. Quản lý nhà nước về đầu tư công (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 4 tiết; nghiên cứu thực tế: 2 tiết; tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS): 2.1. Khái niệm và ý nghĩa của hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư công 2.2. Nguyên tắc quản lý nhà nước về đầu tư công	CLO 1.1.2.1	A1.1.

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

		5	<i>Tự học:</i> Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Bộ máy quản lý nhà nước về đầu tư công	CLO 1.1.2.1	
	Giai đoạn 2	4	<i>Học trên lớp:</i> 2.3. Bộ máy quản lý nhà nước về đầu tư công 2.4. Công cụ quản lý nhà nước về đầu tư công Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO 1.1.2.1	A1.2
		1	<i>Nghiên cứu thực tế:</i> Phân tích bộ máy quản lý nhà nước về đầu tư công cấp trung ương và địa phương.	CLO 1.1.2.1	
		1	<i>Nghiên cứu thực tế:</i> Phân tích ảnh hưởng của các công cụ quản lý đầu tư công với hiệu quả quản lý đầu tư công.	CLO 1.1.2.1	
	Giai đoạn 3	1	<i>Tự học:</i> Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2	CLO 1.1.2.1	
		9	<i>Tự học:</i> Nội dung quản lý nhà nước về đầu tư công	CLO 1.1.2.1	
3	Chương 3. Kế hoạch đầu tư công (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 4 tiết; nghiên cứu thực tế: 2 tiết; tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	<i>Học bài giảng E-Learning (LMS):</i> 3.1. Khái niệm kế hoạch đầu tư công 3.2. Tác dụng lập kế hoạch đầu tư công 3.3. Phân loại kế hoạch đầu tư công 3.4. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công	CLO 1.1.2.2	A1.1.
		5	<i>Tự học:</i> Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Nguyên tắc lập kế hoạch	CLO 1.1.2.2	
	Giai đoạn 2	4	<i>Học trên lớp:</i> 3.6. Nội dung chính của kế hoạch đầu tư công 3.7. Quy trình lập kế hoạch đầu tư công Phương pháp dạy học: Trực quan, thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO 1.1.2.2	A1.2
		2	<i>Nghiên cứu thực tế:</i> Thực hành phương pháp lập kế hoạch đầu tư công của địa phương	CLO 1.1.2.2	
	Giai đoạn 3	1	<i>Tự học:</i> Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 3	CLO 1.1.2.2	
		10	<i>Tự học:</i>	CLO 1.1.2.2	

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

			Trình tự lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm		
4	Chương 4. Thực hiện dự án đầu tư công (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 4 tiết; nghiên cứu thực tế: 1 tiết; tự học: 15 tiết)				
Giai đoạn 1	2	<i>Học bài giảng E-Learning (LMS):</i> 4.1. Khái niệm, phân loại và đặc trưng dự án đầu tư công		CLO 1.1.2.3	A1.1.
		Hoàn thành 01 Bài thảo luận trên hệ thống Elearning (LMS)		CLO 1.1.2.3	A1.3
	5	<i>Tự học:</i> Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Các mô hình tổ chức thực hiện dự án đầu tư công		CLO 1.1.2.3	
Giai đoạn 2	4	<i>Học trên lớp:</i> 4.2. Các mô hình tổ chức thực hiện dự án đầu tư công Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề		CLO 1.1.2.3	
	1	<i>Nghiên cứu thực tế:</i> Sự khác biệt giữa các mô hình tổ chức thực hiện dự án đầu tư công		CLO 1.1.2.3	
Giai đoạn 3	2	<i>Tự học:</i> Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4		CLO 1.1.2.3	
	8	<i>Tự học:</i> Liên hệ thực tiễn các mô hình tổ chức thực hiện dự án đầu tư công tại địa phương		CLO 1.1.2.3	
5	Chương 5. Thực hiện chương trình đầu tư công (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 4 tiết; nghiên cứu thực tế: 1 tiết; tự học: 15 tiết)				
Giai đoạn 1	2	<i>Học bài giảng E-Learning (LMS):</i> 5.1. Khái niệm, phân loại và đặc trưng chương trình đầu tư công		CLO 1.1.2.3	A1.1.
	5	<i>Tự học:</i> Tìm hiểu các chương trình đầu tư công đã thực hiện qua các giai đoạn		CLO 1.1.2.3	
	4	<i>Học trên lớp:</i> 5.2. Vai trò các chương trình đầu tư công 5.3. Qui trình thực hiện chương trình đầu tư công		CLO 1.1.2.3	A1.2

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

Giai đoạn 2		Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề		
	1	<i>Nghiên cứu thực tế:</i> Bắt cập trong tổ chức thực hiện các chương trình đầu tư công	CLO 1.1.2.3	
Giai đoạn 3	1	<i>Tự học:</i> Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 5	CLO 1.1.2.3	
	9	<i>Tự học:</i> Liên hệ thực tiễn các chương trình đầu tư công tại địa phương	CLO 1.1.2.3	
6	Chương 6. Giám sát và đánh giá đầu tư công (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 4 tiết; nghiên cứu thực tế: 2 tiết; tự học: 15 tiết)			
Giai đoạn 1	2	<i>Học bài giảng E-Learning (LMS):</i> 6.1. Sự cần thiết phải giám sát và đánh giá đầu tư công	CLO 1.1.2.4	A1.1.
	5	<i>Tự học:</i> Tìm hiểu các hoạt động giám sát và đánh giá đầu tư công trên thực tế	CLO 1.1.2.4	
		Hoàn thành 02 bài tập luyện tập trên hệ thống Elearning (LMS)	CLO 1.1.2.4	A1.3
Giai đoạn 2	4	<i>Học trên lớp:</i> 6.2. Giám sát đầu tư công 6.3. Đánh giá đầu tư công Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO 1.1.2.4	A1.2
	2	<i>Nghiên cứu thực tế:</i> Những bất cập trong hoạt động giám sát và đánh giá đầu tư công trên thực tế	CLO 1.1.2.4	
Giai đoạn 3	1	<i>Tự học:</i> Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 6	CLO 1.1.2.4	
	9	<i>Tự học:</i> Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát và đánh giá đầu tư công	CLO 1.1.2.4	
Đánh giá cuối kỳ		Thực hiện tiểu luận theo ma trận A2.1	CLO2.1.1.1. CLO2.2.1.1. CLO4.2.1.1.	A2

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi đánh giá tiểu luận theo ma trận A2.1	Đăng ký xem kết quả đánh giá tiểu luận
--	---------------------	--	--	--

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỐNG KÊ ỨNG DỤNG	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../.../2023
		Số trang: 144/18

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: GVC, TS. Trần Thị Thanh Thủy

Địa chỉ liên hệ: Khoa kinh tế, Trường kinh tế, Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0983.676.450 Email: thuyttt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế chính trị,...

Giảng viên 1: GVC, TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.923.433 Email: ntquynh83@gmail.com; quynhntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Quản lý nhà nước về kinh tế

Giảng viên 3: TS. Trần Thị Thanh Tâm

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0982.177.287 Email: tamttt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế quốc tế, Kinh tế học

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Thống kê ứng dụng (tiếng Anh): Applied Statistics	
- Mã số học phần: ECM82013	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản lý kinh tế	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	+ Số tiết thực tế:
+ Số tiết lý thuyết:	+ Số tiết dạy học dự án: 45
+ Số tiết bài tập, thảo luận:	+ Số tiết tự học: 90
+ Số tiết thực hành:	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: không	
+ Học phần học trước: không	
+ Học phần song hành: không	
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80%	

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

+ Học viên phải thực hiện nhiệm vụ học qua bài giảng E-Learning (LMS) tối thiểu 80% và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên Elearning + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên + Học viên phải hoàn thành Tiểu luận học phần
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

2. Mô tả học phần

Học phần *Thống kê ứng dụng* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về Thống kê ứng dụng trong kinh tế thông qua việc cung cấp các kiến thức về thống kê định lượng, các kỹ năng vận dụng một số công cụ thống kê vào việc đo lường, đánh giá và dự báo các tình huống kinh tế khác nhau, qua đó cung cấp dữ liệu thống kê trung thực, đầy đủ, khách quan giúp các nhà quản lý kinh tế hoạch định chính sách và đưa ra các quyết định quản lý một cách chính xác và kịp thời. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, học phần giúp học viên phát triển các kỹ năng cần thiết nhằm xây dựng được mô hình định lượng các bài toán kinh tế và sử dụng được các phần mềm chuyên dụng vào quá trình nghiên cứu thống kê, hình thành được kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề kinh tế/kinh doanh.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2.	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {K3}
2.1.2.	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ số trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {S3}
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Vận dụng được các kiến thức tổng quan về thống kê ứng dụng vào lĩnh vực kinh tế.	1.1.2.	3%	2,5 {K3}
1.1.2.2	Áp dụng được mô hình thống kê ứng dụng vào đo lường kinh tế.	1.1.2.	3%	2,5 {K3}
1.1.2.3	Áp dụng được mô hình thống kê ứng dụng vào xây dựng mô hình định lượng các vấn đề trong kinh tế.	1.1.2.	2%	2,5 {K3}

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

1.1.2.4	Áp dụng được mô hình thống kê ứng dụng vào dự báo và tư vấn chính sách kinh tế	1.1.2.	2%	2,5 {K3}
2.1.2.1	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ số trong lĩnh vực thống kê ứng dụng.	2.1.2.	30%	2,5 {S3}
3.1.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến Thống kê ứng dụng.	3.1.1.	10%	3,5 {S4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO1.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	LMS Elearning
	CLO1.1.2.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}		
	CLO1.1.2.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}		
	CLO1.1.2.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}		
A1.2	CLO1.1.2.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	25%	Quan sát tại lớp
A1.3	CLO1.1.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	30%	Bài thảo luận
	CLO1.1.2.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	Bài tập luyện tập số 1
	CLO1.1.2.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	Bài tập luyện tập số 2
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
	CLO1.1.2.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	20%	
A2.1	CLO1.1.2.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	20%	Tiểu luận
	CLO1.1.2.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	20%	
	CLO2.1.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {S3}	20%	
	CLO3.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	20%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án
Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài Tiểu luận

Bảng 2. Ma trận đề thi Tiểu luận A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Chủ đề Tiểu luận	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.2. 1.1.2.3. 1.1.2.4. (100%)	Mức 3	1 chủ đề	10	5	Xây dựng và phân tích mô hình thống kê ứng dụng vào đo lường, xây dựng mô hình định lượng và dự báo các vấn đề trong kinh tế.
Tổng		1	10	5.0	

4.3. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.2. (Quan sát tại lớp)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.2. (100%)	Mức 3	1 câu	5,0	2,5	Áp dụng được mô hình thống kê ứng dụng vào đo lường kinh tế.

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

Tổng	1	10	5,0	
-------------	----------	-----------	------------	--

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.3 (Bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1. (100%)	Mức 4	1 câu	5,0	2,5	Vận dụng được các kiến thức tổng quan về thống kê ứng dụng vào lĩnh vực kinh tế.
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3 (Bài tập luyện tập số 1)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.3. (100%)	Mức 3	1 câu	5,0	2,5	Áp dụng được mô hình thống kê ứng dụng vào xây dựng mô hình định lượng các vấn đề trong kinh tế.
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.4. Ma trận bài đánh giá A1.3 (Bài tập luyện tập số 2)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.2. (100%)	Mức 3	1 câu	5,0	2,5	Áp dụng được mô hình thống kê ứng dụng vào đo lường kinh tế.
Tổng		1	10	5,0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN

1. Họ và tên học viên:; Ngày sinh: .../.../...
2. Mã học viên: ; Lớp:.....
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Chuẩn đầu ra đánh giá [ECM82013_1.1.2.1_3] {Trọng số 20%}		Điểm số	Điểm năng lực
Chuẩn đầu ra đánh giá [ECM82013_1.1.2.2_3] {Trọng số 20%}			
CLO 1.1.2.2 (Áp dụng được mô hình thống kê ứng dụng vào đo lường kinh tế..) [MNL: 3 (2,5-3,4)]{trọng số 20%}		.../10	
Chỉ báo 1	Hiểu được cách xây dựng mô hình hồi quy trong thống kê	5	
Chỉ báo 2	Miêu tả và phân tích được mô hình thống kê ứng dụng vào đo lường kinh tế	5	
Chuẩn đầu ra đánh giá [ECM82013_1.1.2.3_3] {Trọng số 20%}			
CLO 1.1.2.3 (Áp dụng được mô hình thống kê ứng dụng vào xây dựng mô hình định lượng các vấn đề trong kinh tế) [MNL: 3 (2,5-3,4)]{trọng số 20%}		.../10	
Chỉ báo 1	Hiểu được cách xây dựng mô hình thống kê ứng dụng vào mô hình định lượng trong các vấn đề kinh tế	5	
Chỉ báo 2	Miêu tả và phân tích được mô hình thống kê ứng dụng vào mô hình định lượng trong các vấn đề kinh tế	5	
Chuẩn đầu ra đánh giá [ECM82013_1.1.2.4_3] {Trọng số 20%}			
CLO 1.1.2.4 (Áp dụng được mô hình thống kê ứng dụng vào dự báo và tư vấn chính sách kinh tế) [MNL: 3 (2,5-3,4)]{trọng số 20%}		.../10	

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

Chỉ báo 1	Hiểu được cách xây dựng mô hình thống kê ứng dụng vào mô hình định lượng trong các vấn đề kinh tế	5	
Chỉ báo 2	Miêu tả và phân tích được mô hình thống kê ứng dụng vào dự báo và tư vấn chính sách kinh tế trong các vấn đề kinh tế	5	
Chuẩn đầu ra đánh giá [ECM82013_2.1.2.1_3] {Trọng số 20%}			
CLO 2.1.2.1 (Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ số trong lĩnh vực thống kê ứng dụng.) [MNL: 3 (2,5-3,4)]{trọng số 20%}		.../10	
Tiêu chí 1	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số	.../5	
	Chỉ báo 1: Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành đúng hạn và có chất lượng từ 80-100% các nhiệm vụ học tập trên E-learning.	2,0	
	Chỉ báo 2: Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành đúng hạn và có chất lượng từ 60-80% các nhiệm vụ học tập trên E-learning.	1,5	
	Chỉ báo 3: Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành đúng hạn và có chất lượng từ 50-70% các nhiệm vụ học tập trên E-learning.	1,0	
	Chỉ báo 4: Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	0,5	
Tiêu chí 2	Sử dụng kỹ năng công nghệ đổi số	.../5	
	Chỉ báo 1: Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành có chất lượng từ 80-100% các nhiệm vụ học tập và đảm bảo chất lượng.	2,0	
	Chỉ báo 2: Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành có chất lượng từ 60-80% các nhiệm vụ học tập.	1,5	
	Chỉ báo 3: Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành có chất	1,0	

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

	lượng từ 50-70% các nhiệm vụ học tập và đảm bảo chất lượng.		
	Chỉ báo 4: Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập.	0,5	
Chuẩn đầu ra đánh giá [ECM82013_3.1.1.1_4] {Trọng số 20%}		.../10	
CLO 3.1.1.1 (Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến Thống kê ứng dụng) (trọng số 20%)			
Tiêu chí 1	Thành thạo làm việc trong giải quyết các vấn đề liên quan đến thống kê ứng dụng	.../10	
	Chỉ báo 1: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động trong việc phân tích các vấn đề liên quan đến thống kê ứng dụng.	1,0	
	Chỉ báo 2: Xây dựng mối quan hệ hợp tác và giao tiếp hiệu quả để giải quyết các thách thức liên quan đến thống kê ứng dụng.	1,0	
	Chỉ báo 3: Đóng vai trò tích cực trong việc phân chia công việc và quản lý thời gian để đạt được các mục tiêu chung.	2,0	
	Chỉ báo 4: Thể hiện kỹ năng lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong quá trình giải quyết vấn đề.	2,0	
	Chỉ báo 5: Giải quyết các mâu thuẫn và khó khăn nội bộ trong nhóm một cách xây dựng và hiệu quả.	2,0	
	Chỉ báo 6: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích các vấn đề thống kê ứng dụng và đề xuất giải pháp.	2,0	
Điểm bài đánh giá		.../10	

5. Kết quả đánh giá

CLO	1.1.2.2	1.1.2.3	1.1.2.4	2.1.2.1	3.1.1.1	Tổng điểm ¹
Trọng số (%)	20	20	20	20	20	

¹ Tổng điểm = Tổng Điểm số GPA của từng CLO.

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

Điểm số GPA						X
Quy đổi điểm GPA (Điểm số GPA*Trọng số)						
Điểm NL/Mức NL	.../2,5	.../2,5	.../2,5	.../2,5	.../3,5	X

Điểm số:

Bằng chữ:

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

Ghi chú: - Chủ đề chuẩn đầu ra được cụ thể hoá thành các tiêu chí; các tiêu chí được cụ thể hoá thành các chỉ báo; các chỉ báo độc lập với nhau, mô tả các khía cạnh quan trọng, điển hình của tiêu chí;

- Các tiêu chí/chỉ báo được xây dựng tương ứng với mức năng lực của các CLO được thể hiện bởi các động từ Bloom;

- Điểm số của CLO được thiết kế theo thang điểm 10 bằng tổng điểm của các tiêu chí của CLO. Điểm mỗi tiêu chí bằng tổng điểm của các chỉ báo của tiêu chí đó;

- Tổng điểm số của các chỉ báo trong một CLO bằng 10; tổng trọng số % của các CLO trong bài đánh giá bằng 100%;

- Điểm bài đánh bằng tổng điểm số của các CLO nhân với trọng số % tương ứng;

- Tỷ lệ % hoàn thành CLO của người học được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} = \frac{\text{Điểm số của CLO}}{10} \times 100\%;$$

- Điểm năng lực của CLO được quy đổi từ tỷ lệ % hoàn thành CLO theo bảng quy đổi điểm năng lực ứng với mức năng lực cần đạt của CLO. Tuy nhiên, ứng với Mức năng lực cụ thể của CLO và thang điểm của CLO là thang điểm 10 nên chúng ta có thể quy đổi trực tiếp từ điểm số sang điểm năng lực của CLO mà không qua trọng số % bởi bảng quy đổi sau đây

Điểm số của CLO	5,0	5,5	6,0	6,5	7,0	7,5	8,0	8,5	9,0	9,5	10,0
ĐNL của CLO (Mức 2)	1,5	1,6	1,7	1,8	1,9	2,0	2,0	2,1	2,2	2,3	2,4
ĐNL của CLO (Mức 3)	2,5	2,6	2,7	2,8	2,9	3,0	3,0	3,1	3,2	3,3	3,4
ĐNL của CLO (Mức 4)	3,5	3,6	3,7	3,8	3,9	4,0	4,0	4,1	4,2	4,3	4,4
ĐNL của CLO (Mức 5)	4,5	4,6	4,6	4,7	4,7	4,8	4,8	4,9	4,9	5,0	5,0

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình

[1] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội*, NXB Lao động - xã hội, 2017.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Essentials of statistics for business and economics / David R. Anderson, Dennis J. Sweeney, Thomas A. Williams/ Cincinnati : South-Western College Publishing, 2001.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/ chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Tổng quan về thống kê ứng dụng (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết; tự học: 21 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học qua bài giảng E-Learning (LMS) về các khái niệm cơ bản về thống kê ứng dụng, Thu thập và trình bày dữ liệu.	CLO1.1.2.1.	A1.1.
			Hoàn thành 01 Bài thảo luận trên hệ thống Elearning (LMS)		A1.3.
		11	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.3 (trang 66-91), mục 1.4 (trang 4-5), mục 1.5 (trang 5-7).	CLO1.1.2.1.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 1.3. Tóm tắt dữ liệu bằng các đại lượng số 1.3.1. Các đại lượng đo lường độ tập trung phổ biến 1.3.2. Các đại lượng đo lường độ phân tán 1.4. Các phương pháp nghiên cứu thống kê 1.5. Thống kê ứng dụng trong kinh tế <i>Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề</i>	CLO1.1.2.1.	
		1	Câu hỏi phát vấn: Tại sao phải nghiên cứu thống kê các hiện tượng kinh tế - xã hội?	CLO1.1.2.1.	
		1	Thảo luận nhóm: Thu thập dữ liệu cho chỉ tiêu thống kê và thực hiện phân tích thống kê mô tả.	CLO1.1.2.1.	
		1	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy.	CLO1.1.2.1.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.1.	
	Giai đoạn 3	10	Làm bài tập chương 1 (trang 26) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO1.1.2.1.	

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

2					
Chương 2. Phân tích hồi quy và tương quan					
(Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 7 tiết; tự học: 23 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết)					
Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Mô hình hồi quy tuyến tính hai biến.	CLO1.1.2.3.	A1.1.	
		Hoàn thành bài tập luyện tập số 1 trên hệ thống Elearning (LMS)		A1.3.	
	13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 2.2 (trang 359-384) và mục 2.3 (trang 339-356)	CLO1.1.2.3.		
Giai đoạn 2	4	<p><i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i></p> <p>2.2. Mô hình tuyến tính ba biến</p> <p style="padding-left: 40px;">2.3.1. Hàm hồi quy tổng thể</p> <p style="padding-left: 40px;">2.3.2. Hàm hồi quy mẫu</p> <p style="padding-left: 40px;">2.3.3. Ước lượng và kiểm định giả thiết về các hệ số hồi quy</p> <p style="padding-left: 40px;">2.3.4. Hệ số xác định bội và kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi quy</p> <p>2.3. Tương quan</p> <p style="padding-left: 40px;">2.1.1. Hệ số tương quan</p> <p style="padding-left: 40px;">2.1.2. Kiểm định giả thiết về mối liên hệ tương quan</p> <p><i>Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề</i></p>	CLO1.1.2.3.		
		1	Câu hỏi phát vấn: Vì sao phải thực hiện phân tích hồi quy?	CLO1.1.2.3.	
		1	Thảo luận nhóm: Dựa trên mục tiêu nghiên cứu và thực hiện thu thập dữ liệu, tiến hành xây dựng mô hình hồi quy.	CLO1.1.2.3.	
		1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy.	CLO1.1.2.3.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.3.	
Giai đoạn 3	10	Làm bài tập chương 2 (trang 53-54) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [3]	CLO1.1.2.3.		
3					
Chương 3. Chỉ số					

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

(Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết; tự học: 23 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết)						
Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Một số vấn đề chung về phương pháp chỉ số, Chỉ số cá thể và chỉ số tổng hợp.	CLO1.1.2.2.	A1.1.		
		Hoàn thành bài tập luyện tập số 2 trên hệ thống Elearning (LMS)	CLO1.1.2.2.	A1.3		
	13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 3.3 (trang 401-403), mục 3.4 (trang 404-413), mục 3.5 (trang 414-418).	CLO1.1.2.2.			
Giai đoạn 2	3	<p><i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i></p> <p>3.3. Chỉ số không gian (chỉ số địa phương)</p> <p>3.3.1. Chỉ số tổng hợp giá cả theo không gian</p> <p>3.3.2. Chỉ số tổng hợp khối lượng theo không gian</p> <p>3.4. Hệ thống chỉ số</p> <p>3.4.1. Hệ thống chỉ số tổng hợp</p> <p>3.4.2. Hệ thống chỉ số nghiên cứu biến động chỉ tiêu trung bình</p> <p>3.4.3. Hệ thống chỉ số phân tích biến động của chỉ tiêu tổng trị số</p> <p>3.5. Hệ thống chỉ số thường gặp trong thống kê</p> <p>3.5.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)</p> <p>3.5.2. Chỉ số chứng khoán Vn - Index</p> <p><i>Phương pháp dạy học: Trực quan, thuyết giảng, giải quyết vấn đề</i></p>	CLO1.1.2.2.			
		1	Câu hỏi phát vấn: Ý nghĩa của việc ứng dụng chỉ số vào việc phân tích biến động của các hiện tượng nghiên cứu.	CLO1.1.2.2.	A1.2	
		1	Thảo luận nhóm: Hãy phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index hoặc CPI của Việt Nam trong một tháng nhất định của năm nay.	CLO1.1.2.2.	A1.2	
		1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy.	CLO1.1.2.2.		
	2	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.2.			

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

	Giai đoạn 3	10	Làm bài tập chương 3 (trang 102) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO1.1.2.2.	
4	Chương 4. Chuỗi thời gian và dự báo trên chuỗi thời gian (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết; tự học: 23 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Chuỗi thời gian.	CLO1.1.2.2.	A1.1.
		13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 4.2 (trang 423-434)	CLO1.1.2.4.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 4.2. Dự báo trên chuỗi thời gian 4.2.1. Một số vấn đề liên quan đến dự báo trên chuỗi thời gian 4.2.2. Các phương pháp dự báo theo chuỗi thời gian <i>Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề</i>	CLO1.1.2.4.	
		2	Thảo luận nhóm: Vận dụng phương pháp dãy số thời gian phân tích biến động tỷ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng, nông lâm thủy sản và dịch vụ - du lịch trong GDP của Việt Nam giai đoạn 2015-2023 và dự báo cho năm 2030.	CLO1.1.2.4.	A1.2
		1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4 bằng sơ đồ tư duy.	CLO1.1.2.4.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.4.	
	Giai đoạn 3	10	Làm câu hỏi Chương 4 (trang 130 - 165) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO1.1.2.4.	
5	Đánh giá cuối kỳ		Thực hiện Tiểu luận theo ma trận A2.1	CLO1.1.2.2. CLO1.1.2.3. CLO1.1.2.4. CLO2.1.2.1. CLO3.1.1.1.	A2.1

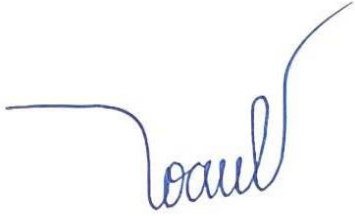
Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

6	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài Tiểu luận theo ma trận A2.1	Đăng ký xem kết quả bài Tiểu luận
---	---------------------	--	---	-----------------------------------

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3




PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú

	<i>Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá bài giảng</i>	Liên hệ: cuocntt@vinhuni.edu.vn Mã số học phần: ECM82012
	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	01 Ngày ban hành: .../.../2023
		Số trang: 159/11

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

1. Giảng viên 1: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Cúc

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0932.341.888 Email: cuocntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính - Ngân hàng

2. Giảng viên 2: TS. Đặng Thành Cương

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0914.792.688 Email: cuongdt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính - Ngân hàng

3. Giảng viên 3: TS. Hoàng Thị Việt

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0984.468.660 Email: hoangviet@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính - Ngân hàng

4. Giảng viên 4: TS. Trần Thị Lưu Tâm

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0985.824.777 Email: tamttl@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính - Ngân hàng

5. Giảng viên 5: TS. Hoàng Thị Thanh Huyền

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0986.310.435 Email: huyenhtt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính - Ngân hàng

6. Giảng viên 6: TS. Nguyễn Thị Bích Thủy

Địa chỉ liên hệ: Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0981.168.888 Email: bichthuy@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tài chính - Ngân hàng

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý tài chính công (tiếng Anh): Public finance management
- Mã số học phần: ECM82012
- Thuộc ngành/nhóm ngành:

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Bắt buộc	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết thực tế: 0 + Số tiết lý thuyết: 45 + Số tiết dạy học dự án: 0 + Số tiết bài tập, thảo luận: + Số tiết thực hành: 0 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: không + Học phần song hành: không	
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80% + Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS + Tham gia đầy đủ các bài thảo luận nhóm + Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Kinh tế	

2. Mô tả học phần

Học phần quản lý tài chính công là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về quản lý quản lý tài chính công: các công cụ quản lý tài chính công; xác định được quy trình quản lý NSNN, các quỹ tài chính ngoài NSNN và quản lý nợ công. Vận dụng các nghiệp vụ quản lý đó vào giải quyết có hiệu quả các vấn đề thực tiễn quản lý tài chính công. Có năng lực đánh giá các hoạt động quản lý tài chính công, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {K3}
2.1.1	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
2.1.2	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ số trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {S3}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	Xác định được các công cụ trong quản lý tài chính công	1.1.2	2%	2,5 {K3}
1.1.2.2	Thực hiện được quy trình quản lý các quỹ tài chính công		5%	2,5 {K3}
1.1.2.3	Thiết lập được các biện pháp đảm bảo an toàn trong quản lý nợ công		3%	2,5 {K3}
2.1.1.1	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về quản lý tài chính công	2.1.1	10%	2,5
2.1.2.1	Sử dụng thành thạo kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ số trong hoạt động quản lý tài chính công	2.1.2	20%	2,5 {S3}
4.2.1.1	Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến quản lý tài chính công phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội	3.1.1	5%	3,5 {S4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO 2.1.2.1	2.5	15%	LMS Elearning
A1.2	CLO1.1.2.1	2.5	25%	Câu hỏi thảo luận
A1.3	CLO 1.1.2.1	2.5	30%	Bài tập tự luận 1
	CLO1.1.2.3	2.5	30%	Bài tập tự luận 2
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO 1.1.2.2	2.5	30%	Tiểu luận
	CLO 2.1.1.1	2.5	30%	
	CLO 4.2.1.1	3.5	4%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận bài thi tự luận

Bảng 2. Ma trận đề thi tiêu luận A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Chủ đề Tiểu luận	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.2. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5	Đánh giá được hoạt động quản lý các quỹ tiền tệ trong tài chính công
Tổng		1	10	5.0	

4.3. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.3 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO	Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

1.1.2.1. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5	Phân tích được các nội dung cơ bản trong quản lý tài chính công
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.3.1 (01 bài tập luyện tập)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.1. (100%)	Mức 3	1 câu	5,0	2,5	Phân tích được quy trình trong quản lý tài chính công
Tổng		10	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3.2 (01 bài tập luyện tập)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.1.2.3. (100%)	Mức 3	1 câu	5,0	2,5	Đề xuất được các giải pháp đảm bảo mức an toàn trong quản lý nợ công
Tổng		10	10	5,0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KINH TẾ
Khoa Tài chính - Ngân hàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Bài đánh giá A1.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../...../.....
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:
- Học phần:
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]	Điểm số	Điểm năng lực
---	---------	---------------

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

CLO2.1.2.1 (Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số và ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để hoàn thành các nhiệm vụ học tập) [mức năng lực: 2,5]	/10	
<i>Vận dụng được kỹ năng khai thác học liệu số</i>			
Tiêu chí 1	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành đúng hạn và có chất lượng từ 80-100% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	1,0	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành đúng hạn và có chất lượng từ 60-80% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	1,0	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành đúng hạn và có chất lượng từ 50-70% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	2,0	
	Tìm kiếm, xử lý thông tin thu thập từ các nguồn học liệu số để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập trên E-learning	1,0	
<i>Vận dụng được kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản</i>			
Tiêu chí 2	Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành có chất lượng từ 80-100% các nhiệm vụ học tập và đảm bảo chất lượng	1,0	
	Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành có chất lượng từ 60-80% các nhiệm vụ học tập	1,0	
	Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành có chất lượng từ 50-70% các nhiệm vụ học tập và đảm bảo chất lượng	2,0	
	Sử dụng các phần mềm văn phòng, các ứng dụng tin học cơ bản để hoàn thành dưới 50% các nhiệm vụ học tập	1,0	
Điểm số của CLO2.1.2.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
Điểm bài đánh giá: Điểm TC1*50% + TC2*50%	/10	

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO:

GIẢNG VIÊN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- Tỷ lệ % hoàn thành MNL cần đạt của CLO2.1.2.1 = $\frac{\text{Điểm số của CLO2.1.2.1}}{10} \times 100\%$;

- Điểm năng lực của CLO2.1.2.1 được quy đổi từ tỷ lệ % hoàn thành MNL cần đạt theo

Bảng 1 ứng với Mức 3.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN

A2.1

1. Họ và tên học viên/sinh viên:; Ngày sinh: .../.../...
2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO 1.1.2.3. (Phân tích được quy trình quản lý tài chính công) [Mức năng lực: 3] MNL: 3 (2,5-3,4)]{trọng số 90%}		.../10	2,5-3,4
Tiêu chí 1	Phân tích được hoạt động quản lý tài chính công	.../5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích tổng quan về hoạt động tài chính công	.../2,0	
	Chỉ báo 2: Phân tích được nội dung quy trình quản lý tài chính công	.../2,0	
	Chỉ báo 3: Phân tích các thuận lợi và khó khăn trong quy trình quản lý tài chính công	.../1,0	
	Đề xuất được giải pháp tăng cường hoạt động quản lý tài chính công	.../5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Định hướng của nhà nước về hoạt động quản lý tài chính công	.../1,0	
	Chỉ báo 2: Đề xuất các biện pháp cụ thể nâng cao hoạt động quản lý	.../4,0	
Điểm số của CLO2.1.1.1: Điểm TC1*50% + TC2*50%			
CLO 2.1.2.1. Sử dụng thành thạo kỹ năng chuyển đổi số và công nghệ số trong hoạt động quản lý tài chính		10	2,5-3,4

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

công [Mức năng lực: 3] MNL: 3 (2,5-3,4)]{trọng số 10%}			
Tiêu chí 1	Viết được báo cáo hoàn chỉnh về nội dung và hình thức trình bày	.../10	
	Chỉ báo 1: Sử dụng lối viết cô đọng, tập trung, lôi cuốn; ý tưởng và nội dung của báo cáo thể hiện rõ ràng	.../2	
	Chỉ báo 2: Xây dựng báo cáo dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc hợp lý	.../2	
	Chỉ báo 3: Sử dụng ngôn ngữ viết trong sáng, phù hợp với văn phong khoa học.	.../2	
	Chỉ báo 4: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh được thu thập từ các nguồn tham khảo thứ cấp và sơ cấp đáng tin cậy.	.../2	
	Chỉ báo 5: Chỉ ra được sự liên kết chặt chẽ giữa các phần của báo cáo, giữa phần lập luận và công thức, bảng biểu, hình ảnh, cùng hướng vào chủ đề của dự án	.../2	
Điểm số của CLO 2.1.2.1: Điểm TC1*100%			
Điểm bài đánh giá kỹ năng: Điểm CLO1.1.2.3*90% + Điểm CLO 2.1.2.1*10%		/10

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực của CLO:

CLO	1.1.2.3.	2.1.2.1
Điểm NL	.../2,5	.../2.5	...

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1] Phạm Văn Khoan, Hoàng Thị Thúy Nguyệt “*Giáo trình Lý thuyết Quản lý tài chính công*”, NXB Tài chính, 2010.

[2] Trần Đình Ty, Trần Trí Trinh,.. “*Quản lý tài chính công*”, NXBLao Động, 2003.

5.2. Tài liệu tham khảo:

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

[3] Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài, “Lý thuyết Tài chính công”, NXB Đại học Quốc gia TP HCM, 2009.

[4] Nguyễn Thị Cành, Trần Việt Hoàng,...Tài chính công : Sách tham khảo, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2003.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/ chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Những vấn đề cơ bản về tài chính công và quản lý tài chính công (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 5 tiết, khảo sát thực tế: 2 tiết, tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học qua bài giảng e-Learning (LMS) về những vấn đề cơ bản về tài chính công, khái niệm quản lý tài chính công	CLO1.2.1.1	A1.1
			Trả lời câu hỏi và bài tập trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi và bài tập chương 1 ở mức 1 và 2)	CLO1.2.1.1	A1.2
		7	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2.2 (trang 20 - 29) và mục 1.2.4 (trang 30-35).	CLO1.2.1.1.	
	Giai đoạn 2	3	Học lý thuyết các nội dung sau: Đặc điểm quản lý tài chính công Yêu cầu, mục tiêu quản lý tài chính công Nội dung quản lý tài chính công	CLO1.1.2.1	A1.3
		1	Thảo luận nhóm về tổ chức bộ máy quản lý tài chính công ở Việt Nam	CLO1.1.2.1	
		1	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.1	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.1	
	Giai đoạn 3	8	Làm bài tập chương 1 trang 63 tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.1.2.1	
2	Chương 2. Quản lý quỹ Ngân sách Nhà nước (Học qua bài giảng E-learning: 4 tiết; học trên lớp: 7 tiết, khảo sát thực tế: 2 tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	4	Học bài giảng E-Learning (LMS) khái niệm, phân loại và hệ thống mục lục ngân sách nhà nước, nguyên tắc quản lý NSNN	CLO1.2.1.2	A1.1

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

			Trả lời các câu hỏi trên hệ thống LMS (GV ra câu hỏi ở mức độ 1 và 2)	CLO1.2.1.2	
		20	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [2]: mục 2.3 (trang 54 - 62) và mục 2.4 (trang 63-84)		
	Giai đoạn 2	3	2.2. Quản lý chu trình NSNN 2.3. Quản lý thu, chi NSNN 2.4. Quản lý cân đối NSNN	CLO1.1.2.2	A2.1
		2	Thảo luận: Đánh giá quản lý thu, chi NSNN ở Việt Nam	CLO1.1.2.2	
		2	Bài tập: Phân cấp quản lý NSNN	CLO1.1.2.2	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.2	
	Giai đoạn 3	2	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.2	
		10	Làm bài tập chương 2 tài liệu [1]		
3	Chương 3. Quản lý các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách nhà nước (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết, khảo sát thực tế: 2 tiết, tự học: 30 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về khái niệm, đặc điểm, phân loại các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước, quản lý quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	CLO1.1.2.2	A1.1
			Trả lời các câu hỏi và bài tập trên LMS (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO1.1.2.2	
		20	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [2]: mục 4.2.1 (trang 176 - 188), mục 4.2.3 (trang 199-214)	CLO1.1.2.2	
	Giai đoạn 2	3	Học lý thuyết các nội dung sau: Quản lý quỹ bảo hiểm xã hội Quản lý quỹ đầu tư phát triển địa phương	CLO1.1.2.2	A2.1
		2	Thảo luận nhóm: Phân tích những thuận lợi và khó khăn trong quản lý quỹ bảo hiểm xã hội ở Việt Nam	CLO1.1.2.2	A2.1
		1	Bài tập tự luận: Phân tích các nội dung sử dụng quỹ đầu tư phát triển địa phương. Sự khác biệt của sử dụng quỹ đầu tư phát triển và khoản chi đầu tư phát triển của NSNN.	CLO1.1.2.2	A2.1
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.2	

Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án

	Giai đoạn 3	1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.2	A2.1
		10	Làm bài tập chương 3 Đọc thêm: tài liệu [3] và [4]	CLO1.1.2.2	
4	Chương 4. Quản lý nợ công (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết, tự học: 15 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về khái niệm, đặc điểm, phân loại nợ công; mục tiêu và nguyên tắc quản lý nợ công	CLO1.1.2.3	A1.1
			Trả lời các câu hỏi trên LMS (GV ra câu hỏi và bài tập ở mức độ 1 và 2)	CLO1.1.2.3	
		8	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 5.6 (trang 183-188)	CLO1.1.2.3	
	Giai đoạn 2	3	Học lý thuyết các nội dung: Các công cụ quản lý nợ công	CLO1.1.2.3	
		1	Thảo luận nhóm: Thảo luận về nợ công và đảm bảo an toàn nợ công ở Việt Nam	CLO1.1.2.3	
		2	Bài tập: Quản lý nợ công ở một số các quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	CLO1.1.2.3	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.1.2.3	
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.1.2.3	
		7	Làm bài tập chương 4	CLO1.1.2.3	
	Thi kết thúc học phần		Tự luận theo ma trận bài thi A2.1	CLO1.1.2.2 CLO2.1.1.1 CLO4.2.1.1	A2.1
Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi		

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3




Phụ lục 11. Mẫu Bộ tiêu chí đánh giá tiểu luận/đồ án
TS. Lê Vũ Sao Mai

PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'H' shape with a vertical stroke on the right and a horizontal stroke at the bottom.

PGS.TS. Nguyễn Văn Phú

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN LÃNH ĐẠO	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../.../2023
		Số trang: 171/18

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 2: PGS.TS. Đỗ Thị Phi Hoài

Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 098 345 7799 Email: hoaidtp@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế và quản lý

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.923.433 Email: ntquynh83@gmail.com; quynhntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Quản lý nhà nước về kinh tế

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Lãnh đạo (tiếng Anh): Leadership	
- Mã số học phần: ECM83018	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản lý kinh tế	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	+ Số tiết thực tế:
+ Số tiết lý thuyết:	+ Số tiết dạy học dự án: 45
+ Số tiết bài tập, thảo luận:	+ Số tiết tự học: 90
+ Số tiết thực hành:	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: không	
+ Học phần học trước: không	
+ Học phần song hành: không	
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80%	
+ Học viên phải thực hiện nhiệm vụ học qua bài giảng E-Learning (LMS) tối thiểu 80% và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên Elearning	
+ Học viên phải hoàn thành dự án học phần theo nhóm	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế	

2. Mô tả học phần

Học phần *Lãnh đạo* thuộc nhóm học phần đồ án chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, cung cấp cho người học kiến thức về lãnh đạo, nghệ thuật lãnh đạo, những kỹ năng và phẩm chất để trở thành nhà lãnh đạo thành công. Trên cơ sở đó có khả năng nghiên cứu, ứng dụng kỹ năng và phương pháp nhằm phát triển nhà lãnh đạo trong thực tiễn quản lý kinh tế của Việt Nam.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {K3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
3.1.2.	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.2.1.	Sử dụng được hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế một cách khoa học	3,5 {S4}
4.2.3.	Triển khai được các vấn đề ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế và đưa ra các giải pháp cải tiến	3,5 {S4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
-----	-----------------------------	------------------	----------	-----------------------

1.2.1.1.	Vận dụng được kiến thức tổng quan về lãnh đạo	1.2.1.	5%	2,5 {K3}
1.2.1.2.	Ứng dụng được nghệ thuật lãnh đạo trong hoạt động quản lý kinh tế	1.2.1.	5%	2,5 {K3}
1.2.1.3.	Vận dụng được phương pháp và nguyên tắc phát triển nhà lãnh đạo	1.2.1.	5%	2,5 {K3}
1.2.1.4.	Thể hiện được phẩm chất và kỹ năng nhà lãnh đạo thành công	1.2.1	5%	2,5 {K3}
2.1.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong quá trình lãnh đạo	2.1.1.	5%	2,5 {S3}
3.1.2.1.	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm	3.1.2.	30%	3,5 {S4}
3.2.1.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong thực tiễn hoạt động lãnh đạo	3.2.1.	10%	3,5 {S4}
4.1.1.1	Phân tích được số liệu về bối cảnh thực hiện hoạt động lãnh đạo trong thực tiễn	4.1.1.	10%	3,5 {S4}
4.2.1.1.	Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến lãnh đạo trong thực tiễn	4.2.1.	5%	3,5 {S4}
4.2.2.1	Xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động lãnh đạo trong thực tiễn	4.2.2.	5%	3,5 {S4}
4.2.3.1.	Triển khai thực hiện hoạt động lãnh đạo và Đánh giá được hiệu quả lãnh đạo trong thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế	4.2.3.	10%	3,5 {S4}
4.2.4.1.	Đề xuất các biện pháp cải tiến để tối ưu hóa hoạt động lãnh đạo trong thực tiễn	4.2.4.	10%	4,5 {S5}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO1.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	LMS Elearning
A1.2	CLO 1.2.1.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	25%	Quan sát

				tại lớp (thảo luận)
A1.3	CLO 1.2.1.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	30%	01 bài thảo luận
	CLO1.2.1.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	30%	02 bài tập luyện tập
A2. Đánh giá cuối kì - dự án nhóm (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1.	CLO1.2.1.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	20%	Dự án
	CLO2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {S3}	10%	
	CLO3.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO3.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.2.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.2.3.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.2.4.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	10%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0

11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0
----	------	-----	------	-----	------	-----	------	-----	------	-----

4.2. Ma trận đề án

Bảng 2. Ma trận dự án nhóm A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Chủ đề Đề án	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.3 (100%)	Mức 3	1 câu	10	10	Ứng dụng được nghệ thuật lãnh đạo trong hoạt động quản lý kinh tế
Tổng		10	10	5,0	

4.3. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.2. Quan sát tại lớp (thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.2. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Vận dụng được phương pháp và nguyên tắc phát triển nhà lãnh đạo
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.3 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.4. (100%)	Mức 4	1 câu	10	5,0	Thể hiện được phẩm chất nhà lãnh đạo thành công
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3.1 (bài tập luyện tập 1)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL mỗi câu	Số điểm cần đạt (50%) mỗi câu	Mô tả yêu cầu cơ bản

1.2.1.4. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Thể hiện được kỹ năng nhà lãnh đạo thành công
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.4. Ma trận bài đánh giá A1.3.2 (bài tập luyện tập 2)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL mỗi câu	Số điểm cần đạt (50%) mỗi câu	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.4. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Thể hiện được phẩm chất và kỹ năng nhà lãnh đạo thành công
Tổng		1	10	5,0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

A2.1

HỌC PHẦN: LÃNH ĐẠO

- Họ và tên:; Ngày sinh: .../.../...
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]	Trọng số/ Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO1.2.1.2. Ứng dụng được nghệ thuật lãnh đạo trong hoạt động quản lý kinh tế [Mức năng lực: 2,5, trọng số: 20%]/10	

Chỉ báo 1: Phân tích và đề xuất được hình thức nghệ thuật lãnh đạo phù hợp trong bối cảnh quản lý kinh tế		5,0	
Chỉ báo 2: Vận dụng được nghệ thuật lãnh đạo để xử lý tình huống hoặc giải quyết vấn đề trong quản lý kinh tế thực tiễn		5,0	
CLO2.1.1.1. (Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong quá trình lãnh đạo) [Mức năng lực: 2,5, trọng số: 10%]	/10	
Tiêu chí 1	Áp dụng được tư duy phản biện	5,0	
	Chỉ báo 2: Áp dụng các nguyên lý kinh tế để phân tích và đưa ra giải pháp cho các vấn đề trong thực tiễn hoạt động lãnh đạo	2,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng tư duy logic và phản biện để đưa ra các luận điểm và giải pháp hợp lý trong thực tiễn hoạt động lãnh đạo	3,0	
	Kỹ năng giải quyết vấn đề	5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Đề xuất các phương pháp lãnh đạo	2,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá các ảnh hưởng của bối cảnh đến thực tiễn hoạt động lãnh đạo	3,0	
CLO3.1.2.1. (Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 10%]	/10	
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Đóng vai trò lãnh đạo trong việc phân chia công việc và quản lý thời gian để đạt được các mục tiêu chung của nhóm	5,0	
	Chỉ báo 2: Giải quyết các mâu thuẫn và khó khăn nội bộ trong nhóm một cách xây dựng và hiệu quả	5,0	
CLO3.2.1.1. (Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong thực tiễn hoạt động lãnh đạo) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 10%]	/10	
Tiêu chí 1	Trình bày được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức	4,0	
	Chỉ báo 1: Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc logic	2,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày rõ ý tưởng dự án, lối viết cô đọng, văn phong khoa học	1,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh, các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	

Tiêu chí 2	Thiết kế được slide/video đảm bảo tính dễ nhìn, logic, cân đối	3,0	
	Chỉ báo 1: Slide phải trình bày tóm tắt, ngắn gọn tầm nhìn của dự án, vấn đề mà dự án đang giải quyết, thị trường/khách hàng mục tiêu của dự án, giải pháp sáng tạo; chiến lược/kế hoạch dự án và đội ngũ của dự án	1,0	
	Chỉ báo 2: Mỗi slide không quá 5 dòng, mỗi dòng không quá 10 chữ, font chữ từ 30 trở lên	1,0	
	Chỉ báo 3: Các hình ảnh, con số, biểu đồ sử dụng để minh họa các luận điểm của dự án được trình bày nổi bật, đơn giản, có tính đại diện cao	1,0	
Tiêu chí 3	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi	3,0	
	Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ thông tin trong thời gian cho phép	1,0	
	Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, giọng điệu, ngôn ngữ phù hợp, thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
	Chỉ báo 3: Trả lời đầy đủ câu hỏi đặt ra bởi người nghe, số lượng câu trả lời sai hoặc không đúng trọng tâm không quá 20%	1,0	
CLO4.1.1.1. (Phân tích được số liệu về bối cảnh thực hiện hoạt động lãnh đạo trong thực tiễn) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 10%]	/10	
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Phân tích được bối cảnh thực hiện hoạt động lãnh đạo	5,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan/bối cảnh	5,0	
CLO4.2.1.1. (Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến lãnh đạo trong thực tiễn) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 10%]	/10	
Tiêu chí	Hình thành ý tưởng về dự án	10	
	Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết khoa học hoặc yêu cầu thực tiễn về dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4,0	
	Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án	3,0	
CLO4.2.2.1. (Xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động lãnh đạo trong thực tiễn) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 10%]	/10	

Tiêu chí 1	Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án	5,0	
	Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện phù hợp với từng mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án	2,0	
Tiêu chí 2	Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án	5,0	
	Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung	3,0	
	Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch hiệu quả	2,0	
CLO4.2.3.1. (Triển khai thực hiện hoạt động lãnh đạo và Đánh giá được hiệu quả lãnh đạo trong thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 10%]	/10	
Tiêu chí 1	Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học	5,0	
	Chỉ báo 1: Thu thập được số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Phân tích và trình bày được các kết quả đảm bảo tính chính xác, tin cậy và khoa học	2,0	
Tiêu chí 2	Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu	5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích rõ ràng sự khác biệt	2,0	
CLO4.2.4.1. (Đề xuất các biện pháp cải tiến để tối ưu hóa hoạt động lãnh đạo trong thực tiễn) [Mức năng lực: 4,5, trọng số: 10%]	/10	
Tiêu chí	Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất	.../10	
	Chỉ báo 1: Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá được hiệu quả về kinh tế, xã hội của dự án	3,0	
	Chỉ báo 3: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án	2,0	

	Chỉ báo 4: Đề xuất được các cơ chế, chính sách hoặc giải pháp để thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn đời sống và sản xuất	2,0	
--	---	-----	--

5. Kết quả đánh giá

CLO	1.2.1.2.	2.1.1.1.	3.1.2.1.	3.2.1.1.	4.1.1.1	4.2.1.1.	4.2.2.1	4.2.3.1.	4.2.4.1.	Tổng điểm ²
Trọng số (%)	20	10	10	10	10	10	10	10	10	
Điểm số GPA										X
Quy đổi điểm GPA (Điểm số GPA*Trọng số)										
Điểm NL/Mức NL	.../2,5	.../2,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../4,5	X

Điểm số:

Bằng chữ:

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Văn Hà, *Giáo trình Lãnh đạo (Leadership)*, Nhà xuất bản Lao động, 2023

[2] Anthony Cell, *Lãnh đạo (the book of Leadership)*, NXB Hồng Đức, 2023

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/ chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ LÃNH ĐẠO (Học qua bài giảng E-learning 3 tiết: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết, khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 21 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học qua bài giảng E-Learning (LMS) về một số vấn đề lý luận về lãnh đạo	CLO1.2.1.1	A1.1.

² Tổng điểm = Tổng Điểm số GPA của từng CLO.

			(Bài giảng có các câu hỏi sau mỗi nội dung, yêu cầu học viên trả lời để nghe tiếp phần nội dung khác)		
		11	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2 (trang 5 - 15)	CLO1.2.1.1.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 1.2. HIỆU QUẢ LÃNH ĐẠO 1.2.1. Người lãnh đạo hiệu quả 1.2.2. Uy tín của lãnh đạo 1.2.3. Một số hình thức về “uy tín giả tạo” 1.3. VAI TRÒ LÃNH ĐẠO TRONG QUẢN LÝ 1.3.1. Vai trò tương tác 1.3.2. Vai trò thông tin 1.3.3. Vai trò quyết định Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.1.	
		1	Câu hỏi phát vấn: Phân tích vai trò lãnh đạo trong quản lý	CLO1.2.1.1.	
		1	Thảo luận nhóm: Thảo luận 1 tình huống cụ thể về uy tín nhà lãnh đạo (giảng viên giao tình huống)	CLO1.2.1.1.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.1.	
		1	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.1.	
	Giai đoạn 3	10	Làm bài tập chương 1 (trang 30) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO1.2.1.1.	
2	CHƯƠNG 2: NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết, khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 23 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về tổng quan nghệ thuật lãnh đạo	CLO1.2.1.2.	
		13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [2]: mục 1.2.1. (trang 20 - 40)	CLO1.2.1.2.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 2.2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO 2.2.1. Tầm nhìn 2.2.2. Nguyên tắc đạo đức	CLO1.2.1.2.	A1.2

			<p>2.2.3. Trao gửi niềm tin</p> <p>2.2.4. Dám thừa nhận khuyết điểm</p> <p>2.2.5. Xây dựng phát triển văn hóa doanh nghiệp</p> <p>2.2.6. Khai thác năng lực tiềm ẩn</p> <p>2.3. NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC</p> <p>2.3.1. Nghệ thuật sử dụng quyền lực gắn với phân quyền, ủy quyền</p> <p>2.3.2. Nghệ thuật hiểu và sử dụng con người</p> <p>2.3.3. Nghệ thuật khích lệ, động viên</p> <p>2.3.4. Nghệ thuật điều hòa các mối quan hệ</p> <p>2.3.5. Nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong lãnh đạo</p> <p>Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề</p>		
		1	Thảo luận nhóm: thảo luận 1 tình huống cụ thể về nghệ thuật lãnh đạo	CLO1.2.1.2.	
		1	Câu hỏi phát vấn: Phân tích nghệ thuật lãnh đạo gắn với phân quyền và ủy quyền	CLO1.2.1.2.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.2	
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.2.	
		10	Làm bài tập chương 2 (trang 20 - 40) tài liệu [2]	CLO1.2.1.2.	
3	CHƯƠNG 3: PHÁT TRIỂN CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết, khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 23 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về định nghĩa và các yếu tố cơ bản của nhà lãnh đạo	CLO1.2.1.3.	
		13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 3.2. (trang 30 - 40).	CLO1.2.1.3.	
	Giai đoạn 2	3	<p>Học lý thuyết các nội dung sau:</p> <p>3.2. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NHÀ LÃNH ĐẠO</p> <p>3.2.1. Xác định và tái xác định vị trí của tổ chức</p> <p>3.2.2. Nhận thấy các thay đổi bên ngoài</p> <p>3.2.3. Quản lý hệ thống xã hội của tổ chức</p>	CLO1.2.1.3.	

			<p>3.2.4. Xét đoán người khác</p> <p>3.2.5. Tạo nên nhóm các nhà lãnh đạo</p> <p>3.2.6. Thiết lập các mục tiêu</p> <p>3.2.7. Xác định các ưu tiên</p> <p>3.2.8. Quản lý các yếu tố bất ngờ</p> <p>3.3. CÁC NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN NHÀ LÃNH ĐẠO</p> <p>3.3.1. Tự trọng</p> <p>3.3.2. Lập kế hoạch</p> <p>3.3.3. Động lực</p> <p>3.3.4. Đại diện</p> <p>3.3.5. Giao quyền</p> <p>Phương pháp dạy học: Trực quan, thuyết giảng, giải quyết vấn đề</p>		
		1	Thảo luận nhóm: thực hiện thảo luận tình huống liên quan đến phát triển các nhà lãnh đạo	CLO1.2.1.3.	
		1	Câu hỏi phát vấn: Phân tích các nguyên tắc phát triển nhà lãnh đạo	CLO1.2.1.3.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.3.	
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.3.	
		10	Làm bài tập chương 3 (trang 65) tài liệu [2] Đọc thêm: tài liệu [1]	CLO1.2.1.3.	
4	CHƯƠNG 4: PHẨM CHẤT VÀ KỸ NĂNG NHÀ LÃNH ĐẠO THÀNH CÔNG (Học qua bài giảng E-learning: 4 tiết; học trên lớp: 6 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 23 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về những phẩm chất của nhà lãnh đạo	CLO1.2.1.4.	
			<p>- Hoàn thành 01 Bài thảo luận trên hệ thống Elearning (LMS)</p> <p>- Hoàn thành 02 bài tập luyện tập trên hệ thống Elearning (LMS)</p>	CLO1.2.1.4.	A1.3
		13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 4.2 (trang 90 - 110)	CLO1.2.1.4.	
	Giai đoạn 2	3	Học lý thuyết các nội dung sau: 4.2. NHỮNG KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO 4.2.1. Nhà lãnh đạo không phải bẩm sinh 4.2.2. Ưu điểm trong kỹ năng lãnh đạo 4.3. PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO	CLO1.2.1.4.	

			4.3.1. Phong cách lãnh đạo độc đoán 4.3.2. Phong cách lãnh đạo dân chủ 4.3.3. Phong cách lãnh đạo tự do 4.3.4. Phong cách lãnh đạo linh hoạt Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề		
		2	Thảo luận nhóm: Thực hiện thảo luận 1 tình huống về phong cách lãnh đạo	CLO1.2.1.4.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.4.	
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.4.	
		10	Làm câu hỏi Chương 4 (trang 90 - 120) tài liệu [1]	CLO1.2.1.4.	
	Đánh giá cuối kỳ		Thực hiện dự án theo ma trận A2.1	CLO1.2.1.3. CLO2.1.1.1. CLO3.1.1.1. CLO3.2.1.1. CLO4.1.1.1. CLO4.2.1.1. CLO4.2.2.1. CLO4.2.3.1. CLO4.2.4.1.	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi bảo vệ dự án theo ma trận A2.1	Đăng ký xem kết quả bảo vệ đồ án	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2



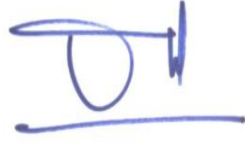
PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'P' followed by a vertical line and a horizontal line below it.

PGS.TS. Nguyễn Văn Phú

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../.../2023
		Số trang: 186/18

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.923.433 Email: ntquynh83@gmail.com; quynhntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Quản lý nhà nước về kinh tế

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Thị Bích Liên

Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0914.151.057 Email: liennguyen190882@gmail.com@gmail.com; lienntb@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Đàm phán và Quản lý xung đột (tiếng Anh): Negotiation and Conflict Management	
- Mã số học phần: ECM83019	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản lý kinh tế	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	+ Số tiết thực tế:
+ Số tiết lý thuyết:	+ Số tiết dạy học dự án: 45
+ Số tiết bài tập, thảo luận:	+ Số tiết tự học: 90
+ Số tiết thực hành:	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: không	
+ Học phần học trước: không	
+ Học phần song hành: không	
- Yêu cầu của học phần:	
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80%	
+ Học viên phải thực hiện nhiệm vụ học qua bài giảng E-Learning (LMS) tối thiểu 80% và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên Elearning	
+ Học viên phải hoàn thành dự án học phần theo nhóm	
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế	

2. Mô tả học phần

Học phần *Đàm phán và Quản lý xung đột* thuộc nhóm học phần đồ án chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về đàm phán và quản lý xung đột trong quản lý kinh tế và quản lý tổ chức. Vận dụng kiến thức và nghệ thuật đàm phán và quản lý xung đột để giải quyết các tình huống trong thực tiễn. Đồng thời, giúp người học hình thành kỹ năng quan trọng nhằm xác định chiến lược và chiến thuật trong đàm phán và quản lý xung đột.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {K3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
3.1.2.	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.2.1.	Sử dụng được hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế một cách khoa học	3,5 {S4}
4.2.3.	Triển khai được các vấn đề ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế và đưa ra các giải pháp cải tiến	3,5 {S4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1.	Vận dụng được kiến thức tổng quan về đàm phán và quản lý xung đột trong hoạt động trong quản lý kinh tế	1.2.1.	5%	2,5 {K3}
1.2.1.2.	Ứng dụng được kỹ năng đàm phán quan trọng trong thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế	1.2.1.	5%	2,5 {K3}
1.2.1.3.	Thực hiện được quá trình đàm phán trong tổ chức	1.2.1.	5%	2,5 {K3}
1.2.1.4.	Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng nhằm quản lý xung đột trong đàm phán	1.2.1	5%	2,5 {K3}
2.1.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về đàm phán và quản lý xung đột trong thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế	2.1.1.	5%	2,5 {S3}
3.1.2.1.	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động đàm phán và quản lý xung đột trong quản lý kinh tế	3.1.2.	30%	3,5 {S4}
3.2.1.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong thực tiễn hoạt động đàm phán và quản lý xung đột	3.2.1.	10%	3,5 {S4}
4.1.1.1	Phân tích được số liệu về bối cảnh đàm phán trong thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế	4.1.1.	10%	3,5 {S4}
4.2.1.1.	Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán	4.2.1.	5%	3,5 {S4}
4.2.2.1	Xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện đàm phán và quản lý xung đột trong thực tiễn quản lý kinh tế	4.2.2.	5%	3,5 {S4}
4.2.3.1.	Triển khai thực hiện đàm phán và quản lý xung đột và Đánh giá được hiệu quả đàm phán trong thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế	4.2.3.	10%	3,5 {S4}
4.2.4.1.	Đề xuất các biện pháp cải tiến để tối ưu hóa hoạt động đàm phán và quản lý xung đột trong thực tiễn	4.2.4.	10%	4,5 {S5}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				

A1.1	CLO1.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	LMS Elearning
A1.2	CLO 1.2.1.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	25%	Thảo luận tại lớp
A1.3	CLO 1.2.1.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	30%	01 bài thảo luận
	CLO1.2.1.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	30%	02 bài tập luyện tập
A2. Đánh giá cuối kì - dự án (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1.	CLO1.2.1.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	20%	Dự án
	CLO2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {S3}	10%	
	CLO3.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO3.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.2.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.2.3.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.2.4.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	10%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8

7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận đề án

Bảng 2. Ma trận dự án nhóm A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Chủ đề Đề án	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.3 (100%)	Mức 3	1 câu	10	10	Thực hiện được quá trình đàm phán trong tổ chức
Tổng		10	10	5,0	

4.3. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.2. (Quan sát tại lớp - Thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.2. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Ứng dụng được kỹ năng đàm phán quan trọng trong thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.3 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.4. (100%)	Mức 4	1 câu	10	5,0	Vận dụng được các kiến thức nhằm quản lý xung đột trong đàm phán
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3.1 (bài tập luyện tập 1)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL mỗi câu	Số điểm cần đạt (50%) mỗi câu	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.4. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Vận dụng được các kỹ năng nhằm quản lý xung đột trong đàm phán
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.4. Ma trận bài đánh giá A1.3.2 (bài tập luyện tập 2)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL mỗi câu	Số điểm cần đạt (50%) mỗi câu	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.4. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Vận dụng được các kỹ năng nhằm quản lý xung đột trong đàm phán
Tổng		1	10	5,0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

A2.1

HỌC PHẦN: ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT

- Họ và tên:; Ngày sinh: .../.../...
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Trọng số/ Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO1.2.1.3. Thực hiện được quá trình đàm phán trong tổ chức [Mức năng lực: 3, trọng số: 20%]		.../10	
Chỉ báo 1: Xây dựng được tình huống đàm phán và quản lý xung đột		5,0	
Chỉ báo 2: Thực hiện được tình huống đàm phán và quản lý xung đột		5,0	
CLO2.1.1.1. (Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về đàm phán và quản lý xung đột trong thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế) [Mức năng lực: 3, trọng số: 10%]		.../10	
Tiêu chí 1	Áp dụng được tư duy phản biện	5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích bối cảnh đàm phán và quản lý xung đột	1,0	
	Chỉ báo 2: Áp dụng các nguyên lý kinh tế để phân tích và đưa ra giải pháp cho các vấn đề trong đàm phán và quản lý xung đột	2,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng tư duy logic và phản biện để đưa ra các luận điểm và giải pháp hợp lý.	2,0	
Kỹ năng giải quyết vấn đề		5,0	

Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Đề xuất các chiến lược và chiến thuật cụ thể trong đàm phán và quản lý xung đột	2,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá các ảnh hưởng của bối cảnh đến đàm phán và quản lý xung đột	3,0	
CLO3.1.2.1. (Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động đàm phán và quản lý xung đột trong quản lý kinh tế) [Mức năng lực: 4, trọng số: 10%]		.../10	
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Đóng vai trò lãnh đạo trong việc phân chia công việc và quản lý thời gian để đạt được các mục tiêu chung của nhóm	5,0	
	Chỉ báo 2: Giải quyết các mâu thuẫn và khó khăn nội bộ trong nhóm một cách xây dựng và hiệu quả	5,0	
CLO3.2.1.1. (Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong thực tiễn hoạt động đàm phán và quản lý xung đột) [Mức năng lực: 4, trọng số: 10%]		.../10	
Tiêu chí 1	Trình bày được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức	4,0	
	Chỉ báo 1: Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc logic	2,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày rõ ý tưởng dự án, lối viết cô đọng, văn phong khoa học	1,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh, các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	
Tiêu chí 2	Thiết kế được slide/video đảm bảo tính dễ nhìn, logic, cân đối	3,0	
	Chỉ báo 1: Slide phải trình bày tóm tắt, ngắn gọn tầm nhìn của dự án, vấn đề mà dự án đang giải quyết, thị trường/khách hàng mục tiêu của dự án, giải pháp sáng tạo; chiến lược/kế hoạch dự án và đội ngũ của dự án	1,0	
	Chỉ báo 2: Mỗi slide không quá 5 dòng, mỗi dòng không quá 10 chữ, font chữ từ 30 trở lên	1,0	
	Chỉ báo 3: Các hình ảnh, con số, biểu đồ sử dụng để minh họa các luận điểm của dự án được trình bày nổi bật, đơn giản, có tính đại diện cao	1,0	
Tiêu chí 3	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi	3,0	
	Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ thông tin trong thời gian cho phép	1,0	

	Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, giọng điệu, ngôn ngữ phù hợp, thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
	Chỉ báo 3: Trả lời đầy đủ câu hỏi đặt ra bởi người nghe, số lượng câu trả lời sai hoặc không đúng trọng tâm không quá 20%	1,0	
CLO4.1.1.1. (Phân tích được số liệu về bối cảnh đàm phán trong thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế) [Mức năng lực: 4, trọng số: 10%]		.../10	
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Phân tích được bối cảnh đàm phán và quản lý xung đột	5,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan/bối cảnh	5,0	
CLO4.2.1.1. (Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến đàm phán và quản lý xung đột trong đàm phán) [Mức năng lực: 4, trọng số: 10%]		.../10	
Tiêu chí	Hình thành ý tưởng về dự án	10	
	Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết khoa học hoặc yêu cầu thực tiễn về dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4,0	
	Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án	3,0	
CLO4.2.2.1. (Xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện đàm phán và quản lý xung đột trong thực tiễn quản lý kinh tế) [Mức năng lực: 4, trọng số: 10%]		.../10	
Tiêu chí 1	Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án	5,0	
	Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện phù hợp với từng mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án	2,0	
Tiêu chí 2	Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án	5,0	
	Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung	3,0	
	Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch hiệu quả	2,0	

CLO4.2.3.1. (Triển khai thực hiện đàm phán và quản lý xung đột và Đánh giá được hiệu quả đàm phán trong thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế) [Mức năng lực: 4, trọng số: 10%]		.../10	
Tiêu chí 1	Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học	5,0	
	Chỉ báo 1: Thu thập được số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Phân tích và trình bày được các kết quả đảm bảo tính chính xác, tin cậy và khoa học	2,0	
Tiêu chí 2	Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu	5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích rõ ràng sự khác biệt	2,0	
CLO4.2.4.1. (Đề xuất các biện pháp cải tiến để tối ưu hóa hoạt động đàm phán và quản lý xung đột trong thực tiễn) [Mức năng lực: 5, trọng số: 10%]		.../10	
Tiêu chí	Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất	.../10	
	Chỉ báo 1: Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá được hiệu quả về kinh tế, xã hội của dự án	3,0	
	Chỉ báo 3: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án	2,0	
	Chỉ báo 4: Đề xuất được các cơ chế, chính sách hoặc giải pháp để thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn đời sống và sản xuất	2,0	

5. Kết quả đánh giá

CLO	1.1.2.3	2.1.1.1.	3.1.1.1.	3.2.1.1.	4.1.1.1	4.2.1.1.	4.2.2.1	4.2.3.1.	4.2.4.1.	Tổng điểm ³
Trọng số (%)	20	10	10	10	10	10	10	10	10	
Điểm số GPA										X

³ Tổng điểm = Tổng Điểm số GPA của từng CLO.

Quy đổi điểm GPA (Điểm số GPA*Trọng số)										
Điểm NL/Mức NL	.../2,5	.../2,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../4,5	X

Điểm số:

Bằng chữ:

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, *Giáo trình Quản lý học*, NXB Trường ĐH Kinh tế quốc dân, 2018.

[2] Hà Nam Khánh Giao, *Đàm phán ứng dụng - Công cụ, chiến thuật và kỹ thuật*, NXB Tài chính, 2019.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/ chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1: GIỚI THIỆU VỀ ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT (Học qua bài giảng E-learning 3 tiết: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết, khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 21 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học qua bài giảng E-Learning (LMS) về toàn cầu hóa và tác động đến đàm phán và các loại hình đàm phán (Bài giảng có các câu hỏi sau mỗi nội dung, yêu cầu học viên trả lời để nghe tiếp phần nội dung khác)	CLO1.2.1.1	A1.1.
		11	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2 (trang 5 - 10)	CLO1.2.1.1.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 1.2. Các nhân tố quan trọng trong đàm phán 1.2.1. Mối quan hệ giữa các bên tham gia đàm phán 1.2.2. Giao tiếp trong quá trình đàm phán 1.2.3. Lợi ích của các bên tham gia đàm phán	CLO1.2.1.1.	

			<p>1.2.4. BATNA</p> <p>1.2.5. Cam kết và trách nhiệm của các bên tham gia đàm phán</p> <p>1.3. Nội dung và mục tiêu của đàm phán</p> <p>1.3.1. Nội dung đàm phán</p> <p>1.3.2. Mục tiêu của Đàm phán</p> <p><i>1.3.2.1. Đạt được sự đồng thuận</i></p> <p><i>1.3.2.2. Tối ưu hóa lợi ích</i></p> <p><i>1.3.2.3. Xây dựng và duy trì mối quan hệ</i></p> <p><i>1.3.2.4. Giải quyết xung đột</i></p> <p>Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề</p>		
		1	Câu hỏi phát vấn: Phân tích các kỹ năng giao tiếp trong quá trình đàm phán	CLO1.2.1.1.	
		1	Thảo luận nhóm: Thảo luận 1 tình huống cụ thể về đàm phán (giảng viên giao tình huống)	CLO1.2.1.1.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.1	
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.1.	
		10	Làm bài tập chương 1 (trang 26) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2]	CLO1.2.1.1.	
2	<p>CHƯƠNG 2: CÁC KỸ NĂNG QUAN TRỌNG TRONG ĐÀM PHÁN VÀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT</p> <p>(Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết, khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 23 tiết)</p>				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về xác định bối cảnh đàm phán và xác định khuôn khổ, phạm vi đàm phán	CLO1.2.1.2.	
		13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [2]: mục 1.2.1. (trang 20 - 30)	CLO1.2.1.2.	
	Giai đoạn 2	3	<p><i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i></p> <p>2.3. Chiến lược và chiến thuật đàm phán</p> <p>2.3.1. Phương pháp và kỹ thuật chiến lược đàm phán</p> <p>2.3.2. Chiến lược tổ chức và cá nhân trong đàm phán</p> <p>2.4. Xác định mức độ linh hoạt và kết quả mong muốn</p> <p>2.4.1. Xác định mục tiêu tối đa, tối thiểu và mức độ thỏa thuận</p> <p>2.4.2. Xử lý các biến động và thay đổi trong quá trình đàm phán</p>	CLO1.2.1.2.	A1.2

			2.5. Nghệ thuật trong quá trình đàm phán và quản lý xung đột 2.5.1. Nghệ thuật lắng nghe và phản hồi 2.5.2. Nghệ thuật đặt câu hỏi và thu thập thông tin 2.5.3. Nghệ thuật thuyết phục và thỏa hiệp 2.5.4. Nghệ thuật giải quyết xung đột		
		1	Thảo luận nhóm: thảo luận 1 tình huống cụ thể về nghệ thuật trong đàm phán.	CLO1.2.1.2.	
		1	Câu hỏi phát vấn: Phân tích chiến thuật đàm phán của 1 tình huống cụ thể	CLO1.2.1.2.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.2	
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.2.	
		10	Làm bài tập chương 2 (trang 30 - 35) tài liệu [1]	CLO1.2.1.2.	
3	CHƯƠNG 3: QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÀM PHÁN TRONG TỔ CHỨC (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết, khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 23 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về chuẩn bị và lập kế hoạch cho cuộc đàm phán.	CLO1.2.1.3.	
		13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 3.2. (trang 35 - 50).	CLO1.2.1.3.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 3.2. Thực hiện cuộc đàm phán 3.2.1. Tổ chức và điều phối cuộc đàm phán 3.2.2. Mở đầu và tạo ra môi trường tích cực 3.2.3. Thực hiện các vòng đàm phán và xử lý biến động 3.3. Kết thúc và đánh giá cuộc đàm phán 3.3.1. Đạt được thỏa thuận và ký kết hợp đồng 3.3.2. Rút kinh nghiệm và đánh giá hiệu suất của cuộc đàm phán Phương pháp dạy học: Trực quan, thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.3.	
		1	Thảo luận nhóm: thực hiện một cuộc đàm phán giả định theo các quá trình đàm phán	CLO1.2.1.3.	
		1	Câu hỏi phát vấn: Phân tích quá trình đàm phán của một tình huống cụ thể	CLO1.2.1.3.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.3.	
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.3.	
		10	Làm bài tập chương 3 (trang 82) tài liệu [1]	CLO1.2.1.3.	

			Đọc thêm: tài liệu [2]		
4	CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ XUNG ĐỘT TRONG ĐÀM PHÁN (Học qua bài giảng E-learning: 4 tiết; học trên lớp: 6 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 23 tiết)				
Giai đoạn 1	4	Học bài giảng E-Learning (LMS) về xác định nguồn gốc của xung đột trong đàm phán	CLO1.2.1.4.		
		- Hoàn thành 01 Bài thảo luận trên hệ thống Elearning (LMS) - Hoàn thành 02 bài tập luyện tập trên hệ thống Elearning (LMS)	CLO1.2.1.4.	A1.3	
	13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 4.2 (trang 110 - 130)	CLO1.2.1.4.		
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 4.2. Quản lý xung đột trong đàm phán 4.2.1. Mục tiêu và ý nghĩa của quản lý xung đột 4.2.2. Cơ sở lý thuyết và thực tiễn của quản lý xung đột 4.2.3. Quan sát và phản ứng đối với các biểu hiện của xung đột 4.2.4. Thách thức và khó khăn trong quản lý xung đột 4.2.5. Phương pháp và chiến lược giải quyết xung đột hiệu quả 4.3. Kỹ năng giao tiếp trong quản lý xung đột trong đàm phán 4.3.1. Quy tắc và nguyên tắc cơ bản của giao tiếp trong quản lý xung đột 4.3.2. Kỹ năng và phương pháp giao tiếp hiệu quả trong quản lý xung đột Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.4.	
2			Thảo luận nhóm: Thực hiện đàm phán và giải quyết xung đột cho 1 tình huống cụ thể mà giảng viên giao.	CLO1.2.1.4.	
2		Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.4.		
Giai đoạn 3	1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.4.		
	10	Làm câu hỏi Chương 4 (trang 90 - 120) tài liệu [1]	CLO1.2.1.4.		
Đánh giá cuối kỳ		Thực hiện dự án theo ma trận A2.1	CLO1.2.1.3. CLO2.1.1.1. CLO3.1.1.1. CLO3.2.1.1. CLO4.1.1.1.	A2.1	

				CLO4.2.1.1. CLO4.2.2.1. CLO4.2.3.1. CLO4.2.4.1.
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi bảo vệ dự án theo ma trận A2.1	Đăng ký xem kết quả bảo vệ đồ án

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3




PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN:
PHÁT TRIỂN VÙNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

Lần ban hành:

01

Ngày ban hành: .../.../202..

Số trang:

201/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Lê Vũ Sao Mai

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0981218666

Email: Levusaomai@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển

Giảng viên 2: TS. Trần Thị Thanh Tâm

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0982177287

Email: tamttt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển, kinh tế học

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Phát triển vùng và địa phương (tiếng Anh): Regional and local development
- Mã số học phần: ECM83020
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản lý kinh tế
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: + Số tiết bài tập, thảo luận: + Số tiết thực hành: + Số tiết thực tế: + Số tiết dạy học dự án: 45 + Số tiết tự học: 90
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: không + Học phần song hành: không
- Yêu cầu của học phần:

+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80%
+ Học viên phải thực hiện nhiệm vụ học qua bài giảng E-Learning (LMS) tối thiểu 80% và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên Elearning
+ Học viên phải hoàn thành đề án học phần theo nhóm
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

2. Mô tả học phần

Học phần Phát triển vùng và địa phương thuộc nhóm học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về phát triển vùng và địa phương trong quản lý kinh tế. Người học có thể vận dụng kiến thức chính sách phát triển vùng và địa phương để giải quyết các tình huống trong thực tiễn. Đồng thời, người học hình thành kỹ năng cần thiết nhằm xác định chiến lược phát triển của từng vùng, địa phương của nước ta từ đó có các chính sách điều tiết phát triển kinh tế - xã hội phù hợp.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {K3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
3.1.2.	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.2.1.	Sử dụng được hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế một cách khoa học	3,5 {S4}
4.2.3.	Triển khai được các vấn đề ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế và đưa ra các giải pháp cải tiến	3,5 {S4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1.	Vận dụng được kiến thức tổng quan phát triển vùng và địa phương vào thực tiễn nền kinh tế	1.2.1.	10%	2,5 {K3}
1.2.1.2.	Ứng dụng được cách thức triển khai các hoạt động phát triển vùng và địa phương	1.2.1.	10%	2,5 {K3}
1.2.1.3.	Đánh giá được hoạch định phát triển vùng và địa phương	1.2.1.	5%	2,5 {K3}
1.2.1.4.	Thiết lập được các biện pháp phát triển vùng và địa phương	1.2.1	5%	2,5 {K3}
2.1.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về phát triển vùng và địa phương	2.1.1.	5%	2,5 {S3}
3.1.2.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển vùng và địa phương	3.1.1.	30%	3,5 {S4}
3.2.1.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong phát triển vùng và địa phương	3.2.1.	10%	3,5 {S4}
4.1.1.1	Phân tích được xu hướng vận động của phát triển vùng và địa phương	4.1.1.	10%	3,5 {S4}
4.2.1.1.	Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến phát triển vùng và địa phương	4.2.1.	5%	3,5 {S4}
4.2.2.1	Xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động phát triển vùng và địa phương	4.2.2.	10%	4,5 {S5}
4.2.3.1.	Triển khai thực hiện phát triển vùng và địa phương và Đánh giá được hiệu quả phát triển vùng và địa phương	4.2.3.	10%	4,5 {S5}
4.2.4.1.	Đề xuất các biện pháp cải tiến để tối ưu hóa hoạt động phát triển vùng và địa phương	4.2.4.	10%	4,5 {S5}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				

A1.1	CLO 1.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	LMS Elearning
	CLO 1.2.1.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}		
A1.2	CLO 1.2.1.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	25%	Quan sát tại lớp
A1.3	CLO 1.2.1.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	30%	01 bài thảo luận
	CLO 1.2.1.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	30%	02 bài tập luyện tập

A2. Đánh giá cuối kì - dự án nhóm (chiếm 50% điểm số học phần)

	CLO 1.2.1.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	20%
	CLO 2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {S3}	10%
	CLO 3.1.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%
	CLO 3.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%
	CLO 4.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%
	CLO 4.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%
	CLO 4.2.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	10%
	CLO 4.2.3.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	10%
	CLO 4.2.4.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	10%

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7

5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận đề án

Bảng 2. Ma trận dự án nhóm A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Chủ đề Đề án	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.4. (100%)	Mức 4	1 câu	10	10	Thiết lập được các biện pháp phát triển kinh tế vùng và địa phương
Tổng		10	10	5,0	

4.3. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.2. (Quan sát tại lớp)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.3. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Vận dụng được hoạch định phát triển kinh tế vùng và địa phương
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.3 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.3. (100%)	Mức 4	1 câu	10	5,0	Đánh giá được hoạch định phát triển kinh tế vùng và địa phương
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3.1 (bài tập luyện tập 1)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL mỗi câu	Số điểm cần đạt (50%) mỗi câu	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.4. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Vận dụng được các căn cứ đề xuất giải pháp phát triển kinh tế vùng và địa phương
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.4. Ma trận bài đánh giá A1.3.2 (bài tập luyện tập 2)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL mỗi câu	Số điểm cần đạt (50%) mỗi câu	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.4. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Vận dụng được các căn cứ thực hiện giải pháp phát triển kinh tế vùng và địa phương
Tổng		1	10	5,0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN

HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN VÙNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

- Họ và tên:; Ngày sinh: .../.../...
- Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
- Học phần:.....
- Tiêu chí đánh giá:

Chuẩn đầu ra đánh giá [MNL: ...(Điểm năng lực cần đạt)] {Trọng số %}		Điểm số	Điểm năng lực
CLO 1.2.1.4. Thiết lập được các giải pháp phát triển vùng và địa phương [MNL: 3, trọng số: 20%]		/10	
Tiêu chí 1	Thiết lập được các giải pháp phát triển vùng và địa phương		
	Chỉ báo 1: Đề xuất được các giải pháp phát triển vùng và địa phương	5,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá được tác động của các hành động/hoạt động để thực hiện được các giải pháp	5,0	
CLO 2.1.1.1. Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về phát triển vùng và địa phương [MNL: 3, trọng số: 10%]		/10	
Tiêu chí 1	Áp dụng được tư duy phản biện trong các vấn đề về phát triển vùng và địa phương	5,0	
	Chỉ báo 1: Nhận diện được các vấn đề, mâu thuẫn hoặc hạn chế trong phát triển vùng và địa phương dựa trên các số liệu, thông tin thu thập được	2,0	
	Chỉ báo 2: Phân tích, lập luận và đưa ra quan điểm phản biện logic, có dẫn chứng, đối với các chính sách hoặc giải pháp phát triển vùng và địa phương	3,0	
Tiêu chí 2	Áp dụng kỹ năng giải quyết vấn đề trong các vấn đề về phát triển vùng và địa phương	5,0	
	Chỉ báo 1: Xác định rõ vấn đề thực tiễn về phát triển vùng và địa phương, phân tích nguyên nhân và các yếu tố liên quan	2,0	
	Chỉ báo 2: Đề xuất được giải pháp khả thi, phù hợp thực tiễn và có kế hoạch thực hiện/triển khai cụ thể để giải quyết vấn đề đã phân tích	3,0	
CLO 3.1.2.1. Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển vùng và địa phương [MNL: 4, trọng số 10%]		/10	
Tiêu chí	Thành thạo làm việc nhóm trong quá trình làm đồ án học phần		
	Chỉ báo 1: Tổ chức nhóm làm việc hiệu quả trong giải quyết vấn đề phát triển vùng và địa phương.	5,0	
	Chỉ báo 2: Phân tích và điều phối các ý kiến, quan điểm khác nhau trong nhóm để tổng hợp và tích hợp thành giải pháp chung	5,0	

CLO 3.2.1.1. Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong phát triển vùng và địa phương [MNL: 4, trọng số: 10%]		/10	
Tiêu chí 1	Trình bày được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức đồ án học phần	4,0	
	Chỉ báo 1: Áp dụng đúng quy định về cấu trúc nội dung và bố cục trình bày trong thuyết minh đồ án học phần	2,0	
	Chỉ báo 2: Thực hiện trình bày hình thức (trình bày văn bản, bảng biểu, minh họa) theo tiêu chuẩn học thuật và yêu cầu của môn học	2,0	
Tiêu chí 2	Thiết kế được slide/video đảm bảo tính dễ nhìn, logic, cân đối	3,0	
	Chỉ báo 1: p dụng các yếu tố hình ảnh, màu sắc, font chữ phù hợp để trình bày nội dung slide/video	1,0	
	Chỉ báo 2: Sắp xếp bố cục slide/video đảm bảo tính cân đối, rõ ràng và thu hút người xem	1,0	
	Chỉ báo 3: Rà soát và chỉnh sửa các lỗi trình bày, đảm bảo tính nhất quán và logic xuyên suốt slide/video	1,0	
Tiêu chí 3	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi	3,0	
	Chỉ báo 1: Triển khai nội dung thuyết trình mạch lạc, trình bày rõ ràng, sử dụng ngôn ngữ phù hợp	1,0	
	Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, giọng điệu, ngôn ngữ phù hợp, thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
	Chỉ báo 3: Trả lời đầy đủ câu hỏi đặt ra bởi người nghe, có lập luận hợp lý và minh chứng khi phản biện	1,0	
CLO 4.1.1.1. Phân tích được bối cảnh của phát triển vùng và địa phương [MNL: 4, trọng số: 10%]		/10	
Tiêu chí 1	Phân tích xu hướng vận động của sự phát triển vùng và địa phương	5,0	
	Chỉ báo 1: Xác định các xu hướng phát triển chính của vùng và địa phương trong giai đoạn nhất định	2,0	
	Chỉ báo 2: So sánh sự thay đổi của các yếu tố phát triển theo thời gian, chỉ ra tác động của các xu hướng này đối với bối cảnh phát triển vùng và địa phương	3,0	

Tiêu chí 2	Phân tích cơ hội, thách thức của phát triển vùng và địa phương	5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích các yếu tố bên trong và bên ngoài để xác định những cơ hội thúc đẩy phát triển vùng và địa phương	2,0	
	Chỉ báo 2: Phân tích các yếu tố hạn chế, rủi ro và đánh giá mức độ thách thức ảnh hưởng đến phát triển vùng và địa phương	3,0	
CLO 4.2.1.1. Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến phát triển vùng và địa phương [MNL: 4, trọng số: 10%]		/10	
Tiêu chí	Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến phát triển vùng và địa phương trong đồ án học phần	10	
	Chỉ báo 1: Xây dựng và trình bày các ý tưởng phù hợp với bối cảnh phát triển vùng và địa phương	5,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được tính khả thi của ý tưởng	5,0	
CLO 4.2.2.1. Xây dựng được kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động phát triển vùng và địa phương [MNL: 4, trọng số: 10%]		/10	
Tiêu chí 1	Phân tích các nguồn lực, yếu tố liên quan và xác định mục tiêu, nội dung của kế hoạch hoạt động phát triển vùng và địa phương	5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích các nguồn lực (tài chính, con người, vật chất) và yếu tố bối cảnh (chính sách, môi trường tự nhiên – xã hội) ảnh hưởng đến hoạt động phát triển vùng và địa phương	3,0	
	Chỉ báo 2: Xác định mục tiêu cụ thể, nội dung hoạt động phù hợp với các nguồn lực và yếu tố đã phân tích, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của kế hoạch	2,0	
Tiêu chí 2	Tổ chức và sắp xếp các bước thực hiện, phân công công việc, thời gian, nguồn lực phù hợp để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của kế hoạchs	5,0	
	Chỉ báo 1: Tổ chức và sắp xếp trình tự các bước thực hiện trong kế hoạch phát triển vùng và địa phương một cách logic, phù hợp với mục tiêu đã xác định	3,0	
	Chỉ báo 2: Phân công công việc, phân bổ thời gian và nguồn lực phù hợp cho từng bước thực hiện để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của kế hoạch	2,0	

CLO 4.2.3.1. Triển khai thực hiện các giải pháp phát triển vùng và địa phương [MNL: 4, trọng số: 10%]		/10	
Tiêu chí 1	Áp dụng kế hoạch đã xây dựng để triển khai các bước thực hiện giải pháp phát triển vùng và địa phương đúng tiến độ và yêu cầu	5,0	
	Chỉ báo 1: Triển khai các bước thực hiện giải pháp phát triển vùng và địa phương đúng tiến độ và yêu cầu	3,0	
	Chỉ báo 2: Điều chỉnh và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình triển khai để đảm bảo mục tiêu phát triển đề ra	2,0	
CLO 4.2.4.1. Đề xuất các biện pháp cải tiến để tối ưu hóa hoạt động phát triển vùng và địa phương [MNL: 4, trọng số: 10%]		/10	
Tiêu chí	Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất cải tiến để tối ưu hoá hoạt động phát triển vùng và địa phương	10	
	Chỉ báo 1: Phân tích những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện hoạt động phát triển vùng và địa phương	3,0	
	Chỉ báo 2: Đề xuất các biện pháp cải tiến nhằm khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu quả hoạt động phát triển vùng và địa phương	3,0	
	Chỉ báo 3: Đánh giá tính khả thi, tính phù hợp và tác động của các biện pháp cải tiến đã đề xuất	2,0	
	Chỉ báo 4: Lựa chọn và điều chỉnh biện pháp phù hợp nhất để áp dụng thực tiễn, đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả triển khai	2,0	
Điểm bài đánh giá		/10	

5. Kết quả đánh giá

CLO	1.2.1.4	2.1.1.1.	3.1.2.1.	3.2.1.1.	4.1.1.1	4.2.1.1.	4.2.2.1	4.2.3.1.	4.2.4.1.	Tổng điểm ⁴
Trọng số (%)	20	10	10	10	10	10	10	10	10	
Điểm số GPA										X
Quy đổi điểm GPA										

⁴ Tổng điểm = Tổng Điểm số GPA của từng CLO.

(Điểm số GPA*Trọng số)										
Điểm NL/Mức NL	.../2,5	.../2,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	X

Điểm số:

Bảng chữ:

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

Giáo trình:

[1] Nguyễn Thị Phương Thu, *Kinh tế và chính sách phát triển vùng*, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2023.

Tài liệu tham khảo:

[2] Trần Mạnh Dũng (Chủ biên), *Kinh tế phát triển nâng cao*, NXB Đại học Vinh, 2020.

[3] Ngô Thắng Lợi, Phan Thị Nhiệm, *Kinh tế phát triển*, NXB Lao động - xã hội, 2009.

[4] Bùi Văn Dũng (chủ biên), *Giáo trình Phát triển bền vững*, Nxb Trường ĐH Vinh, 2014.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Tổng quan về Phát triển vùng và địa phương (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 4 tiết; tự học: 18 tiết)				
	Giai đoạn 1 { <i>Elearning</i> }	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 1.1. Quan niệm về phát triển vùng và địa phương 1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến phát triển vùng và địa phương 1.1.2. Khía cạnh kinh tế trong phát triển vùng và địa phương 1.1.3. Khía cạnh chính sách trong phát triển vùng và địa phương 1.2. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của môn học 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu môn học	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4

			1.2.2. Phạm vi nghiên cứu môn học 1.2.3. Nội dung nghiên cứu của môn học 1.2.4. Phương pháp nghiên cứu của môn học		
			Làm thảo luận trên LMS: Câu hỏi thảo luận khía cạnh kinh tế phát triển vùng và địa phương	CLO1.2.1.3	A.1.3
	Giai đoạn 2 { <i>Học trên lớp và nghiên cứu thực tế</i> }	3	Nghe giảng về: 1.3. Cơ sở khách quan của sự hình thành phát triển vùng và địa phương 1.3.1. Bản chất phát triển vùng và địa phương 1.3.2. Cơ sở hình thành phát triển vùng và địa phương 1.3.3. Các nhân tố hình thành phát triển vùng và địa phương	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
		1	Thảo luận nhóm về Các nhân tố hình thành phát triển vùng và địa phương	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
	Giai đoạn 3 { <i>Tự học</i> }	9	Ôn tập 1.3.1. Bản chất phát triển vùng và địa phương 1.3.2. Cơ sở hình thành phát triển vùng và địa phương 1.3.3. Các nhân tố hình thành phát triển vùng và địa phương	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
		9	Tìm hiểu về Cơ sở hình thành phát triển vùng và địa phương	CLO1.2.1.1	A1.1 A.1.3 A1.4
2	Chương 2: Một số lý thuyết và mô hình liên quan đến phát triển vùng và địa phương (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 5 tiết; nghiên cứu thực tế: 2 tiết; tự học: 18 tiết)				
	Giai đoạn 1 { <i>Elearning</i> }	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) 2.1. Một số lý thuyết phát triển vùng và địa phương 2.1.1. Lý thuyết vị trí truyền thống 2.1.2. Lý thuyết vị trí hiện đại 2.2. Một số mô hình phát triển vùng và địa phương 2.2.1. Mô hình cơ sở kinh tế	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1
	Giai đoạn 2 { <i>Học trên lớp và nghiên cứu thực tế</i> }	3	Nghe giảng về: 2.1. Một số lý thuyết phát triển vùng và địa phương 2.1.3. Lý thuyết cực phát triển 2.1.4. Lý thuyết tăng trưởng vùng	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1

			2.2. Một số mô hình phát triển vùng và địa phương 2.2.2. Mô hình phân tích thu nhập - chi tiêu 2.2.3. Mô hình đầu vào - đầu ra		
		2	Thảo luận về các lý thuyết cực phát triển, lý thuyết tăng trưởng vùng	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1
		2	Nghiên cứu thực tế: Các mô hình phát triển vùng và địa phương trên thực tế		
	Giai đoạn 3 { <i>Tự học</i> }	9	2.1. Một số lý thuyết phát triển vùng và địa phương 2.1.3. Lý thuyết cực phát triển 2.1.4. Lý thuyết tăng trưởng vùng 2.2. Một số mô hình phát triển vùng và địa phương 2.2.2. Mô hình phân tích thu nhập - chi tiêu 2.2.3. Mô hình đầu vào - đầu ra	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1
		9	Làm bài tập tình huống nhóm về Mô hình phân tích thu nhập - chi tiêu; Mô hình đầu vào - đầu ra	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A1.2 A2.1
3	Chương 3: Chiến lược phát triển vùng và địa phương (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 5 tiết; nghiên cứu thực tế: 2 tiết; tự học: 18 tiết)				
	Giai đoạn 1 { <i>Elearning</i> }	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) 3.1. Những vấn đề chung về chiến lược phát triển 3.1.1. Khái niệm chiến lược phát triển 3.1.2. Đặc trưng của chiến lược phát triển 3.1.3. Quy hoạch của chiến lược phát triển 3.2. Chiến lược phát triển vùng và địa phương 3.2.1. Khái niệm của chiến lược phát triển vùng và địa phương 3.2.2. Phân loại của chiến lược phát triển vùng và địa phương 3.3.3. Vai trò của chiến lược phát triển vùng và địa phương	CLO1.2.1.2 CLO.2.1.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1
		4	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Quy trình chiến lược phát triển vùng và địa phương	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1

		4	Thảo luận về đặc trưng và quy hoạch của chiến lược phát triển và chiến lược phát triển vùng địa phương	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1
	Giai đoạn 2 { <i>Học trên lớp và nghiên cứu thực tế</i> }	5	Nghe giảng về Chương 3 3.3. Quy trình chiến lược phát triển vùng và địa phương 3.3.1. Khung chiến lược phát triển vùng và địa phương 3.3.2. Hoạch định chiến lược phát triển vùng và địa phương 3.3.3. Tổ chức thực hiện chiến lược phát triển vùng và địa phương	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1
2		Bài tập tình huống khung chiến lược, hoạch định và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển vùng và địa phương	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1	
2		Nghiên cứu thực tế: tìm hiểu về đặc trưng và quy hoạch của chiến lược phát triển và chiến lược phát triển vùng địa phương	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1	
	Giai đoạn 3 { <i>Tự học</i> }	9	Ôn tập Quy trình chiến lược phát triển vùng và địa phương	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1
		9	Bài tập tình huống về Quy trình chiến lược phát triển vùng và địa phương	CLO1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.3.2.1.1	A2.1
4	Chương 4: Chính sách phát triển vùng và địa phương (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 5 tiết; nghiên cứu thực tế: 2 tiết; tự học: 18 tiết)				
...	Giai đoạn 1 { <i>Elearning</i> }	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về Tuyển dụng nguồn nhân lực trong khu vực công 4.1. Khái niệm chính sách và chính sách phát triển kinh tế - xã hội 4.2. Cấu trúc của chính sách phát triển vùng và địa phương	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
			Bài tập 1 (LMS) các chính sách kinh tế xã hội phát triển vùng và địa phương	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A1.3
	Giai đoạn 2	5	Nghe giảng 4.2. Cấu trúc của chính sách phát triển vùng và địa phương	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1	A2.1

	{ <i>Học trên lớp và nghiên cứu thực tế</i> }		4.3. Chính sách phát triển vùng và địa phương 4.3.1. Chính sách huy động nguồn lực phát triển vùng và địa phương 4.3.2. Chính sách thúc đẩy tinh thần doanh nhân và đổi mới sáng tạo trong phát triển vùng và địa phương	CLO.2.1.2.1	
		2	Nghiên cứu thực tế về chính sách huy động nguồn lực phát triển vùng và địa phương	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Tự học</i> }	9	Ôn tập Cấu trúc của chính sách phát triển vùng và địa phương	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		9	Bài tập nhóm tình huống chính sách thúc đẩy tinh thần doanh nhân và đổi mới sáng tạo trong phát triển vùng và địa phương	CLO.1.2.1.2 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
5	Chương 5: Phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam hiện nay (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 5 tiết; nghiên cứu thực tế: 2 tiết; tự học: 18 tiết)				
	Giai đoạn 1 { <i>Elearning</i> }	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 5.1. Phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam qua các giai đoạn 5.1.1. Giai đoạn từ trước 1975 đến nay 5.1.2. Đánh giá thực trạng phân vùng và địa phương hiện nay	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		5	Bài tập 2 (LMS) về Phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam qua các giai đoạn	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A1.3
	Giai đoạn 2 { <i>Học trên lớp và nghiên cứu thực tế</i> }	4	Nghe giảng về Chương 5 5.2. Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam 5.3. Chính sách phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam 5.3.1. Quá trình hình thành các chính sách phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam 5.3.2. Một số chính sách phát triển vùng và địa phương thời gian qua và những kết quả đạt được	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1

			5.3.3. Hạn chế và tồn tại trong thực hiện các chính sách phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam 5.3.4. Một số biện pháp hoàn thiện chính sách phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam		
		2	Nghiên cứu thực tế về chính sách phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam thời gian qua	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
	Giai đoạn 3 { <i>Tự học</i> }	9	Ôn tập những kết quả đạt được, hạn chế và tồn tại trong thực hiện các chính sách phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1
		9	Làm bài tập thảo luận về biện pháp hoàn thiện chính sách phát triển vùng và địa phương ở Việt Nam	CLO.1.2.1.4 CLO.2.2.2.1 CLO.2.1.2.1	A2.1

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú

	ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành:...../...../202..
		Số trang: 217/8

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: Thái Thị Kim Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0917774489

Email: oanhttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản trị chiến lược, Văn hoá kinh doanh

Giảng viên 2: Hoàng Thị Cẩm Thương

Địa chỉ liên hệ: Khoa QTKD, Trường Kinh tế

Điện thoại: 0912128774

Email: thuonghtc@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Marketing căn bản, Quản trị chiến lược

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý chiến lược (tiếng Anh): Advanced Strategic Management	
- Mã số học phần: EMC83021	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản trị kinh doanh	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết học Elearning: 12 + Số tiết thực tế: 33 + Số tiết tự học: 90	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP: {ghi MS HP}
+ Học phần học trước: {ghi tên HP nếu có}	Mã số HP: {ghi MS HP}
+ Học phần song hành: {ghi tên HP nếu có}	Mã số HP: {ghi MS HP}
- Yêu cầu của học phần {giảng viên cụ thể hóa các yêu cầu}: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%. + Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo... qua hệ thống LMS. + Tham gia đầy đủ các bài thực hành.	

+ Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.

- Khoa phụ trách học phần: Khoa Quản trị kinh doanh

2. Mô tả học phần

- Học phần *Quản lý chiến lược* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về quản lý chiến lược trong các tổ chức. Học phần cụ thể hóa quá trình quản lý chiến lược của các tổ chức, nhằm *hoạch định, tổ chức/triển khai thực hiện, đánh giá, điều chỉnh và cải tiến* hoạt động quản lý chiến lược. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, học phần giúp học viên phát triển các kỹ năng cần thiết nhằm xây dựng các chiến lược quản lý các tổ chức, doanh nghiệp.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Áp dụng được tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {Mức 3}
3.1.2	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn	3,5 {Mức 4}
3.2.1	Sử dụng được hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Quản lý kinh tế.	3,5 {Mức 4}
4.1.1	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế một cách khoa học	3,5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các vấn đề ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong quản lý kinh tế và đưa ra các giải pháp cải tiến	4,5 {Mức 5}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong phân tích môi trường kinh doanh	1.2.1	10%	2,5 {Mức 3}
1.2.1.2	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong quản lý mục tiêu chiến lược	1.2.1	10%	2,5 {Mức 3}
1.2.1.3	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong phân tích và đánh giá, lựa chọn chiến lược	1.2.1	10%	2,5 {Mức 3}
1.2.1.4	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong tổ chức thực hiện và kiểm soát chiến lược	1.2.1	10%	2,5 {Mức 3}
2.1.1.1	Áp dụng được tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2.1.1	10%	2,5 {Mức 3}
3.1.2.1	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn	3.1.2	10%	3,5 {Mức 4}
3.2.1.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong quản lý chiến lược	3.2.1	10%	3,5 {Mức 4}
4.1.1.1	Phân tích được môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến chiến lược của tổ chức	4.1.1	10%	3,5 {Mức 4}
4.2.1.1	Đề xuất được các ý tưởng chiến lược cho tổ chức	4.2.1	10%	3,5 {Mức 4}
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai chiến lược phù hợp với bối cảnh môi trường	4.2.2	10%	3,5 {Mức 4}
4.2.3.1	Triển khai được các ý tưởng chiến lược cho tổ chức	4.2.3	10%	3,5 {Mức 4}
4.2.4.1	Đánh giá các chiến lược của tổ chức và đưa ra các giải pháp cải tiến	4.2.4.1	10%	4,5 {Mức 4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO1.2.1.1 {điểm số và điểm năng lực} CLO1.2.1.3 {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	5%	LMS Elearning
A1.2	CLO 3.1.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	5%	Quan sát tại lớp
A1.3	CLO1.2.1.2 {điểm số và điểm năng lực} CLO1.2.1.4 {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	5%	02 bài tự luận
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {S3}	15%	Tiểu luận
	CLO4.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	15%	
	CLO4.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	20%	
	CLO4.2.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	20%	
	CLO4.2.3.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	15%	
	CLO4.2.4.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	15%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6

3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.3. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

4.3.1. Phiếu đánh giá kỹ năng thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn

PHIẾU ĐÁNH GIÁ Bài đánh giá A.1.2

1. Nhóm:
2. Lớp:
3. Học phần:
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO3.1.2.1 Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn) [Mức năng lực: 3,5]		15%	
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Triển khai hoạt động nhóm một cách minh bạch và trung thực.	1,0	3,5 - 4,4
	Chỉ báo 2: Cần biết rõ vai trò và trách nhiệm của mình để có thể hoàn thành công việc một cách hiệu quả, đồng thời tránh được sự trùng lặp hoặc thiếu sót	1,0	
	Chỉ báo 3: Có khả năng hợp tác, lắng nghe ý kiến của nhau và hỗ trợ đồng đội khi cần thiết để đạt được mục tiêu chung	2,0	
	Chỉ báo 4: Có tính linh hoạt và sáng tạo là quan trọng để nhóm có thể thích ứng và tìm ra các giải pháp mới mẻ	2,0	

Chỉ báo 5: Cần phải có sự cam kết cao đến việc hoàn thành nhiệm vụ và kiên nhẫn để vượt qua các khó khăn và thách thức	2,0	
Chỉ báo 6: Sau mỗi giai đoạn, nhóm cần phải tự đánh giá kết quả công việc và đề xuất các biện pháp cải thiện. Việc này giúp nhóm rút ra bài học kinh nghiệm và phát triển không ngừng trong quá trình làm việc	2,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3 (02 bài tự luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.2 (5%)	Mức 3	Tự luận			Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong quản lý mục tiêu chiến lược
1.2.1.4 (5%)	Mức 3	Tự luận			Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong tổ chức thực hiện và kiểm soát chiến lược

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá tiểu luận

PHIẾU ĐÁNH GIÁ A2.1

- Họ và tên học viên/sinh viên:; MSHV:
- Học phần: Mã học phần:
- Năm học:
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt] {Trọng số %}		Điểm số	Điểm năng lực
CLO 2.1.1.1. Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong quản lý chiến lược [Mức năng lực: 2,5]	/10	
Tiêu chí 1	Áp dụng tư duy phản biện/5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích các thách thức và cơ hội của quản lý chiến lược	1,0	
	Chỉ báo 2: Áp dụng các nguyên lý kinh tế để phân tích và đưa ra giải pháp cho các vấn đề trong quản lý chiến lược	2,0	

	Chỉ báo 3: Sử dụng tư duy logic và phản biện để đưa ra các luận điểm và giải pháp hợp lý.	2,0	
Tiêu chí 2	Kỹ năng giải quyết vấn đề	5,0	
	Chỉ báo 1: Đề xuất các chiến lược và biện pháp cụ thể để quản lý chiến lược	2,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá các ảnh hưởng của môi trường đối với quản lý chiến lược	3,0	
CLO3.2.1.1. (Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong quản lý chiến lược) [Mức năng lực: 3,5]	/10	
Tiêu chí 1	Kỹ thuật trình bày văn bản/5,0	
	Chỉ báo 1: Chuẩn hóa hình thức trình bày của tiểu luận về cỡ chữ, font chữ, số trang, hình ảnh, bảng biểu, số liệu	2,0	
	Chỉ báo 2: Cấu trúc tiểu luận trình bày đầy đủ, hoàn chỉnh các phần nội dung theo quy định	1,0	
	Chỉ báo 3: Đảm bảo tính tin cậy của nguồn tham khảo	1,0	
	Chỉ báo 4: Đảm bảo tính đại diện của các số liệu, mô hình, hình ảnh dẫn chứng trong thuyết minh đề tài	1,0	
Tiêu chí 3	Thực hiện kỹ năng thuyết trình và trả lời câu hỏi/5,0	
	Chỉ báo 1: Phong cách thuyết trình tự tin, năng động, nhiệt tình	2,0	
	Chỉ báo 2: Người thuyết trình sử dụng ngôn ngữ cơ thể và giọng điệu phù hợp, bài thuyết trình thu hút, thuyết phục người nghe	1,0	
	Chỉ báo 3: Nhóm dự án thể hiện sự am hiểu đối với đề tài và ngành nghề liên quan thông qua nội dung thuyết trình và phần trả lời câu hỏi	2,0	
LO4.1.1.1 (Phân tích được xu hướng vận động của môi trường kinh doanh đối với quản lý chiến lược) [Mức năng lực: 3,5]	/10	
Tiêu chí 1	Phân tích bối cảnh của môi trường kinh doanh/5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích hoàn chỉnh xu hướng của môi trường tổ chức	1,0	
	Chỉ báo 2: Thuyết minh đề tài chỉ ra được khoảng trống	2,0	
	Chỉ báo 3: Giải thích tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài một cách ấn tượng, thuyết phục	2,0	
Tiêu chí 2	Phân tích thách thức của môi trường với chiến lược/5,0	
	Chỉ báo 1: Thuyết minh thách thức môi trường ảnh hưởng đến chiến lược của tổ chức một cách rõ ràng, logic, đầy đủ	2,0	
	Chỉ báo 2: Phân tích, đánh giá thách thức của môi trường ảnh hưởng đến giải quyết vấn đề mà đề tài đang hướng tới	3,0	
CLO4.2.1.1. (Đề xuất được các ý tưởng chiến lược cho tổ chức) [Mức năng lực: 3,5]	/10	
Tiêu chí 1	Kỹ năng làm việc độc lập/5,0	
	Chỉ báo 1: Ý tưởng đề tài đề xuất giải pháp hoàn thiện quản lý chiến lược	2,0	

	Chỉ báo 2: Ý tưởng đề tài cải tiến cách thức quản lý chiến lược	1,0	
	Chỉ báo 3: Ý tưởng đề tài đề xuất chiến lược cho tổ chức	2,0	
Tiêu chí 2	Xây dựng kế hoạch triển khai ý tưởng dự án	5,0	
	Chỉ báo 1: Xác định trình tự các bước thực hiện ý tưởng chiến lược	2,0	
	Chỉ báo 2: Xác định rõ mục tiêu của từng bước triển khai ý tưởng chiến lược	1,0	
	Chỉ báo 3: Xác định các nguồn lực cần thiết để triển khai ý tưởng chiến lược	2,0	
CLO4.2.2.1. (Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động quản lý chiến lược) [Mức năng lực: 3,5]	/10	
Tiêu chí 1	Chỉ báo 1: Kế hoạch tổ chức thực hiện dựa trên căn cứ lý thuyết	2,0	
	Chỉ báo 2: Kế hoạch tổ chức thực hiện được xây dựng, phát triển dựa trên phân tích môi trường tổ chức	2,0	
	Chỉ báo 3: Kế hoạch tổ chức thực hiện phù hợp với nguồn lực của tổ chức	2,0	
	Chỉ báo 4: Kế hoạch tổ chức thực hiện cho phép nâng cao hiệu quả hoạt động cho tổ chức	4,0	
CLO4.2.3.1. (Triển khai thực hiện các ý tưởng chiến lược) [Mức năng lực: 3,5]	/10	
Tiêu chí 1	Chỉ báo 1: Mô tả hoàn chỉnh, logic cách thức triển khai thực hiện chiến lược	2,0	
	Chỉ báo 2: Minh họa bằng hình ảnh, video cách thức triển khai thực hiện chiến lược	2,0	
	Chỉ báo 3: Trình diễn hoàn hảo cách thức triển khai thực hiện của chiến lược	3,0	
	Chỉ báo 4: Đánh giá một cách hiệu quả giải pháp chiến lược	3,0	
CLO4.2.4.1. (Đánh giá các chiến lược của tổ chức và đưa ra các giải pháp cải tiến) [Mức năng lực: 4,5]	/10	
Tiêu chí 1	Đánh giá chiến lược của tổ chức/5,0	
	Chỉ báo 1: Đánh giá những ưu điểm của chiến lược	2,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá những hạn chế của chiến lược	2,0	
	Chỉ báo 3: Chỉ ra được nguyên nhân của những hạn chế	1,0	
Tiêu chí 2	Đưa ra giải pháp cải tiến chiến lược/5,0	
	Chỉ báo 1: Xây dựng giải pháp cải tiến chiến lược	2,5	
	Chỉ báo 2: Xây dựng các bước cải tiến chiến lược	2,5	
Điểm số của CLO4.2.4.1: Điểm TC1*100%			
Điểm bài đánh giá kỹ năng: Điểm CLO2.1.1.1*10% + Điểm CLO3.2.1.1*15% + Điểm CLO4.1.1.1*15% + Điểm CLO4.2.1.1*15% + Điểm CLO4.2.2.1*15% + Điểm CLO4.2.3.1*15% + Điểm CLO4.2.4.1*15%			

5. Kết quả:

5.1. Điểm số:

Bằng chữ:

5.2. Điểm năng lực theo CLO: (*Giảng viên có thể thiết kế theo bảng nếu bài đánh giá có nhiều CLO được tính điểm năng lực*).

GIẢNG VIÊN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

Giáo trình:

[1] Thái Thị Kim Oanh, *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Vinh, 2017.

[2] Ngô Kim Thanh, *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2014.

Tài liệu tham khảo:

[3] Marcel Van Assen - Gerben Van Den Berg - Paul Pietersma, Trịnh Minh Lan, Nguyễn Phương Lan (Biên dịch), *Những mô hình quản trị kinh điển*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2011.

[4] Hoàng Văn Hải, *Quản trị chiến lược*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương: Tổng quan về Quản lý chiến lược (<i>Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; Học trên lớp: 5 tiết; Tự học: 15 tiết</i>)				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 1.1. Khái quát về chiến lược 1.2. Quản lý chiến lược	CLO 1.2.1.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc nội dung Tư duy quản lý chiến lược	CLO 1.2.1.1	
		5	Thảo luận về: Vai trò của nhà quản lý chiến lược trong bối cảnh hiện nay	CLO 1.2.1.1	
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	2	Nghe giảng về: 1.3. Tư duy quản lý chiến lược	CLO 1.2.1.1	
		3	Thảo luận nhóm về vai trò của quản lý chiến lược	CLO 3.1.2.1	A1.2

	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	2	Ôn tập Quản lý chiến lược	CLO 1.2.1.1	
		3	Làm bài tập tình huống về tư duy quản lý chiến lược	CLO 1.2.1.1	
2	Chương 2: Phân tích và đánh giá môi trường của tổ chức (<i>Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; Học trên lớp: 7 tiết; Tự học: 15 tiết</i>)				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) 2.1. Môi trường bên ngoài 2.2. Môi trường bên trong	CLO 1.2.1.1 CLO4.1.1.1	A1.1
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Tìm hiểu môi trường của các tổ chức	CLO 1.2.1.1 CLO4.1.1.1	
		5	Thảo luận về: Phân tích bối cảnh môi trường của tổ chức nơi anh chị đang công tác	CLO 1.2.1.1 CLO4.1.1.1	
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }	5	Nghe giảng về: 2.1. Môi trường bên ngoài 2.2. Môi trường bên trong	CLO 1.2.1.1 CLO4.1.1.1	
		2	Thảo luận nhóm về môi trường hoạt động của tổ chức	CLO 3.1.2.1	A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	3	Ôn tập về môi trường tổ chức	CLO 1.2.1.1 CLO4.1.1.1	
		2	Làm bài tập nhóm về môi trường của tổ chức	CLO3.1.2.1	A1.2
	Chương 3: Quản lý mục tiêu chiến lược (<i>Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; Học trên lớp: 5 tiết; Tự học: 15 tiết</i>)				
	Giai đoạn 1 { <i>Trước khi đến lớp</i> }	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 2.1. Khái quát về mục tiêu chiến lược	CLO1.2.1.2	
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Tìm hiểu về mục tiêu chiến lược của một tổ chức cụ thể	CLO1.2.1.2	
		5	Làm bài tạo Tự luận 1 trên Elearning: Phân tích mục tiêu chiến lược của tổ	CLO1.2.1.2	A1.3

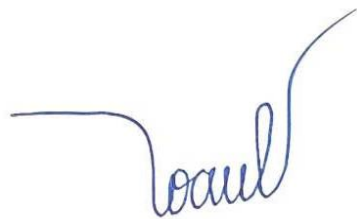
			chức (đơn vị) nơi anh chị đang công tác		
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	3	Nghe giảng về Chương 3 3.2. Nội dung quản lý mục tiêu chiến lược	CLO1.2.1.2	
		5	Bài tập nhóm về quản lý mục tiêu chiến lược	CLO1.2.1.2	
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	2	Ôn tập quản lý mục tiêu chiến lược	CLO1.2.1.2	
Chương 4: Phân tích và lựa chọn chiến lược (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; Học trên lớp: 5 tiết; Tự học: 15 tiết)					
...	Giai đoạn 1 {Trước khi đến lớp}	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 4.1. Các cấp quản lý chiến lược 4.2. Các mô hình phân tích lựa chọn chiến lược	CLO1.2.1.3	
		5	Làm bài tập trên LMS: Bài tự luận 2	CLO1.2.1.3	
		5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Tìm hiểu về chiến lược của một tổ chức cụ thể	CLO1.2.1.3	
		5	Thảo luận về các cấp chiến lược	CLO1.2.1.3 CLO4.2.2.1	
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}	2	Nghe giảng về Chương 4 4.1. Các cấp quản lý chiến lược 4.2. Các mô hình phân tích lựa chọn chiến lược	CLO2.1.2.1	
		2	Bài tập tình huống	CLO2.1.2.2	
	Giai đoạn 3 {Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}	1	Ôn tập các mô hình phân tích lựa chọn chiến lược	CLO1.2.1.1	
Chương 5: Cấu trúc tổ chức và thực thi chiến lược					

<i>(Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; Học trên lớp: 5 tiết; Tự học: 15 tiết)</i>					
Giai đoạn 1 <i>{Trước khi đến lớp}</i>	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 5.1. Cấu trúc tổ chức và chiến lược 5.2. Thiết lập chính sách và môi trường văn hoá thực thi chiến lược	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.4		
	5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Tìm hiểu về cấu trúc tổ chức và chiến lược	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.4		
	5	Thảo luận về mối quan hệ giữa cấu trúc tổ chức và chiến lược	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.4		
Giai đoạn 2 <i>{Ở lớp}</i>	2	Nghe giảng về Chương 5 5.2. Thiết lập chính sách và môi trường văn hoá thực thi chiến lược	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.4		
Giai đoạn 3 <i>{Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng}</i>	3	Ôn tập nội dung thực thi chiến lược	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.4 CLO4.2.1.1 CLO4.2.2.1	A2.1	
	5	Bài tập tình huống về tổ chức thực hiện chiến lược	CLO1.2.1.1 CLO1.2.1.4		
Chương 6: Kiểm soát chiến lược <i>(Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; Học trên lớp: 5 tiết; Tự học: 15 tiết)</i>					
Giai đoạn 1 <i>{Trước khi đến lớp}</i>	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về 6.1. Bản chất và vai trò của kiểm soát chiến lược 6.2. Hệ thống kiểm soát chiến lược	CLO1.2.1.1		
	5	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Tìm hiểu về quy trình kiểm soát chiến lược	CLO1.2.1.1		
	5	Làm bài tập Tự luận 2 trên Elearning: Phân tích hoạt động kiểm soát chiến lược tại tổ chức (đơn vị) nơi anh chị đang công tác	CLO1.2.1.1 CLO4.2.3.1	A1.3 A2.1	
Giai đoạn 2 <i>{Ở lớp}</i>	5	Nghe giảng về Chương 6 6.2. Hệ thống kiểm soát chiến lược	CLO3.1.1.1		

	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }	5	Ôn tập nội dung các công cụ kiểm soát chiến lược	CLO1.2.1.4 CLO4.2.4.1	A2.1
	Dự án			CLO2.1.1.1 CLO4.1.1.1 CLO4.1.2.1 CLO4.1.2.2 CLO4.1.2.3 CLO4.1.2.4	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc Dự án A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN LÝ TỔ CHỨC**

Lần ban hành: **01**
Ngày ban hành: .../.../2023
Số trang: **230/18**

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0917.774.489 Email: oanhttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý chiến lược và tổ chức, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội.

Giảng viên 2: PGS. TS. Trần Thị Hoàng Mai

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0917.118.846 Email: hoangmaikkt@gmail.com; maitth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế, Quản lý tổ chức, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý tổ chức (tiếng Anh): Organization Management	
- Mã số học phần: ECM83015	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản lý kinh tế	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3 + Số tiết lý thuyết: + Số tiết bài tập, thảo luận: + Số tiết thực hành:	+ Số tiết thực tế: + Số tiết dạy học dự án: 45 + Số tiết tự học: 90
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: không + Học phần song hành: không	
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80%	

- + Học viên phải thực hiện nhiệm vụ học qua bài giảng E-Learning (LMS) tối thiểu 80% và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên Elearning
 - + Học viên phải hoàn thành đồ án học phần theo nhóm
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

2. Mô tả học phần

Học phần *Quản lý tổ chức* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về tổ chức và quản lý trong tổ chức. Theo đó các chức năng quản lý trong tổ chức từ *lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát* sẽ được phân tích, đánh giá chuyên sâu và chuyển hóa thành các kỹ năng quản lý cho người học. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, học phần giúp học viên phát triển các năng lực quản lý cho các nhà quản lý trong mọi loại hình tổ chức và bối cảnh môi trường khác nhau.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {K3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.2.1.	Sử dụng được hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế một cách khoa học	3,5 {S4}
4.2.3.	Triển khai được các vấn đề ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}

4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế và đưa ra các giải pháp cải tiến	3,5 {S4}
--------	--	----------

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1.	Vận dụng được kiến thức tổng quan quản lý tổ chức và các học thuyết quản lý vào thực tiễn các tổ chức	1.2.1.	3%	2,5 {K3}
1.2.1.2.	Ứng dụng được quy trình và các công cụ lập kế hoạch trong tổ chức	1.2.1.	3%	2,5 {K3}
1.2.1.3.	Đánh giá được năng lực tổ chức và lãnh đạo trong các hoạt động của tổ chức	1.2.1.	2%	2,5 {K3}
1.2.1.4.	Thiết lập được các biện pháp kiểm soát trong tổ chức	1.2.1	2%	2,5 {K3}
2.1.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về quản lý trong mọi loại hình tổ chức	2.1.1.	5%	2,5 {S3}
3.1.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý trong tổ chức	3.1.1.	20%	3,5 {S4}
3.2.1.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong quá trình quản lý tại các tổ chức	3.2.1.	10%	3,5 {S4}
4.1.1.1	Phân tích được xu hướng vận động của môi trường tác động tới hoạt động của tổ chức	4.1.1.	10%	3,5 {S4}
4.2.1.1.	Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến hoạt động quản lý trong tổ chức	4.2.1.	20%	3,5 {S4}
4.2.2.1	Thiết lập được các bước thực hiện hoạt động quản lý trong tổ chức	4.2.2.	20%	4,5 {S5}
4.2.3.1.	Triển khai thực hiện các hoạt động quản lý trong tổ chức và Đánh giá được hiệu quả quản lý trong tổ chức	4.2.3.	20%	4,5 {S5}
4.2.4.1.	Đề xuất các biện pháp cải tiến để đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả hoạt động quản lý trong tổ chức	4.2.4.	10%	4,5 {S5}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO1.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	3%	LMS Elearning
	CLO1.2.1.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	3%	
A1.2	CLO 1.2.1.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	3%	01 bài thảo luận
A1.3	CLO 1.2.1.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	2%	02 bài tập luyện tập
	CLO1.2.1.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	2%	
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {S3}	10%	Đồ án nhóm
	CLO3.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	20%	
	CLO3.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	5%	
	CLO4.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	20%	
	CLO4.2.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	20%	
	CLO4.2.3.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	20%	
	CLO4.2.4.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	10%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 50\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận đề án

Bảng 2. Ma trận đề án nhóm A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Chủ đề Đề án	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.3. (2%)	Mức 3	5 câu	5,0	2,5	Đánh giá được năng lực tổ chức và lãnh đạo trong các hoạt động của tổ chức
1.2.1.4. (2%)	Mức 3	5 câu	5,0	2,5	Thiết lập được các biện pháp kiểm soát trong tổ chức
Tổng		10	10	5,0	

4.3. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.2. (Quan sát tại lớp)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.2. (3%)	Mức 3	5 câu	5,0	2,5	Phân tích được quy trình và các công cụ lập kế hoạch trong tổ chức
	Mức 3	5 câu	5,0	2,5	Đánh giá được quy trình và các công cụ lập kế hoạch trong tổ chức
Tổng		10	10	5,0	

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.3 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.4. (2%)	Mức 3	5 câu	5,0	2,5	Phân tích được các biện pháp kiểm soát trong tổ chức
	Mức 3	5 câu	5,0	2,5	Đánh giá được các biện pháp kiểm soát trong tổ chức
Tổng		10	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3 (02 bài tập luyện tập)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.3. (2%)	Mức 3	5 câu	5,0	2,5	Đánh giá được năng lực tổ chức và lãnh đạo trong các hoạt động của tổ chức
	Mức 3	5 câu	5,0	2,5	Đề xuất được các giải pháp tổ chức và lãnh đạo trong các hoạt động của tổ chức
Tổng		10	10	5,0	

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN
HỌC PHẦN: QUẢN LÝ TỔ CHỨC

- Họ và tên:; Ngày sinh: .../.../...
- Mã học viên:; Lớp:.....
- Học phần: Quản lý tổ chức
- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]	Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
---	------------------	---------------

CLO1.2.1.3. Đánh giá được năng lực tổ chức và lãnh đạo trong các hoạt động của tổ chức [mức năng lực: 2,5, trọng số: 10%]	/10	/2,5
Chỉ báo 1: Phân tích được cấu trúc tổ chức và phân công nhiệm vụ.	4,0	
Chỉ báo 2: Chỉ ra điểm mạnh/điểm yếu của phương pháp lãnh đạo áp dụng.	3,0	
Chỉ báo 3: Đưa ra minh chứng cụ thể về hiệu quả của sự phân công và phối hợp.	3,0	
CLO1.2.1.4. Thiết lập được các biện pháp kiểm soát trong tổ chức [mức năng lực: 2,5, trọng số: 10%]	/10	/2,5
Chỉ báo 1: Trình bày được sơ đồ/ quy trình kiểm soát.	4,0	
Chỉ báo 2: Xây dựng bộ chỉ số theo dõi đánh giá kết quả.	3,0	
Chỉ báo 3: Phân tích tính khả thi và hiệu quả của biện pháp kiểm soát.	3,0	
CLO2.1.1.1. (Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về quản lý trong mọi loại hình tổ chức) [Mức năng lực: 2,5, trọng số: 10%]	/10	/2,5
Chỉ báo 1: Xác định được vấn đề trọng tâm cần giải quyết.	4,0	
Chỉ báo 2: Sử dụng lập luận logic, chứng cứ để phân tích.	3,0	
Chỉ báo 3: So sánh, đánh giá ưu – nhược điểm của các giải pháp.	3,0	
CLO3.1.1.1. (Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý trong tổ chức) [Mức năng lực: 3,5, trọng số 10%]	/10	/3,5
Chỉ báo 1: Có phân công nhiệm vụ rõ ràng.	4,0	
Chỉ báo 2: Hoàn thành công việc đúng hạn và đạt yêu cầu.	3,0	
Chỉ báo 3: Có sự phối hợp, hỗ trợ giữa các thành viên.	3,0	
CLO3.2.1.1. (Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong quá trình quản lý tại các tổ chức) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 10%]	/10	/3,5

Tiêu chí 1	Trình bày được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức	4,0	
	Chỉ báo 1: Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc logic	2,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày rõ ý tưởng dự án, lối viết cô đọng, văn phong khoa học	1,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh, các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	
Tiêu chí 2	Thiết kế được slide/video đảm bảo tính dễ nhìn, logic, cân đối	3,0	
	Chỉ báo 1: Slide phải trình bày tóm tắt, ngắn gọn tầm nhìn của dự án, vấn đề mà dự án đang giải quyết, thị trường/khách hàng mục tiêu của dự án, giải pháp sáng tạo; chiến lược/kế hoạch dự án và đội ngũ của dự án	1,0	
	Chỉ báo 2: Mỗi slide không quá 5 dòng, mỗi dòng không quá 10 chữ, font chữ từ 30 trở lên	1,0	
	Chỉ báo 3: Các hình ảnh, con số, biểu đồ sử dụng để minh họa các luận điểm của dự án được trình bày nổi bật, đơn giản, có tính đại diện cao	1,0	
Tiêu chí 3	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi	3,0	
	Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ thông tin trong thời gian cho phép	1,0	
	Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, giọng điệu, ngôn ngữ phù hợp, thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
	Chỉ báo 3: Trả lời đầy đủ câu hỏi đặt ra bởi người nghe, số lượng câu trả lời sai hoặc không đúng trọng tâm không quá 20%	1,0	
CLO4.1.1.1. (Phân tích được xu hướng vận động của môi trường tác động tới hoạt động của tổ chức) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 10%]		/10	/3,5
Tiêu chí 1	Nhận diện các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô, vi mô.	5,0	
	Chỉ báo 1: Nhận diện các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô.	2,0	
	Chỉ báo 2: Nhận diện các yếu tố thuộc môi trường vi mô.	3,0	
Đánh giá được cơ hội, thách thức.		5,0	

Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Sử dụng mô hình phân tích (PEST, SWOT...) để chỉ ra những cơ hội ảnh hưởng cụ thể tới hoạt động tổ chức.	2,0	
	Chỉ báo 2: Sử dụng mô hình phân tích (PEST, SWOT...) để chỉ ra những thách thức ảnh hưởng cụ thể tới hoạt động tổ chức.	3,0	
CLO4.2.1.1. (Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến hoạt động quản lý trong tổ chức) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 10%]		/10	/3,5
Tiêu chí	Hình thành ý tưởng về dự án	10	
	Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết khoa học hoặc yêu cầu thực tiễn về dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4,0	
	Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án	3,0	
CLO4.2.2.1. (Thiết lập được các bước thực hiện hoạt động quản lý trong tổ chức) [Mức năng lực: 4,5, trọng số: 10%]		/10	/4,5
Tiêu chí 1	Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án	5,0	
	Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện phù hợp với từng mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án	2,0	
Tiêu chí 2	Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án	5,0	
	Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung	3,0	
	Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch hiệu quả	2,0	
CLO4.2.3.1. (Triển khai thực hiện các hoạt động quản lý trong tổ chức và Đánh giá được hiệu quả quản lý trong tổ chức) [Mức năng lực: 4,5, trọng số: 10%]		/10	/4,5
Tiêu chí 1	Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học	5,0	
	Chỉ báo 1: Thu thập được số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Phân tích và trình bày được các kết quả đảm bảo tính chính xác, tin cậy và khoa học	2,0	

Tiêu chí 2	Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu	5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích rõ ràng sự khác biệt	2,0	
CLO4.2.4.1. (Đề xuất các biện pháp cải tiến để đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả hoạt động quản lý trong tổ chức) [Mức năng lực: 4,5, trọng số: 10%]		/10	/4,5
Tiêu chí	Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất	.../10	
	Chỉ báo 1: Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá được hiệu quả về kinh tế, xã hội của dự án	3,0	
	Chỉ báo 3: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án	2,0	
	Chỉ báo 4: Đề xuất được các cơ chế, chính sách hoặc giải pháp để thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn đời sống và sản xuất	2,0	

5. Kết quả đánh giá

CLO	1.1.2.3	1.1.2.4	2.1.1.1	3.1.1.1	3.2.1.1	4.1.1.1	4.2.1.1	4.2.2.1	4.2.3.1	4.2.4.1	Tổng điểm⁵
Trọng số (%)	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	
Điểm số GPA											X
Quy đổi điểm GPA (Điểm số GPA*Trọng số)											
Điểm NL/Mức NL	.../2,5	.../2,5	.../2,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../4,5	.../4,5	.../4,5	X

Điểm số:

Bằng chữ:

CÁN BỘ CHẤM THI 1

CÁN BỘ CHẤM THI 2

⁵ Tổng điểm = Tổng Điểm số GPA của từng CLO.

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình

[1] Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, *Giáo trình Quản lý học*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2018.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Vũ Tiên, *Giáo trình Khoa học quản lý*, NXB Tư pháp, 2021

[3] Harold Koontz, Cyril O'donnell, Heinz Wehrich, *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1998.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/ chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Tổng quan về quản lý tổ chức và học thuyết quản lý (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 5 tiết, tự học: 16 tiết)				
	Giai đoạn 1	2	Học qua bài giảng E-Learning (LMS) tổng quan về quản lý tổ chức và học thuyết quản lý	CLO1.2.1.1	A1.1.
		9	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: từ trang 37-125	CLO1.2.1.1.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 1.2. Quản lý tổ chức 1.2.1. Quản lý 1.2.2. Nhà quản lý 1.2.3. Môi trường quản lý 1.3. Các học thuyết quản lý 1.3.1. Các học thuyết quản lý đến nửa đầu thế kỷ XX 1.3.2. Các học thuyết quản lý hiện đại 1.3.3. Các học thuyết quản lý trong thế kỷ XXI Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.1.	
		1	Câu hỏi phát vấn: Đánh giá tác động của môi trường vĩ mô tới hoạt động của tổ chức Anh/chị.	CLO1.2.1.1.	

		1	Thảo luận nhóm: Đánh giá ưu điểm, nhược điểm của các học thuyết quản lý hiện đại	CLO1.2.1.1.	
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.1.	
		6	Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.2.1.1.	
2	Chương 2. Lập kế hoạch trong tổ chức (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 7 tiết, tự học: 19 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về bản chất, vai trò của lập kế hoạch, hệ thống kế hoạch trong tổ chức và quy trình, công cụ lập kế hoạch	CLO1.2.1.2.	A1.1.
		13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2.1. (trang 30-42) và mục 1.2.2. (trang 42-52)	CLO1.2.1.2.	
	Giai đoạn 2	4	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 1.2. Hệ thống kế hoạch của một tổ chức 1.2.1. Kế hoạch xét theo mức độ tổng quát và cụ thể 1.2.2. Kế hoạch xét theo thời gian thực hiện 1.2.3. Kế hoạch xét theo phạm vi tác động 1.3. Quy trình và các công cụ lập kế hoạch 1.3.1. Quy trình 1.3.2. Các công cụ lập kế hoạch Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.2.	
		2	1. Thảo luận nhóm: Vận dụng các công cụ phân tích môi trường để tiến hành phân tích môi trường của tổ chức anh/chị? Từ đó rút ra các cơ hội/ thách thức cũng như điểm mạnh/điểm yếu của tổ chức anh/chị?	CLO1.2.1.2.	A1.2
		1	1. Câu hỏi phát vấn: Vai trò của kế hoạch chiến lược?	CLO1.2.1.2.	A1.2
	Giai đoạn 3	6	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.2.	
3	Chương 3. Chức năng tổ chức (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 7 tiết, tự học: 19 tiết)				

	Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về nội dung chức năng tổ chức.	CLO1.2.1.3.	
			Hoàn thành 01 Bài tập tự luận trên hệ thống Elearning (LMS)		A1.3
	13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: trang 508-592	CLO1.2.1.3.		
Giai đoạn 2	4	Học lý thuyết các nội dung sau: 3.2. Các thuộc tính cơ bản của tổ chức 3.2.1. Chuyên môn hóa - Tổng hợp hóa 3.2.2. Sự phân chia thành các bộ phận 3.2.3. Quyền hạn - Trách nhiệm 3.2.4. Tầm quản lý - Cấp quản lý 3.2.5. Tập trung - Phi tập trung 3.2.6. Phối hợp 3.3. Quá trình thiết kế cơ cấu tổ chức Phương pháp dạy học: Trực quan, thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.3.		
	2	1. Thảo luận nhóm: Đánh giá tác động của việc thực hiện xây dựng và triển khai đề án vị trí việc làm trong tổ chức?	CLO1.2.1.3.		
	1	1. Câu hỏi phát vấn: Nghiên cứu các thuộc tính cơ bản của cơ cấu tổ chức có ý nghĩa như thế nào đối với các nhà quản lý tổ chức?	CLO1.2.1.3.		
Giai đoạn 3	6	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.3.		
4	Chương 4. Lãnh đạo trong tổ chức (Học qua bài giảng E-learning: 2 tiết; học trên lớp: 7 tiết; tự học: 18 tiết)				
Giai đoạn 1	2	Học bài giảng E-Learning (LMS) về chức năng lãnh đạo trong tổ chức	CLO1.2.1.3.	A1.1.	
		Hoàn thành 01 bài tập luyện tập trên hệ thống Elearning (LMS)	CLO1.2.1.3.	A1.3	
	12	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: trang 701-705	CLO1.2.1.2. CLO1.2.1.3. CLO1.2.1.4.		

	Giai đoạn 2	4	4.2. Nội dung cơ bản của chức năng lãnh đạo trong tổ chức 4.2.1. Tạo động lực cho con người 4.2.2. Lãnh đạo nhóm 4.2.3. Truyền thông 4.2.4. Giải quyết xung đột và đàm phán 4.2.5. Tư vấn nội bộ Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.3.	
		3	Thảo luận nhóm: Lấy một tình huống khủng hoảng truyền thông của nhà quản lý và đề xuất các giải pháp xử lý khủng hoảng vấn đề truyền thông đó	CLO1.2.1.3.	
	Giai đoạn 3	6	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.2. CLO1.2.1.3. CLO1.2.1.4.	
Chương 5. Kiểm soát trong tổ chức (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 7 tiết; tự học: 18 tiết)					
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về kiểm soát trong tổ chức	CLO1.2.1.4.	A1.1.
			Hoàn thành 01 thảo luận trên hệ thống Elearning (LMS)	CLO1.2.1.4.	A1.3
		12	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: trang 864-942	CLO1.2.1.2. CLO1.2.1.3. CLO1.2.1.4.	
	Giai đoạn 2	4	Học lý thuyết các nội dung sau: 5.2. Hệ thống kiểm soát trong tổ chức 5.2.1. Chủ thể kiểm soát 5.2.2. Hình thức kiểm soát 5.2.3. Công cụ kiểm soát 5.2.4. Quy trình kiểm soát Phương pháp dạy học: Trực quan, thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.4.	
		3	Thảo luận nhóm: Nhận diện/mô phỏng quá trình kiểm tra và công cụ kiểm tra của một tổ chức cụ thể? Từ đó đề xuất kiến/ xuất biện pháp cải tiến để hoàn thiện quá trình nêu trên?	CLO1.2.1.4.	

	Giai đoạn 3	6	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.2. CLO1.2.1.3. CLO1.2.1.4.	
	Đánh giá cuối kỳ		Thực hiện Đồ án nhóm theo ma trận A2.1	CLO1.2.1.3. CLO1.2.1.4. CLO2.1.1.1. CLO3.1.1.1. CLO3.2.1.1. CLO4.1.1.1. CLO4.2.1.1. CLO4.2.2.1. CLO4.2.3.1. CLO4.2.4.1.	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi bảo vệ dự án nhóm theo ma trận A2.1	Đăng ký xem kết quả bảo vệ đồ án	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3




PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ
TRONG TOÀN CẦU HOÁ**

Lần ban hành:	01
Ngày ban hành:	.../.../2023
Số trang:	245/18

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.923.433 Email: ntquynh83@gmail.com; quynhntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Quản lý nhà nước về kinh tế

Giảng viên 2: TS. Đào Quang Thắng

Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.002.646 Email: daoquangthangdhv@gmail.com; thangdq@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý kinh tế, Quản lý nhà nước về kinh tế

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá (tiếng Anh): <i>Economic development management in globalization</i>	
- Mã số học phần: ECM83016	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản lý kinh tế	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung <input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức khác	
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	+ Số tiết thực tế:
+ Số tiết lý thuyết:	+ Số tiết dạy học dự án: 45
+ Số tiết bài tập, thảo luận:	+ Số tiết tự học: 90
+ Số tiết thực hành:	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: không + Học phần học trước: không + Học phần song hành: không	
- Yêu cầu của học phần: + Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80% + Học viên phải thực hiện nhiệm vụ học qua bài giảng E-Learning (LMS) tối thiểu 80% và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên Elearning + Học viên phải hoàn thành đồ án học phần theo nhóm	

2. Mô tả học phần

Học phần *Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế và quản lý phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá. Học phần cụ thể hóa quá trình quản lý phát triển kinh tế của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhằm *hoạch định, tổ chức/triển khai thực hiện, đánh giá, điều chỉnh và cải tiến* phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, học phần giúp học viên phát triển các kỹ năng cần thiết nhằm xây dựng các chiến lược phát triển kinh tế ngành/địa phương của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {K3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.2.1.	Sử dụng được hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế một cách khoa học	3,5 {S4}
4.2.3.	Triển khai được các vấn đề ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế và đưa ra các giải pháp cải tiến	3,5 {S4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1.	Vận dụng được kiến thức tổng quan về quản lý phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá vào thực tiễn nền kinh tế	1.2.1.	5%	2,5 {K3}
1.2.1.2.	Vận dụng được hoạch định phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá	1.2.1.	10%	2,5 {K3}
1.2.1.3.	Triển khai được các hoạt động phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá	1.2.1.	10%	2,5 {K3}
1.2.1.4.	Triển khai được các hoạt động đánh giá phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá	1.2.1.	5%	2,5 {K3}
2.1.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về quản lý phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá	2.1.1.	5%	2,5 {S3}
3.1.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá	3.1.1.	20%	3,5 {S4}
3.2.1.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá	3.2.1.	10%	3,5 {S4}
4.1.1.1.	Phân tích được xu hướng vận động của nền kinh tế và thách thức của toàn cầu hóa đối với nền kinh tế	4.1.1.	10%	3,5 {S4}
4.2.1.1.	Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến quản lý phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá	4.2.1.	20%	3,5 {S4}
4.2.2.1.	Xây dựng được kế hoạch thực hiện quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá	4.2.2.	20%	4,5 {S5}
4.2.3.1.	Triển khai thực hiện quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá	4.2.3.	20%	4,5 {S5}
4.2.4.1.	Đánh giá được hiệu quả quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá và Đề xuất các biện pháp cải tiến để tối ưu	4.2.4.	20%	4,5 {S5}

	hóa hoạt động quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa			
--	---	--	--	--

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO1.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	15%	LMS Elearning
	CLO1.2.1.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}		
A1.2	CLO 1.2.1.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	25%	Thảo luận tại lớp
A1.3	CLO 1.2.1.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	30%	01 bài thảo luận
	CLO1.2.1.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	30%	02 bài tập luyện tập
A2. Đánh giá cuối kì - dự án nhóm (chiếm 50% điểm số học phần)				
	CLO1.2.1.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	20%	Dự án
	CLO2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {S3}	10%	
	CLO3.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO3.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	10%	
	CLO4.2.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	10%	
	CLO4.2.3.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	10%	
	CLO4.2.4.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	10%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 15\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 60\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận đồ án

Bảng 2. Ma trận dự án nhóm A2.1

Chuẩn đầu ra CLO		Chủ đề Đồ án	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.4. (100%)	Mức 4	1 câu	10	10	Đánh giá được các giải pháp phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá
Tổng		10	10	5,0	

4.3. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.2. (Thảo luận tại lớp)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.3. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Triển khai được các hoạt động phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.3 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.3. (100%)	Mức 4	1 câu	10	5,0	Đánh giá được các hoạt động phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3.1 (bài tập luyện tập 1)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL mỗi câu	Số điểm cần đạt (50%) mỗi câu	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.4. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Thiết lập được các hoạt động đánh giá phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.4. Ma trận bài đánh giá A1.3.2 (bài tập luyện tập 2)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL mỗi câu	Số điểm cần đạt (50%) mỗi câu	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.4. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Triển khai được các hoạt động đánh giá phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá

Tổng	1	10	5,0	
-------------	----------	-----------	------------	--

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG TOÀN CẦU HOÁ

1. Họ và tên:; Ngày sinh: .../.../...
2. Mã học viên/sinh viên:; Lớp:.....
3. Học phần:.....
4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO1.2.1.4. Đánh giá được các giải pháp phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá [mức năng lực: 3, trọng số: 20%]		/10	
Chỉ báo 1: Đề xuất được các giải pháp phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá		5,0	
Chỉ báo 2: Đánh giá được tính khả thi và tác động của các giải pháp cụ thể để thực hiện được các giải pháp		5,0	
CLO2.1.1.1. (Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về quản lý phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá) [Mức năng lực: 3, trọng số: 10%]		/10	
	Áp dụng được tư duy phản biện	5,0	
Tiêu chí 1	Chỉ báo 1: Phân tích các thách thức và cơ hội của quản lý phát triển kinh tế trong môi trường toàn cầu hoá	1,0	

	Chỉ báo 2: Áp dụng các nguyên lý kinh tế để phân tích và đưa ra giải pháp cho các vấn đề trong quản lý phát triển kinh tế	2,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng tư duy logic và phản biện để đưa ra các luận điểm và giải pháp hợp lý.	2,0	
	Kỹ năng giải quyết vấn đề	5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Đề xuất các chiến lược và biện pháp cụ thể để thúc đẩy phát triển kinh tế	2,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá các ảnh hưởng của các chính sách kinh tế toàn cầu đối với quản lý phát triển kinh tế	3,0	
CLO3.1.1.1. (Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá) [Mức năng lực: 4, trọng số 10%]		/10	
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích các vấn đề kinh tế toàn cầu	1,0	
	Chỉ báo 2: Xây dựng mối quan hệ hợp tác và giao tiếp hiệu quả với các thành viên trong nhóm để giải quyết các thách thức liên quan đến quản lý phát triển kinh tế	1,0	
	Chỉ báo 3: Đóng vai trò tích cực trong việc phân chia công việc và quản lý thời gian để đạt được các mục tiêu chung của nhóm	2,0	
	Chỉ báo 4: Thể hiện kỹ năng lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong quá trình giải quyết vấn đề	2,0	
	Chỉ báo 5: Giải quyết các mâu thuẫn và khó khăn nội bộ trong nhóm một cách xây dựng và hiệu quả	2,0	
	Chỉ báo 6: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích các vấn đề kinh tế toàn cầu và đề xuất giải pháp	2,0	
CLO3.2.1.1. (Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá) [Mức năng lực: 4, trọng số: 10%]		/10	
Tiêu chí 1	Trình bày được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức	4,0	

	Chỉ báo 1: Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc logic	2,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày rõ ý tưởng dự án, lối viết cô đọng, văn phong khoa học	1,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh, các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	
Tiêu chí 2	Thiết kế được slide/video đảm bảo tính dễ nhìn, logic, cân đối	3,0	
	Chỉ báo 1: Slide phải trình bày tóm tắt, ngắn gọn tầm nhìn của dự án, vấn đề mà dự án đang giải quyết, thị trường/khách hàng mục tiêu của dự án, giải pháp sáng tạo; chiến lược/kế hoạch dự án và đội ngũ của dự án	1,0	
	Chỉ báo 2: Mỗi slide không quá 5 dòng, mỗi dòng không quá 10 chữ, font chữ từ 30 trở lên	1,0	
	Chỉ báo 3: Các hình ảnh, con số, biểu đồ sử dụng để minh họa các luận điểm của dự án được trình bày nổi bật, đơn giản, có tính đại diện cao	1,0	
Tiêu chí 3	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi	3,0	
	Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ thông tin trong thời gian cho phép	1,0	
	Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, giọng điệu, ngôn ngữ phù hợp, thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
	Chỉ báo 3: Trả lời đầy đủ câu hỏi đặt ra bởi người nghe, số lượng câu trả lời sai hoặc không đúng trọng tâm không quá 20%	1,0	
CLO4.1.1.1. (Phân tích được xu hướng vận động của nền kinh tế và thách thức của toàn cầu hóa đối với nền kinh tế) [Mức năng lực: 4, trọng số: 10%]		/10	
Tiêu chí 1	Phân tích xu hướng vận động của nền kinh tế	5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, tình hình kinh tế, xã hội liên quan đến dự án	2,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan	3,0	

	Phân tích thách thức của toàn cầu hoá đối với nền kinh tế	5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Thuyết minh thách thức toàn cầu hoá đối với nền kinh tế ảnh hưởng đến dự án một cách rõ ràng, logic, đầy đủ	2,0	
	Chỉ báo 2: Phân tích, đánh giá thách thức của toàn cầu hoá ảnh hưởng đến giải quyết vấn đề mà dự án đang hướng tới	3,0	
CLO4.2.1.1. (Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến quản lý phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá) [Mức năng lực: 4, trọng số: 10%]		/10	
	Hình thành ý tưởng về dự án	10	
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết khoa học hoặc yêu cầu thực tiễn về dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4,0	
	Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án	3,0	
CLO4.2.2.1. (Xây dựng được kế hoạch thực hiện quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá) [Mức năng lực: 5, trọng số: 10%]		/10	
	Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án	5,0	
Tiêu chí 1	Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện phù hợp với từng mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án	2,0	
	Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án	5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung	3,0	
	Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch hiệu quả	2,0	
CLO4.2.3.1. (Triển khai thực hiện quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá) [Mức năng lực: 5, trọng số: 10%]		/10	
	Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học	5,0	
Tiêu chí 1	Chỉ báo 1: Thu thập được số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án	3,0	

	Chỉ báo 2: Phân tích và trình bày được các kết quả đảm bảo tính chính xác, tin cậy và khoa học	2,0	
Tiêu chí 2	Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu	5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích rõ ràng sự khác biệt	2,0	
CLO4.2.4.1. (Đánh giá được hiệu quả quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá và Đề xuất các biện pháp cải tiến để tối ưu hóa hoạt động quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa) [Mức năng lực: 5, trọng số: 10%]		/10	
Tiêu chí	Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất	.../10	
	Chỉ báo 1: Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá được hiệu quả về kinh tế, xã hội của dự án	3,0	
	Chỉ báo 3: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án	2,0	
	Chỉ báo 4: Đề xuất được các cơ chế, chính sách hoặc giải pháp để thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn đời sống và sản xuất	2,0	

5. Kết quả đánh giá

CLO	1.1.2.4	2.1.1.1.	3.1.1.1.	3.2.1.1.	4.1.1.1	4.2.1.1.	4.2.2.1	4.2.3.1.	4.2.4.1.	Tổng điểm ⁶
Trọng số (%)	20	10	10	10	10	10	10	10	10	
Điểm số GPA										X
Quy đổi điểm GPA (Điểm số GPA*Trọng số)										
Điểm NL/Mức NL	.../2,5	.../2,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../4,5	.../4,5	.../4,5	X

Điểm số:

Bằng chữ:

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình

[1] Nguyễn Quỳnh Hoa, Phí Thị Hồng Linh, *Quản lý phát triển*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2020.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, *Giáo trình Quản lý học*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2018.

[3] Joseph E. Stiglitz, *Toàn cầu hoá và những mặt trái*, NXB trẻ, 2008.

6. Kế hoạch dạy học

⁶ Tổng điểm = Tổng Điểm số GPA của từng CLO.

TT	Chương/chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Tổng quan về Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa (Học qua bài giảng E-learning 3 tiết: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết, khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 21 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về bản chất của quản lý phát triển kinh tế và quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá (Bài giảng có các câu hỏi sau mỗi nội dung, yêu cầu học viên trả lời để nghe tiếp phần nội dung khác)	CLO1.2.1.1	A1.1.
		11	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2.1. (trang 30-42) và mục 1.2.2. (trang 42-52)	CLO1.2.1.1.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 1.2. Tác động của toàn cầu hoá đối với phát triển kinh tế của các quốc gia 1.2.1. Tác động tích cực và cơ hội của toàn cầu hoá đối với phát triển kinh tế của các quốc gia 1.2.2. Rủi ro và hậu quả của toàn cầu hoá đối với phát triển kinh tế của các quốc gia Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.1.	
		1	Thảo luận nhóm: Phân tích thời cơ và thách thức của quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá.	CLO1.2.1.1.	
		1	Câu hỏi phát vấn: Phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với phát triển kinh tế của các quốc gia.	CLO1.2.1.1.	
		1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.1.	

		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.1.	
	Giai đoạn 3	10	Làm bài tập chương 2 (trang 53-54) tài liệu [1]	CLO1.2.1.1.	
2	Chương 2. Hoạch định phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết, khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 23 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về nội dung hoạch định phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá.	CLO1.2.1.2.	A1.1.
			Hoàn thành 01 Bài thảo luận trên hệ thống Elearning (LMS)		
		13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 3.2. (trang 74-93).	CLO1.2.1.2.	
	Giai đoạn 2	3	Học lý thuyết các nội dung sau: 3.2. Phương pháp hoạch định phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa 3.2.1. Phân tích đánh giá môi trường bên ngoài 3.2.2. Phân tích đánh giá môi trường bên trong 3.2.3. Ma trận SWOT trong phân tích và dự báo hoạch định phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá 3.2.4. Mô hình kim cương trong hoạch định chiến lược cạnh tranh quốc gia của Michel E.Porter Phương pháp dạy học: Trực quan, thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.2.	
		1	Thảo luận nhóm: Thực hành phương pháp hoạch định và lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế của quốc gia/ngành/ địa phương trong bối cảnh toàn cầu hoá.	CLO1.2.1.2.	

		1	Câu hỏi phát vấn: Áp dụng ma trận SWOT và mô hình kim cương để đề xuất chiến lược phát triển kinh tế ngành/ địa phương trong bối cảnh toàn cầu hóa.	CLO1.2.1.2.	
		1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.2.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.2	
	Giai đoạn 3	10	Làm bài tập chương 3 (trang 102) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.2.1.2.	
3	Chương 3. Tổ chức thực hiện phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 6 tiết, khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 23 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) lý luận về tổ chức thực hiện phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá.	CLO1.2.1.3.	
Hoàn thành 01 Bài thảo luận trên hệ thống Elearning (LMS)			CLO1.2.1.3	A1.3	
13		Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 3.2. (trang 74-93).	CLO1.2.1.3.		
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 3.2. Tổ chức thực hiện phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá 3.2.1. Lập kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá 3.2.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá Phương pháp dạy học: Trực quan, thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.3.	
			1	Câu hỏi phát vấn: Thách thức lớn nhất mà các tổ chức thực hiện phát triển kinh tế thường gặp phải là gì và làm thế nào để vượt qua những thách thức đó trong thực tế	CLO1.2.1.3.

		1	Câu hỏi thảo luận tại lớp: Trong quá trình triển khai kế hoạch phát triển kinh tế, anh/chị nghĩ rằng việc đảm bảo sự hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế là chìa khóa để thành công? Làm thế nào để khuyến khích sự hợp tác này?	CLO1.2.1.3.	A1.2
		1	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.3.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.3.	
	Giai đoạn 3	10	Làm bài tập chương 3 (trang 102) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.2.1.3.	
4	Chương 4. Đánh giá hoạt động phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá (Học qua bài giảng E-learning: 4 tiết; học trên lớp: 6 tiết; khảo sát thực tế: 2 tiết; tự học: 23 tiết)				
	Giai đoạn 1	4	Học bài giảng E-Learning (LMS) về tổ chức/triển khai thực hiện phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá	CLO1.2.1.4.	
			Hoàn thành 02 bài tập luyện tập trên hệ thống Elearning (LMS)	CLO1.2.1.4.	A1.3
		13	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 4.2 (trang 110 - 130)	CLO1.2.1.3. CLO1.2.1.4.	
	Giai đoạn 2	3	4.2. Đánh giá hoạt động phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá 4.2.1. Khái niệm đánh giá hoạt động phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá 4.2.2. Nội dung đánh giá hoạt động phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá 4.2.3. Phiếu điểm cân bằng BSC trong đánh giá và điều chỉnh hoạt động phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá 4.3. Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá ở Việt Nam 4.3.1. Phương hướng quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá ở Việt Nam	CLO1.2.1.3.	

			<p>4.3.2. Chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa ở Việt Nam</p> <p>4.3.3. Giải pháp lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa ở Việt Nam</p> <p>Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề</p>		
		1	Thảo luận nhóm: Xây dựng phiếu điểm cân bằng BSC để đánh giá hiệu quả thực hiện chiến lược phát triển kinh tế trong toàn cầu hoá.	CLO1.2.1.3.	
		2	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.2. CLO1.2.1.3. CLO1.2.1.4.	
		2	Khảo sát thực tế	CLO1.2.1.3.	
	Giai đoạn 3	10	Làm câu hỏi Chương 4 (trang 130 - 165) tài liệu [1]	CLO1.2.1.2. CLO1.2.1.3. CLO1.2.1.4.	
	Đánh giá cuối kỳ		Thực hiện dự án nhóm theo ma trận A2.1	CLO1.2.1.4. CLO2.1.1.1. CLO3.1.1.1. CLO3.2.1.1. CLO3.2.2.1. CLO4.1.1.1. CLO4.2.1.1. CLO4.2.2.1. CLO4.2.3.1. CLO4.2.4.1.	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi bảo vệ dự án nhóm theo ma trận A2.1	Đăng ký xem kết quả bảo vệ đồ án	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH
KINH TẾ - XÃ HỘI**

Lần ban hành:	01
Ngày ban hành:	.../.../2023
Số trang:	263/18

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: PGS. TS. Trần Thị Hoàng Mai

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0917.118.846 Email: hoangmaikkt@gmail.com; maitth@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế, Quản lý tổ chức, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội.

Giảng viên 2: PGS. TS. Thái Thị Kim Oanh

Địa chỉ liên hệ: Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0917.774.489 Email: oanhttk@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý chiến lược và tổ chức, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội.

Giảng viên 3: TS. Nguyễn Thị Thuý Quỳnh

Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: 0912.923.433 Email: ntquynh83@gmail.com; quynhntt@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Quản lý nhà nước về kinh tế, Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa, Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội.

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần (tiếng Việt): Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội (tiếng Anh): <i>Social - Economic Policy Analysis and Evaluation</i>	
- Mã số học phần: ECM83017	
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Quản lý kinh tế	
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức đại cương/chung	<input type="checkbox"/> Học phần chuyên về kỹ năng chung
<input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành	<input checked="" type="checkbox"/> Học phần dạy học dự án
<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
- Số tín chỉ: 3	+ Số tiết thực tế:
+ Số tiết lí thuyết:	+ Số tiết dạy học dự án: 45
+ Số tiết bài tập, thảo luận:	+ Số tiết tự học: 90
+ Số tiết thực hành:	
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết: không	

+ Học phần học trước: không
+ Học phần song hành: không
- Yêu cầu của học phần:
+ Thời gian tối thiểu học viên phải có mặt trên lớp: 80%
+ Học viên phải thực hiện nhiệm vụ học qua bài giảng E-Learning (LMS) tối thiểu 80% và hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên Elearning
+ Học viên phải hoàn thành đề án nhóm.
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

2. Mô tả học phần

Học phần *Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về chính sách kinh tế - xã hội, phân tích, đánh giá và lựa chọn chính sách hợp lý để giải quyết các vấn đề quản lý kinh tế trong thực tiễn. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, học phần còn giúp học viên phát triển các kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, sáng tạo và đánh giá thông tin, dữ liệu, kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan. Trên cơ sở đó, áp dụng các kiến thức và kỹ năng cần thiết để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề chính sách trong thực tiễn.

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {K3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.2.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Quản lý kinh tế.	3,5 {S4}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {S4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế một cách khoa học	3,5 {S4}

4.2.3.	Triển khai được các vấn đề ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	4,5 {S5}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế và đưa ra các giải pháp cải tiến	4,5 {S5}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, học viên cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số	Điểm năng lực cần đạt
1.2.1.1	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về chính sách để phân tích các vấn đề chính sách trong thực tiễn phát triển kinh tế các quốc gia.	1.2.1.	3%	2,5 {K3}
1.2.1.2.	Ứng dụng được kiến thức chuyên sâu về hoạch định chính sách vào phân tích quy trình và kết quả hoạch định các chính sách trong thực tiễn		3%	2,5 {K3}
1.2.1.3.	Đánh giá được quá trình tổ chức thực thi chính sách các chính sách trong thực tiễn.		2%	2,5 {K3}
1.2.1.4	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về đánh giá chính sách vào phân tích kết quả thực hiện các chính sách trong thực tiễn.		2%	2,5 {K3}
2.1.1.1	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề để giải quyết các vấn đề chính sách trong lĩnh vực quản lý kinh tế	2.1.1	10%	2,5 {S3}
3.1.1.1	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề về phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội	3.1.1.	20%	3,5 {S4}
3.2.1.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong giải quyết các vấn đề chính sách	3.2.1.	25%	2,5 {S3}
4.1.1.1	Phân tích bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế để chỉ ra các vấn đề cấp thiết về chính sách	4.1.1.	20%	3,5 {S4}
4.2.1.1	Hình thành và thiết lập ý tưởng giải quyết các vấn đề chính sách gắn với thực tiễn quản lý kinh tế	4.2.1.	15%	3,5 {S4}
4.2.2.1	Thiết kế được các bước triển khai hoạch định chính sách trong thực tiễn	4.2.2.	30%	3,5 {S4}

4.2.3.1	Triển khai được các hoạt động tổ chức thực thi chính sách và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề chính sách trong thực tiễn	4.2.3.	10%	4,5 {S5}
4.2.4.1	Đánh giá các kết quả ứng dụng chính sách và đưa ra các giải pháp cải tiến chính sách hiện hành trong thực tiễn	4.2.4.	20%	4,5 {S5}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá/(%)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1	CLO1.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	12.5%	01 bài thảo luận
A1.2	CLO1.2.1.2. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	12.5%	01 bài thảo luận
A1.3	CLO1.2.1.3. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	12.5%	01 bài tập
A1.4	CLO1.2.1.4. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	12.5%	01 bài tập
A2. Đánh giá cuối kì (chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1	CLO 2.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	5%	Đồ án nhóm
	CLO 3.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {K3}	10%	
	CLO 3.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	2,5 {S3}	10%	
	CLO 4.1.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	5%	
	CLO 4.2.1.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	5%	
	CLO 4.2.2.1. {điểm số và điểm năng lực}	3,5 {S4}	5%	
	CLO 4.2.3.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	5%	
	CLO 4.2.4.1. {điểm số và điểm năng lực}	4,5 {S5}	5%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 \times 25\% + A1.2 \times 25\% + A1.3 \times 25\% + A1.4 \times 25\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 \times 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

Bảng 1. Quy đổi giữa tỉ lệ % hoàn thành của mỗi mức và điểm năng lực

STT	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực	Tỉ lệ hoàn thành	Điểm năng lực
1	50%	0.5	50%	1.5	50%	2.5	50%	3.5	50%	4.5
2	55%	0.6	55%	1.6	55%	2.6	55%	3.6	55%	4.6
3	60%	0.7	60%	1.7	60%	2.7	60%	3.7	60%	4.6
4	65%	0.8	65%	1.8	65%	2.8	65%	3.8	65%	4.7
5	70%	0.9	70%	1.9	70%	2.9	70%	3.9	70%	4.7
6	75%	1.0	75%	2.0	75%	3.0	75%	4.0	75%	4.8
7	80%	1.0	80%	2.0	80%	3.0	80%	4.0	80%	4.8
8	85%	1.1	85%	2.1	85%	3.1	85%	4.1	85%	4.9
9	90%	1.2	90%	2.2	90%	3.2	90%	4.2	90%	4.9
10	95%	1.3	95%	2.3	95%	3.3	95%	4.3	95%	5.0
11	100%	1.4	100%	2.4	100%	3.4	100%	4.4	100%	5.0

4.2. Ma trận các bài đánh giá thường xuyên

Bảng 3.1. Ma trận bài đánh giá A1.1 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về chính sách để phân tích một chính sách cụ thể trong thực tiễn.
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.2. Ma trận bài đánh giá A1.2 (01 bài thảo luận)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.2. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Ứng dụng được kiến thức chuyên sâu về hoạch định chính sách vào phân tích hoạch định một chính sách cụ thể trong thực tiễn.
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.3. Ma trận bài đánh giá A1.3 (01 bài tập)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.3. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Phân tích được quá trình tổ chức thực hiện một chính sách cụ thể trong thực tiễn tại địa phương.
Tổng		1	10	5,0	

Bảng 3.4. Ma trận bài đánh giá A1.4 (01 bài tập)

Chuẩn đầu ra CLO		Số câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.3. (100%)	Mức 3	1 câu	10	5,0	Áp dụng được các kiến thức chuyên sâu về đánh giá chính sách với một chính sách cụ thể trong thực tiễn.
Tổng		1	10	5,0	

4.3. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra trong bài đồ án

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN**HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH KINH TẾ - XÃ HỘI**

1. Họ và tên:; Ngày sinh: .../.../...

2. Mã học viên:; Lớp:.....

3. Học phần: Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội

4. Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá [Điểm năng lực cần đạt]		Điểm số đánh giá	Điểm năng lực
CLO2.1.1.1. (Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề về hoạt động phân tích chính sách kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 2,5, trọng số: 10%]		/10	/2,5
Tiêu chí 1	Áp dụng được tư duy phản biện	5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích các thách thức và cơ hội hoạt động phân tích chính sách kinh tế - xã hội	1,0	
	Chỉ báo 2: Áp dụng các nguyên lý kinh tế để phân tích và đưa ra giải pháp cho các vấn đề trong phân tích chính sách kinh tế - xã hội	2,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng tư duy logic và phản biện để đưa ra các luận điểm và giải pháp hợp lý.	2,0	
	Kỹ năng giải quyết vấn đề	5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Đề xuất các chiến lược và biện pháp cụ thể để phân tích chính sách kinh tế - xã hội	2,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá các ảnh hưởng của các chính sách kinh tế xã hội đối với quản lý phát triển kinh tế	3,0	
CLO3.1.1.1. (Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề liên quan đến phân tích chính sách kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 2,5, trọng số 20%]		/10	/2,5
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích và đánh giá chính sách	1,0	

	Chỉ báo 2: Xây dựng mối quan hệ hợp tác và giao tiếp hiệu quả với các thành viên trong nhóm để giải quyết các thách thức liên quan đến phân tích và đánh giá chính sách	1,0	
	Chỉ báo 3: Đóng vai trò tích cực trong việc phân chia công việc và quản lý thời gian để đạt được các mục tiêu chung của nhóm	2,0	
	Chỉ báo 4: Thể hiện kỹ năng lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong quá trình giải quyết vấn đề	2,0	
	Chỉ báo 5: Giải quyết các mâu thuẫn và khó khăn nội bộ trong nhóm một cách xây dựng và hiệu quả	2,0	
	Chỉ báo 6: Hiểu và đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm trong việc phân tích, đánh giá chính sách và đề xuất giải pháp	2,0	
CLO3.2.1.1. (Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong phân tích chính sách kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 2,5, trọng số: 20%]		/10	/2,5
Tiêu chí 1	Trình bày được bản thuyết minh hoàn chỉnh về cấu trúc và hình thức	4,0	
	Chỉ báo 1: Xây dựng thuyết minh dự án có đầy đủ các phần theo đúng quy định, cấu trúc logic	2,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày rõ ý tưởng dự án, lời viết cô đọng, văn phong khoa học	1,0	
	Chỉ báo 3: Sử dụng công thức, bảng biểu, hình ảnh, các văn bản, tài liệu tham khảo từ các nguồn theo quy chuẩn của ngành/lĩnh vực	1,0	
Tiêu chí 2	Thiết kế được slide/video đảm bảo tính dễ nhìn, logic, cân đối	3,0	
	Chỉ báo 1: Slide phải trình bày tóm tắt, ngắn gọn tầm nhìn của dự án, vấn đề mà dự án đang giải quyết, thị trường/khách hàng mục tiêu của dự án, giải pháp sáng tạo; chiến lược/kế hoạch dự án và đội ngũ của dự án	1,0	
	Chỉ báo 2: Mỗi slide không quá 5 dòng, mỗi dòng không quá 10 chữ, font chữ từ 30 trở lên	1,0	
	Chỉ báo 3: Các hình ảnh, con số, biểu đồ sử dụng để minh họa các luận điểm của dự án được trình bày nổi bật, đơn giản, có tính đại diện cao	1,0	

Tiêu chí 3	Thuyết trình rõ ràng, phong thái tự tin, trả lời được các câu hỏi	3,0	
	Chỉ báo 1: Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ thông tin trong thời gian cho phép	1,0	
	Chỉ báo 2: Thể hiện được phong thái tự tin, giọng điệu, ngôn ngữ phù hợp, thu hút sự chú ý của người nghe	1,0	
	Chỉ báo 3: Trả lời đầy đủ câu hỏi đặt ra bởi người nghe, số lượng câu trả lời sai hoặc không đúng trọng tâm không quá 20%	1,0	
CLO4.1.1.1. (Phân tích được xu hướng vận động của nền kinh tế và thách thức của hoạt động phân tích chính sách kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 10%]		/10	/3,5
Tiêu chí 1	Phân tích xu hướng vận động của nền kinh tế	5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích tổng quan về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, tình hình kinh tế, xã hội liên quan đến dự án	2,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của dự án trên cơ sở phân tích tổng quan	3,0	
Tiêu chí 2	Phân tích thách thức của hoạt động phân tích chính sách kinh tế - xã hội trong nền kinh tế	5,0	
	Chỉ báo 1: Thuyết minh thách thức hoạt động phân tích chính sách kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến dự án một cách rõ ràng, logic, đầy đủ	2,0	
	Chỉ báo 2: Phân tích, đánh giá thách thức của hoạt động phân tích chính sách kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến giải quyết vấn đề mà dự án đang hướng tới	3,0	
CLO4.2.1.1. (Đề xuất được các ý tưởng liên quan đến phân tích chính sách kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 10%]		/10	/3,5
Tiêu chí	Hình thành ý tưởng về dự án	10	
	Chỉ báo 1: Dẫn ra được câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết khoa học hoặc yêu cầu thực tiễn về dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng dự án là mới so với các dự án liên quan đã được thực hiện trước đó	4,0	
	Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu dự án	3,0	
CLO4.2.2.1. (Xây dựng được kế hoạch thực hiện phân tích chính sách kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 3,5, trọng số: 10%]		/10	/3,5
Tiêu chí 1	Xây dựng được nội dung và phương pháp thực hiện dự án	5,0	

	Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung thực hiện phù hợp với từng mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của dự án	2,0	
Tiêu chí 2	Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện dự án	5,0	
	Chỉ báo 1: Xây dựng được kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung	3,0	
	Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch hiệu quả	2,0	
CLO4.2.3.1. (Triển khai thực hiện phân tích chính sách kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 4,5, trọng số: 10%]		/10	/4,5
Tiêu chí 1	Thu thập và phân tích được số liệu, chứng cứ khoa học	5,0	
	Chỉ báo 1: Thu thập được số liệu/luận cứ đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung thực hiện của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Phân tích và trình bày được các kết quả đảm bảo tính chính xác, tin cậy và khoa học	2,0	
Tiêu chí 2	Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu	5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích, thảo luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: So sánh kết quả thu được với kết quả của các dự án trước đó và giải thích rõ ràng sự khác biệt	2,0	
CLO4.2.4.1. (Đánh giá được hiệu quả phân tích chính sách kinh tế - xã hội và Đề xuất các biện pháp cải tiến để tối ưu hóa hoạt động phân tích chính sách kinh tế - xã hội) [Mức năng lực: 4,5, trọng số: 10%]		/10	/4,5
Tiêu chí	Đánh giá được các kết quả và đưa ra được các đề xuất	.../10	
	Chỉ báo 1: Đánh giá được đóng góp về khoa học của dự án	3,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá được hiệu quả về kinh tế, xã hội của dự án	3,0	
	Chỉ báo 3: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc phạm vi của dự án	2,0	
	Chỉ báo 4: Đề xuất được các cơ chế, chính sách hoặc giải pháp để thể ứng dụng kết quả vào thực tiễn đời sống và sản xuất	2,0	

5. Kết quả đánh giá

CLO	2.1.1.1.	3.1.1.1.	3.2.1.1.	4.1.1.1	4.2.1.1.	4.2.2.1	4.2.3.1.	4.2.4.1.	Tổng điểm ⁷
Trọng số (%)	10	20	20	10	10	10	10	10	
Điểm số GPA									X
Quy đổi điểm GPA (Điểm số GPA*Trọng số)									
Điểm NL/Mức NL	.../2,5	.../2,5	.../2,5	.../3,5	.../3,5	.../3,5	.../4,5	.../4,5	X

Điểm số:

Bảng chữ:

CÁN BỘ CHẤM THI 1

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁN BỘ CHẤM THI 2

(Ký, ghi rõ họ và tên)

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình

[1] Thái Thị Kim Oanh, Trần Thị Hoàng Mai, Nguyễn Thị Thúy Quỳnh, *Giáo trình Chính sách kinh tế xã hội*, NXB Đại học Vinh, 2020.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Vũ Cao Đàm (chủ biên), *Kỹ năng đánh giá chính sách*, NXB Thế giới, 2017.

[3] Phạm Văn Khôi (chủ biên), *Giáo trình Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2007.

[4] Nguyễn Văn Nam, Ngô Thắng Lợi (Đồng chủ biên), *Chính sách phát triển bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông, 2010.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/ chủ đề/bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương 1. Tổng quan về phân tích chính sách kinh tế - xã hội				

⁷ Tổng điểm = Tổng Điểm số GPA của từng CLO.

(Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 9 tiết, tự học: 21 tiết)				
Giai đoạn 1	4	Học qua bài giảng E-Learning (LMS) về nhà nước với các công cụ quản lý kinh tế - xã hội (KT-XH), khái quát về chính sách KT-XH.	CLO1.2.1.1	
	10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2 (trang 10 - 15) và mục 1.3 (trang 15-25).	CLO1.2.1.1.	
Giai đoạn 2	1	<p><i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i></p> <p>2.3. Tổng quan về phân tích chính sách (PTCS) KT-XH</p> <p>2.3.1. Khái niệm PTCS KT-XH</p> <p>2.3.2. Nhiệm vụ của PTCS KT-XH</p> <p>2.3.3. Những yêu cầu đối với nhà PTCS KT-XH</p> <p>2.3.4. Quan điểm PTCS KT-XH</p> <p>2.3.5. Cơ sở thông tin của PTCS KT-XH</p> <p>2.4. Một số mô hình phân tích chính sách</p> <p>2.4.1. Mô hình PTCS theo quan điểm hợp lý</p> <p>2.4.2. Mô hình PTCS theo quan điểm vĩ mô</p> <p>2.4.3. PTCS theo quan điểm vi mô</p> <p>Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề</p>	CLO1.2.1.1.	
	1	Thảo luận: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về chính sách để phân tích một chính sách cụ thể trong thực tiễn phát triển kinh tế các quốc gia.	CLO1.2.1.1.	A1.1.
	6	Nghiên cứu thực tế: Tìm hiểu các mô hình phân tích chính sách ứng dụng trong thực tiễn.	CLO1.2.1.1.	
Giai đoạn 3	2	Ôn tập: Hệ thống kiến thức chính của chương 1 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.1.	
	10	Làm bài tập chương 1 (trang 26) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.2.1.1.	
2	Chương 2. Phân tích hoạch định chính sách kinh tế - xã hội (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 8 tiết, tự học: 23 tiết)			
Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về vị trí và mục đích phân tích hoạch định chính sách KT-XH, nguyên tắc phân tích hoạch định chính sách KT-XH.	CLO1.2.1.2.	

		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 1.2.1. (trang 30-42) và mục 1.2.2. (trang 42-52)	CLO1.2.1.2.	
	Giai đoạn 2	3	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 2.3. Phân tích quá trình hoạch định chính sách kinh tế - xã hội 2.3.1. Phân tích vấn đề chính sách 2.3.2. Phân tích mục tiêu chính sách 2.3.3. Phân tích hành động chính sách Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề	CLO1.2.1.2.	
		1	Thảo luận: Ứng dụng kiến thức chuyên sâu về hoạch định chính sách vào phân tích hoạch định một chính sách cụ thể trong thực tiễn.	CLO1.2.1.2.	A1.2.
		6	Nghiên cứu thực tế: Tìm hiểu quá trình hoạch định một chính sách cụ thể trong thực tiễn.	CLO1.2.1.2.	
	Giai đoạn 3	2	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 2 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.2.	
		10	Làm bài tập chương 2 (trang 53-54) tài liệu [1]	CLO1.2.1.2.	
3	Chương 3. Phân tích tổ chức thực thi chính sách kinh tế - xã hội (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 8 tiết, tự học: 23 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về nội dung tổng quan về tổ chức thực hiện chính sách kinh tế - xã hội.	CLO1.2.1.3.	
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 3.2. (trang 74-93).	CLO1.2.1.3.	
	Giai đoạn 2	1	<i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i> 3.2. Quá trình tổ chức thực thi chính sách kinh tế - xã hội 3.2.1. Chuẩn bị triển khai chính sách 3.2.2. Chỉ đạo thực hiện chính sách 3.2.3. Kiểm tra việc thực hiện chính sách 3.3. Nội dung phân tích quá trình thực hiện chính sách kinh tế - xã hội 3.3.1. Phân tích bộ máy 3.3.2. Phân tích các văn bản 3.3.3. Phân tích hệ thống truyền thông 3.3.4. Phân tích hệ thống phối hợp	CLO1.2.1.3.	

			<p>3.3.5. Phân tích hệ thống dịch vụ hỗ trợ</p> <p>3.3.6. Phân tích hệ thống thông tin phản hồi</p> <p>3.4. Phân tích lựa chọn các hình thức và phương pháp thực hiện chính sách kinh tế - xã hội</p> <p>3.4.1. Phân tích các hình thức thực hiện chính sách</p> <p>3.4.2. Phân tích các phương pháp thực hiện chính sách</p> <p>Phương pháp dạy học: Trực quan, thuyết giảng, giải quyết vấn đề</p>		
		1	Bài tập: Phân tích quá trình tổ chức thực hiện một chính sách cụ thể trong thực tiễn tại địa phương.	CLO1.2.1.3.	A1.3
		6	Nghiên cứu thực tế: Đánh giá ưu, nhược điểm của các hình thức và phương pháp thực thi chính sách kinh tế - xã hội.	CLO1.2.1.3.	
	Giai đoạn 3	2	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 3 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.3.	
		10	Làm bài tập chương 3 (trang 102) tài liệu [1] Đọc thêm: tài liệu [2] và [3]	CLO1.2.1.3.	
4	Chương 4. Đánh giá chính sách kinh tế - xã hội (Học qua bài giảng E-learning: 3 tiết; học trên lớp: 8 tiết; tự học: 23 tiết)				
	Giai đoạn 1	3	Học bài giảng E-Learning (LMS) về bản chất, nguyên tắc và mục đích của đánh giá chính sách kinh tế - xã hội.	CLO1.2.1.4.	
		10	Chuẩn bị nội dung cho giai đoạn 2: Đọc tài liệu [1]: mục 4.2 (trang 110 - 130)	CLO1.2.1.4.	
	Giai đoạn 2	1	<p><i>Học lý thuyết các nội dung sau:</i></p> <p>4.3. Đối tượng và chủ thể của đánh giá chính sách kinh tế - xã hội</p> <p>4.3.1. Đối tượng nghiên cứu đánh giá chính sách kinh tế</p> <p>4.3.2. Các chủ thể tham gia đánh giá chính sách kinh tế</p> <p>4.4. Phương pháp đánh giá chính sách kinh tế - xã hội</p> <p>4.4.1. Cách tiếp cận đánh giá chính sách kinh tế</p> <p>4.4.2. Phương pháp đánh giá chính sách kinh tế</p>	CLO1.2.1.4.	

			<p>4.4.3. Các tiêu chí đánh giá chính sách</p> <p>4.4.4. Sử dụng kết quả đánh giá chính sách kinh tế</p> <p>4.5. Điều chỉnh chính sách</p> <p>4.5.1. Lý do điều chỉnh</p> <p>4.5.2. Nguyên tắc điều chỉnh chính sách</p> <p>4.5.3. Các loại điều chỉnh</p> <p>Phương pháp dạy học: Thuyết giảng, giải quyết vấn đề, nghiên cứu thực tế</p>		
		1	Bài tập: Áp dụng các kiến thức chuyên sâu về đánh giá chính sách với một chính sách cụ thể trong thực tiễn.	CLO1.2.1.4.	A1.4
		6	Nghiên cứu thực tế: Đánh giá hiệu lực, hiệu quả của một chính sách cụ thể trong thực tiễn.	CLO1.2.1.4.	
	Giai đoạn 3	4	Ôn tập: Hệ thống nội dung chính của chương 4 bằng sơ đồ tư duy	CLO1.2.1.4.	
		10	Làm câu hỏi Chương 4 (trang 130 - 165) tài liệu [1]	CLO1.2.1.4.	
	Đánh giá cuối kỳ		Thực hiện Đồ án nhóm	<p>CLO2.1.1.1.</p> <p>CLO3.1.1.1.</p> <p>CLO3.2.1.1.</p> <p>CLO4.1.1.1.</p> <p>CLO4.2.1.1.</p> <p>CLO4.2.2.1.</p> <p>CLO4.2.3.1.</p> <p>CLO4.2.4.1.</p>	A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi hoàn thành chấm đồ án nhóm	Đăng ký xem kết quả bảo vệ đồ án	

Nghệ An, ngày.... tháng ... năm 2023

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Sao Mai', with a long horizontal stroke extending to the right.

TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

A stylized handwritten signature in blue ink, consisting of a large loop and a vertical stroke.

PGS.TS. Nguyễn Văn Phú

2. Mô tả học phần

Học phần Thực tập và Đồ án tốt nghiệp là học phần cuối cùng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng. Học phần có tổng thời lượng là 15 tín chỉ, trong đó phần Thực tập tại cơ sở 06 tín chỉ, trong thời gian 02 tháng. Phần Đồ án tốt nghiệp có thời lượng 09 tín chỉ được học viên thực hiện trong khoảng thời gian từ 03 đến 04 tháng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

Học phần giúp học viên vận dụng:

- (i) các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành một cách hệ thống;
- (ii) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp;
- (iii) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

để phát triển năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá các kiến thức đã học vào công việc thực tế trong hoạt động nghề nghiệp.

Học viên có thể kết hợp thực hiện đồ án tốt nghiệp trong quá trình làm việc đơn vị thực tập. Tại đây, học viên được giao nhiệm vụ giải quyết bài toán dựa trên yêu cầu thực tế. Sau khi nắm vững các yêu cầu, học viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị để giải quyết bài toán thực tiễn được giao.

Học phần này đảm nhận các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo sau:

2.1.1	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {Mức 3}
2.2.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	2,5 {Mức A3}
3.2.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Quản lý kinh tế.	3,5 {Mức 4}
4.1.1	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế một cách khoa học	3,5 {Mức 4}

4.2.3	Triển khai được các vấn đề ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	3,5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế và đưa ra các giải pháp cải tiến	3,5 {Mức 4}

Để học tốt học phần này, học viên cần nắm vững những các kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu của chuyên ngành.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO	Sau khi học xong học phần này, học viên cần:	Đóng góp cho PLO	Điểm NL cần đạt
2.1.1.1	Vận dụng được kỹ năng tư duy phản biện để lập luận, thảo luận các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp.	2.1.1	2,5
2.1.1.2	Sử dụng được kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo để triển khai các nội dung nghiên cứu trong hoạt động nghề nghiệp.	2.1.1	2,5
2.2.1.1	Chấp hành đạo đức nghiên cứu, trách nhiệm nghề nghiệp và liêm chính học thuật trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.	2.2.1	3,5
3.1.1.1	Hợp tác làm việc hiệu quả trong các hoạt động tại đơn vị thực tập.	3.1.1	3,5
3.2.1.1	Trình bày thuyết phục các kết quả thực tập tốt nghiệp và thực hiện đồ án tốt nghiệp.	3.2.1	3,5
4.1.1.1	Phân tích/tổng quan được bối cảnh của lĩnh vực và của vấn đề làm đồ án.	4.1.1	3,5
4.2.1.1	Hình thành ý tưởng về đồ án.	4.2.1	3,5
4.2.2.1	Thiết kế được đề cương đồ án.	4.2.2	3,5
4.2.3.1	Tổ chức thực hiện đồ án.	4.2.3	3,5
4.2.4.1	Đánh giá được kết quả đồ án và đề xuất các giải pháp tiếp theo.	4.2.4	3,5

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số trong bài	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1 Đánh giá thực tập tốt nghiệp (40%)	CLO2.1.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	2,5	25%	Phiếu đánh giá 1 (Rubric 1)
	CLO2.2.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	2,5	25%	
	CLO3.1.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	2,5	25%	
	CLO3.2.1.1 [chấm điểm học phần]	2,5	25%	
A1.2 Đánh giá đề cương đồ án (10%)	CLO4.1.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	30%	Phiếu đánh giá 2 (Rubric 2)
	CLO4.2.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	35%	
	CLO4.2.2.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	35%	
A2. Đánh giá cuối kỳ (hình thức bảo vệ đồ án, chiếm 50% điểm số học phần)				
A2.1 Đánh giá đồ án tốt nghiệp (50%)	CLO2.1.1.2 [chấm điểm học phần và điểm NL]	2,5	20%	Phiếu đánh giá 3 (Rubric 3)
	CLO3.2.1.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	2,5	30%	
	CLO4.2.3.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	2,5	20%	
	CLO4.2.4.1 [chấm điểm học phần và điểm NL]	3,5	30%	

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1.1 * 40\% + A1.2 * 10\% + A2.1 * 50\%$$

4.2. Phiếu đánh giá cho các bài đánh giá

4.2.1. Phiếu nhận xét dành cho Đơn vị thực tập

(Xem chi tiết tại Phụ lục 1)

4.2.2. Phiếu đánh giá dành cho GVHD thực tập (Rubric 1)

(Xem chi tiết tại Phụ lục 2)

4.2.3. Phiếu đánh giá dành cho Hội đồng đánh giá đề cương đồ án (Rubric 2)

(Xem chi tiết tại Phụ lục 3)

4.2.3. Phiếu đánh giá dành cho Hội đồng đánh giá đồ án (Rubric 3)

(Xem chi tiết tại Phụ lục 4)

5. Tài liệu học tập

Người hướng dẫn cung cấp/hướng dẫn học viên tìm tài liệu theo yêu cầu và nội dung định hướng nghiên cứu của đồ án.

6. Kế hoạch dạy học

6.1. Kế hoạch thực hiện

Học phần Thực tập và Đồ án tốt nghiệp được thực hiện trong khoảng thời gian 6 tháng. Trong thời gian thực tập (02 tháng đầu), học viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên Nhà trường và hỗ trợ của một cán bộ tại đơn vị thực tập nhằm giải quyết các bài toán phù hợp với yêu cầu của thực tiễn doanh nghiệp/nhà trường/cơ sở sản xuất, ... Thời gian còn lại, học viên hoàn thành đồ án dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn của trường.

TT	Chủ đề	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLOs	Bài đánh giá
PHẦN 1. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP					
1.1.	Xây dựng kế hoạch thực tập	15	<ul style="list-style-type: none"> - HV xây dựng dự thảo kế hoạch thực tập theo hướng dẫn của GVHD và nạp lên LMS. - GVHD góp ý, trao đổi với HV về kế thực tập. - HV chỉnh sửa, trình bày kế hoạch thực tập theo mẫu của đơn vị đào tạo và nạp lên LMS. - GVHD và đơn vị đào tạo phê duyệt kế hoạch thực tập của HV. 	CLO2.1.1.1 CLO2.2.1.1 CLO3.1.1.1 CLO3.2.1.1	A1.1
1.2.	Triển khai thực tập tại đơn vị thực tập	60	<ul style="list-style-type: none"> - HV tìm hiểu về đơn vị thực tập. - Triển khai các nội dung thực tập tại đơn vị thực tập theo kế hoạch đã phê duyệt. - Viết nhật ký thực tập và trao đổi với GVHD về những kết quả đã đạt được và xác định những nội dung cụ thể cần tiếp tục giải quyết. 		
1.3.	Viết báo cáo thực tập	15	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp thông tin, minh chứng về hoạt động thực tập. - Viết dự thảo báo cáo. - Hoàn thiện báo cáo. - Nạp báo cáo lên LMS. - GVHD đánh giá và cho điểm đối với báo cáo thực tập. 		
PHẦN 2. ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP					
2.1.	Xây dựng đề cương đồ án	15	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu cấu trúc và cách viết đề cương đồ án. - Viết dự thảo đề cương đồ án. - GVHD góp ý cho đề cương đồ án; HV chỉnh sửa dự thảo đề cương đồ án. - Trình bày với Hội đồng về đề cương đồ án. 	CLO4.1.1.1 CLO4.2.1.1	A2.1

TT	Chủ đề	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLOs	Bài đánh giá
PHẦN 1. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP					
			<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện đề cương đồ án. - Hội đồng/Ngành đào tạo góp ý cho nội dung đề cương đồ án (thông qua việc tổ chức seminar hoặc phân công của Chủ nhiệm chuyên ngành. - HV hoàn thiện đề cương đồ án. - Chủ nhiệm chuyên ngành phê duyệt đề cương đồ án. 	CLO4.2.2.1	
2.2.	Triển khai thực hiện đồ án	90	<ul style="list-style-type: none"> - HV triển khai thu thập số liệu, sử dụng các phương pháp đã lựa chọn, các phần mềm CNTT... để giải quyết các nội dung đề tài đồ án dưới sự hướng dẫn của GVHD. - HV trình bày với GVHD về các nội dung, kết quả nghiên cứu, dự thảo các chương của đồ án; thảo luận với GVHD các phương án giải quyết các yêu cầu phát sinh (nếu có). - HV viết dự thảo báo cáo đồ án. - GVHD góp ý cho báo cáo đồ án; HV chỉnh sửa báo cáo đồ án. 	CLO2.1.1.2 CLO3.2.1.1 CLO4.2.3.1 CLO4.2.4.1	A3.1
2.3.	Bảo vệ đồ án	30	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ đồ án: <ul style="list-style-type: none"> + HV trình bày tóm tắt nội dung báo cáo đồ án; + Hội đồng chấm đồ án đặt câu hỏi; + HV trả lời các câu hỏi của Hội đồng; + Hội đồng đánh giá và cho điểm đối với đồ án. - HV hoàn thiện quyền báo cáo đồ án theo yêu cầu của Hội đồng. - HV nộp các sản phẩm đồ án theo yêu cầu Nhà trường. 		

6.2. Định hướng nội dung đề tài (định hướng ứng dụng)

Các GVHD/ngành xây dựng định hướng cụ thể.

Học viên cần thực hiện các sản phẩm sau:

Giấy nhận xét của đơn vị thực tập (theo mẫu Phụ lục 1)

Báo cáo thực tập (theo mẫu Phụ lục 8)

Báo cáo đồ án tốt nghiệp (theo mẫu Phụ lục 7)

Các sản phẩm khác khi thực tập, thực hiện đồ án (nếu có)

Slide thuyết trình

7. Ngày phê duyệt: .../ .../2023

8. Cấp phê duyệt:

Trưởng đơn vị cấp 2



PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh

Trưởng đơn vị cấp 3



TS. Lê Vũ Sao Mai

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**



PGS.TS. Nguyễn Văn Phú

A. Phụ lục 1 - Phiếu nhận xét thực tập dành cho đơn vị thực tập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

PHIẾU NHẬN XÉT

của đơn vị nơi học viên thực tập về kết quả thực tập tốt nghiệp

của học viên thạc sĩ ngành - Trường Đại học

Vinh

- Đơn vị thực tập:

Địa chỉ:

Điện thoại: Website:

- Họ và tên học viên:

Mã số học viên:

Ngành:

Thời gian thực tập tốt nghiệp: Từ ngày:/...../..... đến ngày/...../.....

NỘI DUNG NHẬN XÉT

Về mức độ chuyên cần, tinh thần và thái độ trong thời gian thực tập của học viên ở đơn vị thực tập

.....
.....
.....

Về mức độ tiếp cận các vấn đề thực tiễn của học viên ở đơn vị thực tập

.....
.....
.....

Về tinh thần hợp tác làm việc trong các hoạt động tại đơn vị thực tập

.....
.....
.....

Về mức độ trình bày/thực hiện các ý tưởng/giải pháp/quy trình thuộc lĩnh vực nghiên cứu của học viên ở đơn vị thực tập

.....
.....
.....

Nhận xét khác:

.....
.....
.....

Xác nhận của đơn vị thực tập
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức vụ)

....., ngày ... tháng năm 202
Người nhận xét
(Ký, ghi rõ họ tên)

A. Phụ lục 2 - Phiếu đánh giá Thực tập dành cho cán bộ hướng dẫn (Rubric 1)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

<Đơn vị cấp 2>:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chuyên ngành:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

(Dành cho cán bộ hướng dẫn)

- Họ và tên học viên:.....Ngày sinh: / /
- Mã học viên:.....Ngành đào tạo:.....
- Thời gian thực tập: Từ ngày đến ngày.....
- Giảng viên hướng dẫn:..... Điện thoại:.....
- Đơn vị thực tập:.....
- Tiêu chí và điểm đánh giá theo chuẩn đầu ra phần Thực tập tốt nghiệp

Chuẩn đầu ra đánh giá [MNL: ... (Điểm năng lực cần đạt)] {trọng số}		Điểm số	Điểm năng lực
CLO 2.1.1.1. Vận dụng được kỹ năng tư duy phản biện để lập luận, thảo luận các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp. [MNL: 3 (2.5-3.4)] {trọng số 25%}	/10	
Tiêu chí	Vận dụng được kỹ năng tư duy phản biện để lập luận, thảo luận các vấn đề trong thực tập	.../10	
	Chỉ báo 1: Có kỹ năng nhận biết, xác định các vấn đề mới liên quan đến đề tài thực tập.	4,0	
	Chỉ báo 2: Có kỹ năng phân tích, suy luận để có các lập luận, kết luận khách quan, chặt chẽ.	3,0	
	Chỉ báo 3: Có kỹ năng trình bày quan điểm cá nhân một cách rõ ràng và thuyết phục.	3,0	
CLO 2.2.1.1. Tôn trọng đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong việc thực hiện các nhiệm vụ thực tập. [MNL: 4 (3.5-4.4)] {trọng số 25%}		.../10	
Tiêu chí	Chỉ báo 1: Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu.	3,5	
	Chỉ báo 2: Thực hiện báo cáo, nộp sản phẩm đúng hạn, đáp ứng yêu cầu.	3,0	
	Chỉ báo 3: Thực hiện đúng, đầy đủ, thể hiện sự tôn trọng các nội quy, quy định của đơn vị thực tập. Được đơn vị thực tập đánh giá cao.	3,5	
CLO 3.1.1.1. Hợp tác làm việc hiệu quả trong các hoạt động tại đơn vị thực tập. [MNL: 4 (3.5-4.4)] {trọng số 25%}		.../10	
Tiêu chí 1	Lập kế hoạch và quản lý công việc.	.../5,0	
	Chỉ báo 1: Chủ động trong việc lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao.	3,0	
	Chỉ báo 2: Chủ động, sáng tạo trong việc quản lý công việc.	2,0	
	Hợp tác trong việc thực hiện nhiệm vụ.	.../5,0	

Chuẩn đầu ra đánh giá [MNL: ... (Điểm năng lực cần đạt)] {trọng số}		Điểm số	Điểm năng lực
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Hoàn thành các nhiệm vụ do GVHD giao.	3,0	
	Chỉ báo 2: Chủ động tương tác; tích cực trao đổi và ủng hộ các ý tưởng trong thực hiện nhiệm vụ.	2,0	
CLO 3.2.1.1. Trình bày thuyết phục các kết quả thực tập và đồ án tốt nghiệp. [Chỉ chấm điểm số, không chấm điểm NL] {trọng số 25%}		.../10	
Tiêu chí 1	Bố cục và hình thức của báo cáo thực tập đúng theo quy định	.../5,0	
	Chỉ báo 1: Bố cục của báo cáo thực tập đầy đủ các phần và độ dài (số lượng trang) theo quy định, đảm bảo logic.	2,0	
	Chỉ báo 2: Báo cáo thực tập ít lỗi chính tả; các hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ/đồ thị trình bày rõ ràng, cân đối.	1,5	
	Chỉ báo 3: Tài liệu tham khảo phong phú, cập nhật, được sắp xếp theo quy định.	1,5	
Tiêu chí 2	Trình bày được những thông tin về vấn đề nghiên cứu trong báo cáo thực tập	.../5,0	
	Chỉ báo 1: Nội dung báo cáo thực tập phù hợp với nội dung nghiên cứu, mã số chuyên ngành.	2,0	
	Chỉ báo 2: Trình bày được các thông tin để chứng minh được các giải pháp/quy trình, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.	2,0	
	Chỉ báo 3: Các phân tích, thảo luận được so sánh và đối chiếu để đưa ra giải pháp phù hợp.	1,0	

6. Nhận xét khác (nếu có)

.....

7. Kết luận

CLO	2.1.1.1	2.2.1.1	3.1.1.1	3.2.1.1	Tổng điểm ⁸
Trọng số (%)	25	25	25	25	
Điểm số GPA					
Quy đổi điểm GPA (Điểm số GPA*Trọng số)					
Điểm NL/MứcNL/2,5/3,5/3,5		
Kết luận (Đạt/Không đạt)					

Nghệ An, ngày tháng năm 20...
 Giảng viên hướng dẫn

A. Phụ lục 3 - Phiếu đánh giá dành cho Hội đồng đánh giá đề cương đồ án (Rubric 2)

8 Tổng điểm = Tổng Điểm số GPA của từng CLO.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
<Đơn vị cấp 2>:
Chuyên ngành:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ CƯƠNG ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
(Dành cho Hội đồng đánh giá/chấm đề cương Đồ án)

- Họ và tên học viên:
- Mã học viên: Khóa học: 2022-2023. Ngành:
- Tên đề tài:
- Thành viên hội đồng
 - Họ và tên:
 - Vai trò trong hội đồng:
- Tiêu chí và điểm đánh giá

Chuẩn đầu ra đánh giá [MNL: ...(Điểm năng lực cần đạt)]		Điểm số	Điểm năng lực
CLO 4.1.1.1. Phân tích/tổng quan được bối cảnh của lĩnh vực và vấn đề triển khai đồ án [MNL: 4 (3.5-4.4)] {Trọng số 30%}.		.../10	
Tiêu chí	Phân tích được bối cảnh liên quan đến đồ án	.../10	
	Chỉ báo 1: Phân tích tổng quan được về tình hình nghiên cứu, ứng dụng, tình hình kinh tế - xã hội liên quan đến chủ đề của đồ án.	5,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được tính cấp thiết của đồ án trên cơ sở phân tích tổng quan.	5,0	
CLO 4.2.1.1. Hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu [MNL: 4 (3.5-4.4)] {Trọng số 35%}.		.../10	
Tiêu chí	Hình thành ý tưởng về đồ án	.../10	
	Chỉ báo 1: Chỉ ra được câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết khoa học hoặc yêu cầu thực tiễn về đồ án	3,0	
	Chỉ báo 2: Luận giải được ý tưởng đồ án có sự khác biệt so với các đề tài tương tự đã được thực hiện.	4,0	
	Chỉ báo 3: Phát biểu rõ ràng mục tiêu nghiên cứu	3,0	
CLO 4.2.2.1. Thiết kế được đề cương đồ án [MNL: 4 (3.5-4.4)] {Trọng số 35%}.		.../10	
Tiêu chí 1	Xây dựng được nội dung và phương pháp nghiên cứu	.../5,0	
	Chỉ báo 1: Thiết kế được các nội dung phù hợp với mục tiêu của đồ án.	3,0	

Chuẩn đầu ra đánh giá [MNL: ...(Điểm năng lực cần đạt)]		Điểm số	Điểm năng lực
	Chỉ báo 2: Xác định được phương pháp/cách thức thực hiện phù hợp với từng nội dung của đề án.	2,0	
	Xây dựng được kế hoạch và bố trí nguồn lực thực hiện đề án	.../5,0	
Tiêu chí 2	Chỉ báo 1: Xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện chi tiết, rõ ràng cho từng nội dung của đề án.	3,0	
	Chỉ báo 2: Bố trí, sắp xếp được nguồn lực hợp lý để thực hiện kế hoạch hiệu quả.	2,0	

6. Nhận xét khác (nếu có)

.....

.....

7. Kết quả đánh giá

CLO	4.1.1.1	4.2.1.1	4.2.2.1	Tổng điểm ⁹
Trọng số (%)	30	35	35	
Điểm số GPA			
Quy đổi điểm GPA (Điểm số GPA*Trọng số)				
Điểm NL/MứcNL/3,5/3,5/3,5
Kết luận (Đạt/Không đạt)			

Nghệ An, ngày tháng năm 20...

Thành viên Hội đồng

(Ký, ghi rõ họ tên)

9 Tổng điểm = Tổng điểm số GPA của từng CLO.

A. Phụ lục 4 - Phiếu đánh giá dành cho Hội đồng (Rubric 3)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

<Đơn vị cấp 2>:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chuyên ngành:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

(Dành cho Hội đồng chấm đồ án)

1. Họ và tên học viên:

2. Mã học viên: Khóa học: 2022-2023. Ngành:

3. Tên đề tài:

4. Thành viên hội đồng

- Họ và tên:

- Vai trò trong hội đồng:

5. Tiêu chí và điểm đánh giá

Chuẩn đầu ra đánh giá [MNL: ...(Điểm năng lực cần đạt)]		Điểm số	Điểm năng lực
CLO 2.1.1.2. Sử dụng được kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo để triển khai các nội dung nghiên cứu của đồ án. [MNL: 3 (2.5-3.4)] {Trọng số 20%}	/10	
Tiêu chí 1	Vận dụng được kỹ năng giải quyết vấn đề để triển khai các nội dung nghiên cứu/5,0	
	Chỉ báo 1: Xây dựng được cơ sở lý luận/lý thuyết, thực tiễn của nội dung nghiên cứu.	2,5	
	Chỉ báo 2: Sử dụng được các kiến thức chuyên môn, thực tiễn để giải quyết các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra.	2,5	
Tiêu chí 2	Đưa ra những sáng kiến quan trọng trong giải quyết những vấn đề nghiên cứu/5,0	
	Chỉ báo 1: Phát hiện được vấn đề mới của đối tượng nghiên cứu, có khả năng ứng dụng hoặc nghiên cứu lên bậc học cao hơn.	1,5	
	Chỉ báo 2: Kết quả nghiên cứu của đồ án viết thành bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành (có chỉ số ISSN).	3,5	

Chuẩn đầu ra đánh giá [MNL: ...(Điểm năng lực cần đạt)]		Điểm số	Điểm năng lực
CLO 3.2.1.1. Trình bày thuyết phục các kết quả đồ án tốt nghiệp. [MNL: 4 (3.5-4.4)] {Trọng số 30%}	/10	
Tiêu chí 1	Thiết kế slide/3,0	
	Chỉ báo 1: Slide trình bày ngắn gọn, phản ánh được đầy đủ cấu trúc, nội dung và kết quả chính của đồ án.	1,5	
	Chỉ báo 2: Thiết kế các slide đẹp, màu sắc tương phản; ít lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ/đồ thị đúng quy định.	1,5	
Tiêu chí 2	Thực hiện kỹ năng thuyết trình/3,0	
	Chỉ báo 1: Thuyết trình nội dung đồ án lưu loát, rõ ràng, tự tin, đúng thời gian.	2,0	
	Chỉ báo 2: Thể hiện kiến thức chuyên sâu và được chuẩn bị kỹ lưỡng.	1,0	
Tiêu chí 3	Trả lời câu hỏi của Hội đồng	.../4,0	
	Chỉ báo 1: Trả lời trực tiếp, ngắn gọn và đúng trọng tâm các câu hỏi của Hội đồng.	2,0	
	Chỉ báo 2: Đưa ra quan điểm cá nhân mang tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	2,0	
CLO 4.2.3.1. Tổ chức thực hiện đề tài đồ án theo đề cương nghiên cứu [MNL: 4 (3.5-4.4)] {Trọng số 20%}.		.../10	
Tiêu chí 1	Thực hiện thu thập và phân tích số liệu, chứng cứ khoa học	.../5,0	
	Chỉ báo 1: Thu thập được số liệu đảm bảo tính khoa học cho từng nội dung của đồ án.	3,0	
	Chỉ báo 2: Phân tích và trình bày được các kết quả đảm bảo tính chính xác, tin cậy và khoa học.	2,0	
Tiêu chí 2	Phân tích, thảo luận về kết quả nghiên cứu	.../5,0	
	Chỉ báo 1: Phân tích và bàn luận về các kết quả đạt được theo các mục tiêu nghiên cứu.	3,0	
	Chỉ báo 2: So sánh kết quả nghiên cứu với các công trình trước đó và giải thích sự khác biệt.	2,0	
CLO 4.2.4.1. Đánh giá được kết quả đồ án và đề xuất các giải pháp tiếp theo [MNL: 4 (3.5-4.4)] {Trọng số 30%}.		.../10	
Tiêu chí 1	Đưa ra kết luận và kiến nghị	.../6,0	
	Chỉ báo 1: Tóm tắt được các kết quả nghiên cứu đã thực hiện dưới dạng một kết luận.	3,0	
	Chỉ báo 2: Đánh giá được ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đồ án.	3,0	
Tiêu chí 2	Phân tích được những tồn tại, hạn chế và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo	.../4,0	
	Chỉ báo 1: Chỉ ra được tồn tại và/hoặc hạn chế của đồ án.	2,0	
	Chỉ báo 2: Đề xuất các định hướng nghiên cứu tiếp theo của đồ án.	2,0	

6. Nhận xét khác (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

7. Kết quả đánh giá

CLO	2.1.1.2	3.2.1.1	4.2.3.1	4.2.4.1	Tổng điểm10
Trọng số (%)	20	30	20	30	
Điểm số GPA				
Quy đổi điểm GPA (Điểm số GPA*Trọng số)				
Điểm NL/Mức NL/2,5/3,5/3,5/3,5
Kết luận (Đạt/Không đạt)				

Nghệ An, ngày tháng năm 20...

Thành viên Hội đồng

(Ký, ghi rõ họ tên)

10 Tổng điểm = Tổng Điểm số GPA của từng CLO.

A. Phụ lục 5 - Tổng hợp điểm của học viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
<Đơn vị cấp 2>:
Chuyên ngành:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP ĐIỂM HỌC PHẦN THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

- Họ và tên học viên:
- Mã học viên:Khóa học: 2022-2023. Ngành:
- Tên đề tài:
- Người hướng dẫn (họ tên, học hàm, học vị):
- Tổng hợp kết quả đánh giá
 - Tổng hợp điểm đánh giá HP

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ ĐỀ CƯƠNG	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN
(40%)	(10%)	(50%)

5.2. Tổng hợp điểm năng lực theo CLO của HP

TT	CLO	ĐIỂM NĂNG LỰC	KẾT LUẬN	Ghi chú
	2.1.1.1	.../2,5		Thực tập
	2.1.1.2/2,5		Đồ án
	2.2.1.1	.../3,5		Thực tập
	3.1.1.1	.../3,5		Thực tập
	3.2.1.1	.../3,5		Đồ án
	4.1.1.1	.../3,5	Đạt	Đề cương Đồ án
	4.2.1.1	.../3,5	Đạt	Đề cương Đồ án
	4.2.2.1	.../3,5	Đạt	Đề cương Đồ án
	4.2.3.1	.../3,5		Đồ án
	4.2.4.1	.../3,5		Đồ án

Nghệ An, ngày tháng năm 20...
Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

A. Phụ lục 6 - Biên bản họp HĐ chấm đồ án

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG CHẤM ĐỒ ÁN THẠC SĨ KHOÁ.....

Về đề tài:

..... của tác giả
....., chuyên ngành, do
..... hướng dẫn.

Khai mạc lúc..... ngàytháng năm **2023**.

Sau khi tuyên bố lý do và đọc Quyết định thành lập Hội đồng chấm đồ án.

1. Chủ tịch Hội đồng điều khiển buổi họp:

- Họ và tên thành viên Hội đồng có mặt:

TT	Họ tên	Đơn vị công tác	Chức vụ trong HĐ
1			
2			
3			

- Thành viên tham dự khác:.....

2. Thư ký Hội đồng đọc lý lịch khoa học và kết quả học tập của học viên.

Điểm TBC học tập.....

Bài báo khoa học.....

Khác:.....

3. Học viên trình bày Đồ án (thời gian trong 20 phút).

4. Các phản biện đọc nhận xét (có toàn văn kèm theo).

5. Các ý kiến hỏi và trả lời:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

..... Thảo luận và nhận xét của những người tham dự (nếu có):

.....
.....
.....

6. Cán bộ hướng dẫn phát biểu (có toàn văn kèm theo).

7. Hội đồng họp riêng để đánh giá và kết luận về điểm Đồ án:

Nhận xét của hội đồng

a). Ưu điểm:

.....
.....
.....
.....

b). Hạn chế:

.....

..... Khả năng phát triển của Đồ án (nếu có):

.....

..... Kết luận khác (nếu có):

.....

..... Kết luận của của Hội đồng

+ Điểm số của các thành viên HĐ: + + =

Điểm số trung bình: bằng số; bằng chữ

+ Điểm năng lực của các CLO:

CLO	Thành viên Hội đồng 11			Điểm NLTB của các CLO	Kết luận 12
	CT	TK	PB		
2.1.1.2			/2,5	
3.2.1.1			/3,5	
4.2.3.1				.../3,5	
4.2.4.1				.../3,5	

Bắt đầu lúc.....giờ..... ngày..... tháng năm **2023**

**XÁC NHẬN CỦA
CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

11 Hội đồng đánh giá Đồ án gồm 03 thành viên gồm: Chủ tịch HĐ; Ủy viên Thư ký; Ủy viên Phản biện

12 Ghi Đạt nếu điểm NLTB các CLO lớn hơn mức chuẩn; Ghi Không đạt nếu điểm NLTB các CLO bé hơn mức chuẩn.

A. Phụ lục 7 - Trình bày đề án thạc sĩ

1. VỀ BỐ CỤC

Đề án tốt nghiệp có số trang tối đa 60 trang đối với các ngành Khoa học tự nhiên, tối đa 80 trang đối với các ngành còn lại (không tính mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục); Số chương của mỗi đề án tùy thuộc vào từng chuyên ngành và đề tài cụ thể, nhưng thông thường bao gồm những phần sau:

- **MỞ ĐẦU:** Trình bày lý do chọn đề tài, mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu;
- **TỔNG QUAN:** Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài; nêu những vấn đề còn tồn tại; chỉ ra những vấn đề mà đề tài cần tập trung nghiên cứu, giải quyết;
- **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:** Trình bày các cơ sở lý thuyết, lý luận, giả thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng trong đề án;
- **TRÌNH BÀY, ĐÁNH GIÁ, BÀN LUẬN CÁC KẾT QUẢ:** Mô tả ngắn gọn công việc nghiên cứu khoa học đã tiến hành, các số liệu nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm. Phần bàn luận phải căn cứ vào các dữ liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo;
- **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:** Trình bày những kết quả mới của đề án một cách ngắn gọn; khuyến nghị cách áp dụng kết quả nghiên cứu, nguồn lực và điều kiện cần có.
- **DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ (nếu có):** Liệt kê các bài báo, công trình đã công bố của tác giả về nội dung của đề tài, theo trình tự thời gian công bố;
- **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:** Chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để sử dụng trong đề án;
- **PHỤ LỤC.**

2. VỀ TRÌNH BÀY

Đề án phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xóa, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị. Tác giả đề án cần có lời cam đoan danh dự về công trình khoa học này của mình. Đề án đóng bìa cứng, in chữ nhũ.

2.1. SOẠN THẢO VĂN BẢN

Sử dụng kiểu chữ Times New Roman cỡ 13 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường; không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1.5 lines; lề trên 3 cm; lề dưới 3cm; lề trái 3.5 cm; lề phải 2 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía dưới mỗi trang giấy.

Đề án được in trên một mặt giấy trắng khổ A4 (210 × 297mm), dày không quá 100 trang, không kể phụ lục.

2.2. TIÊU MỤC

Các tiêu mục của đồ án được trình bày và đánh số và nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 3 chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ: 4.1.2 chỉ tiêu mục 2, mục 1, chương 4).

2.3. BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, PHƯƠNG TRÌNH

Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương (ví dụ hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong chương 3). Mọi bảng biểu, đồ thị lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ. Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình.

Các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ bằng mực đen để có thể sao chụp lại; có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề; cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản đồ án/ đề án/luận văn. Khi đề cập đến các bảng biểu hoặc hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó.

Việc trình bày phương trình toán học trên một dòng đơn hoặc dòng kép là tùy ý, tuy nhiên phải thống nhất trong toàn đồ án. Khi có ký hiệu mới xuất hiện lần đầu tiên thì phải có giải thích và đơn vị tính đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Tất cả các phương trình cần được đánh số và để trong ngoặc đơn đặt bên phía lề phải.

2.4. VIẾT TẮT

Không lạm dụng việc viết tắt. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong đồ án. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề hoặc những cụm từ ít xuất hiện.

2.5. TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ CÁCH TRÍCH DẪN

Các ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục Tài liệu tham khảo của đồ án.

Danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự được trích dẫn trong đồ án (theo tiêu chuẩn trích dẫn quy định).

2.6. PHỤ LỤC (nếu có)

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc hỗ trợ cho nội dung đồ án như số liệu, biểu mẫu, tranh ảnh,... Số trang Phụ lục không được nhiều hơn phân chính của đồ án.

Mẫu BÌA ĐỒ ÁN BÊN NGOÀI (Khổ 210 x 297 mm)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**HỌ VÀ TÊN
(Tác giả đồ án)
TÊN ĐỀ TÀI ĐỒ ÁN THẠC SĨ**

**ĐỒ ÁN THẠC SĨ
(Ghi ngành khoa học được cấp học vị)**

Nghệ An,

(Ghi năm hoàn thành đồ án)

MẪU BÌA LÓT TRONG CỦA ĐỒ ÁN

(Khô 210 x 297 mm)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



HỌ VÀ TÊN

TÊN ĐỀ TÀI ĐỒ ÁN THẠC SĨ

ĐỒ ÁN THẠC SĨ

(Ghi ngành khoa học được cấp học vị)

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 8310110

Người hướng dẫn khoa học:

(Chức danh khoa học, học vị, họ tên)

Nghệ An,

A. Phụ lục 8 - Mẫu trình bày báo cáo thực tập

Mẫu 3 - BÌA BÊN NGOÀI BÁO CÁO THỰC TẬP (Khổ 210 x 297 mm)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



HỌ VÀ TÊN
(Tác giả báo cáo)

TÊN ĐỀ TÀI ĐỒ ÁN THẠC SĨ

ĐỒ ÁN THẠC SĨ
(Ghi ngành khoa học được cấp học viên

Nghệ An,

MẪU 4 - BÌA LÓT TRONG CỦA BÁO CÁO THỰC TẬP
(Khổ 210 x 297 mm)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



HỌ VÀ TÊN
(Tác giả báo cáo thực tập)

TÊN BÁO CÁO THỰC TẬP

NGÀNH
(Ghi tên ngành/chuyên ngành)

Địa điểm thực tập:

Người hướng dẫn khoa học:
(Chức danh khoa học, học vị, họ tên)

Nghệ An, tháng/năm

CÁCH THỨC TRÌNH BÀY ĐỒ ÁN

I. VỀ BỐ CỤC

- Trang bìa đồ án:

Trang bìa.

Trang bìa phụ.

- Lời cảm ơn/cam đoan

- Mục lục

- Bảng ký hiệu các chữ viết tắt (nếu có)

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài (Nên theo hướng: Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài đồ án; nêu những vấn đề còn tồn tại, từ đó làm rõ lý do chọn đề tài, ý nghĩa khoa học, tính cấp thiết và tính khả thi của đề tài).

2. Mục đích nghiên cứu (các kết quả cần đạt được)

3. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

4. Giả thuyết khoa học (hoặc: những đóng góp mới của đề tài, nếu đề tài không thuộc chuyên ngành lý luận và phương pháp dạy học)

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

6. Phương pháp nghiên cứu

7. Các chương của đồ án

Các chương của đồ án trình bày các nội dung:

- Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu:

+ Tổng quan: Đánh giá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan trực tiếp đến tên của đề tài.

+ Hệ thống hóa lý luận vấn đề nghiên cứu: Chỉ trình bày những nội dung lý luận liên quan trực tiếp đến vấn đề của đề tài nghiên cứu.

- Cơ sở thực tiễn của vấn đề nghiên cứu (Thực trạng nghiên cứu vấn đề)

+ Bám sát khung lý luận đã triển khai.

+ Đảm bảo đánh giá thực trạng về định lượng và định tính.

+ Đánh giá những thuận lợi và khó khăn rút ra từ thực trạng và là cơ sở để đề xuất biện pháp.

- Biện pháp/ mô hình/ quy trình...

Trình bày rõ biện pháp/ mô hình/ quy trình... tối ưu nhất để thay đổi thực trạng tồn tại.

Kết luận và khuyến nghị

- Kết luận (Đề án chỉ ra những điều gì phải giải quyết tiếp).

- Khuyến nghị (cách áp dụng kết quả nghiên cứu, nguồn lực và điều kiện cần có)

Các chương đề án được trình bày dạng:

Chương 1.....

1.1. ...

1.2. ...

1.3. ...

Chương 2.....

2.1. ...

2.2. ...

2.3. ...

Chương 3.....

3.1. ...

3.2. ...

3.3. ...

- DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ (nếu có)

- **DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO (xem hướng dẫn trong phần trình bày)**

- PHỤ LỤC (nếu có)

II. VỀ TRÌNH BÀY

Đề án phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xóa, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị. Đề án đóng trang bìa ngoài (xem Mẫu 1), trang bìa phụ (xem Mẫu 2). Đề án được in trên một mặt giấy trắng khổ A4 (210 x 297mm), có số trang tối đa 60 trang đối với các ngành Khoa học tự nhiên, tối đa 80 trang đối với các ngành còn lại (không tính mục lục, tài liệu tham khảo và phụ lục);

1. Soạn thảo văn bản

Đồ án sử dụng phông chữ Time New Roman cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ; dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3 cm; lề dưới 3 cm; lề trái 3 cm; lề phải 2 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên mỗi trang giấy. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.

2. Tiêu mục

Các tiêu mục của đồ án được trình bày và đánh số thành nhóm số, nhiều nhất gồm bốn chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ 4.1.2.1 chỉ tiêu mục 1 nhóm tiêu mục 2 mục 1 chương 4). Tại mỗi nhóm tiêu mục phải có ít nhất hai tiêu mục, nghĩa là không thể có tiêu mục 2.1.1 mà không có tiêu mục 2.1.2 tiếp theo.

3. Bảng biểu, hình vẽ, phương trình

Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương (ví dụ hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong chương 3). Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ (ví dụ “Nguồn: Bộ Tài chính 1996”). Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục tài liệu tham khảo. Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình. Thông thường, những bảng ngắn và đồ thị nhỏ phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này ở lần thứ nhất. Các bảng dài có thể để ở những trang riêng nhưng cũng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng này ở lần đầu tiên.

Trong đồ án, các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ bằng mực đen để có thể sao chụp lại; có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề, cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản đồ án. Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó (ví dụ “... được nêu trong bảng 4.1” hoặc “(xem hình 3.2)” mà không được viết “... được nêu trong bảng dưới đây” hoặc “trong đồ thị của X và Y sau”.

Việc trình bày phương trình toán học trên một dòng đơn hoặc dòng kép là tùy ý, tuy nhiên phải thống nhất trong toàn đồ án. Khi ký hiệu xuất hiện lần đầu tiên thì phải giải thích và đơn vị tính phải đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Nếu cần thiết, danh mục của tất cả các ký hiệu, chữ viết tắt và nghĩa của chúng cần được liệt kê và để ở phần đầu của đồ án. Tất cả các phương trình cần được đánh số và để trong ngoặc đơn đặt bên phía lề phải. Nếu một nhóm phương trình mang cùng một số thì những số này cũng được để trong ngoặc, hoặc mỗi phương trình trong nhóm phương trình (5.1) có thể được đánh số là (5.1.1), (5.1.2), (5.1.3).

4. Viết tắt

Không lạm dụng việc viết tắt trong đồ án. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong đồ án. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong đồ án. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên các cơ quan, tổ chức... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu đồ án có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu đồ án.

5. Tài liệu tham khảo

5.1. Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật ...). Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật ... (đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ còn ít người biết có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu).

5.2. Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC họ tên tác giả đồ án theo thông lệ của từng nước hoặc từng ngành khoa học:

-Tác giả là người nước ngoài: xếp thứ tự ABC theo họ.

-Tác giả là người Việt Nam: xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ.

-Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ: Tổng cục Thống kê xếp vào vần T, Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào vần B, v.v...

5.3. Tài liệu tham khảo là sách, đồ án, báo cáo phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu ngăn cách)

- (năm xuất bản), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)

- Tên sách, đồ án hoặc báo cáo, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)

- Nhà xuất bản, (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản)

- Nơi xuất bản. (dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo)

5.4. Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách... phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên các tác giả (không có dấu ngăn cách)

- (năm công bố), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)

- “Tên bài báo”, (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)

- Tên tạp chí hoặc tên sách, (in nghiêng, dấu phẩy cuối tên)

- Tập (không có dấu ngăn cách)

- (số), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn)

- Các số trang (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc)

5.5. Số thứ tự của tài liệu tham khảo đánh trong móc [].

6. Cách trích dẫn tài liệu tham khảo

Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tính chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục Tài liệu tham khảo. Phải nêu rõ cả việc sử dụng những đề xuất hoặc kết quả của đồng tác giả.

Không trích dẫn những kiến thức phổ biến, mọi người đều biết. Việc trích dẫn, tham khảo chủ yếu nhằm thừa nhận nguồn của những ý tưởng có giá trị và giúp người đọc theo được mạch suy nghĩ của tác giả.

Tài liệu tham khảo trích dẫn trong đề án cần được trích dẫn theo số thứ tự của tài liệu tham khảo ở danh mục tài liệu tham khảo của đề án và số thứ tự đó được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ..... [4, tr.314-315]. Đối với phần trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ [19], [22].

7. Phụ lục của đề án

Phụ lục có tối đa 40 trang bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung đề án như số liệu, chương trình máy tính, mẫu biểu, hình vẽ, ... Nếu đề án sử dụng những câu trả lời cho một bản câu hỏi thì bản câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Các tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong bảng biểu cũng cần nêu trong Phụ lục của đề án. Phụ lục không được dày hơn phần chính của đề án.

8. Mục lục

Nên sắp xếp sao cho mục lục của đề án gọn trong một trang giấy. Ví dụ:

MỤC LỤC	Trang
Lời cảm ơn	
Mục lục	
Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
Danh mục các hình vẽ, đồ thị	
MỞ ĐẦU	
Chương 1 ...	
1.1	
1.2	
...	
Chương 2 ...	
2.1.	

2.2.

....

Chương 3

3.1.

3.2.

....

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC